

TRÍCH
THIÊN
TỬY



NGUYỄN TRÃI (1380-1442)
ANH HÙNG DÂN TỘC - DANH NHÂN VĂN HOÁ THẾ GIỚI

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	4
PHẦN I: THÔNG THẦN LUẬN	7
Chương 1: Thiên Đạo.....	7
Chương 2 : Địa Đạo	7
Chương 3 : Nhân Đạo	8
Chương 4: Tri Mệnh.....	9
Chương 5: Lý Khí	12
Chương 6: Phôi Hợp	14
Chương 7: Thiên Can	15
Chương 8. Địa Chi	23
Chương 9: Can chi tổng luận	31
Chương 10 - Hình tượng	42
Chương 11 - Phương cục	50
Chương 12 - Bát Cách.....	54
Chương 13 - Thê Dụng	58
Chương 14 - Tinh Thìn	60
Chương 15 - Nguyệt Lệnh	62
Chương 16 - Sinh Thời	64
Chương 17 - Suy Vượng	65
Chương 18 - Trung Hòa	72
Chương 19 - Nguyên Lưu	73
Chương 20 - Thông Quan	76
Chương 21 - Quan Sát.....	77
1 - Tài sinh nhược sát cách.....	79
2 - Sát dụng ấn cách	79
3 - Thực thần chế sát cách.....	80
4 - Hợp quan lưu sát cách (hợp bỏ mất quan, giữ lại sát)	81
5 - Quan sát hỗn tạp cách	83
6 - Chế sát quá mức cách	84
Chương 22 - Thương Quan	85

1 - Thương quan dụng ấn cách (thương quan bội ấn).....	86
2 - Thương quan dụng tài cách.....	87
3 - Thương quan dụng kiếp cách.....	88
4 - Thương quan dụng thương quan cách	89
5 - Thương quan dụng quan cách.....	90
6 - Giả thương quan cách	91
Chương 23 - Thanh Khí	92
Chương 24 - Trọc Khí	94
Chương 25 - Chân thần	95
Chương 26 - Giả thần.....	96
Chương 27 - Cương Nhu.....	98
Chương 28 - Thuận Nghịch	100
Chương 29 - Hàn Thử	101
Chương 30 - Táo Thấp	103
Chương 31 - Ẩn Hiện.....	104
Chương 32 - Chứng Quả	105
Chương 33 - Chấn Đoài	106
Chương 34 - Khảm Ly	108

<u>PHẦN II: LUÂN LỤC THÂN</u>	112
<u>Chương 1 - Phu Thê</u>	112
<u>Chương 2 - Con cái</u>	113
<u>Chương 3 - Phụ Mẫu</u>	116
<u>Chương 4 - Huynh Đê</u>	118
<u>Chương 5 - Hà Tri Chương</u>	119
<u>Chương 6 - Nữ Mệnh Chương</u>	131
<u>Chương 7 - Tiểu Nhi</u>	139
<u>Chương 8 - Tài Đức</u>	141
<u>Chương 9 - Phán Ưc</u>	143
<u>Chương 10 - Ân Oán</u>	144
<u>Chương 11 - Nhân Thân</u>	146
<u>Chương 12. Tòng Tương</u>	149
<u>Chương 13. Hóa Tương</u>	152
<u>Chương 14. Giả Tòng</u>	154
<u>Chương 15. Giả Hóa</u>	156
<u>Chương 16. Thuận Cục</u>	158
<u>Chương 17. Phản Cục</u>	160
<u>Chương 18. Chiến Cục</u>	165
<u>Chương 19. Hợp Cục</u>	167
<u>Chương 20 : Quân Tương</u>	169
<u>Chương 21. Thân Tương</u>	170
<u>Chương 22. Mẫu Tương</u>	171
<u>Chương 23. Tử Tương</u>	172
<u>Chương 24. Tính Tình</u>	173
<u>Chương 25. Bệnh Tật</u>	184
<u>Chương 26. Xuất Thân</u>	188
<u>Chương 27 - Địa Vi</u>	192
<u>Chương 28 - Tuế Vận</u>	196
<u>Chương 29 - Trình Nguyên</u>	200

Lời giới thiệu

“Trích thiên tửy” là cuốn sách kinh điển về lý luận của Tử Bình Tứ Trụ. Ở Trung Quốc những người học Tứ Trụ đều coi đây là cuốn sách nền tảng làm kim chỉ nam cho việc học tập và luận giải. Tương truyền do Lưu Bá Ôn thời nhà Minh biên soạn, sau được Nhậm Thiết Tiêu thời nhà Thanh bình chú.

Xin chân thành cảm ơn phần dịch của nhiều tác giả và tinh thần chia sẻ quý như Bồ Tát của các thành viên như [vnn1269](#), [boigiaisau](#), [hung804](#), [lesoi...](#) đã đăng tải công khai trên trang [tuvilyso.org](#), [tubinhdieudung.net](#) và [huyenkhongglyso.com](#).

BÀI CA CÔN SƠN

Nguyễn Trãi

*“Côn Sơn suối chảy rì rầm,
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.
Côn Sơn có đá rêu phơi,
Ta ngồi trên đá như ngồi đệm êm.
Trong ghềnh thông mọc như nêm,
Tìm nơi bóng mát ta lên ta nằm.
Trong rừng có bóng trúc râm,
Dưới màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn.
Về đi sao chẳng sớm toan,
Nửa đời vương bụi trần hoàn làm chi?
Muôn chung chín vạc làm gì,
Cơm rau nước lã nên tùy phận thôi.
Đông, Nguyên để tiếng trên đời,
Hò tiêu ẩm ắp, vàng mười chứa chan.
Lại kia trên núi Thú San,
Di, Tề nhìn đối chẳng màng thóc Chu.
Hai đàng khó sánh hiền ngu,
Đều làm cho thỏa được như ý mình.
Trăm năm trong cuộc nhân sinh,
Người như cây cỏ thân hình nát tan.
Hết ưu lạc đến bi hoan,
Tốt tươi khô héo, tuần hoàn đổi thay.*

TRÍCH THIÊN TỬY

*Núi gò đài các đó đây,
Chết rồi ai biết đâu ngày nhục vinh.
Sào, Do bằng có tái sinh,
Hãy nghe khúc hát bên ghềnh Côn Sơn”.*

PHẦN I: THÔNG THẦN LUẬN

Chương 1: Thiên Đạo

Dục thức tam nguyên vạn pháp tông, tiên quan đế tái dữ thần công

Nguyên chú: Trời có âm dương ; cho nên mùa xuân mộc, mùa hạ hỏa, mùa thu kim, mùa đông thủy, tứ quý thổ vậy; tùy theo thời lệnh mà hiển hiện sinh sát; trong mệnh có trời đất người tức lý tam nguyên, mọi thứ căn bản đều như thế cả.

Nhâm thị viết: Can là thiên nguyên, chi là địa nguyên, trong chi tàng chứa nhân nguyên. Con người thụ mệnh, các khí không đồng đều, chung quý không vượt khỏi cái lý tam nguyên, nó chính là phương pháp tông vậy. Âm dương vốn là thái cực, mệnh danh vua nâng đỡ, ngũ hành đi khắp bốn mùa, là thần sinh sát, thống quản hệ tam tài, vạn vật bắt nguồn từ đó. “Trích thiên tửy” chương thiên đạo tỏ rõ như thế.

Lời người dịch:

Lời nói của người xưa thường ngắn gọn, súc tích đôi khi khó hiểu. Chương thiên đạo này, cổ nhân muốn bàn đến cái nguồn gốc âm dương mà Kinh Dịch đã nói đến. Hai khí âm dương này cọ xát nhau mà có bốn mùa, mùa xuân mộc, mùa hạ hỏa, mùa thu kim, mùa đông thủy và bốn tháng cuối của bốn mùa là thổ khí (tháng 3, 6, 9, 12). Năm cái khí này tỷ lệnh bốn mùa, thuận thì sinh nghịch thì sát.

Con người bẩm thụ cái thiên khí âm dương, ngũ hành mà thành hình tượng. Tuy thụ mệnh không đồng như nhau, nhưng tựu trung lại thì không vượt ra khỏi lý tam nguyên thiên địa nhân vậy. Mệnh bẩm thụ khác nhau thì cát hung cũng không giống nhau, thế gian có vạn vật tất có vạn sự.

Thế cho nên người học đoán mệnh cái cần yếu nhất là hiểu được cái cơ động tịnh của âm dương, cái sinh vượng của ngũ hành trong tứ trụ có trong thiên can và địa chi được mệnh danh là tam tài thiên địa nhân. Cứ theo cái lẽ ấy mà luận đoán cát hung, đó là phương pháp chính tông vậy. Vì vậy mà cổ nhân mới khuyên chúng ta: muốn biết được lý tam nguyên thì trước phải xem sự động tịnh của âm dương sau đó mới xét đến cái lý của ngũ hành (Dục thức tam nguyên vạn pháp tông, tiên quan đế tái dữ thần công) là như thế đó.

Chương 2 : Địa Đạo

Khôn nguyên hợp đức cơ giam thông, ngũ khí thiên toàn định cát hung

Nguyên chú: Đất có cương nhu, mà ngũ hành sinh ở đông nam tây bắc và trung ương, trời đất giao cảm nhau mà sinh ra cái khí diệu dụng. Con người do bẩm thụ cái thiên khí không đồng đều nhau , cũng vì vậy mà cát hung theo đó cũng khác nhau như thế.

Nhâm thị viết: “cao lớn thay đức của kiên, vạn vật từ đó”, “cao lớn thay đức của khôn, vạn vật được sinh”, kiên chủ cương cứng, khôn chủ chủ nhu thuận. Cương nhu theo nhau, mạnh yếu trợ nhau; đắp đổi nhau, qua lại đóng mở. Chỉ do cái khí ngũ hành thiên lệch, mà cát hung của mệnh nhân đó mới phát sinh vậy.

Lời người dịch:

Âm dương cộ sát nhau mà sinh ra tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái. Đứng đầu quẻ dương là kiện, đứng đầu quẻ âm là khôn. Kiện chủ cương kiện là cái tượng ban đầu của sự vật, nên thánh nhân mới bảo “đại tai kiện nguyên”. Khôn chủ nhu thuận là cái hình của sự vật, nên thánh nhân mới bảo “chí tai khôn nguyên”.

Hai khí kiện khôn này một cái cương một cái nhu cùng theo nhau, tương trợ nhau, cùng giao cảm nhau mà sinh ra sáu quẻ chấn tốn lý khảm坎坎 đoài. Vạn vật cũng từ đó mà tương sinh tương diệt. Thông cũng tượng cho quẻ Thái là thời mà âm dương tương giao tý sinh vạn vật. Giâm cũng tượng cho quẻ Bĩ là thời mà hai khí âm dương bất tương giao vạn vật tất tương diệt.

Nhân sinh bảm thụ mệnh, khí ngũ hành thiên lệch bất toàn mà họa phúc, cát hung cũng từ đó mà sinh ra. Vì thế cho nên, thánh nhân khuyên người học đoán mệnh cần hết sức quan tâm sự thông thuận của hai khí âm dương, sự lệch lạc của ngũ hành mà quyết định cát hay hung, thành hay bại, thọ yếu cùng thông (Khôn nguyên hợp đức cơ giâm thông, ngũ khí thiên toàn định cát hung) ý là như vậy đó.

Chương 3 : Nhân Đạo

Đời thiên phúc địa nhân vi quý, thuận tắc cát hễ hung tắc

Nguyên chú:*Vạn vật sinh ra trong trời đất không có giống nào mà chẳng thụ cái khí ngũ hành, duy chỉ con người thụ được cái khí ngũ hành toàn mà quý vậy. Nhưng cát hung chẳng đồng nhau là do ngũ hành đi thuận hay nghịch đó vậy.*

Nhâm thị viết:*Con người sống giữa trời đất, đầu tiếp giáp trời chân tiếp giáp đất, bát tự cần nhất là thiên can và địa chi thông thuận chớ nên nghịch thường. Thuận thì được tương sinh, nghịch thì bị khắc hại, thế cho nên cát hung cũng từ đó mà phân rẽ vậy.*

Như thiên can khí nhược, được địa chi sinh, địa chi khí suy, được thiên can trợ chi, tức can chi thông thuận tất cát; giả như thiên can suy nhược mà còn bị địa chi ức chế, địa chi khí nhược mà còn bị thiên can khắc chế, tức can chi nghịch thường hung nguy vậy.

Thí như thiên can mộc rất sợ hành kim khắc thiên can mộc, địa chi có tý hợi hóa kim sinh can; nếu địa chi không có tý hợi, mà thiên can có nhâm quý có thể hóa kim sinh mộc; còn như thiên can không có nhâm quý mà địa chi có dần mão mộc, tức thiên can thông gốc (thông căn); bằng như địa chi không có dần mão mộc, thiên can có bính đinh hỏa khắc chế kim, thiên can mộc có sinh cơ, sự cát có thể biết được.

Nhược bằng thiên can không có nhâm quý, mà trái lại trên can còn hiển lộ can mậu kỷ; còn địa chi không có hợi tý dần mão, mà trái lại còn thấy xuất hiện thìn tuất sừu mùi thân dậu, thổ kim trùng trùng sinh trợ kim, thiên can mộc bị khắc vô sinh trợ, hung nguy có thể biết được vậy. Dư lại các loại cứ thế mà suy.

Đại phàm vạn vật không vật nào mà chẳng mang thuộc tính ngũ hành, trên tiếp giáp với trời dưới tiếp giáp với đất, như loài chim bay trên trời cá bơi dưới nước, cỏ cây muôn

thú chạy trên bờ đều mang thuộc tính ngũ hành khí chuyên sinh của nó, như loài mang bộ lông vũ thuộc hỏa, loài cỏ cây thuộc mộc, loài cá bơi lội dưới nước thuộc kim, duy con người thụ đắc khí thuộc thổ, cư trung ương gồm nắm cả kim mộc thủy hỏa, kim mộc thủy hỏa thành từ thổ, vì vậy tuy ngũ hành nhất khí nhưng rất tôn quý. Thế cho nên bát tự tối cần tứ trụ lưu thông, ngũ hành sinh hóa hữu tình, đại kỵ tứ trụ khuyết hãm, ngũ hành thiên khô. Ngụy thư vọng ngôn cho rằng tứ trụ tứ mậu ngộ là mệnh thánh đế, tứ quý hội là mệnh của hầu bá, nghiên cứu cận lý mới biết hậu nhân ngoa truyền.

Ta trong quá trình hành đạo, đã xem qua những tứ trụ có tứ mậu ngộ, tứ đình mùi, tứ quý hội, tứ át dậu, tứ tân mao, tứ canh thìn, tứ giáp tuất và nhiều hơn thế nữa, đều luận mệnh theo lẽ thiên khô, chẳng cái nào mà không ứng nghiệm.

Thí như Càn tạo mệnh tứ trụ tứ nhâm dần, địa chi dần tàng chứa hỏa thổ trường sinh, thực thần lộc vượng, trên có nhâm thủy sinh cho, mặc dù thế tài tứ tôn ngộ lộc, nhưng chẳng toàn mỹ, nguyên nhân là do hỏa thổ trong dần không có chi dẫn xuất, cho nên tuổi thơ cô khổ, trung vận cơ hàn, mãi quá 30 tuổi, hạn hành phương nam dẫn xuất hỏa trong dần, kinh doanh phát tài, tuổi già không con, gia nghiệp bị phân chia tranh đoạt, có thể biết được như vậy nhờ luận theo cách cục thiên khô. Do vậy nghiệm ra rằng, mệnh cục quý trung hòa, thiên khô chung quý có tổn hại; mệnh cục cần ngũ hành cân bằng đầy đủ, mệnh cục kỵ dị bất túc lấy chi nương tựa vậy.

Lời người dịch:

Trời đất có âm dương ngũ hành, nhị khí giao cảm nhau mà sinh ra vạn vật. Thế cho nên, dưới thế gian không có giống loài nào mà không thụ đắc cái khí âm dương ngũ hành của trời đất.

Con người là động vật chí linh, do bẩm thụ khí âm dương ngũ hành toàn vẹn. Nhưng do sự thụ khí bất đồng và sự lưu hành của khí âm dương ngũ hành thuận nghịch mà cát hung họa phúc không đồng nhau vậy.

Âm dương ngũ hành trong bản mệnh chính là can chi, cần nhất là trung hòa, bất túc, khiếm khuyết dù có phú quý chẳng nữa cũng bất toàn. Thế cho nên, thánh nhân khảo mệnh cần sự trung hòa đầy đủ theo thường lý, chớ nên kỳ dị khác lạ nghịch thường chung cuộc hung hại (Đời thiên phúc địa nhân vi quý, thuận tắc cát hễ hung tắc bại).

Chương 4: Tri Mệnh

Yếu dữ nhân gian khai lung hội, thuận nghịch chi cơ tu lý hội

Nguyên chú: bất tri mệnh giả như lung hội, tri mệnh vu thuận nghịch chi cơ năng lý hội chi, thứ khả dĩ khai thiên hạ chi lung hội.

Nguyên chú:?

Nhâm thị viết: Câu nói trên thật chí lý, chỉ sợ người học mệnh sau này chẳng nghiên cứu tường tận cái cơ thuận nghịch. Vội vàng đàm luận nhân mệnh, làm mê hoặc không ít, xem tạp cách hay cục lạ, hết thấy thần sát đem ra dùng một cách rất hoang đường, đào hoa hàm trì chuyên luận nữ mệnh tà dâm, cầu thọ quý thần, kim xà thiết tảo

sai lầm tiểu nhi quan sát, làm rối lòng cha mẹ; chẳng cần biết nhật chủ cường nhược đều cho ẩn thực là phúc, kiêu kiếp là tai ương, mà không biết rằng tài quan ngang nhau, lấy lục thần ngang nhau, lại cho rằng nguồn tài có thể dưỡng mệnh, quan có thể vinh thân thật là ngu muội quá thay!

Ví như nguồn tài có thể dưỡng mệnh mà tài nhiều thân nhược chẳng là nhà giàu có mà bản tiện đó sao, quan có thể vinh thân mà thân suy quan vượng chỉ là quý hiển mà chết yếu, đề tiện đó. Ta từng khảo xét cổ thư, phương phương pháp tử bình, họa phúc cát hung thọ yếu toàn tại tứ trụ ngũ hành. Xem xét sự suy vượng, nghiên cứu sự thuận nghịch, xét đoán sự tiến thoái mà luận hi kỵ, ấy thế mà lĩnh hội được. đến như cách hay cục lạ, lấy đó làm chính lý tất sai lầm lớn, ngoa dĩ truyền ngoa, nhân đó làm lý cho sự cát hung, thật là hóm muội khó sáng vậy. thư vân: "dụng thần tài tinh không nên gặp kiếp tài, dụng thần quan tinh không nên gặp thương quan, dụng thần ấn tinh không nên gặp tài, dụng thần thương thực không nên gặp kiêu", bốn câu trên thật chí lý, cốt yếu ở một chữ "dụng". Người học mệnh không hiểu biết, không nghiên cứu căn nguyên cho tường tận, chuyên lấy tài quan làm trọng, mà không biết rằng: "chẳng dụng tài tinh có thể dụng kiếp, chẳng dụng quan tinh có thể dụng thương quan, chẳng dụng ấn tinh có thể dụng tài, chẳng dụng thương thực có thể dụng kiêu". Cái cơ thuận nghịch không lĩnh hội được, mông muội đến thế làm sao có thể luận cát hung, biện hiền ngu, làm mê hoặc kẻ hậu học như thế thật quá lắm vậy!

1- Càn tạo mệnh:

Tân mao đinh dậu canh ngọ bính tý

Đại vận: bính thân át mùi quý tỵ nhâm thìn canh dần kỷ sừ mậu tý đinh hợi

Thiên can canh tân bính đinh, chính phối hỏa luyện thu kim; địa chi tý ngọ mao dậu, cư ở bốn cung khám ly chấn đoài. Cả bốn chi đều ở tứ chính, khí quán tám phương, nhưng ngũ hành thiếu thổ, tuy sinh vào mùa thu đương lệnh, chẳng luận vượng. rất cần tý ngọ gặp xung, thủy khắc hỏa, khiến cho ngọ hỏa chẳng khắc phá dậu kim, mà sinh phù nhật chủ; đổi lại mao dậu gặp xung, kim khắc mộc, tắc mao mộc không thể sinh trợ ngọ hỏa, chế phục đắc cách, sinh hóa hữu tình. Mao dậu tức chấn đoài chủ nhân nghĩa hơn người; tý ngọ tức khám ly, là khí đứng đầu trong trời đất. Với lại khám ly đắc nhật nguyệt chi chính thể, vô tiêu vô diệt, một tươi nhuận một ấm áp, tọa tại đoan môn, thủy hỏa ký tế. Cho nên tám phương qui phục, bốn biển cùng về, thiên hạ thái bình thịnh thế vậy (Thanh cao tông-Càn Long. Trích trong ái tân giác la mệnh phổ).

2 - Đông trung đường tạo mệnh:

Canh thân canh thìn mậu thìn mậu ngọ

Đại vận: tân tỵ mậu ngọ quý mùi giáp thân át dậu bính tuất đinh hợi mậu tỵ

Nhật can mậu thổ, sinh vào tiết quý xuân vào giờ ngọ, tựa như vượng tướng, tháng mùa xuân thổ hư khí, không như thổ tháng 6, 9 là thực thổ. Và lại hai chi thìn thập thổ mộ khổ của thủy, có thể tiết khí hỏa sinh kim, can thấu lưỡng canh, chi hội thân thìn, nhật chủ bị tiết chế quá độ, nên chọn dụng thần là đinh hỏa tàng trong chi ngọ sinh phù. Rất

cần không thấy thủy mộc, nhật chủ ấn thụ không bị thương, tinh thần sung túc, thuần túy trung hòa. Một đời chẳng gặp hoạn nạn, hơn ba mươi năm hưởng thái bình sự nghiệp, mãi đến vận mậu tý hội thân tý thìn thủy cục vượng thất lộc, hưởng thọ 80 tuổi vậy.

3 - Càn tạo mệnh:

Tân dậu tân Sửu kỷ dậu bính dần

Đại vận: nhâm dần quý mao giáp thìn át tỵ bính ngọ đinh mùi mậu thân kỷ dậu

Giống như cách tạo mệnh trên tuy có khác nhau về tiểu tiết nhưng đại loại thì cũng như thế, nhật can kỷ thổ, tỵ sinh vào tháng Sửu thổ vượng, nhưng thổ mùa đông hàn thấp, sao băng thổ tháng 6, 9 ôn táo. Với lại, nguyệt lệnh Sửu hàm chứa kim thủy, can thâu hai tân, chi bán hội Sửu dậu kim cục, nhật can bị tiết chế quá độ, dụng thần tất chọn bính hỏa. Rất may thời trụ dần mộc, hàn cực sinh dương, bính hỏa hữu căn. Tướng người nhân đức, tuấn tú, hành vận nhâm quý thủy thi hương trắc trở, sang vận tỵ ngọ mùi hỏa địa, tiền trình tốt đẹp không thể nói hết (Tân Tăng).

4 - Càn tạo mệnh:

Nhâm thìn nhâm dần giáp dần canh ngọ

Đại vận: quý mao giáp thìn át tỵ bính ngọ đinh vị mậu thân kỷ dậu canh tuất

Họ vương tạo mệnh, luận theo lẽ thường cho rằng thân cường sát thiên, lấy canh kim thất sát làm dụng thần, mùa xuân mộc vượng gặp kim, tất là khí lương đóng, cố gắng độc thư tất sau nên danh; mãi quá ba mươi không thấy ứng nghiệm, già nghiệp tiêu hết dần, nên nhờ ta suy đoán. Ta thấy rằng chi tọa lưỡng dần, nguyệt lệnh đương quyền, can thâu hai nhâm, sinh trợ vượng thần, chi năm thìn thổ là thủy khó, chứa thủy dưỡng mộc, không thể sinh kim, một canh kim vừa hưu tù vô khí, vừa bị ngọ hỏa chế khắc, nhâm thủy tiết khí, không chỉ vô dụng mà còn tr ở lại sinh thủy. Đại phạm vượng cực, nên tiết khí không nên bị khắc, nên thuận theo thế thịnh, chẳng nên nghịch thế. Lấy ngọ hỏa làm dụng thần, tương lai vận hành hỏa địa, tuy chẳng hiển quý, nhất định giàu có, bằng như chờ đợi vận hội, tất có ngày như thỏa nguyện. Rồi bỏ nho học chuyển sang kinh doanh, tới vận bính ngọ, khắc mất canh kim, không quá mười năm, phát tài hơn mười vạn, cho nên canh kim là khắc thần vậy.

5 - Càn tạo mệnh:

Quý dậu giáp tý quý hội tân dậu

Đại vận: quý hội nhâm tuất tân dậu canh thân kỷ mùi mậu ngọ đinh tỵ bính thìn

Một người ở phúc kiến không tính danh, mùa đông năm canh ngọ, ta suy luận, đại loại lấy kim thủy làm dụng thần, chẳng nên lấy hỏa thổ làm dụng. người ấy nói: kim thủy vượng cực, có gì lấy kim thủy làm dụng thần? Hay sách mệnh có thiếu sót gì chăng? Sách xưa thường viết: "vượng nên tiết nên thương", kim vượng đầy tức cục kim thủy, trái lại lấy kim thủy làm dụng thần, tức mệnh thư không có khiếm khuyết hay sao? Ta nói: sách xưa không sai. Bởi do người học mệnh không thể hiểu hết cái ngũ hành ảo diệu trong mệnh cục. Thử tạo thủy vượng gặp kim, tất thành thế thủy thịnh, khô mộc bị trôi

dạt, không tiết được thủy sinh mộc thủy vượng không nơi phát tiết tất thành thủy lưu, phân thành họa thủy, chẳng là điềm xấu hay sao. Sơ vận quý hội, quý thủy sinh trợ dụng thần thủy vượng, sinh trợ có thừa; bước sang đại vận nhâm tuất thủy bất thông căn, khí thể nghịch hành, thủy bị hình phạt hao tán; tân dậu canh thân, đình tài lương vượng; kỷ mùi mậu ngọ nghịch khắc dụng thần, sự nghiệp trôi theo dòng nước chảy, hình thể khắc tử, cô khổ bản hàn. Ví như “ nước sông Côn Lôn, thuận chảy xuôi dòng, không nên nghịch dòng mà gây họa”. Thế cho nên, cái cơ thuận nghịch không nên không biết tường tận vậy.

6 - Càn tạo mệnh:

Quý dậu quý hội quý hội tân dậu

Đại vận: nhâm tuất tân dậu canh thân kỷ mùi mậu ngọ đinh tỵ bính thìn ất mão

Theo “trích thiên thủy” chép cách tạo mệnh trên như quý dậu/giáp tỵ/quý hội/tân dậu, căn cứ vào sự suy tính, tựa hồ sau ngày giáp tỵ mới là ngày giao tiết, những chi tiết nhỏ ấy nên suy ứng tựu chung ngày quý hội, bất tự như trên. Ta so sánh, cả hai cách tạo mệnh trên đại khái thủy cục đều vượng, cách cục tương đồng, đại vận sai lệch không quá mười ngày, nhân đó mà sách luận mệnh luận đoán chính xác. Với lại, họ nhâm thiết tiêu sở đắc học mệnh, chẳng lẽ không biết được những điều ấy sao, về phương diện văn tự mà thấy được, mệnh chủ vốn người thông hiểu mệnh lý, đại khái bất tự thuộc loại hình dự báo tự nhiên, chẳng cần phải dụng tâm nhiều mới thấu hiểu được. Cách hành văn cao siêu, ư tứ sâu xa vượt thời đại, chẳng kiềm hãm cái tâm sáng thần minh, làm nghiêng ngửa lòng người vậy.

Lời người dịch:

Âm dương thuận nghịch luân chuyển không ngừng, thuận tiến tức khí vượng, nghịch thoái tức khí suy. Ví như hỏa mùa hạ sinh vượng khí tức hành khí thuận tiến, cũng là khí tử tuyệt nghịch thoái của mùa đông vậy. Thế cho nên người học mệnh cần nên lĩnh hội được cái cơ ảo diệu thuận nghịch tiến thoái của âm dương ngũ hành. Thế cho nên thánh nhân mới bảo “thuận nghịch chi cơ tu lý hội” vậy.

Chương 5: Lý Khí

Lý thừa hành khởi hữu thường, tiến hê thoái hê nghị ức dương

Nguyên chú: Cái khí đóng mở qua lại, lưu hành trong khoảng trời đất. Cái khí đó khi ban đầu thì nó tiến, tiến mãi cùng cực thì nó thoái, như giáp mộc vào tháng 3; một khi cái khí này tiến đến cực thịnh thì nó thoái, như giáp mộc sinh vào tháng 9 vậy. Người học mệnh nên bình lặng mà xét nông sâu, ấy có thể là ngôn mệnh vậy.

Nhâm thị viết: Cái cơ tiến thoái, không thể không biết. Trường sinh thì sinh vượng tử tuyệt thì suy, cần nên biện rõ cái lý tiến thoái, sau đến xem xét cái chân suy vượng vậy. Đại phàm ngũ hành vượng tướng hưu tù, dựa theo tứ quý mà định. Tương lai giả tiến, tức vượng tướng; tiến mà đương lệnh nắm quyền tức vượng cực; sau khi khí vượng cực tức hưu; thoái mãi vô khí tức tù. Cho nên, cần biện rõ hưu tù vượng tướng, biết được cái

cơ tiến thoái vậy. Là nhật chủ, là dụng thần tối cần vượng tướng, chẳng nên hưu tù vô khí; là hung sát, là kỵ thần chẳng nên vượng tướng, mà nên hưu tù tử tuyệt. Như cái khí ban đầu hành vượng, khí vượng vật tất thịnh, vượng thịnh khí chậm thoái, Tướng là phương hướng khí trường sinh, hành khí cấp mạnh mẽ vô cùng tận. Hưu quá tức tù khí, khí tù là cái khí đã cực vượng, nên khí sinh chậm; cư nơi phương vị thoái khí, đang tiềm ẩn chưa hiển lộ. Vì vậy luận khí tiến thoái là phương pháp luận chính mà học giả cần phải chú tâm vậy.

7 - Viên cử lượng tạo mệnh:

Đinh hợp canh tuất giáp thìn nhâm thân

Đại vận: kỷ dậu mậu thân đinh mùi bính ngọ ất tỵ giáp thìn quý mão nhâm dần

Giáp mộc cực hưu tù, canh kim lộc vượng chắc can giáp mộc, can năm đinh hỏa khả dĩ chế sát hộ thân, tối hiềm thìn tuất hai chi tài sinh sát khắc thân, mệnh cực tựa chùng như sát trọng thân khinh, người thường không biết rằng giáp mộc sinh tháng 3 khí đang tiến, nhâm thủy cùng với thân kim tương sinh nhật chủ, bất thương đinh hỏa. Đinh hỏa tuy nhược nhưng thông căn tuất thổ, thìn thuộc thấp thổ, mộc thuộc dư khí. Thiên can nhật chủ nhất sinh nhất chế, địa chi gặp trường sinh, tứ trụ sinh hóa hữu tình, ngũ hành bất tranh bất kị. Hạn hành đinh hỏa vận khoa giáp liên đăng, dụng thần hỏa chế sát quá tỏ rõ.

8 - Ất hợp canh thìn giáp tuất nhâm thân

Đại vận: kỷ mão mậu dần đinh sửu bính tỵ ất hợi giáp tuất quý dậu nhâm thân

Cũng như cách tạo mệnh trên có khác đôi chút nhưng không lớn. Người thường luận "giáp là anh trai của ất, ất lấy canh làm chồng, biến hung thành cát", tham hợp quên xung, tức canh kim làm cách cục tốt đẹp, văn chương quý hiển, có sao mệnh gặp cơ hàn? Do không biết rằng ất canh hợp hóa kim trở lại phù trợ khắc thân. Trên nhật chủ giáp thìn (tức mệnh của họ Viên trên-ND), thìn thuộc thấp thổ có thể sinh mộc, còn mệnh này nhật chủ giáp tuất, tuất thuộc táo thổ không thể sinh giáp mộc; trên thân thìn cùng hóa, còn tạo mệnh dưới thân tuất bán hội kim cục sinh sát khắc thân. Trên giáp mộc đang tiến khí, tức canh kim thoái khí, còn dưới canh kim tiến khí, giáp mộc thoái khí. Chọn lấy hai cách tạo mệnh trên, cách cục tự nhiên, cái cơ tiến thoái, không thể không biết vậy.

Lời người dịch:

Ở chương tri mệnh này, thánh nhân muốn nói đến cái dụng của tạo mệnh. Con người sống giữa trời đất, không hiểu mệnh như người lạc lối không phương hướng, hiểu biết và vận dụng được nó không những có thể giúp cho mình sang suốt không lâm lạc mà còn giúp cho mọi người hay cho cả thiên hạ thoát khỏi mông muội vậy. Đồng thời người cũng nhấn mạnh đến cái lý tiến thoái của âm dương ngũ hành, tiến tức sinh vượng, thoái tức hưu tù. Thế cho nên, "Lý thừa hành khởi hữu thường, tiến hệ thoái hệ nghi ức dương" vậy.

Chương 6: Phối Hợp

Phối hợp chi cơ tử tế tường, đình nhân phúc họa dữ tai tường

Nguyên chú : Thiên can địa chi tương phối tương hợp, người học mệnh cần phải tế tâm suy tường cái cơ tiến thoái, mà có thể đoán định được họa phúc tai ương vậy.

Nhâm thị viết: Chương này cốt làm sáng tỏ những sai lầm nguy tạo. Phối hợp can chi, cần sưu tầm nghiêm suy chính lý, cùng vượng suy hỉ kị của ngũ hành, không thể không luận can chi tứ trụ, chuyên lấy kỳ cách dị cục, thần sát các loại mà vọng đàm, mới biết họa phúc lấy chi làm bằng cớ, cát hung không nghiêm. cái lý của mệnh, tồn động ở dụng thần, chẳng nên phân biệt câu nệ tài, quan, ấn thụ, kiều kiếp, thương thực, mà điều có thể làm dụng thần, cho rằng đẹp thì tốt cát lợi, ác tức xấu, tăng đạo. Nên cần nhất xem xét nhật chủ cường vượng, dụng thần hỉ kị, cần đề nén, ức chế thì đề nén ức chế, cần sinh phù thì sinh phù, do cái sự phối hợp qua lại mà xác định nên bỏ hay nên lấy, từ đó biết được vận đồ bi thái, họa phúc tai ương, chẳng không ứng nghiệm vậy.

9 - Càn tạo mệnh:

Giáp tý mậu thìn canh thân nhâm ngọ

Đại vận: kỷ tỵ canh ngọ tân mùi nhâm thân quý dậu giáp tuất át hợi bính tỵ

Luận theo thói thường, thiên can thấu tam kỳ thì cát, địa chi quý nhân cũng hợp là vinh, và lại, thân tý thìn tam hợp hội cục không gặp xung, quan tinh đắc dụng, chủ danh lợi song toàn. Tuy nhiên canh kim sinh vào trọng xuân, thủy vốn hưu tù, nguyên có thể lấy quan tinh làm dụng thần, hiềm vì chi hội thủy cục, tất khảm thủy khí thể cường vượng, tức ly hỏa khí thể suy nhược, quan tinh thụ thương, không thể dùng làm dụng thần được. muốn lấy nhâm thủy vượng cực đối địch khắc thân, chỉ hiềm canh kim đắc tam kỳ thấu mậu, kiều vượng đoạt thực, cũng không thể lấy làm dụng thần. giáp mộc tài tinh vốn có thể phù trợ dụng thần, làm thông thổ bảo vệ thủy, tiết thương sinh quan, tứ trụ dường như hữu tình, mà không biết rằng giáp mộc thoát khí, mậu thổ đương quyền, không thể thông thổ. Lấy giáp mộc làm dụng thần, cũng là giả dụng thần, chẳng qua cũng chỉ là người bình thường mà thôi. Huống chi đại vận hành phương tây nam, giáp mộc ở đất hưu tù, tuy được của cải tổ nghiệp truyền lại, cũng bằng không, còn hình thế khắc tử, cô khổ bản hàn. Lấy cách tam kỳ cũng quý nhân luận mệnh, chẳng xem dụng thần sinh vượng, thật hư nguy quá lắm.

10 - Càn tạo mệnh:

Bính tỵ kỷ hợi át Sửu nhâm ngọ

Đại vận: canh tỵ tân Sửu nhâm dần quý Mão giáp Thìn át Tý bính Ngọ Đinh Mùi

Thiên can nhâm thủy khắc bính hỏa, địa chi tý thủy xung khắc ngọ hỏa, hàn mộc hỉ dương, chính ngọ hỏa thủy thể vượng thịnh, tất hỏa khí bị khắc tuyệt, tựa hồ danh lợi không thành. Ta suy nghĩ, ba thủy hai thổ hai hỏa, thủy thể tuy vượng, không có nguồn; hỏa vốn hưu tù cần thổ bảo vệ che chở, nhân đó mà được cứu; huống chi thiên can nhâm thủy sinh át mộc, bính hỏa sinh kỷ thổ, đều lập nên môn hộ, tương sinh hữu tình, không có

cái ý tương tranh tương khắc. Địa chi tuy cư bắc phương, nhưng hỉ kỳ thổ nguyên thần thấu xuất, thông căn lộc vượng, hổ tương che chở giúp đỡ, cần nên ngăn thủy bảo vệ hỏa, chính là có bệnh mà được cứu vậy. Với lại khí nhất dương vạn vật bắt đầu sinh sôi, mộc hỏa tiến khí, do đó thương quan dụng thần tử khí. Trung niên vận tẩu đông nam, dụng thần sinh vượng, tuổi trung niên thi đậu. Giao vận dần, hỏa sinh mộc vượng, đăng khoa giáp bản, nhập cung vua, thanh vân đắc lộ vận trình tiến tới. Từ hai cách tạo mệnh trên cho thấy, phối hợp can chi có lý, có thể xem xét qua loa được ư?

Chương 7: Thiên Can

Ngũ dương giai dương bính vì tối, ngũ âm giai âm quý vì chí

Nguyên chú: Giáp, bính, mậu, canh, nhâm thuộc dương, duy chỉ bính hỏa mang khí thuần dương, dương trong dương; ất, đinh, kỷ, tân, quý thuộc âm, duy chỉ quý thủy mang khí thuần âm, âm trong âm.

Nhâm thị viết: Bính thuộc hỏa khí thuần dương, vạn vật không thứ nào mà chẳng do nó mà phát triển, thu liễm; quý thuộc thủy khí thuần âm, vạn vật không thứ nào mà chẳng do nó mà sinh ra, tươi tốt. Dương cực thì âm sinh, do vậy bính tân hợp hóa thủy; âm cực thì dương sinh, do vậy mậu quý hợp hóa hỏa. Âm dương tương giao, vạn vật khéo sinh sôi vậy. Đến như khí của mười can, theo tiên thiên mà nói thì khí đó đồng nhất khí (tức là do âm dương nhị khí sinh ra vậy-ND), theo hậu thiên mà luận thì khí đó cũng do hai khí tương hợp nhau mà thành. Giáp ất thuộc mộc, bính đinh thuộc hỏa, mậu kỷ thuộc thổ, canh tân thuộc kim, nhâm quý thuộc thủy cũng do phân biệt thể dụng mà ra, nhưng cũng không ngoài cái khí âm nhu thuận, cái dương khí cương kiện đó. Các mệnh gia nông cạn, làm ra các bài phú tạo mệnh, với cách nghĩ sai lệch, cho rằng giáp mộc làm lương đóng, ất mộc làm hoa quả; bính hỏa thuộc thái dương, đinh hỏa thuộc đèn đuốc; mậu thổ làm thành quách, kỷ thổ tức điền viên; canh kim thuộc sắt cứng, tân kim thuộc châu ngọc; nhâm thủy thuộc sông ngòi, quý thủy thuộc mưa móc. Luận theo đó đã lâu, bền chắc không thể phá được. Ví như giáp dương mộc không gốc rễ gọi là tử mộc, ất âm mộc có gốc rễ gọi là hoạt mộc, cũng đồng một thứ mộc mà phân ra sinh tử, chẳng là dương mộc chỉ thụ khí tử tuyệt, còn âm mộc chỉ độc thụ khí sinh vượng hay sao? Luận đoán thiên can các loại thiếu sót, bất nhất, xa rời thực tế như thế, làm sai lầm cho người sau vậy.

Ngũ dương tòng khí bất tòng thể, ngũ âm tòng thể vô tình nghĩa

Nguyên chú: Ngũ dương do thụ cái khí dương, mà thành thể dương cương, chẳng sợ tài sát; ngũ âm do thụ cái khí âm, mà thành thể âm thuận, thể cho nên mộc thịnh thì tòng mộc, hỏa thịnh thì tòng hỏa, thổ thịnh thì tòng thổ, kim thịnh thì tòng kim, thủy thịnh thì tòng thủy. Do theo tình nghĩa mà nương náu, gặp thể suy yếu thời hưng kị, như người con gái theo chồng vậy. Thể cho nên, khi đặt cái khí thuận chính, mà tòng thể bỏ nghĩa, tuy tòng nhưng cũng thuận chính đó.

Nhâm thị viết: Ngũ dương khí tán, có cái tượng sáng sửa hanh thông; ngũ âm khí hợp, bao hàm ẩn dấu khó lường. Khí ngũ dương tính cương kiện, chẳng sợ tài sát nên có lòng trắc ẩn, xử thế không cầu thả; khí ngũ âm tính nhu thuận, theo lợi quên nghĩa, nên có cái lòng bỉ lạn, xử thế nhiều kiêu căng nịnh nọt. Cái khí âm nhu này có thể khắc chế

cái khí dương cương, chứ cái khí dương cương đó không thể khắc chế cái khí âm nhu được. Nói chung lẽ là: “âm khí là hạng người thấy lợi quên nghĩa; còn dương khí là hạng người hào hiệp khảng khái”. Như trên trong dương có âm, trong âm có dương, lại có ngoài dương mà trong âm, ngoài âm mà trong dương, theo đó mà luận bàn. Như ngoài thì dương mà bên trong thì âm tức hạng người ngoài thì nhân nghĩa mà lòng thì gian trá, tất có cái họa ẩn chứa bên trong; còn ngoài thì âm nhu mà trong thì dương cương tức hạng người ngoài thì trông có vẻ gian trá nhưng lòng thì nhân nghĩa bao dung cương trực. Cứ theo đó chẳng lẽ nào mà không biết được nhân phẩm đoan chính hay gian tà sao? Cho nên không thể không biện biệt cho tường tận vậy. Thiết yếu tại khí thể thuận chính, tứ trụ ngũ hành bình hòa, không nên thiên lệch không có chỗ nương tựa, không làm lợi mình hại người. Phàm con người muốn giữ được cái đạo thiệp thế, xu cát ty hung trước hết phải biết người, xưa có câu “nên phân biệt được cái thiện để mà theo”, là như vậy đó.

Giáp mộc sâm thiên, thoát thai yếu hỏa. xuân bắt dung kim, thu bắt dung thổ. Hỏa sí thừa long, thủy dăng kị hổ. Địa nhuận thiên hòa, thực lập thiên cổ.

Nguyên chú: Giáp vốn là mộc thuần dương, [trên trời thuộc địa phận sao Sâm] khí thể rất ư hùng tráng. Hỏa nhiều mộc bị chết cháy, vượng mộc mà đắc hỏa càng phú quý trọn đầy. Sinh vào mùa xuân mộc vượng kim suy mà không thể dung kim được; sinh vào mùa thu mộc suy kim vượng đi trợ kim không thể dung thổ được. Thấy dần ngộ tuất, bính đình nhiều nhật chủ tọa chi thìn thổ có thể quý về; thấy thân tý thìn, nhâm quý nhiều nhật chủ tọa dần có thể thu nạp. Giá khiến không có thiên can khí thổ, cái thủy khí không nơi nào tiêu đi, tức năng trường sinh vậy.

Nhâm thị viết: Giáp mộc thuộc khí thuần dương, thể vốn kiên cố, [trên trời thuộc địa phận sao Sâm] khí thể rất hùng tráng. Sinh vào tháng sơ xuân (tháng dần-ND), khí mộc còn non yếu hàn lạnh, đắc hỏa mà phát quý; sinh vào tháng trọng xuân (tháng mão-ND), mộc khí vượng cực, cần nên tiết khí vượng đắc dụng. Sở dĩ mộc vượng đắc hỏa, mà kim trở nên cứng giòn. Kim khí hư tù khắc mộc sinh vượng, mộc cứng kim bị khuyết, lý lẽ đương nhiên là thế, cho nên mới nói mộc mùa xuân không dung kim được vậy. Sinh vào mùa thu, giáp mộc khí suy, cành khô lá rụng, nguyên khí thu tàng thông suốt, mà khắc chế được thổ khí. Thổ mùa thu sinh kim tiết khí nhiều nên rất bạc nhược. Do cái thổ khí hư nhược mà còn bị khí mộc ở dưới công phá, chẳng những không thể tài bồi cho khí mộc suy được, mà còn trở lại che lấp cái mộc khí suy đó nữa, cho nên giáp mộc mùa thu không thể dung thổ vậy. Trong trụ dần ngộ tuất đầy đủ, trên can lại thấu bính đình, chẳng lẽ do mộc tiết khí thái quá, nên mộc bị cháy khô, như nhật chủ tọa thìn, thìn thuộc thủy khó, khí thuộc thấp thổ, mà có khả năng sinh mộc tiết khí hỏa vượng nên mộc được cứu, thế nên hỏa khí thừa long là vậy. Thân tý thìn đầy đủ trên can lại thấu nhâm quý, thủy nhiều mộc bị trôi dạt, như nhật chủ tọa dần, địa chi dần tàng chứa can hỏa thổ là đất trường sinh, giáp lộc tại dần, nên có thể dung nạp được thủy dư, mà mộc không còn phù phiếm nữa, thế nên thủy dăng kị hổ là vậy. Ví như kim không bén nhọn, thổ không khô cứng, hỏa không mãnh liệt, thủy không cuồng thịnh, thì cái vốn có nghìn năm không thể lâu dài được!

Ất mộc tuy nhu, khuê dương giải ngư. Hoài đình bão bính, khóa phượng thừa hầu. hư thấp chi địa, kị mã diệc ưu. Đằng la hệ giáp, khả xuân khả thu.

Nguyên chú: Can ất thuộc mộc, sinh vào mùa thu như đào lý, mùa hạ như lúa mạ, mùa thu như cây đồng cây quế, mùa đông như hoa thơm cỏ lạ. Tọa sừu mùi có thể chế khắc nhu thổ, dễ như giết dê mổ trâu, chủ yếu là có can bính đình, tức tuy sinh vào tháng thân dậu, cũng chẳng lo chi; sinh vào tháng tý mà trên can lại thấu xuất nhâm quý thủy, mặc dù nhật chủ tọa ngọ cũng không có thể phát sinh được. Cho nên biết rằng tọa tháng sừu mùi thật là tốt đẹp vậy. Can giáp cùng chi dần xuất hiện nhiều trong trụ, thuận tòng theo huỳnh đệ, lấy dây cột vào cây cầu mà làm thí dụ, chẳng sợ bị chặt vậy.

Nhâm thị viết: Can ất thuộc mộc, là chất của giáp, do khí của giáp mà thành. Mùa xuân như đào lý, gập kim được điều khắc; mùa hạ như lúa mạ, gập thủy tức được sinh; mùa thu như cây đồng cây quế, kim vượng được hỏa chế mộc được cứu; mùa đông như hoa thơm cỏ lạ, hỏa thấp thổ bồi. Sinh vào mùa xuân gập hỏa, tức phát quý vinh; sinh vào mùa hạ gập thủy, đất được tươi nhuận khô ráo; sinh vào mùa thu gập hỏa, khiến hỏa chế khắc kim khí mà không khắc mộc; sinh vào mùa đông gập hỏa, giải bớt khí hàn lạnh. Cát dương giải ngư, sinh vào tháng sừu mùi (tháng 12, 6-ND), hoặc ngày ất sừu ất mùi, mùi thuộc mộc khó, ất mộc có gốc, sừu thuộc thấp thổ, có thể nuôi dưỡng khí mộc. Hoài đình bão bính, khóa phượng thừa hầu, như sinh vào tháng thân dậu(tháng 7, 8-ND), hoặc ngày ất dậu, mà trên can thấu xuất bính đình, có thủy cũng không tương tranh, chế khắc đắc nghi, chẳng sợ kim cứng. Hư thấp chi địa, kị mã diệc ưu, như sinh vào tháng Hợi tỵ(tháng 10, 11-ND), tứ trụ không bính đình, lại chẳng có chi tuất mùi tảo thổ, ngay khiến như chi năm có chi ngọ, cũng không phát sinh được. Thiên can thấu giáp, địa chi tàng dần, gọi là mộc rừng cây từng cây bách, mùa xuân được trợ giúp, mùa thu được hợp phù, cho nên nói xuân thu không sợ, bốn mùa chẳng kiêng vậy.

Ngũ dương tòng khí bất tòng thể, ngũ âm tòng thể vô tình nghĩa

Nguyên chú: Ngũ dương do thụ cái khí dương, mà thành thể dương cương, chẳng sợ tài sát; ngũ âm do thụ cái khí âm, mà thành thể âm thuận, thể cho nên mộc thịnh thì tòng mộc, hỏa thịnh thì tòng hỏa, thổ thịnh thì tòng thổ, kim thịnh thì tòng kim, thủy thịnh thì tòng thủy. Do theo tình nghĩa mà nương náu, gập thể suy yếu thời hung kị, như người con gái theo chồng vậy. Thế cho nên, khi đặt cái khí thuận chính, mà tòng thể bỏ nghĩa, tuy tòng nhưng cũng thuận chính đó.

Nhâm thị viết: Ngũ dương khí tán, có cái tượng sáng sửa hanh thông; ngũ âm khí hợp, bao hàm ẩn dấu khó lường. Khí ngũ dương tính cương kiện, chẳng sợ tài sát nên có lông trắc ẩn, xử thế không cầu thả; khí ngũ âm tính nhu thuận, theo lợi quên nghĩa, nên có cái lòng bi lận, xử thế nhiều kiêu căng nịnh nọt. Cái khí âm nhu này có thể khắc chế cái khí dương cương, chứ cái khí dương cương đó không thể khắc chế cái khí âm nhu được. Nói chung lẽ là: “âm khí là hạng người thấy lợi quên nghĩa; còn dương khí là hạng người hào hiệp khảng khái”. Như trên trong dương có âm, trong âm có dương, lại có ngoài dương mà trong âm, ngoài âm mà trong dương, theo đó mà luận bàn. Như ngoài thì dương mà bên trong thì âm tức hạng người ngoài thì nhân nghĩa mà lòng thì gian trá, tất có cái họa ẩn chứa bên trong; còn ngoài thì âm nhu mà trong thì dương cương tức

hạng người ngoài thì trông có vẻ gian trá nhưng lòng thì nhân nghĩa bao dung cương trực. Cứ theo đó chẳng lẽ nào mà không biết được nhân phẩm đoan chính hay gian tà sao? Cho nên không thể không biện biệt cho tường tận vậy. Thiết yếu tại khí thể thuận chính, tứ trụ ngũ hành bình hòa, không nên thiên lệch không có chỗ nương tựa, không làm lợi mình hại người. Phạm con người muốn giữ được cái đạo thiệp thế, xu cát ty hung trước hết phải biết người, xưa có câu "nên phân biệt được cái thiện để mà theo", là như vậy đó.

Giáp mộc sâm thiên, thoát thai yếu hỏa. xuân bất dung kim, thu bất dung thổ. Hỏa sí thừa long, thủy dăng kị hồ. Địa nhuận thiên hòa, thực lập thiên cô.

Nguyên chú: Giáp vốn là mộc thuần dương, [trên trời thuộc địa phận sao Sâm] khí thể rất ư hùng tráng. Hỏa nhiều mộc bị chết cháy, vượng mộc mà đắc hỏa càng phú quý trọn đầy. Sinh vào mùa xuân mộc vượng kim suy mà không thể dung kim được; sinh vào mùa thu mộc suy kim vượng đi trợ kim không thể dung thổ được. Thấy dân ngộ tuất, bính đình nhiều nhật chủ tọa chi thìn thổ có thể quý về; thấy thân tý thìn, nhâm quý nhiều nhật chủ tọa dân có thể thu nạp. Giá khiến không có thiên can khí thổ, cái thủy khí không nơi nào tiêu đi, tức năng trường sinh vậy.

Nhâm thị viết: Giáp mộc thuộc khí thuần dương, thể vốn kiên cố, [trên trời thuộc địa phận sao Sâm] khí thể rất hùng tráng. Sinh vào tháng sơ xuân (tháng dần-ND), khí mộc còn non yếu hàn lạnh, đắc hỏa mà phát quý; sinh vào tháng trọng xuân (tháng mão-ND), mộc khí vượng cực, cần nên tiết khí vượng đắc dụng. Sở dĩ mộc vượng đắc hỏa, mà kim trở nên cứng dòn. Kim khí hư tù khắc mộc sinh vượng, mộc cứng kim bị khuyết, lý lẽ đương nhiên là thế, cho nên mới nói mộc mùa xuân không dung kim được vậy. Sinh vào mùa thu, giáp mộc khí suy, cành khô lá rụng, nguyên khí thu tàng thông suốt, mà khắc chế được thổ khí. Thổ mùa thu sinh kim tiết khí nhiều nên rất bạc nhược. do cái thổ khí hư nhược mà còn bị khí mộc ở dưới công phá, chẳng những không thể tài bồi cho khí mộc suy được, mà còn trở lại che lấp cái mộc khí suy đó nữa, cho nên giáp mộc mùa thu không thể dung thổ vậy. trong trụ dân ngộ tuất đầy đủ, trên can lại thấu bính đình, chẳng lẽ do mộc tiết khí thái quá, nên mộc bị cháy khô, như nhật chủ tọa thìn, thìn thuộc thủy khó, khí thuộc thấp thổ, mà có khả năng sinh mộc tiết khí hỏa vượng nên mộc được cứu, thế nên hỏa khí thừa long là vậy. thân tý thìn đầy đủ trên can lại thấu nhâm quý, thủy nhiều mộc bị trôi dạt, như nhật chủ tọa dân, địa chi dân tàng chứa can hỏa thổ là đất trường sinh, giáp lộc tại dân, nên có thể dung nạp được thủy dư, mà mộc không còn phù phiếm nữa, thế nên thủy dăng kị hồ là vậy. ví như kim không bén nhọn, thổ không khô cứng, hỏa không mãnh liệt, thủy không cuồng thịnh, thì cái vốn có nghìn năm không thể lâu dài được!

Ất mộc tuy nhu, khuê dương giải ngu. Hoài đình bão bính, khóa phượng thừa hầu. hư thấp chi địa, kị mã diệp ưu. Đằng la hệ giáp, khả xuân khả thu.

Nguyên chú: Can ất thuộc mộc, sinh vào mùa thu như đào lý, mùa hạ như lúa mạ, mùa thu như cây đồng cây quế, mùa đông như hoa thơm cỏ lạ. Tọa sừu mùi có thể chế khắc nhu thổ, dễ như giết dê mổ trâu, chủ yếu là có can bính đình, tức tuy sinh vào tháng thân dậu, cũng chẳng lo chi; sinh vào tháng tý mà trên can lại thấu xuất nhâm quý thủy,

mặc dù nhật chủ tọa ngọ cũng không có thể phát sinh được. Cho nên biết rằng tọa tháng sừu mùi thật là tốt đẹp vậy. Can giáp cùng chi dần xuất hiện nhiều trong trụ, thuận tòng theo huyinh đệ, lấy dây cột vào cây cầu mà làm thí dụ, chẳng sợ bị chặt vậy.

Nhâm thị viết: Can ất thuộc mộc, là chất của giáp, do khí của giáp mà thành. Mùa xuân như đào lý, gặp kim được điêu khắc; mùa hạ như lúa mạ, gặp thủy tức được sinh; mùa thu như cây đồng cây quế, kim vượng được hỏa chế mộc được cứu; mùa đông như hoa thơm cỏ lạ, hỏa thấp thổ bồi. Sinh vào mùa xuân gặp hỏa, tức phát quý vinh; sinh vào mùa hạ gặp thủy, đất được tươi nhuận khô ráo; sinh vào mùa thu gặp hỏa, khiến hỏa chế khắc kim khí mà không khắc mộc; sinh vào mùa đông gặp hỏa, giải bớt khí hàn lạnh. Cát dương giải ngu, sinh vào tháng sừu mùi (tháng 12, 6-ND), hoặc ngày ất sừu ất mùi, mùi thuộc mộc khó, ất mộc có gốc, sừu thuộc thấp thổ, có thể nuôi dưỡng khí mộc. Hoài đình bão bính, khóa phượng thừa hầu, như sinh vào tháng thân dậu(tháng 7, 8-ND), hoặc ngày ất dậu, mà trên can thâu xuất bính đình, có thủy cũng không tương tranh, chế khắc đắc nghi, chẳng sợ kim cứng. Hư thấp chi địa, kị mã diệt ưu, như sinh vào tháng Hợi tỵ (tháng 10, 11-ND), tỵ trụ không bính đình, lại chẳng có chi tuất mùi tảo thổ, ngay khiến như chi năm có chi ngọ, cũng không phát sinh được. Thiên can thâu giáp, địa chi tàng dần, gọi là mộc rừng cây từng cây bách, mùa xuân được trợ giúp, mùa thu được hợp phù, cho nên nói xuân thu không sợ, bốn mùa chẳng kiêng vậy.

Bính hỏa mãnh liệt, khí sương vũ tuyết. năng đoán canh kim, gặp tân phản khiếp. thổ chứng thành từ, thủy xương hiển tiết. hổ mã khiến hương, giáp mộc nhược lai, tất đương phần diệt (nhất bản tác hổ mã khuyến hương, giáp lai thành diệt).

Nguyên chú: Bính hỏa thuộc khí dương trong suốt, sáng tỏ, có cái khí thể mãnh liệt, không sợ khí sát của mùa thu và chẳng sợ tiết sương giáng, chẳng sợ khí mùa đông và vũ tuyết. Canh kim tuy cứng, nhưng không khắc chế bính hỏa được, tân kim vốn mềm yếu, nhưng Bính hỏa hợp mà thành nhu nhược. Thổ là con của bính, nên tứ trụ thấy nhiều mệnh kỳ mà trở nên đức từ ái; thủy là vua của vạn vật, gặp nhâm quý vượng mà hiển hiện trung nghĩa tiết tháo vậy. Bính hỏa có tính cháy lớn mãnh liệt bốc lên cao, lại thêm địa chi gặp dần ngọ tuất, mà trên thiên can lộ giáp mộc tức mộc bị đốt cháy vậy.

Nhâm thị viết: Bính thuộc hỏa khí thuần dương, khí thể mãnh liệt, không sợ khí sương giáng vũ tuyết, có công năng trừ hàn sưởi ấm. Có thể khắc chế canh kim, giống như gặp cường bạo mà ra tay trừ diệt, gặp tân kim lại trở nên nhu hòa, bính tân hợp hóa nhu thuận có ý hòa hợp vậy. Thổ nhiều trở nên từ ái, mà không đè xuống dưới; thủy cuồng vượng hiển hiện, mà không vượt lên trên. Dần ngọ tuất là nơi hỏa địa, địa chi trong tứ trụ có dần ngọ tuất tức khí hỏa mãnh liệt, trong trụ còn có giáp mộc tỵ sinh tức mộc bị hỏa khí vượng thịnh đốt cháy vậy. Theo đó mà luận, để tiết chế bớt khí hỏa thịnh thì cần dụng thổ; để ngăn cản khí hỏa mãnh liệt thì cần dụng thủy; để làm cho khí hỏa nhu thuận thì cần dụng tân kim hợp hóa. Kỳ thổ khí thể ti thấp, có thể thu nguyên khí tỵ sinh của bính hỏa; mệnh thổ khí thể khô tảo, gặp bính hỏa mà trở nên khô cứng nứt nẻ vậy. Nhâm thủy có cái đức trung chính cương kiện, có thể chế khắc hỏa mãnh liệt; quý thủy âm nhu, gặp bính hỏa mãnh liệt mà bị cạn kiệt. Tân kim thể tính nhu nhuyễn, hợp hóa bính hỏa tương thân hóa thành thủy mà thành việc; canh kim cương cứng, cương gặp

cương đều không thể toàn vẹn. Thế nên tuy đơn cử mà luận mọi thể sự nhân tình, há chẳng phải là như vậy hay sao!

Đình hỏa nhu trung, nội tính chiêu dung. Bảo ất nhi hiếu, hợp nhâm nhi trung. Vượng nhi bất liệt, suy nhi bất cùng, như hữu đích mẫu, khả thu khả đông.

Nguyên chú: Đình thuộc can âm, hỏa tính tuy âm nhu nhưng được khí trung chính. Bên ngoài tuy nhu thuận nhưng bên trong rất sáng đẹp, cái tính bên trong há chẳng sáng rõ hay sao? ất mộc không sinh được đình hỏa, ất mộc tối úy tân kim nhờ có đình hỏa khắc chế tân kim mà cứu ất, không giống như bính hỏa khắc chế canh kim bảo vệ giáp mộc mà còn trở lại đốt cháy mộc, cũng như ất mộc bảo vệ đình hỏa mà trở ngược lại làm cho đình hỏa mờ ám tối tăm, đó chẳng phải là trái với đạo hiếu thường sao. Nhâm là vua của đình, nhâm thủy rất sợ mậu thổ mà đi hợp với đình, cái đình hỏa này bề ngoài có vẻ như sinh trợ mậu thổ, nhưng bên trong ngầm hợp với nhâm thủy hóa mộc khắc chế thổ, khiến cho thổ không thể khắc thủy được, điều đó chẳng là trái với cái đạo trung quân sao. Sinh vào mùa thu mùa đông, thiên can trong tứ trụ có một giáp mộc, tức hỏa có nguồn nên sáng đẹp vô cùng không lo sợ phải bị tắt ngấm, cho nên mới nói khả thu khả đông. Đó là cái đạo nhu vậy.

Nhâm thị viết: Đình chẳng phải là đèn đuốc, so với bính đình hỏa thuộc khí nhu thuận trung chính vậy. Bên trong sáng đẹp, có cái tượng văn minh. Khắc chế tân kim bảo vệ ất mộc, tân kim không thể khắc ất mộc do đó mà ất mộc được cứu; hợp nhâm thủy hóa mộc bảo vệ thủy, mậu thổ không thể khắc được nhâm thủy cho nên nhâm thủy được cứu. Do tính nhu thuận trung chính, mà không đi đến thái quá hay bất cập, tuy thời khí đang thừa vượng cũng không cháy rục; gặp lúc thất thời khí suy cũng không tận diệt. Thiên can trong tứ trụ thấu giáp ất mộc, sinh mùa thu chẳng sợ kim cường, địa chi trong tứ trụ tàng chứa dần mao mộc, sinh vào mùa đông giá rét không sợ thủy vượng.

Mậu thổ cố trọng, kỷ trung thả chính. Tĩnh hấp đông tích, vạn vật ty mệnh. Thủy nhuận vật sinh, hỏa tảo vật bệnh. Nhược tại căn khôn, phạ trùng nghị tĩnh.

Nguyên chú: Mậu thổ chẳng là tường vách, so với kỷ thổ mậu thổ có tính chất khô cứng cao hậu, cùng kỷ thổ là nơi phát nguyên đại địa, nên đắc được cái khí trung chính to lớn vậy. Mùa xuân mùa hạ thì khí phát tích mà sinh vạn vật, mùa thu mùa đông thì khí thu vào mà thành vạn vật, do vậy mà làm chủ vạn vật. Mậu thổ có tính khí thuộc dương, nên ưa thích nhuận trạch không thích khô tảo, tọa dần sợ thân xung, tọa thân sợ dần xung. Nếu bị xung tức căn gốc bị động, chẳng là mất đi cái khí trung chính cho nên cần tĩnh không nên động vậy.

Nhâm thị viết: Mậu thuộc dương thổ, khí thể cố trọng, cư nơi trung chính. Mùa xuân mùa hạ khí động nên phát ra, tức khí phát sinh, mùa thu mùa đông khí tĩnh nên thu vào, tức khí thu tàng, do vậy mà làm chủ vạn vật. Có cái khí cao hậu, nên sinh vào mùa xuân mùa hạ hỏa khí thời vượng cần có thủy làm nhuận thổ, tắt vạn vật sinh sôi, khô tảo tắt vạn vật chết khô; sinh vào mùa thu mùa đông, thủy nhiều cần hỏa sưởi ấm, tắt vạn vật hóa thành, thấp tắt vạn vật thụ bệnh. Sinh vào tháng dần nguyệt tọa cung căn sinh vào tháng thân nguyệt tọa cung khôn. Thổ mùa xuân bị mộc khắc khí chất hư nhược cần nên

tĩnh; thổ mùa thu bị tiết khí nhiều quá thể chất bạc nhược không nên gặp xung. Tứ trụ, nhật chủ tọa dân thân ưa thích yên tĩnh tối kỵ gặp xung. Như sinh vào bốn tháng tứ quý (thìn, tuất, sừu, mùi), tối kỵ nhật chủ canh thân tân dậu khí kim, tứ khí lưu hành bất tận tắc đoán định quý cách, kỵ thổ cũng đồng như thế. Bằng như tứ trụ gặp mộc hỏa, hay vận hành hỏa mộc tắc phá cách vậy.

Kỷ thổ ty thấp, trung chính súc tàng. Bất sâu mộc thịnh, bất úy thủy cuồng. hỏa thiếu hỏa hồi, kim đa kim quang. Nhược yếu vật vượng, nghi trợ nghi bang.

Nguyên chú: Kỷ thổ khí chất ẩm thấp mỏng manh, cùng mậu thổ là chỗ phát nguyên đại địa, cũng có tính trung chính mà có khả năng nuôi dưỡng vạn vật. Nhu thổ có khả năng sinh mộc, chứ mộc không thể khắc được nhu thổ, do đó mà không lo mộc vượng; thổ sâu có thể chứa thủy, thủy không thể nhiều đồng đẳng, do vậy mà không sợ thủy cuồng. Hỏa yếu không gốc chẳng những không thể sinh thấp thổ, mà ngược lại còn bị thổ làm cho mất sáng; thấp thổ có thể làm tươi nhuận khí kim, cho nên kim nhiều kim sáng, mà trở nên trong suốt ưa nhìn. Đó là vô vi lấy hữu vi làm diệu dụng vậy. Nhược bằng vạn vật sung thịnh cường vượng, chỉ có thổ thể thâm sâu, được hỏa khí sưởi ấm tắc bốn phương thuận hòa vậy.

Nhâm thị viết: Kỷ thổ thuộc đất ẩm ướt, khí thể trung chính tàng chứa, khí quán tám phương mà vượng bốn mùa, có cái công ty sinh diệu dụng không ngừng nghỉ vậy. Chẳng lo mộc thịnh, có tính nhu thuận cho nên tài bồi dưỡng mộc mà không bị mộc khắc. Chẳng sợ thủy cuồng, có tính chất ngưng đọng cho nên thủy có thể được dung nạp mà không xung khắc vậy. Thủy ít hỏa tối, đình hỏa chẳng sinh âm thổ mà còn bị thấp thổ làm cho che lấp mất sáng. Kim nhiều kim sáng, thấp thổ có thể sinh kim, làm nhuận kim. Trong trụ thổ nhiều tức thổ dày, lại còn được bình hỏa xua đẩy khí ẩm ướt, đủ để ty sinh vạn vật. Cho nên nói nghi trợ nghi bang là như thế.

Canh kim háo sát, cương kiện vi tối. đắc thủy nhi thanh, đắc hỏa nhi duệ. Thổ thuận tắc sinh, thổ can tắc thúy. Năng doanh giáp huynh, thâm vu ất muội.

Nguyên chú: Canh kim trên trời là thái bạch kim tinh, tính cương kiện lại hay sát, kim vượng gặp thủy, tắc kim bạch thủy thanh dòng chảy không ngừng; kim cứng gặp hỏa, tắc khí tinh thuần mà sắc bén. Có thổ có thủy có thể tương sinh liên tục; có thổ có hỏa làm cho kim trở nên giòn yếu. Giáp mộc tuy cứng, nhưng có đủ sức khắc phạt; ất mộc tuy nhu nhưng hợp canh, canh kim trở nên nhu nhược.

Nhâm thị viết: Canh kim thuộc khí tức sát mùa thu, tính rất cương kiện. thủy được kim thì xanh trong, nhâm thủy có thể dẫn xuất canh kim sinh xuất thủy tinh anh. Canh kim được hỏa thì trở nên sắc bén, đình hỏa khí âm nhu, không cùng với canh kim thù địch, mà còn đi trợ kim biến thành lò luyện nung nấu kiếm kích bén nhọn. sinh vào mùa xuân mùa hạ khí thể còn non yếu, gặp được chi sừu thìn thấp thổ tức được sinh, gặp chi mùi tuất táo thổ bị giòn yếu. canh kim đích thị là cừu địch của giáp mộc, có thể khắc phạt giáp mộc; cùng với ất mộc tương hợp mà trở nên hữu tình. Ất mộc không cùng canh hợp hóa đi trợ bạo, canh kim cũng chẳng phải cùng ất hợp hóa thành nhu nhược, cần nên tỏ tường biện bạch cho rõ ràng vậy.

Tân kim nhuyển nhược, ôn nhuận nhi thanh. úy thổ chi điệp, nhạc thủy chi doanh. Năng phù xã tắc, năng cứu sinh linh. Nhiệt tắc hỷ mẫu, hàn tắc hỷ đình.

Nguyên chú: Tân thuộc âm kim, chẳng phải là châu ngọc. Đại phạm vật nhu nhuyển thanh nhuận điều thuộc tân kim. Mậu kỷ thổ nhiều có thể bị chôn lấp, cho nên cũng không hay; nhâm quý thủy nhiều thì đẹp đẻ, cho nên mừng gặp. Tân kim lấy bính hỏa làm thìn, hợp bính hỏa hóa thủy, khiến bính hỏa đi thìn phục nhâm thủy mà phò trợ xã tắc; tân kim lấy bính hỏa làm vua, hợp bính hỏa hóa thành thủy sinh giáp, khiến cho bính hỏa không thể đốt cháy giáp mộc mà cứu giúp sinh linh. Sinh vào cuối hạ còn gặp thổ tức có thể làm cho hỏa yếu tối mà bảo tồn tân kim; sinh vào cuối đông còn gặp đình hỏa tức đình hỏa có thể xua hàn sương ẩm tân kim. Cho nên tân kim sinh vào tháng mùa đông gặp bính hỏa tắc nam mệnh không hiển quý, dù có hiển quý cũng không bền; nữ mệnh khắc phu, không thì cũng bất hòa. Gặp đình hỏa nam nữ mệnh thái điều quý hiển vậy.

Nhâm thị viết: Tân thuộc khí kim ở chốn nhân gian, cho nên thanh nhuận dễ nhìn. Sợ thổ nhiều, thổ trọng mà thủy cạn kiệt kim bị chôn lấp; thủy đẹp đủ đầy, nhâm thủy có dư thừa mà có thể nhuận thổ dưỡng kim. Tân kim lấy giáp làm vua, bính hỏa có thể đốt cháy giáp mộc, may nhờ tân hợp bính hỏa thủy khắc hỏa, khiến cho bính hỏa không thể đốt cháy giáp mộc, trở nên tương sinh; tân lấy bính làm thìn, bính hỏa có thể sinh mậu thổ, tân hợp bính hỏa thủy, khiến cho không thể sinh mậu thổ, trở nên tương trợ. Há không phải phò trợ xã tắc cứu sinh linh sao? Sinh vào mùa hạ mà gặp nhiều hỏa, tứ trụ có kỷ thổ tức hỏa yếu tối kỷ thổ có thể sinh kim; sinh vào mùa đông gặp lúc thủy vượng, gặp hỏa tức hỏa làm ẩm thủy mà dưỡng kim. Vì vậy mà nói nhiệt tắc hỷ mẫu, hàn tắc hỷ đình là như thế.

Nhâm thủy thông hà, năng tiết kim khí, cương trung chi đức, chu lưu bất trệ. Thông căn thấu quý, xung thiên bốn địa. hóa tắc hữu tình, tòng tắc tương tế.

Nguyên chú: Nhâm thủy tức là phát nguyên của quý thủy, là nước sông còn lớn; quý thủy tức là nơi quý về của nhâm thủy, là nước biển đông. Có phân có hợp, lưu chảy không ngừng, cho nên gọi là nước của trăm sông, cũng là nước mưa móc thật khó mà phân biệt. Thân thuộc thiên quan, là nơi cửa sông thiên hà, vị trường sinh của nhâm thủy, có thể tiết chế khí kim tức sát tây phương. Có tính lưu chuyển chuyên động không ngừng, có đức tính cương trung tự nhiên vậy. Như trong tứ trụ có đủ thân tỵ thìn mà trên can còn thấu quý thủy, tức khí thế xung động mạnh, không thể ngăn cản nổi. Giống như nước biển đông vốn phát khởi ở thiên hà, trở thành họa thủy, trong tứ trụ bằng như gặp phải mà trong mệnh không có tài quan, tất gác lấy tai họa vậy thay! Nhâm hợp đình hỏa mộc mà sinh hỏa, có thể nói là hữu tình; nhâm thủy có thể chế bính hỏa chẳng khiến

Nhâm thị viết: Nhâm thuộc dương thủy. Là nước sông dài tức thiên hà, trường sinh tại thân, thân tức là cửa sông thiên hà, vị trí tại cung khôn, có thể tiết khí tây phương kim tức sát, cho nên gọi là cương trung chi đức vậy. Là nguồn phát nguyên của trăm sông, lưu chuyển không ngừng, di chuyển tiến tới không thoái lui. Như trong trụ tam hợp thân tỵ thìn đầy đủ, như lại còn thấu quý thủy, tất khí thế phiếm lạm, dù có mậu kỷ thổ cũng không có thể ngăn nổi dòng chảy, giống như lấy cương chế cương phản thành xung kích

mà thành họa thủy, tất cần dụng mộc tiết chế bớt khí thể nhâm thủy, thuận theo khí thể chẳng nên xung động. Nhâm hợp đình hóa mộc có thể sinh hỏa, diệu dụng vô cùng hợp hóa thật hữu tình. Sinh vào các tháng tý năm sáu, trong trụ hỏa thổ thịnh vượng, chẳng hề có kim thủy tương trợ. Hỏa vượng thấu can tắc tòng hỏa, thổ vượng thấu can tắc tòng thổ, điều hòa nhuận trạch, nhân đó mà có cái công tương trợ vậy.

Quý thủy chí nhược, đạt vu thiên tân. Đắc long nhi vận, công hóa tý thìn. Bất sâu hỏa thổ, bất luận canh tân. Hợp mậu kiến hỏa, hóa tượng tý chân.

Nguyên chú: Quý thủy thuộc khí thuần âm mà khí thể cực nhược, nên gọi là nước biển phù tang. Thông đến bến trời, tùy theo thời hành vận, gặp long mà hóa vân vũ, có công năng làm nhuận trạch muôn loài, làm cho vạn vật sinh sôi nảy nở. Phàm trong trụ có giáp ất dần mao mộc, lại còn gặp thủy vận, thủy vừa chế hỏa vừa sinh mộc lại nhuận thổ dưỡng kim, cho là quý cách, dù cho có hỏa thổ nhiều cũng không lo sợ. Đến như canh kim, chẳng sinh được quý thủy nhưng cũng không sợ kim nhiều. Duy quý thủy hợp mậu thổ hóa hỏa, mậu trường sinh tại dần, quý trường sinh tại mao, đều thuộc mộc phương đông, cho nên nói mậu quý hợp hóa hỏa vậy. Có thuyết nói: “Nhiều người không biết rằng đất phương đông nam bốn bề khuyết hãm, mậu thổ vị ở cực cao, tức quý thủy vị ở cực thấp, là nơi vàng dương bắt đầu lộ dạng, cho nên mậu quý hợp hóa hỏa vậy”. Phàm mậu quý gặp bính đình thấu can, chẳng cần luận vượng suy, sinh vào mùa thu mùa đông đều luận hóa hỏa, thật là chân lý luận vậy.

Nhâm thị viết: Quý thủy thuộc mưa móc, là thủy thuần âm. Phát nguyên tuy trường nhưng tính lại nhược, khí thể cực tĩnh lặng, có thể nhuận thổ dưỡng kim, sinh sôi và phát triển vạn vật, gặp long vận biến hóa khó lường. Sở dĩ gặp long mà hóa là do long là thìn, chẳng phải chân long (tức thìn) thì không thể hóa. Gặp thìn thì hóa, hóa thìn là nguyên thần phát lộ, phàm thập can gặp chi thìn, tức can thấu thìn, cái luận lý ấy bất di bất dịch vậy. Bất sâu hỏa thổ, quý thủy khí thể cực nhược, gặp hỏa thổ nhiều tức tòng hóa; bất luận canh kim, quý thủy không thể tiết khí được canh kim, thế cho nên kim nhiều thủy trở nên đục. Quý thủy hợp mậu hóa hỏa, âm cực tức dương sinh, mậu thổ khí khô dày, trong trụ trên can thấu lộ bính hỏa thấu lộ, dẫn xuất hóa thìn, đều là lý luận chân chính vậy. Sinh vào mùa thu mùa đông kim thủy vượng địa, trong tứ trụ địa chi có chi thìn thổ, thiên can thấu bính đình cũng không thể hóa được, cho nên cần phải tế phân cho tường tận vậy.

Chương 8. Địa Chi

Dương chi động tả cường, tốc đạt hiển tai tường; âm chi tĩnh tả chuyên, phủ thái mỗi kinh niên.

Nguyên chú: Địa chi tý, dần, thìn, ngọ, thân, tuất thuộc dương tính động, khí thể cương mãnh lại phát cực nhanh, họa phúc hiển hiện rõ ràng; địa chi sừu, mao, tỵ, mùi, dậu, Hợi thuộc âm tính tĩnh, khí chất chuyên nhất lại phát chậm, việc bi thái hiển hiện không rõ ràng, thường trong năm sau mỗi chí mới thấy hiển hiện.

Nhâm thị viết: Địa chi từ tý đến tỵ thuộc dương, từ ngọ đến Hợi thuộc âm, do luận theo đông chí khí dương sinh, hạ chí khí âm sinh; địa chi từ dần đến mùi thuộc dương,

thân đến sừu thuộc âm, do phép phân chia theo mộc hỏa thuộc dương, kim thủy thuộc âm vậy. Các mệnh gia lấy tỵ, dần, thìn, ngọ, thân, tuất thuộc dương, sừu, mao, tỵ, mùi, dậu, hợi thuộc âm. Như tỵ tàng quý, ngọ tàng đình, như thế thể dương lấy âm làm dụng; tỵ tàng bính, hợi tàng nhâm, như thế âm lấy dương làm dụng. Việc phân biệt thủ dụng cũng giống như cái lý cương kiện nhu thuận cùng với thiên can thật không khác, các việc sinh khắc chế hóa, sự lý thật đa đoan, điều quan trọng là địa chi sở tàng hoặc hai can, hoặc ba can đó vậy. Tất nhiên lấy trong các can tàng đó lấy can bản khí làm chính, địa chi dần tất trước tiên lấy giáp sau đó mới tới bính, địa chi thân tất trước tiên lấy can canh sau đó mới tới nhâm, dư các địa chi tàng can điều luận như thế cả. Địa chi thuộc dương tính động mà cứng mạnh, cát hung hiển hiện rõ ràng nhanh chóng; địa chi thuộc âm tính tĩnh mà mềm yếu, họa phúc hiển hiện không rõ ràng chậm chạp. Trong mệnh cục hay tại vận trình, cần sự quân bình ý cầu tiêu tức vậy.

Sinh phương phạm động nghị khai, bại địa gặp xung tử tế suy.

Nguyên chú: Địa chi dần, thân, tỵ, hợi thuộc phương trường sinh, kỵ xung động; thìn, tuất, sừu, mùi thuộc phương mộ địa, cần nên xung khai. Tỵ, ngọ, mao, dậu thuộc phương tử bại, gặp hợp tới hỷ nên xung, cho nên phương trường sinh không thể gặp xung; nếu bị xung cần gặp hợp phù, cũng như thế phương mộ địa thì không thể không gặp xung [vì mộ không xung không phát]. Cần nên biện bạch cho rõ ràng.

Nhâm thị viết: Thuyết xưa nói: kim thủy có thể xung khắc mộc hỏa, mộc hỏa không có thể xung khắc kim thủy, ấy là có thể luận theo thiên can như thế thì được, chứ còn luận theo địa chi thì không thể được. Bởi vì cái địa chi trong mang nhiều hành khí sở tàng không đơn nhất như thiên can. Cần nên xem xét đến cả cái thừa khí đương quyền đắc dụng, như vậy mộc hỏa cũng không thể xung khắc kim thủy được hay sao? Còn như phương trường sinh gặp xung động, tức lưỡng bại câu thương. Ví như dần thân gặp xung, trong thân tàng chứa canh kim, khắc giáp mộc trong dần, trong địa chi dần tàng chứa bính hỏa, vị thường chẳng khắc canh kim trong thân; nhâm thủy tàng trong thân, khắc bính hỏa trong chi dần, mâu thuẫn trong dần vị thường chẳng khắc nhâm thủy trong thân. Cho nên gặp xung khắc thì không thể yên tĩnh được. Địa chi tứ khó thì cần nên xung khai, tuy nhiên cũng có khi cần nên xung khai cũng có lúc thì không nên gặp xung, rõ là do tạp khí tàng chứa trong nó cả. Tử bại địa gặp xung cần nên suy tường cẩn trọng, địa chi tỵ, ngọ, mao, dậu tàng chứa duy chỉ có nhất khí, cho nên dụng kim thủy có thể bị xung, dụng mộc hỏa không thể bị xung. Tuy nhiên cũng cần nên linh hoạt mà luận đoán, không nên cứng nhắc. Tháng như sinh vào mùa xuân mùa hạ lấy kim thủy làm dụng thân, tức kim thủy thuộc khí hưu tù tử tuyệt, mộc hỏa khí thể vượng tương, kim thủy không thể thương khắc ngược trở lại hay sao? Cần nên tham cứu cho tường tận.

11 - Giáp dần nhâm thân quý tỵ quý hợi

Đại vận: quý dậu giáp tuất kỷ hợi bính tỵ đình sừu mậu dần kỷ mao canh thìn

Quý thủy sinh vào mùa thu kim đương lệnh, nên kim thủy thông nguyên, thủy nhiều mà vượng, mộc gặp xung không thể dùng làm dụng thân. Hỏa tuy hưu tù nhưng đứng cạnh nhật nguyên, hướng hồ mới bắt đầu vào thu hỏa khí còn đầy đủ, dụng thân tất là tại

tý hỏa. Tý Hợi gặp xung, quân kiếp phân tranh, cho nên ba lần khắc vợ không con. Lại còn hành vận liên tục bắc phương tý Hợi thủy khắc thần vượng địa, nhân đó mà phá hoại hao tán khác thường; đến đại vận mậu dần kỷ mao vận chuyển đông phương, hỷ dụng thần hợp đắc cách tứ trụ trở nên ấm áp; canh vận chế thương quan sinh kiếp tài, lại còn gặp lưu niên dậu, hỷ dụng thần bị thương khắc liên tiếp nên thất lộc.

12 - Quý tý quý Hợi giáp dần nhâm thân

Đại vận: Nhâm tuất tân dậu canh thân kỷ mùi mậu ngọ đinh tỵ

Nhật nguyên giáp dần mộc sinh vào mùa đông, hàn tất cần lấy hỏa làm dụng thần. Tứ trụ lại còn gặp hai can quý thủy thương khắc dụng thần, không có ngũ hành thổ chế thủy dưỡng mộc, tứ trụ tựa như không được đẹp, cái hay ở đây là địa chi dần Hợi hợp hóa mộc, tị hỏa tuyệt xứ gặp sinh, ấy là động cơ làm hưng phát tứ trụ vậy. Tuy nhiên hành đại vận ban đầu tây phương kim vượng thương khắc dụng thần phù trợ khắc thần, là bại vận nên cuộc sống thấp hèn phong sương ngày đây mai đó; nhân tuổi ngoài 40 vận chuyển nam phương hỏa thổ vận vượng, phù trợ dùng thần, ẩn tinh gặp tài phát tài hơn vạn, cưới vợ sinh con liên tiếp 4 đứa. Do đó mà thấy rằng: “ẩn thụ tác dụng, gặp tài vi họa không ít, không như tự tài tinh, phát phúc thật lớn”.

13 - Tân mao đinh dậu mậu tý mậu ngọ

Đại vận: Bính thân át mùi giáp ngọ quý tỵ nhâm thìn tân mao.

Thương quan dụng ẩn cách, tất lấy quan tinh làm dụng thần, không như tục luận thổ kim thương quan kỵ quan tinh. Địa chi mao dậu gặp xung, tức ẩn thụ là thìn vô sinh trợ; địa chi tý ngọ gặp xung khiến thương quan được tứ sinh. Địa chi kim vượng sinh thủy, mộc hỏa xung khắc mà hết lực, thiên can hỏa thổ hư khí còn bị thoát khí, nhân thế mà đọc sách chưa toại chí, kinh doanh bình thường. Tuy nhiên mừng khắc thần thủy không thấu ra, nên là văn nhân văn chương phong lưu, tinh tường thư pháp. Canh kim trung vận thiên can kim thủy, dù có chí nhưng không thành thân. Phàm thương quan bội ẩn hỷ dụng thần tại mộc hỏa, tối kỵ xuất hiện kim thủy vậy.

14 - Tân mùi tân Sửu mậu thìn nhâm tuất

Đại vận: Canh tý kỷ Hợi mậu tuất đinh dậu bính thân át mùi.

Tứ trụ địa chi toàn tứ khó, mừng lấy tân kim tiết khí thổ mà làm cho thổ trở nên tú khí, địa chi nguyên thần Sửu thổ trong trụ tinh anh, với lại cái hay là mộc hỏa phục mà không thấu xuất, thuần thanh mà không hỗn tạp. đến đại vận dậu, tân kim đắc địa, dậu hương bảng; nhân vận hành nam phương mộc hỏa tịnh vượng, dụng thần tân kim thụ thương, mặc dù được tiến cử nhưng không được tuyển dụng.

15 - Mậu thìn nhâm tuất tân mùi kỷ Sửu

Đại vận: Quý Hợi giáp tý át Sửu bính dần đinh mao mậu thìn.

Tứ trụ toàn cục ẩn thụ, thổ nhiều kim bị chôn lấp, nhâm thủy dụng thần bị thổ vượng khắc hết, nếu như địa chi mùi tàng can át mộc không bị xung phá có thể lấy làm dụng thần, mà chờ vận đến mà dẫn xuất phò trợ nhật nguyên, tuy nhiên địa chi mùi bị Sửu tuất

xung phá, tuy tứ khó tất cần nên xung khai, nhưng chớ chấp nhất theo đó mà luận, mà còn cần nên xem xét cái được mất của thiên can nữa, dụng thần hữu lực, tuế vận phò trợ, kể đến là tứ trụ không được thiên khô vậy.

Chi thìn chính dĩ xung vì trọng, hình dữ xuyên hệ động bất động

Nguyên chú: Xung tức tương khắc, cùng tứ khó huynh đệ gặp xung, do đó mà động; đến như tương hình tương hại, là do có tương sinh tương hợp mà tồn tại, vì vậy mà nói xung động và xung bất động có cái lý lẽ khác nhau.

Nhâm thị viết: Địa chi bị xung khắc là do thiên can tàng chứa trong chi xung khắc, tuy vậy cũng cần nên biết rõ cường nhược hỷ kỵ mà luận cho tường. Đến như tứ khó bị xung cũng có cái nên và cái không nên, như tháng 3 thuộc thìn, át mộc đương lệnh, gặp tuất xung tức tuất tàng chứa tân kim mà có thể xung khắc át mộc vậy; như tháng 6 thuộc mùi, đinh hỏa đương lệnh, gặp sữu xung tức sữu tàng chứa quý thủy mà có thể thương khắc đinh hỏa. Cứ như tam nguyệt chứa át, lục nguyệt chứa đinh tuy thuộc thổ khí, bằng như đắc lệnh có thể trọn lấy làm dụng thần, bị xung tức thụ thương không thể lấy làm dụng thần được. Người sau làm ra ngụy thuyết cho rằng mộ khó gặp xung tức phát. Ý cho rằng mộ tức là phân mộ; khó thuộc tứ khó là nơi quý về của kim mộc thủy hỏa, thí như đắc khí cao vượng gặp xung khai mộ khó tất phát phúc lớn. Như thiên can thuộc hành mộc hỏa kim thủy, địa chi không có dần, mão, tỵ, ngọ, thân, dậu, hợi, tỵ lộc vượng, mà tứ trụ toàn địa chi thìn tuất sữu mùi gốc thuộc tứ khó nên thông căn, gặp xung tất gốc bị đánh bật, thế cho nên không khi nào có chuyện gặp xung động mà cường vượng được. Bằng như không dùng làm dụng thần, mà đi lấy hành thổ làm hỷ thần gặp xung động thìn hữu ích không có tổn hại, cái thổ xung động là nguyên thần đi sinh trợ dụng thần vậy. Cái nghĩa của việc tương hình thật không lấy chi làm nhất định, như hợi hình hợi, thìn hình thìn, dậu hình dậu, ngọ hình ngọ, gọi là tự hình, vốn là địa chi gặp địa chi, cùng đồng khí có sao lại tương hình? Tỵ hình mão mao hình tỵ, vốn là tương sinh, dần thân tương hình tất gặp xung sao còn lại đi tương hình? Tuất hình mùi, mùi hình sữu đều ngũ hành thuộc thổ khí thì không thể nào tương hình được. Dần hình tỵ cũng là tương sinh, dần thân tương hình, tất gặp xung hà tất lại còn tương hình hay sao? Lại còn nói tỵ mao nhất hình, dần tỵ thân nhị hình, sữu tuất mùi tam hình, gọi là tam hình, lại còn có tự hình, đều là ngụy luận hăng nên vứt bỏ. Xuyên tức là hại, lục hại là do lục hợp mà có, tức xung thìn hợp với ta, gọi là lục hại, như tỵ hợp sữu mà gặp mùi xung, sữu hợp tỵ mà gặp ngọ xung. Cho nên nói tỵ mùi tương hại, chẳng không tương khắc, sữu ngọ dần hợi tương hại, đều là tương sinh, có sao lại tương hại? và lại tương hình, tương hại vốn đã không lấy chi đủ làm bằng chứng, thật làm lỗi lớn, đến như tương phá cũng như thế cả, không tương hại tức tương hình, lỗi làm do không thuộc ở kinh, nên tước bỏ vậy.

16 - Bính tỵ tân mao nhâm tỵ quý mao

Nhâm thìn quý tỵ giáp ngọ át mùi bính thân đinh dậu.

Nhật nguyên nhâm tỵ, địa chi gặp lưỡng nhận, thiên can thấu xuất quý thủy tân kim, ngũ hành không có thổ, niên can bính hỏa lâm tuyệt địa, bính hợp tân hỏa thủy, tối hỷ trụ tháng địa chi mao vượng, tiết cái khí nhật nguyên nhâm thủy, có thể hóa tỵ kiên dương

nhận sinh vượng. Tú khí lưu hành, là người cung kính thủ lễ, tính tình hòa ái mà trung nghĩa tiết tháo. Đến đại vận giáp mộc nguyên thần phát lộ, liên tiếp trúng cao khoa; ngộ vận đắc mao mộc tiết khí thủy sinh hỏa, cùng ất mùi bình bình vận, quan đến quận thú, đường sĩ hoạn thuận lợi. Theo lối tục luận, tý mao thuộc hình phạt vô lễ, với lại thương quan và dương nhận gặp hình tất tính tình ngạo mạn vô lễ, hung ác không nói hết.

17 - Tân mùi ất mùi canh thìn đinh hợi

Giáp ngộ quý tỵ nhâm thìn tân mao canh dần kỷ sửu.

Nhật nguyên canh thìn, sinh vào tháng quý hạ, kim đang tiến khí thổ đương quyền, hỷ kỳ đinh hỏa tỵ lệnh, nguyên thần phát lộ mà làm dụng thần, có thể khắc chế tân kim tỵ kiếp trợ thân. Địa chi mùi tàng đinh hỏa thuộc dư khí, thìn tàng chứa mộc dư khí, tài quan thông căn mà có khí, cái hay là hợi thủy nhuận thổ dưỡng kim mà sinh mộc, tứ trụ đầy đủ không khuyết hãm. Vận đến đông nam, kim thủy hư nhược mộc hỏa thực vượng, nhất sinh không gặp hung gặp hiềm. Đại vận thìn lưu niên ngộ, tài ấn đều được sinh phù, trung niên đăng khoa bảng, quan thăng đến tỵ mã. Thọ đến đại vận sửu.

Nhận xét của tác giả:

Như nghiệm xét, cái kiện tạo trên xuất sinh thời thìn khớp với năm tân mùi tiết tiểu thử, người xưa luận mệnh, phạm tứ trụ người sinh gặp lúc giao tiết, đại vận lấy 10 năm, tự ngàn xưa lịch thư lấy giờ khắc giao tiết có sai sót thiếu chuẩn xác, không có phương pháp nào xác định rõ ràng sinh trước hoặc sau giao tiết. Thiên văn lịch pháp ngày nay phân chia thời khắc giao tiết sau trước thật chính xác rõ ràng, vì thế mà biết được hành vận sớm muộn, phép tắc ngày nay so với phép người xưa có nhiều bất đồng. Như tạo mệnh trên, nếu luận sau tiết tiểu thử thì một tuổi đã bắt đầu hành đại vận, tức năm bình ngộ là năm 36 tuổi ứng vào đại vận mao. Thọ đến sửu vận, tức theo phương pháp xưa thì sau 66 tuổi, nhưng theo phương pháp ngày nay thì sửu vận thì chỉ gần sau 56 tuổi, tức không thể nói là thọ được. Còn sau năm 66 tuổi phải là đại vận tỵ thủy, địa chi tỵ thìn hợp thành thủy cục hóa thương quan, mới chung cuộc. Tuy như vậy, mệnh học lý rất tinh vi, nên phương pháp xưa cũng không nên coi thường mà nên tham tâm nghiên cứu cho tường tận chân cơ diệu lý vậy.

“Đoạn văn này cháu thấy có nhiều điểm khó hiểu. Mong rằng các bác các chú trên diễn đàn có thời gian sưu tầm nghiên cứu làm sang tỏ vấn đề. Cháu chỉ dịch theo ý mà thôi”.

18 - Tân sửu ất mùi canh thìn đinh sửu

Giáp ngộ quý tỵ nhâm thìn tân mao canh dần kỷ sửu.

So với tứ trụ trên đại đồng mà tiểu dị, tài quan cũng thông căn hữu khí, trên tức đinh hỏa tỵ lệnh đương quyền, còn tứ trụ dưới tức kỷ thổ đắc lệnh. Chỉ hiềm trụ giờ sửu thổ, đinh hỏa tức diệt, tất niên can tân kim gặp nhiều kim nên rất cường vượng, xung khử địa chi mùi thổ tàng thiên can mộc hỏa, tài quan tuy hư nhược. Sơ vận giáp ngộ, mộc hỏa thịnh vượng, ất tỵ có thừa; nhất giao quý tỵ khắc thiên can đinh hỏa mà củng phò địa chi sửu thổ, thương quan tỵ kiếp thịnh vượng, hình thương hoa tán; nhâm thìn vận, thế tứ cả

hai đều bị thương tổn, gia nghiệp tiêu tán, xuống tóc mà làm tăng đạo. Theo tục thư mà luận, địa chi Sửu Mùi xung khai tài quan lưỡng khó, danh lợi lưỡng toàn vậy.

Ám xung ám hội vuơu vì hỷ, bỉ xung ngã hề giai xung khởi

Nguyên chú:

Như tứ trụ cách cục không bị khuyết hãm, nhân đây chọn ám xung ám hội, xung khởi ám thìn mà lại hội hợp ám thìn, người mình xung với ta mình hợp với ta đều như thế, như địa chi Tý Thủy đến xung khắc địa chi Ngọ Hỏa, địa chi Dần Mộc cùng với tuất Thổ tam hợp hóa hỏa cục. Ấy thế nhật chủ là ta, lệnh tháng là người; đề cương là ta năm là người; tứ trụ là ta lưu niên đại vận là người; vận đồ là ta năm tháng là người. Như ta thuộc địa chi Dần Mộc người thuộc địa chi Thân Kim, Thân Kim có thể xung khắc Dần Mộc, tức là người đến xung ta; như ta thuộc địa chi Tý Thủy người thuộc địa chi Ngọ, Tý Thủy có thể xung khắc địa chi Ngọ Hỏa, tức là ta đến xung người. Đó đều là xung khởi vậy.

Nhâm thị viết : Địa chi gặp xung vốn chẳng là điều tốt đẹp, điều đó tất nhiên dẫn đến bất tự khuyết hãm cùng cực, tứ trụ mất cân bằng. Mộc hỏa vượng, kim thủy tất không đủ; kim thủy vượng tất mộc hỏa không đủ. Bằng như nhật chủ vượng mà còn thừa lệnh thì cần nên xung mất đi bớt, nhật chủ suy nhược mà còn thiếu thì cần nên hội hợp mà sinh phù nhật chủ. Nếu như tứ trụ không gặp hợp xung, gặp tuế vận đến ám xung ám hợp lại càng hay. Tứ trụ có bệnh mà được cứu thì tốt. Tuy nhiên cần nên phân biệt cái ta xung và cái xung ta, cái lý của hội hợp cũng có đến có đi vậy. Người và ta bất tất phân chia năm tháng là người ngày giờ là ta, cũng chẳng nên phân chia tứ trụ là mình, tuế vận là người, tóm lại là khi luận đoán cần nên biết hỷ thần thuộc về ta, kỵ thần thuộc về người. Như hỷ thần là địa chi Ngọ Hỏa, gặp Tý xung tức là người đến xung ta, rất mừng cùng với địa chi Dần tuất tam hợp hóa hỏa cục phù trợ dụng thần; lại như dụng thần là địa chi Tý Thủy, gặp Ngọ xung tức là ta đến xung người, tối kỵ cùng với địa chi Dần tuất tam hợp hóa hỏa cục khắc chế dụng thần. Như hỷ thần là địa chi Tý Thủy có địa chi Thân cùng với địa chi Thìn đến tam hợp hóa thủy cục trợ giúp dụng thần tất mệnh số gặp nhiều may mắn tốt đẹp; hỷ thần thuộc địa chi Hợi có đại chi Mão Mùi đến tam hợp hóa mộc tiết khí dụng thần tất tứ trụ có nhiều thương tổn tất gặp nhiều hung hiểm. Khá nên ta đến xung người chớ nên người đến xung ta. Ta đến xung người tất xung khởi; người đến xung ta tất xung không khởi lên được. Thủy hỏa tương xung tương hợp đều như thế, dư các loại đều suy luận như thế cả.

19 - Canh tuất ất dậu giáp dần canh ngọ

Bính tuất đinh Hợi Mậu Tý Kỷ Sửu Canh Dần Tân Mão.

Tứ trụ can thấu lưỡng canh, mùa thu kim đương lệnh, địa chi hội hỏa cục, tuy chế sát có công, mà khắc tiết nhật chủ không nên có. Với lại canh kim khí uy mãnh một phương, lấy hỏa khí khắc chế cái uy của nó, sao bằng tiết khí nó mà sinh phù nhật chủ. Hỏa khí đó có cộng năng làm ích lợi cho nhật chủ; còn lấy hỏa chế khắc kim khí thì nhật chủ bị tiết khí sinh hỏa. Do đó mà suy luận, không nên hội hỏa cục, nếu hội hỏa cục trở lại làm kỵ thần. Đại vận Tý lưu niên Thìn đại khô thiên hạ. Tý vận xung phá hỏa cục, xung khởi Ngọ vượng thần dẫn thông canh kim, làm lợi ích nhật chủ; Thìn niên thuộc thấp thổ có thể tiết khí hỏa, củng phò Tý Thủy đủ sức sinh bồi nhật chủ vậy.

20 - Đinh tỵ quý Sửu Đinh Mão Bính Ngọ

Nhâm tỵ tân hợi canh tuất kỷ Dậu Mậu Thân Đinh Mùi.

Nhật nguyên Đinh Hỏa Tỵ Sinh vào Quý Động, tỵ kiếp trùng trùng, quý thủy thoái khí không đủ lực chế kiếp, do đó không thể lấy làm dụng thần. Cho nên lấy tân kim tàng trong địa chi Sửu làm dụng thần, tiết khí tỵ kiên sinh tài, là hỷ thần phụ cho dụng thần. Ngại hiềm ở đây là địa chi Mão Mộc Sinh Kiếp Đoạt Thực, do vậy mà tuổi niên thiếu hình thể khắc tử. Sơ vận Nhâm tỵ tân hợi, ám xung tỵ ngọ hỏa, ám tí có thừa. Đại vận Canh tuất trở lại ám hợp ngọ hỏa, dẫn đến hình thương tai kiếp; đến đại vận kỷ Dậu hợi kim cục xung khử Mão Mộc khắc thần, phát tài thập vạn. Từ đó cho thấy, ám xung kỵ thần, ám hội kỵ thần, phát phúc không ít; ám xung hỷ thần, ám hội kỵ thần tai họa khôn lường. Cái lý ám xung ám hội, khá nên sao nhãng ư?

21 - Canh Dần Tân Tỵ Bính Dần Tân Mão

Nhâm Ngọ Quý Mùi Giáp Thân Ất Dậu Bính Tuất Đinh Hợi.

Nhật nguyên Bính Hỏa Sinh vào Mạnh Hạ, địa chi hai Dần một Mão, tỵ hỏa đương quyền, dẫn xuất bính hỏa trong dần, thiên can tỵ gặp canh tân, nhưng canh tân hư nhược không căn gốc. Sơ vận Nhâm Ngọ Quý Mùi Thủy không có nguồn, không thể tiết kim khí, địa chi ngọ mùi nam phương hỏa địa lại phù trợ vượng hỏa, tài tinh bị khắc tiết đến cạn kiệt, tỵ tổ nghiệp sung túc, mà sớm tiêu tan. Đại vận Giáp Lâm địa chi thân vốn không có đại nạn, nhưng do lưu niên mộc hỏa tương sinh mà hình thể khắc tử gia kế tiêu điều. Giao vận thân ám xung dần mộc đang vượng, thiên can phù trợ tài tinh thông căn ví như cỏ cây lâu ngày bị hạn mà gặp mưa, đột nhiên hưng phát. Cặp đại vận Ất Dậu mười lăm năm phát tài gấp bội hơn trước, thân vận dịch mã gặp tài tinh, xuất ngoại đại lợi, kinh doanh phát tài hơn thập vạn. Đến đại vận Bính Tuất lưu niên bính tỵ, hung nhiều cát ít, bị bệnh phong mà không trỗi dậy được, đó là do tỵ kiên tranh tài, tài còn lâm tuyệt địa, tỵ thủy một mình đơn độc chẳng những không thể nào khắc chế bính hỏa vượng, mà ngược lại còn sinh dần Mão Mộc trợ hỏa vậy.

Vượng giả xung suy suy giả bát, suy thần xung vượng vượng thần phát

Nguyên chú: Tỵ thủy vượng ngọ hỏa suy, vượng mà đi xung khắc suy tất suy càng suy cùng cực; tỵ thủy suy ngọ hỏa vượng, suy mà đi xung khắc vượng tất vượng càng vượng hóa thành phúc. Dư các chi còn lại đều suy như thế cả.

Nhâm thị viết: Thập nhị chi tương xung tương khắc, nguyên là do các thiên can tàng trong địa chi tương xung tương khắc nhau vậy, tứ trụ năm, tháng, ngày, giờ tương xung tương khắc gọi là minh xung, tứ trụ bị lưu niên đại vận tương xung tương khắc gọi là ám xung. Địa chi đắc lệnh đương quyền mà đi xung khắc các địa chi thất lệnh bất đương quyền tất suy càng suy cùng cực bị thương tổn, ngược lại địa chi thất lệnh mất quyền mà lại đi xung khắc địa chi đắc lệnh đương quyền tất chi vượng càng vượng không bị thương tổn. Cái địa chi mà có lực thì có thể xung khử cái địa chi vô lực, tuy nhiên nếu hung thần bị xung khử thì tốt, còn nếu hỷ thần bị xung khử tất mang họa; bằng ngược lại, cái địa chi vô lực mà đi xung khắc có lực chẳng những không thể xung khử được mà trái lại còn bị xung khắc ngược trở lại nữa, nếu như cái địa chi vô lực ấy mà đi xung khử

hung thần tất mang họa, còn đi xung khắc cát thần tuy không mang họa nhưng cũng không mang lại lợi ích to lớn gì. Ví như nhật chủ địa chi ngộ hỏa, hay hỷ thần là ngộ hỏa, trong trụ có dần, mao, tỵ, mùi, tuất các loại, gặp địa chi tỵ thủy xung tức suy thần xung vượng thần nhật chủ không bị thương tổn; ngược lại, nhật chủ địa chi ngộ hỏa, hay hỷ thần thuộc địa chi ngộ hỏa, trong tứ trụ có thân, dậu, hợi, tỵ, sữu, thìn các loại, gặp địa chi tỵ thủy vượng xung tất ngộ hỏa suy lại càng suy. Dư các chi còn lại đều suy như vậy. Tuy nhiên tỵ ngộ mao dậu, dần thân tỵ hợi tương xung nhau đáng nên xem trọng, còn thìn tuất sữu mùi tương xung nhau thì cũng không quan trọng lắm. như tỵ ngộ tương xung, địa chi tỵ thủy tàng chứa quý thủy đi xung khắc đinh hỏa tàng trong địa ngộ hỏa, nếu như ngộ lâm nguyệt lệnh hay cùng hành với lệnh tháng, tứ trụ không có hành kim mà có hành mộc tất hỏa quá vượng tỵ thủy không những không thể xung khắc ngộ hỏa mà trái lại còn bị ngộ hỏa khắc ngược trở lại nữa; mao dậu tương xung, địa chi dậu kim tàng chứa tân kim, đi xung khắc ất mộc tàng chứa trong chi mao, nếu như mao mộc lâm nguyệt lệnh hay cùng hành với lệnh tháng, tứ trụ có hành hỏa mà không có hành thổ tất mộc quá vượng dậu kim không những không thể xung khắc mao mộc mà trái lại còn bị mao mộc khắc ngược trở lại nữa; dần thân tương xung, địa chi dần tàng chứa giáp mộc bình hỏa, bị địa chi thân tàng chứa canh kim nhâm thủy tương khắc, tuy nhiên dần mộc vượng hay là nguyệt lệnh trong trụ, tứ trụ có bình đinh tị ngộ hỏa, tất chi dần cũng có thể xung khắc chi thân; tị hợi tương xung, địa chi tị tàng chứa bình hỏa mậu thổ, bị địa chi hợi tàng chứa giáp mộc nhâm thủy tương khắc, tuy nhiên tị hỏa vượng hay là nguyệt lệnh trong trụ, tứ trụ có giáp ất dần mao mộc, tất chi tị hỏa cũng có thể xung khắc chi hợi thủy. Bởi thế cho nên xét sự vượng suy của tứ trụ trước cần phải xem xét sự suy vượng, có hay không có giải cứu, hoặc ức xung, hoặc trợ tiết, xét cái đại thể, nghiệm cái hỷ kỵ, từ đó mà biết được cát hung vậy. Đến như tứ khó huynh đệ tương xung, mộ khó tàng chứa nhiều thiên can, cần nên xem xét bốn thiên can trên năm tháng ngày giờ có dẫn xuất hay không có dẫn xuất. Nếu như tứ trụ can chi không có dẫn xuất, hay là nguyệt lệnh là đề cương, thì không cần phải lo sợ xung khắc, dầu có bị xung khắc cũng không hại gì, gặp hợp lại càng hay. Nguyên cục cùng đại vận lưu niên đều luận như vậy.

22 - Mậu thìn tân dậu bình ngộ quý tỵ

Nhâm tuất quý hợi giáp tỵ ất sữu bình dần đinh mao.

Tứ trụ tài tinh đang lệnh, mà lại còn được thực thần trên trụ năm sinh trợ tài tinh, nhật trụ gặp tỵ hỏa lộc ở trụ giờ tương trợ, cho nên nhật trụ hữu thông căn có khí, cho nên xuất thân từ nhà giàu có. Trụ giờ thấu xuất quý thủy, chi giờ tỵ hỏa thất thế, gặp dậu kim tất củng hợp dậu kim vậy. Ngũ hành thiếu mộc, toàn nhờ ngộ hỏa phò trợ nhật chủ, từ đó cho thấy quý thủy là kỵ thần vậy. Đại vận tỵ thủy, quý thủy đắc lộc vượng địa, chi tỵ thủy cùng chi thìn thổ bán hợp hỏa thủy, địa chi dậu kim củng phò chi tỵ thủy mà xung khắc địa chi ngộ hỏa, tứ trụ không có thìn giải cứu, thế cho nên mới nói “vượng giả xung suy suy giả bại”, vì vậy mà nhà cửa tan nát mạng vong. Nếu như đại vận đến đông nam mộc hỏa vượng địa, lý nào mà không đạt được danh lợi ư?

23 - Canh dần nhâm ngộ đinh mao quý mao

Quý mùi giáp thân ất dậu bình tuất đinh hợi mậu tỵ.

Tứ trụ tài quan hư nhược vô căn, kiều tử đang quyền đắc thế, theo đấy mà luận tất là mệnh bản yếu. Tứ trụ trước thân tài đều vượng, trở lại phá bại chết yếu, nếu như tài quan hư tù có lẽ mạng số trường thọ, mà không biết rằng hỏa không có mộc gặp thủy vượng xung khắc tắc tán, còn tứ trụ này có thủy, gặp hỏa tí kiên phò trợ tất có cứu thìn. Đại vận giáp thân ất dậu, canh kim lộc vượng, nhâm quý thủy gặp sinh, trở lại xung khắc dần mao mộc, thế cho nên mới nói “suy thân xung vượng vượng thân phát”, đột nhiên phát tài cự vận. Cổ ca vận: “mệnh hảo bất như vận hảo”, câu nói ấy thật đáng nên tin vậy!

Chương 9: Can chi tổng luận

Âm dương thuận nghịch chi thuyết, “lạc thư” lưu hành chi dụng, kỳ lý tín hữu chi dã, kỳ pháp bất khả chấp nhất.

Nguyên chú: Âm dương sinh tử, dương thuận âm nghịch, lý ấy phát xuất từ “lạc thư”. Ngũ hành lưu hành trong trời đất lấy đó mà làm dụng, tất nhiên cái lý ấy có thể tin được, còn như giáp mộc tử ở chi ngọ, ngọ hỏa tiết khí giáp mộc, lý lẽ tất nhiên là như thế, nhưng ất mộc tử ở chi hợi, hợi tàng nhâm thủy sinh ất mộc tức con được mẹ sinh, hà có vì sao lại tử? Thế cho nên đại phạm luận đoán tứ trụ trước tiên phải nên am tường cái can chi khinh trọng, cái sinh ta và cái ta sinh ra sao, lý lẽ âm dương tiêu tức như thế nào sau đó mới có thể dự đoán họa phúc cát hung vận số. Bằng như cứ chấp nê vào cái thuyết sinh tử bại tuyệt, tất suy đoán sai lầm lớn vậy.

Nhâm thị viết: Cái thuyết âm dương thuận nghịch, lý phát xuất từ “lạc thư”, hai cái khí này lưu hành trong trời đất làm dụng, chẳng qua dương khí tính hay tụ, nên lấy tiến làm thái, âm khí tính hay tán, nên lấy thoái làm tiên. Thế cho nên người học dự đoán cát hung mệnh vận bất tất chuyên lấy thuận nghịch làm luận lý, mà cần nên quan sát xem nhật chủ suy vượng, nghiệm xem căn gốc nông sâu ra sao, xét xem tứ trụ dụng thần hữu lực hay vô lực, từ đó mà biết được cát hung vậy. Đến như trường sinh mộc dục các loại, cũng chỉ là mượn danh gọi để chỉ cho hậu học hình dung mà thôi. Nó nói lên giai đoạn thành, thịnh suy hủy của kiếp người hay sự vật. Trường sinh chỉ con người mới bắt đầu sinh; do con người mới sinh cần sự tắm sạch nên gọi là mộc dục, hình thể dần dần lớn mạnh gọi là quan đới, lâm quan là giai đoạn con người xuất sĩ ra làm quan, để vượng là giai đoạn cực thịnh của con người và thịnh cực tắc suy cho nên thời kỳ này gọi là suy, suy lâu thời tắc bệnh, bệnh lâu thời phải chết hai giai đoạn này gọi là bệnh tử, tạo hóa ra muôn loài cũng từ đất và cũng là nơi mộ địa của muôn loài, vạn vật bị chôn vùi trong mộ địa khí suy cùng cực cho nên hai giai đoạn này gọi là mộ tuyệt của sự vật; sự vật trong trời đất không thể nào suy tuyệt mãi cho nên vật cực tất sinh thời kỳ này gọi thai dưỡng, và cứ như thế mà tuần hoàn lưu chuyển không ngừng vậy.

Đến như nhật chủ bất tất sinh gặp lộc vượng, tức nguyệt lệnh hư tù, mà trong trụ năm ngày giờ đắc trường sinh lộc vượng, nhân đó được xem là cường vượng, hay như tứ trụ còn địa chi có khố cũng được coi như là có căn gốc. Nên mới có cái thuyết là đầu mộ cần nên xung động, tục thư thật sai lầm quá vậy. Cổ pháp duy chỉ có tứ trường sinh, chứ không bao giờ có cái thuyết rằng tý, ngọ, mao, dậu là âm trường sinh bao giờ cả. Thủy sinh mộc, thân là cung vị thiên quan, hợi là thiên môn, thiên nhất sinh thủy, tức sinh sinh không ngừng, thế cho nên mộc trường sinh tại hợi là thế. Cung vị ngọ hỏa là nơi tử địa

của mộc, do mộc sinh hỏa liệt hỏa thiêu cháy mộc mà ra. Các loại ngũ hành khác cứ thế mà suy.

Như ngũ hành can dương sinh ra ở nơi sinh phương, thịnh ở bản phương, suy ở tiết phương, tuyệt nơi khắc phương, lý ấy tất nhiên là như vậy; còn ngũ hành can âm sinh ra ở tiết phương, tử ở sinh phương, lý ấy thật trái với tự nhiên vậy. Lại còn nói là “Đất tỵ ngộ cung không thể sinh kim sinh mộc; Đất Hợi dần không thể diệt hỏa diệt mộc”. Cổ nhân thủ cách, đinh gặp dậu lấy tài luận, ất gặp ngộ, kỷ gặp dậu, tnh gặp tỵ, quý gặp mao lấy thực thần tiết khí luận, toàn không lấy trường sinh luận. Ất gặp Hợi, quý gặp thân lấy ẩn luận, không nên luận tử. Lại như kỷ gặp dần tàng can bình hỏa, tân gặp tỵ tàng can mậu thổ, cũng đồng ẩn luận, không nên luận tử. Từ đó cho thấy, âm dương đông sinh đông tử là điều dễ hiểu, bằng như cố chấp âm dương thuận nghịch, dương sinh âm tử, âm sinh dương tử lấy đó mà luận mệnh, rất có thể sai lầm lớn vậy. Cho nên, “chương Tri Mệnh” có nói “thuận nghịch chi cơ tu lý hội” là như vậy đó.

24 - Bính tỵ kỷ Hợi ất Hợi bính tỵ

Canh tỵ tân Sửu nhâm dần quý mao giáp Thìn ất tỵ.

Nhật nguyên ất Hợi sinh vào tháng Hợi, rất mừng lưỡng bính hỏa thấu can, không sợ mất đi cái vẻ đẹp của mùa xuân. Hàn mộc hướng dương, thanh thuần không tạp, tiếc rằng bính hỏa không có căn gốc, thủy mộc lại thái quá, văn nghiệp không thành tựu; với lại trung vận nhất lộ thủy mộc sinh phù thái quá, hỏa thổ trong trụ bị tôn thương, độc sách không thành nhưng tài vận thì rất tốt đẹp. Tứ trụ mừng không thấy kim tất sự nghiệp thanh cao. **Nếu như cứ cố chấp theo luận thuyết cho rằng ất mộc bệnh ở trụ năm trụ giờ tỵ thủy, tử ở trụ tháng Hợi, từ đó suy ra rằng nhật nguyên suy kiệt cùng cực, rất nên lấy dụng thần sinh phù nhật chủ, rồi chọn lấy Hợi tỵ thủy làm dụng thần sinh trợ nhật thần, từ đây không nên tái kiến thủy mộc vậy.**

25 - Mậu Ngọ ất Mão quý Mão quý Hợi

Bính Thìn đinh tị mậu Ngọ kỷ mùi Canh Thân Tân Dậu.

Tứ trụ quý thủy sinh vào mùa xuân trong trụ ất mộc xuất hiện quá nhiều, nhật nguyên tiết khí thái quá, ngũ hành vô kim tỵ phù, chỉ dựa vào quý Hợi thủy trụ giờ bang trợ. Hiềm vì Hợi mao bán hợp mộc cục, thiên can lại xuất hiện mậu thổ khắc tiết cùng cực, đại vận mậu Ngọ hỏa thổ đồng lâm khắc tiết quý thủy nhật nguyên mạng vong. Nếu như cứ cố chấp theo ngụ ý cho rằng quý thủy trường sinh ở trụ thân và trụ ngày, trụ giờ cư kinh dương vượng địa, hà cớ vì sao mà đoán mệnh? Lại còn nói “thực thần hữu thọ đa thê tử, thực thần sinh vượng thắng tài quan”, lấy tứ tự trên mà nói danh lợi lưỡng toàn, nhiều con cháu chẳng. Nói cho cùng thì cái thuyết âm dương thật không lấy chi làm bằng chứng thật.

Nguyên chú: Bất luận hữu căn vô căn, đều cần thiên phúc địa tái.

Nhâm thị viết: Phương pháp dụng can chi, thiên can vượng suy do địa chi sinh phù hay khắc hại, địa chi vượng suy cũng do thiên can sinh phù, khắc hại vậy. Như can giáp ất gặp dần, mao, Hợi, tỵ tức được sinh trợ; gặp thân dậu tức bị khắc hại. Can bính, đinh

gặp hợi, tý bị chế, gặp tị ngộ dần mao tất được sinh. Như địa chi dần, mao mà gặp can giáp, ất, nhâm, quý tức được sinh trợ; gặp canh, tân tức bị khắc bại; địa chi tị, ngộ không nên gặp nhâm, quý tức bị chế phục; mệnh gặp giáp, ất, bính đình. Can chi tương thông, can được chi sinh tức can vượng, can bị chi khắc tức can suy. Chi được can sinh, tức chi mạnh lên, chi bị can khắc tức chi suy vậy. Phạm mệnh tứ trụ có cát thần mà không xem là cát, có hung thần mà không xem là hung đều do nguyên nhân này.

26 - Càn tạo:

Kỷ hợi đình mao canh thân canh thìn

Bính dần/ ất sửu/ giáp tý/ quý hợi/ nhâm tuất/ tân dậu

Canh kim tuy sinh trọng xuân, nhờ chi thân mà lộc vượng, trên can thẩu kỷ tức ẩn thụ, có thể dụng đình làm dụng thần. Địa chi mao mộc tài tinh, thêm được hợi thủy sinh trợ hữu tình, đình hỏa có gốc vững mạnh ở chi. Vận trình nhâm quý hợi tý, can thẩu kỷ bảo vệ đình hỏa, chi vận hợi tý sinh trợ mao mộc mà không khắc đình hỏa quan tinh, địa chi đắc tài cục hóa thương quan, cuộc đời thật hanh thông, không có bất trắc nào đáng ngại, thiếu niên khoa giáp, làm quan đến Tướng soái. Kinh vân “Nhật chủ nên vượng, dụng thần không nên bị khắc hại” lời đáng xem trọng vậy.

27 - Càn tạo:

Kỷ dậu đình mao canh thìn giáp thân

Bính dần/ ất sửu/ giáp tý/ quý hợi/ nhâm tuất/ tân dậu

Trụ này có thể dụng quan tinh đình hỏa, địa chi mao mộc tài tinh. So với mệnh ở trên tuy đại đồng mà tiểu dị. Do mao dậu xung nhau, khắc phá mao mộc khiến cho đình hỏa vô căn, tứ trụ thiếu thủy nên tài tinh bị khắc mạnh, mà không được sinh phù. Trên can tuy thẩu giáp mộc nhưng giáp tọa thân kim, bị khắc vô sinh nên giáp mộc không thể sinh trợ cho đình hỏa. Xuất thân thể già, học hành thi cử kém cỏi, hình thương hao tán, giao vận nhâm tuất, địa chi vượng kim, nghèo khổ không kể xiết.

28 - Càn tạo:

Canh thân nhâm ngộ tân dậu quý tị

Quý mùi/ giáp thân/ ất dậu/ bính tuất/ đình hợi/ mậu tý

Mệnh này canh tân nhâm quý, kim thủy tương sinh, địa chi thân dậu tị ngộ, ngộ hỏa làm dụng đắc thế, cầu được danh lợi (hỏa khí luyện kim). Tứ trụ ngũ hành vô mộc, kim tuy thất lệnh nhưng nhiều, hỏa tuy đương lệnh nhưng không có trợ. Canh tân sinh trợ nhâm quý, canh tân lâm trường sinh hữu lực nên sinh nhâm thủy cuộn cuộn. Tuy có tị hỏa trợ ngộ, nhưng tị dậu bán hợp kim cục thành ngộ hỏa thế cô. Hai vận giáp thân, ất dậu, hao tán cùng cực. Đến vận bính tuất, phò trợ dụng thần ngộ hỏa, đại thành đắc thế. Giao hợi vận, nhâm thủy đắc lộc, quý thủy lâm vượng, hỏa khí bị khắc tuyệt, vong mạng.

29 - Càn tạo:

Canh thân nhâm ngộ tân dậu giáp ngộ

Quý mùi/ giáp thân/ ất dậu/ bính tuất/ đinh hợi/ mậu tý

Mệnh này chọn sát đinh hỏa trong ngộ làm dụng thần, nhâm thủy trên can được canh kim sinh trợ. Mừng được ngộ hỏa trụ giờ tương trợ, thật đẹp khi trên can thâu giáp mộc, tắt ngộ hỏa hữu lực có thừa. Nhâm thủy sinh giáp mộc mà không khắc đinh hỏa, tứ trụ hữu tình tương sinh vô khắc, đăng khoa hương bảng, công thành danh toại.

Nguyên chú: 4 giáp 4 ất mà ngộ thân mao dậu là địa chi không trợ thiên can.

Nhâm thị viết: Thiên can nhất khí, như 4 giáp, 4 ất, 4 bính, 4 đinh, 4 mậu, 4 kỷ, 4 canh, 4 tân, 4 nhâm, 4 quý; Địa chi không trợ, địa chi và thiên can không sinh hóa. Đặc biệt 4 giáp, 4 ất mà ngộ thân dậu thì không được trợ, tức toàn bị địa chi khắc. Hoặc phản khắc địa chi, hoặc không tương thông địa chi, hoặc địa chi không tương thông thiên can đều là không tương trợ. Như 4 trụ đều là ất dậu, tức chi khắc can, như 4 trụ tân mao phản lại can khắc chi; chi sinh can, can sinh chi tắc lưu thông sinh hóa hữu tình, không bị thiên khô, với lại đắc tuế vận sẽ được phú quý vậy. Bằng như không tương sinh mà lại xung khắc, ngũ hành thiên khô mà bản tiện vậy. Nên nghiên cứu kỹ càng.

30 - Càn tạo:

Giáp thân giáp tuất giáp dần giáp tuất

Ất hợi/ bính tý/ đinh sửu/ mậu dần/ kỷ mao/ canh thìn

Chi năm thân kim, xung dần mộc nhật chủ, tuất thổ đương quyền sinh kim trợ sát, địa chi không khắc chế nhật chủ do thiếu dần xuất trên can. Trụ có 4 giáp, một dần tựa hồ cường vượng, nhưng mộc mùa thu hưu tù, xung dần vô lộc, không luận vượng được. Đại vận dần mao hợi tý, côm no áo ấm sung túc có thừa; vận canh thìn, canh kim thâu xuất, tứ giáp thụ thương khắc, tán gia bại sản. Trụ nhiều thiên can, không bằng được địa chi có gốc sinh phò, lý đó thật đúng vậy.

31 - Càn tạo:

Mậu tý mậu ngộ mậu tuất mậu ngộ

Kỷ mùi/ canh thân/ tân dậu/ nhâm tuất/ quý hợi/ giáp tý

Trụ này toàn cục hỏa thổ, tý suy ngộ vượng, xung ất ngộ phát mãnh liệt, thủy càng suy nhược, nhật chủ cực vượng. Sơ vận, cơ khổ cùng cực, đến vận canh thân tân dậu, tiết khí mậu thổ, đại thành, thành gia lập nghiệp. Giao vận nhâm tuất, thủy bắt thông căn, ám hội hỏa cục, gặp đại biến, một nhà năm mạng đều mất. Nếu như thiên can thâu một canh tân, hoặc địa chi tàng một thân dậu, kết cục đâu đến nỗi.

32 - Càn tạo:

Mậu thân mậu ngộ mậu tuất mậu ngộ

Kỷ mùi/ canh thân/ tân dậu/ nhâm tuất/ quý hợi/ giáp tý

Mệnh này khác mệnh trên nhờ chi thân ở năm, mà thiên can được tiết khí, địa chi tàng thủy có gốc, ngộ hỏa tuy mãnh liệt nhưng không khắc hại thân kim, dụng thần là kim vậy. Giao vận canh thân, năm mậu thìn, tháng tý nhập học, tháng chín đăng khoa, do đắc

thái tuế chi thìn, ám hội thủy cục mà diệu dụng. Đến vận nhâm tuất, thiên can tỉ kiếp đoạt tài, địa chi ám hội hỏa cục, không thấy cát lợi hĩ.

33 - Càn tạo:

Tân mao tân mao tân mao tân mao

Canh dần/ kỷ Sửu/ mậu tý/ đinh Hợi/ bính tuất/ kỷ Dậu

Mệnh này tứ mao mộc nắm lệnh đương quyền, 4 can tân lâm tuyệt địa, tuy khắc địa chi nhưng vô lực. Nếu thiên can tân kim vượng khắc mao mộc có thể dụng tài, tất sẽ phát phú. Sống với cha mẹ được mấy năm thì cha mẹ đều mất, theo đạo sĩ làm đồ đệ. Vận kỷ Sửu, mậu tý ẩn thụ sinh phù, tân kim vượng, áo cơm đầy đủ, giao vận đinh Hợi, chi Hợi sinh mao, mao mộc sinh trợ đinh hỏa khắc kim, tán gia sản mà chết.

Tóm lại: Trụ có 4 can đồng một khí, nếu can vượng cần nên gặp vận tiết khí thiên can, nếu thiên can suy nhược mừng gặp vận trình sinh phò, tất là đại phúc.

Tam hội cục

Nguyên chú: Dần mao thìn, Hợi mao mùi mà ngọ giáp canh ất tân, ất thiên can không dụng được. Nhưng mà không chỉ toàn nhất khí cùng tam hội cục, bất luận hữu căn vô căn, đều cần thuận theo khí thế, can chi không bội phản là tuyệt diệu.

Nhâm thị viết: Địa chi tam hội cục, như dần mao thìn, tị ngọ mùi, thân dậu tuất, Hợi tị Sửu. Như dần mao thìn: Nhật chủ thuộc mộc cần phải có thiên can nhiều hỏa, nhật chủ thuộc hỏa cần phải có thiên can kim vượng, nhật chủ thuộc kim cần phải có thiên can thổ vượng. Hầu hết tam hội cục thì khí thế rất vượng. Gặp nhật chủ vượng thân tại đề cương tháng, thiên can phải thuận theo khí thế, nên tiết khí nhật chủ. Nhưng nếu thiên can hữu lực, vượng tại đề cương tháng thì khắc chế nhật chủ vậy, có thể làm dụng thân. Như tam hội mộc cục, đề cương tháng là dần mao, nên canh tân kim suy tuyệt không thể làm dụng; như đề cương tháng là thìn, tứ trụ lại có canh tân được thìn thổ sinh trợ, có thể làm dụng được vậy. Mộc phương như thế, còn lại mà suy ra.

34 - Càn tạo:

Tân mao canh dần giáp thìn bính dần

Kỷ Sửu/ mậu tý/ đinh Hợi/ bính tuất/ ất Dậu/ giáp Thân

Trụ có dần mao thìn tam hội mộc cục, thêm chi dần nên mộc cục vượng. Trên can thâu canh tân kim lâm tuyệt địa tại lệnh tháng, kim suy không khắc được giáp mộc. Hơn nữa, can thâu bính hỏa, nên mộc hỏa tương sinh, bính hỏa cục vượng khắc hại canh tân, lấy bính hỏa làm dụng thân. Vận trình kỷ Sửu, mậu tý, thổ vận sinh kim, phá tán di thường, đinh Hợi vận tiến kinh nhập bộ, đến bính tuất vận, lập được đại công, thăng tri huyện. Vận khắc hại canh tân là vận cát vậy. Đến vận ất Dậu, canh tân đắc địa, không lộc.

35 - Càn tạo:

Canh dần canh thìn giáp dần đinh mao

Tân tị/ nhâm ngọ/ quý mùi/ giáp thân/ ất Dậu/ bính tuất

Tam hội mộc cục dân mao thìn. Tuy nhiên đề cương tháng chi thìn thổ đương quyền, canh kim được sinh phò đủ sức khắc mộc, đinh hỏa tuy thấu, không khắc hại canh kim, vậy dụng canh kim, lấy sát làm dụng thần. Vận giáp thân, canh kim lộc vượng ám xung dân mộc, khoa giáp liên đăng, làm đến tri phủ; giao vận bính tuất, bính hỏa khắc chế canh kim, hàng chức quý điền.

Nguyên chú: Trong 6 địa chi dương, chỉ duy nhất dân thìn là dương phương, là thuần dương vị. Địa chi dương, nếu như là vượng thần, cần nhất hành vận âm thuận.

Nhâm thị viết: Trong 6 địa chi dương thì có dân, thìn, ngọ là thuần dương (dương noãn), cần phân biệt dương hàn dương noãn mà luận; còn mùi, thân, tuất, là dương hàn. Phương tây bắc là hàn, phương đông nam là noãn. Nếu tứ trụ toàn chi dương tây bắc: thân, tuất, tý tức dương hàn tôi cần gặp hành vận chi âm noãn là mao, tị, mùi (phương đông nam); nếu như tứ trụ toàn chi dương đông nam là dân, thìn, ngọ tức dương noãn tôi cần gặp hành vận chi âm hàn dậu, Hợi, Sửu. Luận theo đại cục nếu nhật chủ thuộc mộc, hoặc hỏa, hoặc thổ mà tứ trụ toàn chi dương noãn (phương đông nam), nên gặp hành vận tây bắc chi âm hàn (âm thủy, âm mộc, âm hỏa) là nơi có thể sinh trợ dụng thần mà đắc dụng. Nếu gặp hành vận tây bắc chi dương hàn (dương thủy, dương mộc, dương hỏa) tất là dương cô không sinh, cho dù sinh trợ hi thần, cũng vô cùng gian nan. Luận về dương noãn dương hàn : “Dương thịnh cương kiện, có thể phối với âm thịnh nhu thuận chi địa” là vậy. Nếu không nghiên cứu thâm sâu, dụng tinh vi thì sao đắc yếu huyền cơ được?

36 - Càn tạo:

Quý tị bính thìn bính ngọ canh dân

Ất mao/ giáp dân/ quý Sửu/ nhâm tý/ tân Hợi/ canh tuất

Trụ này địa chi dương lại thuộc phương đông nam. Tựa hồ kim thủy vô căn, mừng là chi tháng thìn thổ, tiết hỏa sinh kim, canh kim được sinh có lực nên có thể làm dụng thần. Canh kim là nguyên thần của quý thủy. Sơ vận, ất mao giáp dân, kim lâm tuyệt địa, hỏa vượng, mà thủy bị tiết chế quá nhiều, cơ khổ cùng cực, giao vận quý Sửu, kim thủy thông căn, thêm tị dậu bán hợp kim cục, xuất ngoại buôn bán hanh thông, phát tài thập vạn. Dương noãn gặp hàn khí, tương phối thật đẹp vậy.

37 - Càn tạo:

Mậu dân ất Sửu bính dân canh dân

Bính dân/ đinh mao/ mậu thìn/ kỷ tị/ canh ngọ/ tân mùi

Ngày bính dân, tuy địa chi có 3 dân, may mắn là Sửu thổ đương quyền, tài tinh quý khố. Nếu vận hành tây bắc thổ kim, tài nghiệp sẽ tạo lập thành công, chỉ tiếc hành vận đông nam mộc hỏa vượng, tổ nghiệp phá tán, bôn ba vất vả, đến ngọ vận ám hội hỏa cục tỷ kiếp sinh vượng, mà mất mạng. Nhất sự vô thành, chẳng phải do vận đó sao.

Nguyên chú: Sáu chi âm, dậu Hợi Sửu thuộc thuần âm. Cư 5 chi âm, nếu như nhật chủ vượng cần gặp hành vận đất dương thuận, tất gặp quang vinh hanh thông.

Nhâm thị viết: Trong sáu chi âm, thì dậu Hợi Sửu là chi âm hàn (thuần âm). Phương tây bắc là âm hàn, nếu trụ toàn dậu Hợi Sửu tức âm hàn, tôi cần gặp hành vận đông nam dần Thìn Ngọ là dương nhiệt. Nếu như trụ toàn Mão, Tị, Mùi tức âm nhiệt, tôi cần gặp hành vận tây bắc thân Tuất Tý là dương hàn vậy. Nói theo đại cục, nếu nhật chủ thuộc kim, hoặc thủy, hoặc thổ có tứ trụ lại gặp địa chi hoặc kim, hoặc thủy, hoặc thổ phương tây bắc âm hàn, nên gặp vận trình có địa chi thuộc đông nam dương kim, dương hỏa, dương thổ, là phương có thể trợ giúp dụng thần, mà phúc lộc gia tăng. Nếu gặp vận trình có địa chi thuộc đông nam âm kim, âm hỏa, âm thổ, sẽ rất gian nan nhưng về sau được phúc. Luận về âm hàn âm hoãn chi cục cũng đều như thế “Âm thịnh chứa khí mềm mại, nhu nhược, cần gặp nơi dương thịnh quang xương cương kiện”.

38 - Bính Tý Kỷ Hợi Ất Dậu Nhâm Ngọ

Canh Tý/ Tân Sửu/ Nhâm Dần/ Quý Mão/ Giáp Thìn/ Kỷ Tị

Trụ toàn dậu, Hợi, Tý tức khí âm hàn. Ất mộc lạnh cần sưởi ấm, có bính hỏa có thể làm dụng thần, nhâm thủy chính là khắc thần. Mừng nhờ nhâm thủy xa bính hỏa, nhâm thủy sinh trợ ất mộc, ất mộc vốn suy nhược mừng được sinh phò. Lại có kỷ thổ thấu can, có thể ngăn thủy bảo vệ bính hỏa. Thật đẹp khi can thủy mộc hỏa thổ lập nên môn hộ, tương sinh hữu tình. Địa chi Ngọ hỏa chế sát tân kim tàng trong dậu, năm tháng hỏa thổ thông căn lộc vượng. Vận đông nam đều là vận tốt, tứ trụ hữu tình, hành vận hanh thông vinh quang, làm quan đến chức tổng đốc, liên đăng giáp đệ, âm dương phối hợp thật vi diệu vậy.

39 - Kỷ Hợi Bính Tý Ất Sửu Nhâm Thân

Ất Hợi/ Giáp Tuất/ Quý Dậu/ Nhâm Thân/ Tân Mùi/ Canh Ngọ

Nguyên chú: Trụ này khác trụ trên ở chi dậu Tý. Nói về chi, Sửu thay dậu tất là đẹp hơn, dậu là thất sát, khắc ta còn Sửu là thiên tài, ta khắc, có thể chứa thủy, thật đẹp vậy. Chẳng biết rằng Sửu thuộc thấp thổ có thể tiết hỏa, ngăn thủy, dậu tuy là thất sát, bị Ngọ hỏa khắc, không tiết Ngọ hỏa, trụ ở trên bính hỏa tại can năm, can nhâm ở trụ giờ cách xa, thêm được kỷ thổ bảo hộ; trụ này bính hỏa can tháng, nhâm thủy cận kề, kỷ thổ không có lực hộ bính hỏa, lại gặp tý thủy. Hơn nữa, vận hành tây bắc, là nơi âm hàn, bính hỏa vô sinh, ất mộc phát sinh được sao? Thập can giống như thân thể: “hư thấp chi địa, kỳ mã diệp ưu” (tức nhật chủ ất, thiên can không thấu xuất bính đỉnh hữu lực, hoặc tàng chi tuất thì không thể phát được), lời riêng không sai lầm vậy. Cho nên, thất chí vân song, nghèo xác xơ, khắc vợ không con, đến vận nhâm thân, bính hỏa lâm tuyệt địa mà chết.

Nhâm thị viết : Chi sinh can như giáp Tý, bính dần, đinh Mão, Mậu Ngọ, Nhâm Thân, Quý Dậu, Ất Hợi, Canh Thìn, Tân Sửu. Nhật chủ không đắc lệnh tháng, thêm nữa trong trụ lại không có sinh phù nhật chủ, tức dụng thần ẩn tinh ở trụ ngày, bị xung rất xấu, tai họa rất nặng. Nếu nhật chủ đắc thời đương lệnh, hoặc trụ năm trụ giờ nhật chủ gặp lộc vượng, hoặc thiên can tỷ kiếp trùng điệp, hoặc quan tinh suy nhược, phản lại rất kỳ ẩn tinh tiết khí quan, tất không sợ xung phá. Tóm lại, nhật chủ khí thể thịnh vượng, mừng gặp xung; nhật chủ suy nhược rất sợ gặp xung. Tuy luận về nhật chủ, mà về hành vận cũng tương tự như thế.

40 - Giáp dần mậu thìn bính dần bính thân

Ất tị/ canh ngọ/ tân mùi/ nhâm thân/ quý dậu/ giáp tuất

Can bính toạ dần ần thụ, sinh vào tháng quý xuân, khí hỏa có thừa, với lại gặp năm giáp dần, tất nhật chủ quá vượng. Thổ tuy đương lệnh, mà bị mộc vượng khắc, mừng gặp thân xung dần, tài tinh đắc dụng, hiềm vì can bính hỏa khắc chi thân, nên xung vô lực. Hành vận phương nam, khó khăn dị thường, đến nhâm thân, quý dậu vận trình hai mươi năm, thân kim xung dần mộc, khắc tỵ kiếp, sang nghiệp hưng gia. Trụ này tài tinh làm dụng thần.

41 - Nhâm thân giáp thìn bính dần bính thân

Ất tị/ bính ngọ/ đinh mùi/ mậu thân/ kỷ dậu/ canh tuất

Nhật chủ toạ dần ần thụ, cũng sinh vào tháng quý xuân, mộc còn dư khí. Can năm nhâm sát sinh ần hữu tình, không phải ngại vậy. hiềm lưỡng thân kim xung dần, giáp mộc vô căn. Mừng gặp nhâm thủy hóa thân kim, sinh mộc. Vận bính ngọ khắc thân kim, nhập học đăng khoa giáp bạng. Vận đinh mùi, đinh hỏa hợp mất nhâm thủy, gặp tai họa. Vận mậu thân, mậu thổ khắc hại nhâm thủy, tại vận ba thân xung một dần mà mất mạng. Mệnh này nhâm thủy sinh trợ giáp mộc, giáp là dụng thần, không nên thụ thương. Nhâm thủy bị khắc thụ thương, giáp mộc không được tương trợ. Phạm dụng một sát tương sinh ần thụ, rất kỵ sát bị thụ thương.

Nguyên chú: Như đinh hợi, mậu tỵ, giáp ngọ, tân tị, nhâm ngọ, quý tị; can tàng trong chi cùng thiên can tương hợp. Nhật chủ toạ chi tài quan, nếu tài quan vượng, tất nên tinh không nên xung.

Nhâm thị viết: Mười can chi tương hợp, do âm dương tương phối. Năm dương hợp năm âm làm tài; năm âm hợp năm dương làm quan. Âm vượng không tòng dương, dương vượng không tòng âm, tuy hợp không hóa, có tranh hợp, kỵ hợp cần nên phân biệt tỏ tường. Nếu can lộ hợp với can tàng trong chi, tất luôn hợp thành, không có sự tranh hợp vậy. Thiên can cùng địa chi cần phải linh động xem xét, quan trọng tại bốn chữ “địa vượng mừng gặp tĩnh”; địa chi vượng nhất định thiên can phải suy, nên cần tĩnh, bốn chi không xung khắc tất có công sinh trợ chi thìn. Thiên can suy mà không có sinh trợ, địa chi vượng lại được sinh, thiên can có ý tòng theo, nếu địa chi có nguyên thần thấu xuất, theo đó thượng thiên hạ địa, lên xuống hữu tình; hợp tài tự tòng tài, hợp quan tự tòng quan. Cho nên tĩnh tất yên ổn, động tất nguy nan. Chỉ có mậu tỵ, tân tị, đinh hợi, nhâm ngọ bốn ngày là có thể thiên địa tương hợp. Nếu ngày giáp ngọ, trong ngọ trước tàng đinh, rồi sau đó mới tàng kỷ, kỷ thổ há có thể chuyên quyền mà hợp giáp, giáp há có thể xuất mà hợp kỷ? Ngày quý tị, tị trước tàng bính sau đó mới tàng mậu, mậu há có thể lướt quyền bính mà hợp quý được sao? Chỗ này không luận tam nhật, còn như thập can, ứng hợp mà hóa, biến thành hoá cách.

42 - Kỷ tị tân mùi nhâm ngọ ất tị

Canh ngọ/ kỷ tị/ mậu thìn/ đinh Mão/ bính dần/ ất sửu

Chi thuộc phương nam, hỏa đương lệnh thừa quyền, hỏa cực vượng; hỏa vượng thổ khô tảo nên không sinh cho kim, tân kim suy nên khó sinh nhâm thủy nhật chủ, nhật chủ cực suy. Không lấy tân kim làm dụng, nhâm thủy hợp đinh hỏa tàng trong ngo vậy (tòng hỏa). Vận kỷ tị, mậu thìn, sinh kim tiết hỏa, hao tán hình thương; vận đinh mao, bính dần, mộc hỏa thịnh vượng khắc tuyệt tân kim, kinh doanh phát tài bạc vạn.

43 - Kỷ sửu bính tý đinh hợi canh tý

Ất hợi/ giáp tuất/ quý dậu/ nhâm thân/ tân mùi/ canh ngo

Trụ toàn chi thuộc phương bắc, thủy hàn cực vượng; thiên can hỏa hư nhược, không có mộc sinh phù; lại có kỷ sửu thập thổ tiết hỏa, nhật chủ cực suy. Luận về sát vượng thân nhược. Năm mậu dần, kim tuyệt hỏa sinh, thêm nữa hợp mất hợi thủy, tất có đại hung. Trụ này quan tinh thừa vượng, hơn nữa quan tinh trùng điệp, thiên can vô ấn, kỷ thổ tiết khí bính hỏa, nhật nguyên không được nâng đỡ. Do vậy, thiên can địa chi hợp mà tòng quan vậy, thành cách tòng sát. Giáp tuất vận, sinh hỏa khắc thủy, hình thương hao tán, cha mẹ mất; vận quý dậu, nhâm thân khắc bính hỏa, trợ khởi tài quan, thu lợi năm vạn; cùng vận năm bính tý mất lộc, mất hai vạn. Thường cho rằng được hỏa thổ tương trợ thân, nên vận ngo mùi sẽ đẹp, chẳng biết là sai lệch do kiếp đoạt tài, không biết là đại hung.

Nguyên chú: Hai . Canh kim thấy dần trung hòa thổ, nhưng lại nhiều giáp mộc, mà lấy tài luận; quý thấy sửu trung thổ kim, nhưng lại nhiều quý thủy, thì giúp thân, không bằng giáp thấy thân trung nhâm thủy canh kim, mậu thấy dần trung giáp mộc bính hỏa vì chân cũng.

Nhâm Thị viết: chi ngòi sát ấn, không phải chỉ này bốn nhật, như ất sửu, tân mùi, nhâm tuất vân vân, cũng lưỡng thần cũng. Quý sửu nhiều tị kiên, mậu dần há không có tị kiên hồ? Canh dần nhiều tài tinh, giáp thân há không có tài tinh hồ? Không phải duy canh dần quý sửu không đúng, tức giáp thân mậu dần, cũng khó khăn làm theo, nếu chích lấy nhật chủ một chữ luận cách, tài năm tháng thời trung, làm hà dần xếp để ý tới da? Bất quá đem này mấy ngày vì đề tài, dụng sát thì đỡ chi, không cần thì ức chi. Tu xem tứ trụ khí thế, nhật chủ suy vượng chi khác, như thân cường sát thiểu, thì lấy tài tinh kết sát; thân sát lưỡng dùng, thì lấy thực thần chế sát; sát cường thân nhược, thì lấy ấn thụ hóa sát, luận cục trung sát trọng thân nhẹ người, không phải bản tức yêu; chế sát quá mức người, mặc dù học không có thành. Luận hành vận sát vượng, phục hành sát mà người, lập thấy hung tai; chế sát sẽ đi chế hương người, ất gặp nghèo thiếu. Thư nói "Cách cách suy tường, lấy sát làm trọng" ; thêm nói "Có sát chích luận sát, không có sát phương luận dụng", sát ngoài có thể chột hồ?

44: Nhâm ngo Kỷ dậu Giáp thân Giáp tý

Canh tuất/Tân hợi/Nhâm tý/Quý sửu/Giáp dần/Ất mao

Giáp thân nhật nguyên, sinh vu tháng tám , quan sát đương quyền, hỉ ngoài ngo hỏa chặt chế dậu kim, tử thủy hóa ngoài thân kim, vì khứ quan lưu sát. Sát ấn tương sinh, mộc điều kim vượng, ấn tinh vi dụng, giáp đệ liên đẳng, do đám thợ xuất vi quan sát, tòng nghiệt hiển mà chuyển phong cương.

45: Nhâm thìn Kỷ Dậu Giáp thân Giáp tý

Canh tuất/Tân Hợi/Nhâm tý/Quý Sửu/Giáp dần/Ất Mão

Này cùng tiền tạo chích đôi lại một thìn chữ, lấy tục luận chi, tiền thì chế quan lưu sát, này thì hợp quan lưu sát, công danh sĩ lộ, không chỗ nào cao thấp, thù không biết có thiên uyên chi cách. Phu chế người khắc đi chi, hợp người có khur không hề khur cũng. Như lấy thìn thổ vi tài, thì hóa kim mà trợ giúp sát; lấy dậu kim làm quan, vẫn hóa kim mà đàng sát. Bởi vậy xem chi, rõ ràng trung mang trợ, mà lấy tài vi bệnh người, chẳng những công danh cò xát đập, hơn nữa hình hao khó khăn từ. Duy Hợi vận gặp sinh, có thể lấy được một cam, nhâm tý như gặp mộc, thu vi có vọng; quý Sửu hợp khur tử ẩn, một trở khur trình, có hung không có cát; giáp dần vận bị thân xung phá, thọ nguyên có ngại hĩ.

Nguyên chú: Thiên can tuy không được tương sinh, nên được hữu tình mà không phản khắc.

Nhâm thĩ viết: Can chi tình hiệp, bảo hộ nhau, can chi không phản khắc nhau. Như quan suy được tài vượng tương sinh mà đắc cục, quan vượng nhiều tài khắc kiếp; sát tương sinh ẩn, kỵ tài lâm kiếp địa; thân cường sát thiên, mừng tài vượng; tài suy kiếp vượng, cần có quan tinh chế kiếp, nếu không có quan cần có thực thương hóa tỉ kiếp, đó là hữu tình. Như quan suy nhược gặp thương quan, tài tinh không hiện; quan vượng không có ẩn, tài tinh đắc cục; sát sinh ẩn, tài tinh tọa thực thương (can là tài, chi là thực thương); thân vượng sát khinh, tài tọa kiếp địa; tài khinh kiếp trọng, không có thực thương mà quan thất lệnh, có thực thương mà ẩn đương quyền, đều là không hiệp.

46 - Kỷ tị quý dậu bính dần canh dần

Nhâm thân/ Tân Mùi/ Canh Ngọ/ Kỷ tị/ Mậu Thìn/ Đinh Mão

Nhật chủ bính hỏa tọa lưỡng dần tức được trường sinh, lại được lộc ở chi năm, có thể lấy quan làm dụng. Quý thủy quan tinh bị kỷ thổ thương quan sát bên khắc chế, mừng quan tinh tọa dậu kim tài tinh. Vi diệu tị dậu bán hợp kim cục, nên kỷ thổ bị tiết khí, nhờ đó quan tinh có căn gốc được sinh trợ. Cho nên cả đời không gặp hung hiểm, danh lợi đều có vậy.

47 - Quý Hợi quý Hợi bính thìn giáp ngọ

Nhâm tuất/ Tân Dậu/ Canh Thân/ Kỷ Mùi/ Mậu Ngọ/ Đinh tị

Trụ này quan sát thừa vượng, thật đáng ngại vậy, tuy nhiên mừng chi giờ ngọ hỏa sinh thực chế sát, thiên can thâu giáp, sinh hỏa tiết thủy. Sát vượng hóa ẩn, giáp mộc ngọ trường sinh tại Hợi thủy, nên mộc có căn gốc, can chi tương hiệp hữu tình. Bạch thủ thành gia, phát tài mấy vạn (tốt từ vận kỷ mùi nam phương hỏa địa).

48 - Giáp dần canh ngọ ất mão bính tý

Tân Mùi/ Nhâm Thân/ Quý Dậu/ Giáp tuất/ Ất Hợi/ Bính tý

Can ất tọa Mão ngày chủ gặp lộc, tý thủy sinh Mão mộc, can năm giáp mộc cũng tọa dần lộc vượng, hỏa vượng không thổ nên canh kim suy không thể dụng canh, dụng bính

hỏa bị tý thủy khắc và xung mất ngọ hỏa, cũng không gặp vận hỏa, cho nên một đời thất bại như vôi, vận ất hợp thủy mộc cùng đến, trở thành ăn mày.

49 - Ất sửu kỷ mao ất hợp nhâm ngọ

Mậu dân/ đinh sửu/ bính tý/ ất hợp/ giáp tuất/ quý dậu

Trụ có kỷ thổ tài tinh, thông căn tại sửu, đắc lộc tại ngọ, tựa hồ thân vượng tài vượng, chẳng biết kỷ thổ bị ất mộc tý kiếp đoạt mất, sửu thổ chi tài bị mao mộc khắc phá, ngọ hỏa thực thần bị hợp thủy khắc chi. Thiên can thấu nhâm thủy, không thể nào dẫn hỏa, trên dưới vô tình vậy. Sơ vận mậu dân, đinh sửu, kỷ thổ tài tinh được sinh trợ, sản nghiệp thịnh vượng, nhất giao vận bính tý, xung mất ngọ hỏa, bại vận như vôi, ất hợp vận thê tử ruồng bỏ, cắt tóc đi tu, lại thêm không giữ thanh quý, cô độc mà chết.

Nguyên chú: Trên dưới, hai bên tuy không được đồng một khí, cần nên sinh hóa hữu tình.

Nhâm thị viết : Tả hữu hai bên đồng thuận, nên chế hóa phù hợp, tả hữu hai bên sinh phù, không phân tranh vậy. Như sát vượng thân nhược, có dương nhận hợp nhật chủ, hoặc ấn thụ hóa sát; thân vượng sát nhược, có tài tinh sinh sát, hoặc quan tinh trợ sát; thân sát đều vượng, có thực thần chế sát, hoặc thương quan khắc, là cùng đồng thuận. Nếu thân nhược mà sát được tài sinh trợ, tài là khắc thân vậy; thân vượng mà kiếp hợp quan, tài quan vô lực vậy. Tóm lại, nhật chủ tùy theo suy vượng mà theo đó mà dụng thần cho hợp lý vậy, nếu sát là dụng thì mừng sát được tài sinh, kỵ sát thì mừng có thực chế sát, nếu ấn là dụng thì mừng ấn được quan sinh, kỵ ấn thì mừng ấn bị tài khắc chế, nếu tài là dụng thì mừng tài gặp thực, kỵ tài thì mừng tài gặp kiếp. Nên nghiên cứu tường tận vậy.

50 - Nhâm thân bính ngọ canh ngọ canh thìn

Đinh mùi/ mậu thân/ kỷ dậu/ canh tuất/ tân hợp/ nhâm tý

Trụ này bính hỏa sát tinh tuy vượng, nhâm thủy có căn gốc ở thân kim, nhật chủ được canh kim tương trợ, được chi thìn thổ tương sinh. Dụng nhâm thủy chế sát, thiên can đồng thuận; địa chi đồng thuận, nhất chế nhất hóa, thật là hữu tình. Vận kim thủy thật đẹp, quan lộ hiển hách, làm quan đến chức tổng đốc.

51 - Nhâm ngọ bính ngọ canh thân mậu dân

Đinh mùi/ mậu thân/ kỷ dậu/ canh tuất/ tân hợp/ nhâm tý

Mệnh này với mệnh trên, đại đồng mà tiểu dị, nhật chủ tọa lộc thân kim, nhâm thủy cũng khăn chế sát, có sao danh lợi đều không, mệnh này chung thân không phát được sao? Cái khác nhau là mệnh trên nhâm thủy tọa thân kim, thực thần vượng có thể chế sát, mệnh này nhâm thủy tọa ngọ tức lâm tuyệt địa, không có lực chế sát vậy; mệnh trên thiên can thấu canh có thể trợ nhật chủ lại có thể sinh nhâm thủy, mệnh này thiên can thấu mậu thổ khắc thủy, không thể sinh thực thìn. Tả hữu không tình hiệp vậy.

Nhâm thị viết: Cái lý ngũ hành tương sinh, cầu can chi phải lưu thông, tứ trụ sinh hóa không ngừng vậy. Ngũ hành đầy đủ, tức không thiên lệch khuyết hãm, hoặc có hợp hóa, bảo hộ cho nhau, dụng thần cần đắc địa, kỵ thần cần bị khắc chế vô căn. Nhân thần

không trợ giúp kỵ thần, Kỵ thần bị hợp, tứ trụ can chi, dẫn cho có thực, thương, kiêu, kiếp, cũng cần phụ cách tương trợ dụng thần. Mừng dụng thần hữu tình, nhật nguyên đắc khí, thì không thiếu phú quý phúc thọ vậy.

52 - Nhâm dần giáp thìn đinh hợi kỷ dậu

Ất tị/ bính ngọ/ đinh mùi/ mậu thân/ kỷ dậu/ canh tuất/ tân hợi/ nhâm tý

Can năm nhâm thủy, có chi hợi thủy là vượng. Quan sinh ấn, ấn sinh nhật chủ, dụng thực thần kỷ thổ, tài tinh có thực là phúc, quan được tài tinh sinh phò. Thương quan tuy đương lệnh, được ấn tinh (giáp mộc) khắc chế hữu tình, năm tháng không phản bối, ngày giờ không đổ kỵ, thủy chung sở đắc. Quan nhị phẩm phú quý vô đẳng, tài bạch trăm vạn, con cái đẹp đẽ, thọ tám chục tuổi.

53 - Mậu tuất canh thân quý hợi ất mão

Tân dậu/ nhâm tuất/ quý hợi/ giáp tý/ ất sửu/ bính dần/ đinh mão/ mậu thìn

Mệnh này có thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc, can chi đều như chế. Nhưng có tương sinh, mà không tranh đoạt, mậu tuất tàng tài tinh quý khó, quan tinh ấn tinh đều rõ ràng, thực thần sinh vượng. Xuất thân hương bảng, nhập cung vua, một thê hai thiếp, con cái mười ba người, khoa giáp liên đăng, tài hơn trăm vạn, thọ hơn chín chục tuổi.

54 - Giáp tý bính dần kỷ tị tân mùi

Đinh mão/ mậu thìn/ kỷ tị/ canh ngọ/ tân mùi/ nhâm thân/ quý dậu/ giáp tuất

Mệnh này có mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, địa chi thủy sinh mộc, mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim. Tất cả đều do chi sinh can, theo địa chi từ chi năm tý thủy sinh dần mộc đến can tân kim là kết, theo thiên can cũng chi năm tý thủy sinh giáp mộc đến can tân thì kết. Thiên địa đồng lưu. Khoa giáp liên đăng, quan lộ cực phẩm, gia đạo tề mỹ, khoa giáp liên đăng, thọ chín chục tuổi.

Chương 10 - Hình tượng

Lưỡng khí hợp nhi thành tượng, tượng bất khả phá dã

"BGS: Phần này nói về cách cục lưỡng thần thành tượng "

Nguyên chú: Thiên can thuộc mộc, địa chi thuộc hỏa, thiên can thuộc hỏa, địa chi thuộc mộc, hai khí thành một tượng. Nếu gặp kim thủy tắc bị phá, còn lại đều như thế.

Nhâm thị viết: Hai khí song thanh, trừ hỏa mộc hai hình, như thổ kim, kim thủy, thủy mộc, mộc hỏa, hỏa thổ là năm cục tương sinh. Năm cục tương khắc như mộc thổ, thổ thủy, thủy hỏa, hỏa kim, kim mộc. Tương khắc cục, rất kỵ bên trọng bên khinh. Nếu dụng kim thủy, tất hỏa thổ không nên gặp vì là tạp khí; bằng như dụng thủy mộc, tắc hỏa kim không nên giao tranh. Mộc hỏa thành tượng thành cục, sợ nhất kim thủy phá cục; thủy hỏa thành cục, kỵ gặp thổ mà thổ ngăn thủy. Các cục khác đồng như thế. Hành vận đắc khí không phá cục tất danh cao, lộc trọng; vận trình tạp khí hỗn loạn, danh lợi không thành mà khuynh gia bại sản. Cho nên cách cục hình tượng rất khó toàn mỹ. Nếu nhật chủ

được sinh mà đặc cách thì chính là lưu thông chi diệu, nhưng nhật chủ bị khắc mà gặp vận trình tiết hóa nhật chủ cũng là hòa hợp hữu tình.

55 - Giáp ngộ đinh mao giáp ngộ đinh mao

Mậu thìn/ kỷ tị/ canh ngọ/ tân mùi/ nhâm thân/ quý dậu

Mệnh này mộc hỏa hai khí thành tượng, dụng đinh hỏa thương quan, tú khí diệu dụng. Tứ trụ không có kim thủy. Kỷ tị vận, đinh hỏa lâm quan, nhập cung vua, danh cao chức trọng; canh ngọ vận quan sát hỗn cục, từ chức hồi cố hương. Hậu vận toàn nhâm quý thủy vượng, thật khó mà tốt được vậy.

56 - Đinh mao ất tị đinh mao ất tị

Giáp thìn/ quý mao/ nhâm dần/ tân sửu/ canh tý/ kỷ hợi

Mệnh này cũng mộc hỏa hai khí thành tượng, chỉ khác trên (không) có thương quan (mậu) thấu xuất. Nhật chủ thuộc hỏa, sinh tháng hạ, hỏa vượng nên mộc tông hỏa thể, tạo thành cách viêm thương, không nên gặp vận canh kim. Vận đông phương (thìn, mao, dần), hỏa được sinh trợ. Lâm quan đến chức tuần phủ Chiết Giang; đến vận tân sửu, năm thủy mộc hỏa thụ thương, không thể tránh được họa vậy. Nhị khí thành tượng, chỉ có thể thuận theo mà không thể nghịch phản vậy.

57 - Bính ngọ mậu tuất bính ngọ mậu tuất

Kỷ hợi/ canh tý/ tân sửu/ nhâm dần / quý mao/ giáp thìn

Mệnh này hỏa thổ hai khí thành tượng, dụng tuất thổ thực thìn, tú khí diệu dụng. Tân sửu vận thấp thổ tiết hỏa, tú khí lưu hành, đăng khoa hương bảng; vận (sát) nhâm dần năm nhâm (thìn), dự phó hội, bất ngờ chết. Nhâm thủy kích bính hỏa, tắt hỏa diệt vậy. Nếu như hai tuất thổ được hoán đổi bằng hai thìn thổ, là đất ướt không phải đất khô tảo, tuy gặp thủy vận, cũng không gặp đại hung vậy.

58 - Mậu tuất tân dậu mậu tuất tân dậu

Nhâm tuất/ quý hợi/ giáp tý/ ất sửu/ bính dần/ đinh mao

Mệnh này thổ kim hai khí thành tượng, dụng tân kim thương quan diệu dụng. Mừng gặp vận phương bắc, tú khí lưu hành, thiếu niên đăng khoa giáp, sĩ chỉ hoàng triều. Giao vận bính dần, bính hỏa phá dụng thần tân kim, mất lộc. Phạm hai khí thành tượng, cần phải nhật chủ không được sinh, dụng thần hoặc thực hoặc thương quan. Gọi là tinh anh tú khí, thông tuệ phú quý đều có; vận khắc dụng thần, phá cục thì không tránh gặp họa. Như kim thủy, thủy mộc thành ấn thụ cách, không dụng được thực thương, cho nên không phú quý, cần nghiệm vậy.

59 - Mậu tuất quý hợi mậu tuất quý hợi

Giáp tý/ ất sửu/ bính dần/ đinh mao/ mậu thìn/ kỷ tị

Mệnh này thủy thổ hai khí thành tượng, mừng tảo thổ được thông căn, tài mệnh hiem có. Tuy nhiên, tháng hợi khí hàn, nên đến vận bính dần được khí hỏa sưởi ấm, vận

đăng khoa giáp, thật vi diệu giáp mộc tàng trong hơi thủy ám sinh hỏa, làm quan đến chức quân thủ, quan lộ an bình.

Mùa đông khí hàn, thường dụng hỏa mới đẹp. Trừ một số trường hợp đặc biệt thuộc tông cách.

60 - Quý Hợi kỷ Mùi quý Hợi kỷ Mùi

Mậu ngọ/ đinh tị/ bính thìn/ ất mão/ giáp dần/ quý sửu

Mệnh này thủy thổ tương khắc, hai khí thành tượng, sát không bị chế, nhật chủ thụ thương khắc. Sơ vận hỏa thổ, sinh trợ thất sát, tài cao chí lớn mà không gặp cơ hội, ngao du sơn thủy, thiếu người tri âm vậy. Giao vận ất mão, vận chuyển phương đông, chế sát hóa quyền, cơ hội bất ngờ, thăng tri huyện lệnh. Bởi vậy xem mệnh, gặp vận thực thương lại tốt đẹp, gặp ần cục lại không hay, không đủ cát lợi. Tài cục, nhật chủ bốn khí không thụ thương, lại đắc vận trình, tất là toàn mỹ, ngọ nhỡ cục bị phá, tất sinh họa vậy.

Ngũ khí tự nhi thành hình, hình bất khả hại dã

(BGS: phần này nói về thành bại nhu yếu của ngũ hành)

Nguyên chú: Mộc tất đắc thủy sinh, hỏa (tiết mộc) hành mộc, thổ (khắc thủy, sinh kim) bồi mộc, kim (khắc mộc) thành mộc. Thành hình tượng cốt yếu không được quá vượng hoặc quá khuyết, tất có hại. Còn lại đều suy ra.

Nhâm thị viết: Nhật chủ thuộc mộc thành tượng, thực thương tiết khí nhật chủ, gặp thủy tức ần tinh có thể sinh nhật chủ; quan sát quá vượng, có thể dụng hỏa khắc chế quan sát bảo hộ nhật chủ; ần thụ thủy trùng điệp làm cho nhật chủ quá vượng, có thể dụng tài thổ khắc chế ần bồi nhật chủ; tài suy kiếp vượng, có thể dụng kim tức quan sát khắc chế kiếp. Thành hình tượng sẽ đắc dụng (ý nói ngũ hành trong tứ trụ cần phải cân bằng mới đắc dụng), kể đến không bị thiên khô, danh lợi sao không toại nguyện được? Đơn cử luận về mộc như thế, ngũ hành đều có thể thành hình, chẳng qua là thay đổi hành khí mà thôi. Nếu tứ trụ không thành hình (không cân bằng), lại thêm gặp vận trình không tạo nên cân bình, tất chung thân lục đục, dữ nhiều lành ít, có chí mà vất vả gian nan lắm.

61 - Nhâm tuất nhâm tý giáp tý mậu thìn

Quý sửu/ giáp dần/ ất mão/ bính thìn/ đinh tị/ mậu ngọ/ kỷ mùi

Mệnh này thủy thể cường bạo, chỉ có mậu thổ tài tinh có thể làm dụng, không biết chỉ là phù phiếm. Tuy nhiên, mậu thổ cũng có căn gốc tại tuất thổ, nếu có thìn thổ mà không có tuất thổ, thìn thuộc thấp thổ, gặp thủy tất thành đồng đăng, nên mậu thổ không có căn mà hư nhược. Nếu không có chi thổ, há có thể phát phú vinh nổi danh được sao? Cho nên mệnh này trọng ở chi tuất táo thổ vậy. Nhưng hàn mộc không có hỏa sưởi ấm, phải có hỏa làm ấm, thì mộc mới phát phú vinh được, đến vận phương nam hỏa vượng, phát tài mấy vạn, danh khí lẫy lừng.

62 - Mậu dần ất mão giáp thìn tân mùi

Bính thìn/ đinh tị/ mậu ngọ/ kỷ mùi/ canh thân/ tân dậu

Mệnh này chỉ tam hội mộc cục, tị kiếp quá vượng, chỉ có một tân kim thấu xuất, chỉ mùi thổ sinh tân kim không đủ, sơ vận hỏa thổ vượng, không thiếu sinh hóa hữu tình, tiền tài hưng thịnh, dư dật; đến vận canh thân tân dậu, tân kim đắc địa mà tứ trụ cân bằng hữu dụng, làm quan đến chức châu mục; đến vận quý sinh mộc tiết kim, thất lộc.

Nhận xét: Trụ này dụng hỏa, kim đều được chẳng qua trong trụ can thấu tân kim, chỉ mùi tàng đình hỏa. Nếu đổi lại không phải là tân mùi mà là tân sừ, khi đó không có đình hỏa; gặp vận đình tị rất hại vì đình khắc tân quá nặng.

63 - Quý mùi ất mao giáp tuất ất hợi

Giáp dần/ quý sừ/ nhâm tỵ/ tân hợi/ canh tuất/ kỷ dậu

Mệnh này có tuất thổ, tuất chứa mậu thực thổ, xem ra tài bạch có thể phong phú dư dật. Chỉ vì tứ trụ không có kim, không có hỏa; lại có chi hợi thủy nâng đỡ, quý thủy thông căn sinh tị kiếp, hợi mao mùi hợp mộc cục, trợ tị kiếp can rờ. Xem qua các vận trình, toàn tị kiếp kiêu ần, mới biết tổ nghiệp tiêu ma, khắc vợ không con. Bởi vậy xem mệnh quan trọng ở vận trình, lời xưa xem xét về vận há có thể qua loa : “Đắc vận tất đắc chí, vô vận bất tự thành”

Nhật chủ vượng, trong trụ có tài cần phải có thực thương hóa kiếp bảo hộ tài, hoặc có quan khắc kiếp bảo hộ tài. Nếu không có thực thương quan sát lại có kiêu ần, tất gặp vận kiêu ần tị kiếp khắc chế tài tinh, khắc vợ con, bản cùng.

Độc tượng hỷ hành hóa địa, nhi hóa thần yếu xương

(BGS: phần này nói về các cách độc vượng)

Nhâm thị viết : Độc tượng tức vượng cách, khúc trực viêm thương. Hóa giả tức thực thương vậy, cục có thực thương cường vượng, hành vận thực thương, danh lợi đều toại nguyện. Tứ trụ ngũ hành đầy đủ, cần nên hợp mà được hợp, duy nhất hành khí thừa quyền, cũng chủ hanh thông tốt đẹp.

Ngày mộc, hoặc tam hội hoặc tam hợp toàn mộc cục, không có tạp khí kim khắc mộc là khúc trực cách; ngày hỏa, hoặc tam hội hoặc tam hợp toàn hỏa cục, không có hỗn tạp thủy khắc hỏa là viêm thương cách; ngày thổ, tứ trụ toàn tứ thổ thìn tuất sừ mùi, không có hỗn tạp mộc khắc thổ là giá sắc cách; ngày kim, hoặc tam hội hoặc tam hợp toàn kim cục, không có hỗn tạp hỏa khắc kim là tông cách; ngày thủy, hoặc tam hội hoặc tam hợp toàn thủy cục, không có hỗn tạp thổ khắc thủy là nhuận hạ cách. Tông một phương chi sẽ tú khí cát lợi, không giống sáu cách thường tình, cần phải đắc lệnh tháng, vượng lại được sinh. Vượng thể được dẫn thông thì đẹp nhất, cần nên xem xét kỹ càng.

Như cách Mộc độc vượng:

a - Gặp vận thổ (tài), cho dù tài là nguồn của cải nuôi dưỡng mệnh, trước tiên tứ trụ phải có thực thương làm dụng thần thông quan để không có tương tranh.

b - Gặp hỏa vận (thực thương), tinh hoa khởi phát, cần xem nguyên cục hữu tài vô ần (tức có thổ mà không có thủy), phương không phản khắc, danh lợi có thể toại ý.

c - Gặp kim vận, phá cục, dữ nhiều lành ít.

d - Gặp thủy vận, mà cục không có hỏa, sinh trợ mộc vượng, cũng khá hanh thông (nhật chủ vượng, gặp ấn vận, tứ trụ không nên thấy thực thương).

Cho nên trước đây đã có thuyết về tông vượng, gặp hành sinh vượng thì tốt; nếu trong cục lại có thực thương thì rất hung họa đến tính mạng. Như nguyên cục đã phục tàng phá thìn, gặp vận hợp xung phá thìn thì đẹp. Nếu nhật chủ không đắc lệnh, nếu gặp vận sinh trợ nhật chủ, công danh cũng khá; nếu như hành vận ngẫu nhiên gặp sát địa, lập tức gặp ngay hung họa, nếu trong cục có thực thương tất có khả năng phản khắc, phương sát địa cũng không đáng ngại. Tóm lại, can đứng đầu chỉ thìn, dương khí thì cường, âm khí thì nhược; địa chi có hội hợp thành phương cục, lực hội tương đối mạnh hơn lực hợp. Độc tượng tuy đẹp, chỉ sợ vận trình phá cục; hợp tuy không hay, lại mừng chế hóa thành công.

64 - Giáp dần đinh mao giáp thìn bính dần

Mậu thìn/ kỷ tị/ canh ngọ/ tân mùi/ nhâm thân/ quý dậu

Chi toàn dần mao thìn, tam hội mộc cục, hóa thìn bính đinh vậ. Phát tiết tinh hoa, thông minh tú khí, thiếu niên khoa giáp, tiền đồ sáng lạng; vận mậu thìn, kỷ tị tài địa, đắc bính đinh tiết mộc sinh thổ; vận canh ngọ, tân mùi có ngọ mùi tàng bính đinh có thể khắc canh tân kim; giao vận nhâm thân khắc chế bính đinh phá cục tổn hại tú khí, hàng chức về nhà mất lộc.

65 - Kỷ mùi đinh sửu mậu tỵ kỷ mùi

Bính tỵ/ ất hợi/ giáp tuất/ quý dậu/ nhâm thân/ tân mùi

Mệnh Phí trung đường, thiên can mậu thổ gặp đinh hỏa. Tỵ sửu hợp hỏa thổ, thành giá sắc cách. Thổ trọng cần kim vượng, sửu tàng tân kim không thể dẫn xuất, với lại cục thấu tàng 3 đinh hỏa, tân kim bị thương khắc, không được sinh hóa hữu tình, cho nên gian nan khốn đốn. Nếu thiên can thấu một canh tân, địa chi tàng một thân dậu, tất đẹp lắm thay.

Thổ vượng, nhật chủ lại thuộc thổ thì dụng kim là đẹp nhất, tú khí lưu hành. Cần nhất dụng thần kim phải có lực, có gốc mới tốt.

66 - Bính dần giáp ngọ bính tuất ất mùi

Ất mùi/ bính thân/ đinh dậu/ mậu tuất/ kỷ hợi/ canh tỵ

Chi toàn hỏa cục, mộc tông hỏa thể, thành cách viêm thương. Tiếc là mộc vượng khắc thổ, tú khí bị thương khắc, thi hương khó thành, xuất thân nhà võ, làm quan đến chức phó Tướng. Hành vận thân dậu, vận cũng có tuất mùi hỏa, nên yên ổn; vận ất hợi bán hợp dần mộc, hàng chức; giao vận canh tỵ, thiên can không thấu mậu kỷ, chi gặp xung kích, chết ở trung quân.

Tứ trụ có chi hội hỏa cục nên hỏa cục vượng, nhật chủ thuộc hỏa nên dụng thổ đẹp nhất, tú khí lưu hành. Nếu đã dụng thổ thì kỵ nhất trụ có mộc, tất khắc thổ tổn thương. Hành vận có chi thuộc kim, tất bị chi hỏa khắc nhưng nhờ tứ trụ có chi thổ tuất mùi hỏa hỏa bảo hộ kim nên an ổn (hoặc nếu chi thủy khắc chi hỏa bảo hộ chi kim cũng tốt).

Hành vận có can thuộc kim tất sẽ bị can hỏa trong trụ khắc, nhưng nếu có can thổ mậu kỷ thì đỡ xấu do hỏa hỏa bảo hộ kim (hoặc nếu can thủy khắc can hỏa bảo hộ can kim cũng tốt). Trụ này không có can thuộc thổ nên xấu. Lại có tý thủy xung ngộ hỏa, tức phá cách viêm thương nên càng xấu, nhất định gặp họa.

67 - Canh thân ất dậu canh tuất canh thìn

Bính tuất/ đinh hợi/ mậu tý/ kỷ sửu/ canh dần/ tân mão

Mệnh này thiên can ất hợp hỏa canh hỏa kim, địa chi hợi kim cục thân dậu tuất, thành cách tòng kim, trụ vô thủy, chẳng những thi hương bất lợi mà còn chết không được yên lành. Xuất thân quân ngũ, quan tham Tướng, giao dân vận, tử trận. Cục không có thực thương, lại có dần tuất bán hợp hỏa cục khắc kim cục.

Kim vượng, nhật chủ thuộc kim. Thuận theo vượng thế, tiết hóa kim thật đẹp, tinh hoa phát tiết, tú khí lưu hành, công thành danh toại. Trụ có kim vượng lại không có thủy thì không nên gặp hỏa vận, tất sẽ chế khắc kim phá cục, gặp tai họa.

68 - Nhâm tý tân hợi quý sửu nhâm tý

Nhâm tý/ quý sửu/ giáp dần/ ất mão/ bính thìn/ đinh tị

Địa chi hợi tý sửu, can thấu nhâm quý tân, thành nhuận hạ cách. Mừng hành vận không gặp thổ; giáp dần vận mộc vượng khí lưu hành, đăng khoa giáp bảng; ất mão vận được thăng châu mục; vận bính thìn nguyên cục không có thực thương chi hóa, tỷ kiếp tranh tài, mất lộc.

Thủy vượng, nhật chủ thuộc thủy, trụ không có mộc (thực thương) không nên gặp hỏa vận (tài vận). Vì thủy khắc hỏa, kiếp tài. Nếu trụ có mộc thì mộc sẽ hóa thủy bảo hộ hỏa, là vận yên ổn.

Toàn tượng hỉ hành tài địa, nhì tài thần yếu vượng

(BGS: phần này luận về 3 hành tương sinh tạo thành cục trong trụ, gọi là "toàn tượng", cũng là chỉ dẫn một phần về luận các cách phổ thông)

Nguyên chú: ba cái gộp làm một, có thương quan mà lại có tài vận. Nhật chủ vượng hỉ tài vượng, mà hành vận không gặp quan sát thì đều đẹp.

Nhâm thị viết : Tam hội hợp cục, chuyên luận về thương quan cùng tài tinh.

a - Nhật chủ vượng, thương quan sinh tài, do đó nên gặp vận tài, nhưng tứ trụ nhiều tỉ kiếp, tài tinh bị kiếp đoạt, gặp vận quan lại cát lợi, thương quan vận cũng đẹp.

b - Nhật chủ vượng, thương quan khinh, có ấn thụ, mừng gặp tài vận, gặp vận quan xấu.

c - Nhật chủ vượng, tài khinh, trụ có tỉ kiếp, mừng gặp quan vận, tài vận không đẹp.

d - Nhật chủ vượng, tài quan đều có, mừng gặp tài mà không mừng gặp quan.

e - Nhật chủ hưu tù suy nhược, quan ấn tương sinh, mừng gặp ấn vận mà không mừng gặp tỉ kiếp.

Phần nhiều luận mệnh, không thể cố chấp, cần phải xem xét toàn cục, tình huống hi kị mà luận.

69 - Mậu thân bính thìn đinh mao giáp thìn

Đinh tị/ mậu ngọ/ kỷ mùi/ canh thân/ tân dậu/ nhâm tuất

Nhật nguyên đinh mao, sinh tháng quý xuân. Thương quan sinh tài, hiềm mộc vượng thổ suy nhược, thi hương khó thành. Nhờ có thổ thương quan hóa kiếp, nên bính hỏa không đoạt tài, đến vận canh thân, tân dậu, thừa tổ nghiệp tuy suy vi, mà tự thân trùng chấn cơ nghiệp, tài phát hơn mười vạn.

70 - Kỷ tị tân mùi bính ngọ đinh dậu

Canh ngọ/ kỷ tị/ mậu thìn/ đinh mao/ bính dần/ ất sửu/ giáp tý/ quý Hợi

Mệnh này tạo hỏa cục, chi thuộc phương nam hỏa địa, hỏa thổ thương quan sinh tài. Đinh hỏa cục vượng thâu can, cục không có khí thủy, kinh dương tị kiếp, tổ nghiệp không bền, cha mẹ mất sớm, tuổi thơ cơ khổ, trung niên cơ hàn. Vận đông nam, là nơi mộc hỏa vượng địa, vợ con tiền bạc một chữ “không”. Đến vận sửu, phương bắc thấp thổ, tiết hỏa, ám hội kim cục, từ đây trở đi đắc tể ngộ, lập nghiệp phát tài, đến bảy mươi tuổi lập thiếp, sinh hai quý tử. Đến vận giáp quý Hợi, phương bắc thủy địa, hoạch lợi mấy vạn, thọ đến chín mươi tuổi. Ngạn ngữ: “Hữu kỳ vận, tất đắc kỳ phúc”,

Trụ này tam hội hỏa cục, hỏa cục vượng, nhật chủ thuộc hỏa. Mừng nhật trụ có can thâu kỷ thổ, chi tàng mùi thổ, thực thương tú khí lưu hành. Nếu gặp vận thực thương thổ tiết hỏa hỏa tất sẽ phát tiết tinh hoa rất đẹp. Hoặc gặp tài vận kim cũng tốt do trụ đã có thổ tiết hỏa hỏa bảo hộ kim. Vì trụ đã có thực thương, nhật chủ lại vượng nên gặp ấn vận khắc chế thực thương rất xấu. Đồng thời trong trụ đã có tài tinh, nhật chủ lại vượng nên gặp vận tị kiếp cũng xấu. Gặp thủy vận (quan vận) cũng khá, do trong trụ đã có can chi thổ khắc thủy bảo hộ hỏa.

Hình toàn giả nghi tổn kì hưu dư, hình khuyết giả nghi bổ kì bất túc

(BGS: đoạn này luận về các cách lấy dụng thần khi nhật chủ suy hay vượng)

Nguyên chú: Như giáp mộc sinh tháng dần, mao thìn; bính hỏa sinh tháng ngọ, mùi đều là hình toàn. Mậu thổ sinh tháng dần, mao, thìn; canh kim sinh tháng tị ngọ mùi đều là hình khuyết.

Nhâm thị viết: Thuyết hình toàn nên tổn, hình khuyết nên bổ, tức tử bình “vượng nên tiết nên thương, suy tắc mừng trợ mừng sinh”. Sách về mệnh lý vạn quyền, không ngoài 2 cú này, cổ nhân nghiên cứu thâm ảo dị thường, tác dụng thật chí lý, cốt tủy vượng dụng tiết dụng thương, suy dụng sinh dụng trợ. Mới thấy cát hung đảo điên, sinh ra nghi kỵ, nên luận mệnh cần phân biệt cho tỏ tường.

Nên tiết hóa được tiết hóa là đẹp nhất, nên khắc chế được khắc chế là có công. Tiết hóa thì dùng thực thương, khắc chế thì dùng quan sát. Cùng là vượng mà có khi tiết hóa lại hại họa, khắc chế lại có lợi; hoặc tiết hóa có lợi, khắc chế có hại, cho nên tiết hóa khắc chế cần nên phân rõ để dụng cho đúng.

Nên trợ được trợ thì tốt, nên sinh được sinh thì cát lợi. Trợ thì dùng tỉ kiếp, sinh thì dùng ấn thụ. Điều là suy mà có khi trợ lại hung, sinh thì được cát; hoặc trợ thì được cát, sinh lại hung họa. Cho nên trợ hay sinh cũng nên phân biệt tỏ tường để dụng.

Như nhật chủ vượng tướng, trong trụ tài quan vô khí suy nhược, tiết hóa tất quan tinh sẽ bị thương tổn, nên dụng khắc chế thì có lợi, dụng tiết hóa thì có hại vậy (tức lấy Tài Quan làm dụng thì cát còn lấy Thực Thương làm dụng thì hung).

Nhật chủ vượng tướng, trụ không có tài quan, cục toàn tỉ kiếp, dụng khắc chế tất có hại, dụng tiết hóa thuận theo khí thể lại có lợi (tức lấy Tài Quan làm dụng thì hung còn lấy Thực Thương làm dụng thì cát).

Nhật chủ suy nhược, trong trụ tài tinh trùng điệp, ấn thụ bị khắc nên không có gốc để sinh nhật chủ, dụng tỉ kiếp trợ nhật chủ thì cát, dụng ấn sinh nhật chủ tất hung vậy (vì Ấn bị thương tổn thành vô dụng nên phải lấy Tỷ Kiếp để trợ Thân và chế Tài mới cát).

Nhật chủ suy yếu, trong trụ quan sát thừa vượng, không cần xét vượng suy quan sát, tỉ kiếp trợ nhật chủ sẽ gây phản khắc vô tình, không bằng ấn thụ hóa quan sát sinh nhật chủ, trợ nhật chủ tất hung họa, sinh nhật chủ tất cát lợi (vì Ấn vừa có tác dụng hóa Quan Sát vừa có thể sinh Thân còn Tỷ Kiếp chỉ có tác dụng trợ Thân để đối đầu với Quan Sát nên dễ bị thương tổn).

Theo lời tiên nhân, mộc sinh thán dần mao thìn, hỏa sinh thán tị ngọ mùi là hình toàn, luận về can cũng như vậy. Như mộc sinh thán dần mao thìn, can lộ canh tân, chi tàng thân dậu, chẳng lẽ lại coi là hình toàn mà cần tồn chi? Hỏa sinh thán tị ngọ mùi, can thâu nhâm quý, chi tàng hợi tỵ, chẳng lẽ vẫn coi là hình toàn mà cần tồn chi? Thổ sinh thán dần mao thìn là hình khuyết, can thâu bính đinh, chi tàng ngọ lại cho là hình khuyết mà cần bổ chi? Phàm nghiên cứu cái cơ lý vượng biến nhược, nhược biến vượng, không thể cố chấp được vậy.

71 - Đinh sửu canh tuất canh tỵ giáp thân

Kỷ dậu/ mậu thân/ đinh mùi/ bính ngọ/ ất tị/ giáp thìn

Trụ này kim sinh mùa thu cứng sắc ngọn, quan tinh suy nhược hư thoát, không thể khắc chế, tài tinh lâm tuyệt, lại còn sinh quan. Sơ vận thổ kim, tiết hỏa sinh kim, hình thương phá tán; đinh mùi, bính ngọ trợ khởi quan tinh, gia nghiệp hưng thịnh; ất tị vận thật đẹp, thương khắc nhật chủ có công vậy.

Nhật chủ thuộc kim rất cần dụng hỏa, vì hỏa luyện kim mà diệu dụng. Trụ này sinh vào thán tuất, hỏa khổ nên đinh hỏa còn có gốc, có thể làm dụng thần.

72 - Mậu thân nhâm tuất canh thân ất dậu

Quý hợi/ giáp tỵ/ ất sửu/ bính dần/ đinh mao/ mậu thìn

Mệnh này canh hợp ất hóa kim, không thấy quan tinh, chi toàn thân dậu kim vượng, nhật chủ lại tọa thân kim lộc vượng, quyền tại mộc phương kim cục. Nên hóa không nên khắc, tuy can nhâm thâu, bị mậu thổ khắc nên không thể dẫn thông tiết kim, Sơ vận quý

hợi, vận cát lợi; giao vận binh dân, khắc chế kim, một đời nhất bại như vôi, cơm áo gian nan, tự tử. Trụ này gọi là tiết hóa chi cát lợi, khắc chế chi có hại vậy.

73 - Canh thân tân tị binh thìn ất mùi

Nhâm ngọ/ quý mùi/ giáp thân/ ất dậu/ binh tuất/ đinh Hợi

Mệnh này theo tục luận, binh hỏa sinh tháng tị, kiến lộc nhật chủ vượng tất nên dụng tài. Không biết canh tân trọng điệp thâm căn, độc nhất ất lộ ẩn tinh thụ thương, nhật chủ nhược cũng biết hĩ. Vận giáp thân, ất dậu, kim đắc địa mộc vô căn phá hao dị thường; binh tuất đinh vận, trùng chấn gia phong, vận đẹp. Mệnh này tài đa thân nhược, nên tị kiếp trợ thân tất cát lợi.

74 - Nhâm tý quý Sửu binh thìn ất Mùi

Giáp dần/ ất Mão/ binh thìn/ đinh tị/ Mậu ngọ/ kỷ Mùi

Mệnh này quan sát cường vượng, nhật chủ cô thể suy nhược, tuy là có thực thương, nhưng Sửu Thìn thuộc thấp thổ, có thể dưỡng thủy, không ngăn thủy. Sơ vận giáp dần, ất Mão hóa sát sinh thân, sớm nhập học, tiền của có thừa; đến vận binh thìn, chẳng những không trợ thân, mà ngược lại bị quan sát hồi khắc, hình thể khắc tử, gia nghiệp hao tán; năm thân ám hợp sát cục mà chết. Mệnh này sinh chi tất cát lợi, trợ chi tất phản hại vậy.

Trụ này quan sát thừa vượng, can thấu nhâm quý, chi tàng tý Sửu Thìn toàn là thủy vượng. Nhật chủ binh tọa ngọ hỏa, ngọ không thông căn, không được sinh trợ, tý xung ngọ, lại có Sửu Thìn kê sát (thuộc thấp thổ) hồi hỏa sinh kim, nên cực nhược. Cần phải dụng mộc ẩn tinh hóa sát sinh nhật chủ. Khi gặp vận binh thìn, nhâm khắc binh quá nặng, liền gặp tai họa. Nếu trong trụ can lộ giáp ất hóa nhâm quý thủy bảo hộ hỏa thì không đến nỗi nào.

Chương 11 - Phương cục

Phương là phương hệ cục là cục,

Muốn được phương chó đến hỗn cục.

Nguyên chú: dần, Mão, Thìn, là phương đông vậy, thêm một Hợi hoặc Mão hoặc Mùi, thì thái quá, chẳng phải là hỗn cục à!

Nhâm thị viết: Mười hai chi có dần Mão Thìn tam hội mộc cục phương đông; tị ngọ mùi hỏa cục phương nam; thân dậu tuất kim cục phương tây; Hợi tý Sửu thủy cục phương bắc. Phạm tam hội cục là thành một phương cục, như tam hội cục dần Mão Thìn lực lượng mạnh hơn tam hợp Hợi Mão Mùi. Ngày Mậu Thổ sinh tháng dần, gặp tam hội mộc cục, đều luận là sát cục; sinh tháng Mão, gặp tam hội mộc cục, luận là quan cục, ngày kỷ Thổ thì ngược lại. Sinh tháng Thìn, cần xem thế của dần Mão, phân biệt khinh trọng cho rõ ràng, nặng là sát, còn lại là quan; Nếu chỉ là bán hội, tất nhất định không như tam hội, nói phương cục hỗn chỉ là ý nói hỗn tạp, như mộc cục gặp chi Hợi Thủy, sinh vượng mộc cục; hoặc mộc cục gặp chi Mùi, vừa lại là nơi mộ của mộc. Dụng tam hợp cục, sách có sai lệch nhiều? Về phần hiệu dụng, hợp cục tất dụng đa, mà phương cục dụng hợp, không luận phương mà giải thích gượng gạo vậy.

75 - Giáp dần đinh mao mậu thìn kỷ mùi

Mậu thìn/ kỷ tị/ canh ngọ/ tân mùi/ nhâm thân/ quý dậu

Mệnh này tam hội mộc cục, lại có chi mùi là hỗn cục, tuy nhiên nếu không có mùi thổ tất nhật chủ mậu thổ hư nhược, với lại thiên can giáp mộc thấu xuất tất là sát, không phải quan, nhật chủ cần có mùi thổ trợ thân mới có thể gánh được sát tinh, thân sát đều vượng, danh lợi song huy. Xuất thân thế gia, làm quan cực phần, mới biết phương hỗn cục vô hại vậy.

76 - Bính thìn canh dần ất mao đinh hợi

Tân mao/ nhâm thìn/ quý tị/ giáp ngọ/ ất mùi/ bính thân/ đinh dậu

Mệnh này chi tam hội mộc cục, hoá sáng thì mộc được tú khí, mừng nhất bính hỏa khắc canh kim, ất mộc sinh thán dần, đắc hợi thủy sinh trợ. Phong lưu tiêu sài, học văn uyên thâm. Đinh hợi sinh mộc trợ hỏa, rất cần nhờ vào mộc; vận quý tị danh cao chức trọng thiên triều; vận giáp ngọ bán hợp dần mộc hóa hỏa được mao mộc sinh, trở thành trụ cột họ đẳng lâm, ra sức vợ vét tài vật, là chỗ dựa gia tộc, đến vận đinh dậu, ất mộc vô căn, kim đắc địa, phá mất tam hội cục tú khí, phạm tội mất chức, nếu không có hợi thủy hóa dậu kim, làm sao có thể miễn đại hung!

Cục hỗn phương này có thuần tỳ,

Hành vận hỉ Nam hoặc hỉ Bắc.

Nguyên chú: Hợi Mão Mùi mộc cục , hỗn một Dần Thìn , là thái cường , hành vận Nam Bắc, thì có thuần có vết, không thể đều có lợi.

Nhâm thị viết: Địa chi tam hợp cục như hợi mao mùi mộc cục, dần ngọ tuất hỏa cục, tị dậu sửu kim cục, thân tý thìn thủy cục, đều dẫn đến một hành cục vượng. Trong trụ ngọ tam hợp cục, lực cát hung hiển hiện rất rõ. Hai chi cũng có thể hợp (tức bán hợp), tuy nhiên phải có vượng chi, hoặc hợi mao hoặc mao mùi đều là bán hợp mộc cục, mao là vượng chi, hợi chỉ là thứ chi. Phạm tam hợp cục rất kỵ xung, như hợi mao mùi mộc cục, lại lẫn lộn chi dậu sửu ở giữa trong trụ, mà thành phá cục. Tuy trong trụ có tạp địa chi xung cục, nhưng không kề sát, hoặc chi xung ở bên ngoài, thì hội cục cùng với tồn cục đều thiệt hại. Về hai chi hội cục, mà tương trợ nhau thì đẹp, gặp xung nhất định cục bị phá.

Hành vận cần phân biệt nam bắc sinh khắc cục. Như mộc cục, nhật chủ là giáp ất, tứ trụ thuần mộc, không có hỗn tạp trong trụ, vận hành phương nam tú khí lưu hành tất thuần; Hành vận phương bắc, bị sinh trợ quá mạnh, không tốt nhưng có cứu. Hoặc can chi có hỏa thổ, vận hành nam phương, danh lợi đầy đủ; vận hành phương bắc, lập tức gặp tai họa vậy.

77 - Giáp dần ất hợi ất mao quý mùi

Bính tý/ đinh sửu/ mậu dần/ kỷ mao/ canh thìn/ tân tị/ nhâm ngọ/ quý mùi

Mệnh này tam hợp mộc cục, chi còn lại dần mộc, tuy nhiên tứ trụ vô kim, thể mộc cục vượng, đắc một phương tú khí. Thiếu niên khoa giáp, duy vận canh thìn tân tị, tuy có

quý thủy tiết hóa kim (can vận canh tân), nhưng cũng không tránh khỏi hình tang nổi sóng, quan lộ gian nan. Đến sáu mươi tuổi, vận nhâm ngọ quý mùi, thăng Tý Mã huyền lệnh, tiếp đến tiền triều ca mà thăng quan, quyền lớn như biển, ai có thể ngự chế! Bởi vậy xem chi, mộc cục cường vượng, vận hành đông nam bắc đều cát lợi, duy kỵ phương tây kim vận khắc hại phá tán.

Trụ này mộc vượng, nhật chủ thuộc mộc, lại không có hỏa nên hành vận hỏa, thủy, mộc đều cát lợi. Chỉ duy gặp vận kim vượng khắc chế mộc, phá cục là tai họa liền gặp. Nếu trong trụ có hỏa, gặp vận thủy cũng thật đáng ngại.

78 - Giáp dần đinh mão át mùi đinh Hợi

Mậu Thìn/ kỷ tị/ canh ngọ/ tân mùi/ nhâm thân/ quý dậu

Mệnh này cũng tam hợp mộc cục, chỉ còn lại dần mộc. Dụng đinh hỏa thực thần tú khí, khác mệnh trên luận tông mộc vượng vậy. Đến vận kỷ tị, đinh hỏa lâm quan, đăng khoa giáp bảng công danh hiển lộ; vận canh ngọ tân mùi, nam phương là nơi bại địa của canh tân kim, không thể thương khắc dụng thần, quan lộ bình yên. Nhâm thân vận, mộc hỏa giai thương, phá tam hợp cục, chết trong quân. Mệnh trên tông cường, nam bắc đều cát lợi; mệnh này dụng mộc hỏa, vận trình tây bắc đều có hại. Bởi vậy xem hai mệnh thấy, cục hỗn phương vô hại vậy.

Nếu đúng phương cục đồng loạt đến,

Là cần can đầu không phản phục.

Nguyên chú: Mộc cục mộc phương đầy đủ , thiên can cần phải hoàn toàn thứ tự được thuận, hành vận không nghịch là tốt.

Nhâm thị viết: Phương cục cùng có (tam hợp, tam hội) là hỗn cục. Như dần mão Thìn với mùi; Hợi Mão Mùi với dần, Thìn; tị ngọ mùi với tuất; dần ngọ tuất với tị mùi; thân dậu tuất với tị, Sửu; tị dậu Sửu với thân, tuất; Hợi Tý Sửu với thân, Thìn; thân Tý Thìn với Sửu, Hợi. Can vô phản phục, phương cục cùng có, khí thể vượng cục, cần nhất thiên can thuận theo khí thể sẽ cát lợi, tuyệt vời (ý nói dụng thực thương tốt đẹp). Nếu địa chi dần Mão Thìn, nhật chủ thuộc mộc, lại gặp Hợi chi sinh, mùi chi khô; hoặc địa chi Hợi Mão Mùi, nhật chủ thuộc mộc, hoặc có dần Thìn trong trụ, hoặc gặp vận chi dần Thìn, nên mộc cục vượng; kim không năng khắc mộc, cần nhất thiên can thấu hỏa, tiết khí tinh anh, thiên can không thấu kim thủy tức can vô phản phục, tiếp đến thổ vận, tức toàn thuận đắc. Nếu như thiên can không thấu hỏa nhưng vẫn sinh mộc, gặp hung có thể giải. Ngược lại thấu can hỏa lẫn can thủy, hoặc vô can hỏa mà lại thấu can kim đều là can phản phục, gặp vận thổ tất có thể ngăn thủy bảo hộ hỏa, gặp hỏa tất có thể khắc kim, cũng khá tốt. Như nhật can thuộc thổ, thiên can đắc hỏa là tương sinh, cũng không phản phục; nhưng can hỏa lại gặp can kim tức thể cô địch cường bạo, gặp can thủy sinh trợ cường Thìn tất phản phục. Cho nên can chế chi cần phải thịnh, nếu nhược cần phải hóa chi mới đẹp.

79 - Giáp dần đinh Mão át Hợi quý Mùi

Mậu Thìn/ kỷ tị/ canh ngọ/ tân mùi/ nhâm thân/ quý dậu

Mệnh này phương cục đều có (tam hợp cục lại thêm bán hội cục), can đình hỏa đắc lệnh tháng độc thẩu xuất, phát tiết tinh anh, kỳ diệu vậy. Đáng tiếc là thiên can quý thủy thẩu xuất, thông căn hội thủy. Khắc thương đình hỏa tú khí, tức thiên can tương hại nhau, nghèo khổ không con cái. Giả sử thay quý thủy bằng một can hỏa hoặc thổ, danh lợi toại mỹ vậy.

80 - Đình mao giáp thìn giáp dần ất hợi

Quý mao/ nhâm dần/ tân sửu/ canh tý/ kỷ hợi/ mậu tuất

Mệnh này cũng phương cục đều có (tam hội cục lại thêm bán hợp cục), thiên can vô thủy, đình hỏa tú khí lưu hành, hành vận không phản khắc. Hương bằng, sĩ chỉ châu mục, con cái đầy đủ, tiền tài dư dả, tính nhân từ phúc hậu phẩm hạnh, thọ đến tám mươi tuổi, vợ chồng thương yêu. Bởi vậy xem hai mệnh, thấy rằng can phản phục thật họa không nhỏ.

Thành phương can thẩu một nguyên thần,

Sinh địa khổ địa đều không phúc.

Nguyên chú: Trụ dần mao thìn hội mộc cục, nhật chủ giáp ất, là thẩu nguyên thần, mà lại ngộ hợi thủy, mùi thổ quyết không phát phúc, duy thuận nhất hỏa vận mới tốt đẹp.

Nhâm thị viết : Thành một phương can thẩu nguyên thần, nhật chủ đồng khí phương cục. Như mộc phương (hội mộc cục) ngày chủ thuộc mộc, hỏa phương ngày chủ thuộc hỏa, tức là nguyên thần lộ ra. Lại có sinh địa, khổ địa thì không phát phúc được, thân vượng thì không nên sinh trợ thêm vậy. Tuy nhiên, xem khí thể không thể cố chấp, quá nguyên tắc được. Thành phương thẩu nguyên thần, dễ biết nhật chủ vượng, không nên gặp hành vận sinh địa, khổ địa, phương tì kiếp cũng vậy. Nhưng can năm, can tháng, can giờ không tạp tài quan, lại có kiếp ấn, cũng có thể phát phúc. Như gặp thuận nhất hỏa vận, chân vị tú khí lưu hành. Như can năm tháng giờ, tài quan vô khí, lại gặp hành vận sinh khổ địa, chẳng những không thể phát phúc mà còn hình tang hao tán.

81 - Mậu dần giáp dần giáp thìn đình mao

Ất mao/ bính thìn/ đinh tị/ mậu ngọ/ kỷ mùi/ canh thân

Mệnh này thành tam hội cục, can thẩu nguyên thần, tứ trụ không tạp kim thủy, can đình hỏa thổ tú, thuận cách. Sơ vận hỏa thổ, trung hương bằng, danh lợi song toàn; nhiều mộc hỏa bị mờ, đình hỏa không thể tiết hóa mộc, cho nên đến vận canh thân, không thể tránh gặp họa.

82 - Quý mao bính thìn giáp thìn bính dần

Ất mao/ giáp dần/ quý sửu/ nhâm tý/ tân hợi/ canh tuất

Mệnh này tài vượng, bính thực sinh tài, dụng tài vi diệu, bính hỏa là hi thần, kỵ quý thủy. Thân vượng dụng tài, thừa hưởng tổ nghiệp hơn mười vạn, sơ vận thủy mộc, nhất bại như vôi; đến vận tân hợi, hỏa tuyệt mộc sinh, thủy lâm vượng địa, mất mạng. Nên xem mệnh, bất luận thành phương cục, trước tiên cần xem thể tài quan. Nếu tài vượng, tất

dụng tài; hoặc quan được tài tương sinh, tất dụng quan; như tài không thông lệnh thặng, quan có được tài sinh cũng không vượng được, tất dụng thực thương cát lợi.

Thành cục can thấu một Quan tinh,

Bên trái bên phải Không tâm thương.

Nguyên chú: Ngày giáp ất gặp hội mao mùi tam hợp mộc cục, canh tân là quan sát, lại thấy trái là thìn phải là dần tất danh lợi không có. Ngày Giáp Ất gặp Canh Tân thì cũng không thành.

Nhâm thị viết: Địa chi hội mộc cục, nhật chủ nguyên thần lộ ra, lấy tân làm quan, canh làm sát, hư thoát vô khí, can thổ thấu xuất, thổ cũng hư tù, không thể sinh kim, địa chi có thân, Dậu, Sửu thì đẹp. Nếu không có thân, Dậu, Sửu mà lại tàng thìn dần, tất mộc thể quá thịnh, kim thể quá suy, chung thân danh lợi vô thành. Nếu đắc tuế vận khắc quan tinh, cũng sẽ phát đạt, cần trọng trụ trước tiên phải có thực thương, kể đến không gặp hành vận quan sát, danh lợi có thể toại nguyện.

83 - Tân mùi tân mao ất mùi đinh Hợi

Canh dần/ kỷ Sửu/ mậu Tý/ đinh Hợi/ bính Tuất/ ất Dậu

Mệnh này tam hợp mộc cục, mộc thể thịnh vượng, kim khí hư thoát, mừng có đinh hỏa thấu xuất, chế sát làm dụng thần. Sơ vận thổ kim, bốn ba vất vả; đinh Hợi vận, hóa mộc chế sát, được phong phó Tướng; bính Tuất vận tuất tàng đinh khắc tân kim, thăng huyện lệnh. Mệnh này cường chúng mà địch quả (ý nói thuận theo cường thịnh mà khắc chế suy nhược), sát không vượng nên chế phục vậy. Đến Dậu vận, sát gặp lộc vượng, phá mất mộc cục thất lộc.

84 - Tân mùi tân mao ất mùi mậu Dần

Canh dần/ kỷ Sửu/ mậu Tý/ đinh Hợi/ bính Tuất/ ất Dậu

Mệnh này ất mộc quá vượng, tuy không hội mộc cục, nhưng dần mộc so với Hợi thủy còn mạnh hơn. Xem trụ thấy ba thổ, hai kim, tựa hồ quan sát sinh vượng, chẳng biết đề cương thặng mao vượng, chi tàng dần mộc căn vượng, địa chi không có thân Dậu Sửu. Sơ vận thổ kim chi hương, gia nghiệp hưng thịnh; giao vận đinh Hợi, chế sát hội cục, hình thể khắc tử, phá háo di thương, phạm tội mất chức, u buồn mà chết.

85 - Canh dần kỷ mao ất Hợi quý Mùi

Canh thìn/ tân Tị/ nhâm Ngọ/ quý Mùi/ giáp Thân/ ất Dậu

Mệnh này hợp mộc cục chi tàng dần mộc, can thấu canh kim, hai bên không có sinh trợ, tứ trụ vô tình, dụng tài tất tài bị kiếp đoạt, dụng quan tất quan lâm tuyệt địa, dụng thần không căn gốc, làm người thiếu ý chí, tâm không chuyên nhất, mới biết gia nghiệp phá tán. Đọc sách không thành tựu, học y thuật cũng không thành, học dịch, học mệnh, sở học quá nhiều, chẳng kể cho hết mà chẳng thành tựu được môn nào, xuất giá làm tăng nhân.

Chương 12 - Bát Cách

Tài Quan Ấn thụ phát thiên chính,

Kiểm luận Thực Thương bát cách định.

Nguyên chú: Ngoại trừ xem từ hình tượng khí cục , thì cách là đứng đầu . Cách chân, là thần ở chi thán thấu ra thiên can vậy . Thiên can đã tán loạn , mà tìm được chỗ phụ với đề cương, là không phải cách vậy . Ngoại trừ từ bát cách, như Khúc Trục ngũ cách đều là cách, còn phương cục đã định khí tượng , không thể nói là cách vậy . Ngoại trừ ngũ cách, Phi Thiên hợp Lộc tuy là cách , mà có thể lấy luận phá hại hình xung , cũng không thể nói là cách vậy .

Nhâm thị viết: Bát cách, mấu chốt luận mệnh. Trước xem có đặc lệnh thán, sau xem thiên can có thán lộ, kế tiếp xem sinh vượng để định chân giả, cuối cùng mới đến thủ dụng, phân thanh trọc, như vậy thật mới theo thuận lý, nếu đặc lệnh thán lại gặp lộc nhận, không theo cách cục nào có thể thủ dụng, cần phải xem xét nhật chủ hỷ kỵ không ngoài tìm thiên can thán xuất, nhờ đó có thể làm dụng thần. Tuy nhiên cách cục có chính, có biến. Chính cách tức gồm đủ ngũ hành sinh khắc thường tình như quan sinh ấn, sát sinh ấn, tài sinh sát, thực chế sát, thực sinh tài, thương quan bội ấn, thương quan sinh tài; biến cách nhất định phải tòng khí thể của ngũ hành, có tòng tài khí tài vượng, tòng quan sát, tòng thực thương, tòng vượng cách (thuận theo hành khí vượng), tòng nhược cách (thuận theo hành khí suy nhược), tòng thể, một hành đặc khí, hai khí thành hình; còn lại ngoại cách dị cục không theo lý, tòng ngũ hành chỉ là lời sai lầm. Đến như “Lan thai diệu tuyền”, định kỳ cách dị cục, nạp âm chư pháp, không cần phải biện giải mà có thể biết ngay là hoang đường vậy. Như nói về cát hung thần sát, ngày nhâm thìn là “vương kỵ long bồi”, nhâm dần là “vương kỵ hổ bồi” đều không đáng tin vậy! sao không có nhâm ngọ, nhâm thân, nhâm tuất, nhâm tý kỵ hầu, mã, chuột, chó!!! “lục âm triều dương”, “thử quý cách”..... đều là nguy thư, học giả cần nên nghiên cứu ngũ hành chi lý cho tường tận vậy, không nên loạn ngôn làm mê hoặc lòng người.

86 - Canh thìn quý mùi ất mùi quý mùi

Giáp thân/ ất dậu/ bính tuất/ đinh hợi/ mậu tý/ kỷ sửu

Mệnh này chi tàng ba mùi, nhật chủ còn dư khí, can thán hai quý, sinh phù ất mộc, quý thông căn thủy khô. Quan tinh độc thán canh kim, quý thủy nhuận thổ dưỡng kim, sinh hóa hữu tình, tài vượng sinh quan, đặc trung hòa. Xuất thân khoa giáp, làm quan đến chức Tướng soái, một đời cát lợi an bình.

87 - Kỷ sửu nhâm thân đinh mùi bính ngọ

Tân mùi/ canh ngọ/ kỷ tị/ mậu thìn/ đinh mão/ bính dần

Mệnh này xem qua thấy tổng quát tương đồng với mệnh trên, quan tinh đặc thể, hà cơ sao trên đặc phú quý, mệnh này lại khôn cùng? Chẳng biết rằng mệnh này không có ấn, quan khắc nhật chủ, ngọ mùi tuy hỏa còn dư khí lộc vượng, sửu chứa quý thủy âm thương ngọ mùi, nhâm thủy gặp sinh, lại khắc bính hỏa, đáng ngại kỷ thổ nhất thán, không thể chế thủy, ngược lại tiết hỏa; lại gặp thổ vận, tiết hỏa khí, khắc tiết quá nhiều. Công danh bất thành, tài hao phá tán, không khỏi hình thể khắc tử. Nghiên cứu kỹ thấy kỷ

sửu thật hại, về sau gặp vận thủy mộc, tuy là tiền vận gặp lận đận, nhưng chung thân vào hậu vận nhất định hanh thông thuận lợi.

88 - Quý mùi ất mao bính ngọ tân mao

Giáp dần/ quý sửu/ nhâm tý/ tân hợi/ canh tuất/ kỷ dậu

Mệnh này chính cách quan thanh ần, mừng mao mùi ám hợp mộc cục, là người nhân phẩm siêu quần, tài hoa trác tuyệt, văn vọng cao như núi bắc đẩu, phẩm hạnh như lương ngọc kim tinh. Tuy nhiên ần tinh quá vượng, quan tinh tiết khí, thìn có thừa mà tinh không đủ, đến nỗi công danh lận đận, còn trẻ khó được toại nguyện về danh lợi, mừng là cách chính cục thanh, tài tinh gặp hợp, tuy tài cao mà ít được trọng dụng, cuối cùng danh lợi song toàn, làm quan thanh cao.

89 - Tân mao bính thân quý mao nhâm tuất

Ất mùi/ giáp ngọ/ quý tị/ nhâm thìn/ tân mao/ canh dần

Mệnh này ần thụ cách, lấy thân kim làm dụng thần, bính hỏa lâm bệnh địa, nhâm thủy thấu xuất là dược, tức bệnh có cứu, ngũ hành cân bằng, thu lệnh thủy thông nguyên. Vận quý tị, kim thủy gặp sinh trợ, khoa giáp liên đăng; nhâm thìn vận gặp bệnh có thuốc cứu, làm đến huyện lệnh; vận tân mao, canh dần gặp kim không thể sinh hỏa mà trở thành ần sinh nhật chủ, danh lợi song toàn.

90 - Tân mao bính thân quý mao giáp dần

Ất mùi/ giáp ngọ/ quý tị/ nhâm thìn/ tân mao/ canh dần

Mệnh này cũng lấy thân kim làm dụng thần, bính hỏa lâm bệnh địa, cùng mệnh trên chỉ khác một dần mộc, chẳng những có bệnh mà không có thuốc, mà còn sinh trợ bệnh thìn. Trên danh lợi song toàn, mệnh này có bệnh không thuốc, gặp đúng vận mới khá được. Hiềm dần thân xung nhau, mao mộc trợ dần, ần thụ thân kim thụ thương, mộc vượng kim khuyết, hiềm lệnh tháng thuộc lục thân, khó tránh bị chia lìa, tiền tài hao tán. Nhâm vận trợ thân kim khử đi bệnh, tài nguyên đầy đủ; tân mao, canh dần thuộc phương đông, kim vô căn, công danh không thể tiến thủ, gia nghiệp không khá. Tuy nhiên nhờ cách cục chân chính, ần tinh nắm lệnh, cho nên tâm tình khoáng đạt, văn Chương tài hoa xuất chúng. Chỉ hiềm lộ ra lệnh tháng thân kim bị xung, không tránh khỏi trầm luân khổ ải.

Bởi vậy xem mệnh, cách cục không thể luận cố chấp vậy, không cần câu nệ tài quan ần cách, cùng nhật chủ vô can. Nhật chủ vượng cần nên chế, suy cần nên tương trợ, ần vượng tiết quan cần có tài, ần suy gặp tài nên có kiếp, dụng pháp này không thay đổi.

Ảnh hưởng Diêu hệ đã là hư,

Tạp khí Tài Quan không thể buộc.

Nguyên chú: Loại Phi Thiên hợp Lộc, cho nên ảnh hưởng là Diêu hệ mà không phải cách vậy. Như người sinh tháng tứ quý, chỉ cần lấy thổ làm cách, không thể nói là Tạp khí Tài Quan; sinh ngày Mậu Kỷ ở tháng tứ quý, cần xem nhân nguyên thấu ra thiên can là thổ cách, không thể đồng loay lấy Tạp khí Tài Quan mà luận; về phần thá ng Kiến Lộc

động Mùi không thể là Nhận , cũng nên xem nhân nguyên ở trong nguyệt lệnh thấu ra ở thiên can là thủ cách , nếu không hợp khí tượng hình cục , thì lại không có cách vậy . Chỉ thủ dụng thần, dụng thần lại không có chỗ lấy , chỉ được xem xu thế, lấy ở trên bề mặt mà đoán cùng thông. Không thể nắm cách mà luận vậy .

Nhâm thị viết: Xuất phát từ Điều hệ, tức ám xung ám hợp chi cách. Tục thư luận phi thiên lộc mã cách. Như ngày bính ngọ, chi toàn 3 ngọ, ngày quý dậu chi toàn 3 dậu, ngọ ám xung tý thủy làm quan, dậu ám hợp thân thổ làm quan. Trên có xung tài hợp tài, như ngày nhâm tý chi toàn 3 tý, ám xung ngọ hỏa làm tài; ngày ất mão chi có 3 mão, ám hợp tuất thổ làm tài. Lại nói trước tiên, tứ trụ cần không có tài quan, thì có thể xung hợp vậy. Xung thì tán, hợp thì hóa, làm sao có thể dụng được? Tứ trụ nguyên có tài quan, không nên xung hợp, huống hồ tứ trụ không có tài quan. Còn như tạp khí tài quan, cũng vẽ rắn thêm chân vẽ vờ vô ích, như thìn tuất sửu mùi, không ngoài chi tàng 3 can, đều cho là tạp khí; dần thân tị hợi, cũng tàng 3 can có sao không luận như vậy? khô tàng dư khí, có thể nói là trở ngại, sinh địa chi thìn, chẳng lẽ là phản khí? Lại cho rằng tạp khí tài quan cần nên xung thật là hàm hồ! Nếu giáp mộc sinh thán sửu, tất tài quan tạp khí, mừng gặp mùi xung, mùi tàng đinh hỏa, khắc thương quan tinh tân kim tàng trong sửu, chính là phá cách hĩ, thiên can nếu không thấu xuất phải dụng cách cục.

Lộc phân bốn loại, lộc chi năm là bồi lộc, lộc chi tháng là kiến lộc, lộc ngày là chuyên lộc, lộc giờ là quý lộc. Cho rằng kiến lộc mừng gặp quan tinh, quý lộc kỵ quan tinh, lại luận rằng chuyên lộc bồi lộc sẽ đi nhiều, quý lộc không gặp quan tinh thì thanh vân đắc lộ .v.v... đều là hàm hồ. Luận mệnh cần nhất phải có căn nguyên. Đại phạm cách cục thuần nhất, trăm mệnh không có được một vậy. Còn cách cục phá hư tạp khí thì xem mười đã thấy đến tám chín đều có. Chính cách thì dụng theo thông thường, hành vận không phản khắc, danh lợi tự nhiên; phá cách tổn hại dụng thần, thì có bệnh vậy, ưu sầu nhiều vui mừng ít. Nhưng nếu hành vận thích hợp, khử mất kỵ thần, sinh trợ dụng thần giống như người bệnh lâu ngày được thầy thuốc giỏi cứu chữa, không phú cũng quý. Không theo cách cục vẫn có thể thủ dụng, không có dụng thần vẫn có thể tìm ở vận trình. Vận trình vẫn có thể bổ những chỗ thiếu trong mệnh, khắc bỏ kỵ thần, tuy nghề nghiệp tầm thường, nhưng có thể tránh được đói rét, hoạn nạn. Nếu vận trình đã không tốt, mà còn xấu thì không bản cũng tiện; nếu chính cách dụng chân mà gặp vận hành bội phản, trọn đời có chí mà vất vả.

91 - Kỷ tị canh ngọ bính ngọ giáp ngọ

Kỷ tị/ mậu thìn/ đinh mão/ bính dần/ ất sửu/ giáp tý/ quý hợi

Theo tục luận mệnh này ngày bính ngọ chi toàn ngọ, tứ trụ vô thủy, trung niên cũng không gặp vận thủy, cho rằng phi thiên lộc mã, danh lợi song huy, chẳng biết rằng mệnh này ngọ tàng kỷ thổ, tị tàng canh kim, nguyên thần thấu xuất can năm, can thán, chân hỏa thổ thương quan sinh tài cách. Sơ vận kỷ tị, mậu thìn, hợi hỏa sinh kim, gia nghiệp thịnh vượng (khá giàu có); đinh mão, bính dần, dụng thần thổ, kim bị thương tổn, liên tiếp ba lần bị cháy nhà, khắc hai vợ, bốn con gia nghiệp tiêu tan; đến ất sửu vận, phương bắc thấp thổ, hợi hỏa sinh kim, lại hợp hóa hữu tình, kinh doanh thu nhiều lợi, nạp thiếp sinh

con, trùng chân gia phong; vận giáp tý, quý hội phương bắc, thủy địa nhuận thổ dưỡng kim, phát tài mấy vạn, nếu luận phi thiên lộc mã, tôi kỵ thủy vận hĩ!

92- Đinh Sửu quý Mão Ất Mão Kỷ Mão

Nhâm dân/ tân Sửu/ canh tý/ kỷ hội/ Mậu Tuất/ Đinh Dậu

Ngày Ất Mão, sinh tháng Mão, nhật nguyên cực vượng, mừng nhất gặp đinh hỏa thấu xuất, tiết kỳ tinh anh. Tiếc rằng quý thủy khắc đinh, thiên can kỷ thổ lâm tuyệt địa, không thể khắc chế quý thủy, dòng dõi danh gia không có kế tục, sơ trung vận gặp thủy mộc chi hình tang phá hao, gia nghiệp tiêu tan; Mậu Tuất đinh vận, kinh doanh thành công lớn, phát tài cự vạn, nếu luận phi thiên lộc mã cách, tắc Mậu Tuất vận bị phá tán nhiều vậy.

93 - Đinh Mùi quý Sửu Giáp Thìn Giáp Tuất

Nhâm tý/ tân Hợi/ canh Tuất/ kỷ Dậu/ Mậu Thân/ Đinh Mùi

Mệnh này chỉ toàn tứ khổ xung nhau, theo tục luận tài quan tạp khí cần xung vậy, chẳng biết Sửu Mùi xung nhau, không những quan tinh thụ thương, mà còn xung mất khổ căn; nhật chủ tọa Thìn dư khí, hiềm Tuất xung Thìn nên mất gốc, tài đa thân nhược; thêm thổ vượng càng xung càng vượng, nên quý thủy thụ thương. Sơ vận Nhâm tý, Tân Hợi, thủy vượng địa, phúc lộc cha mẹ có thừa; giao vận Canh Tuất, tài sát thịnh vượng, hình thể khắc tử; vận kỷ Dậu, Mậu Thân, can vận toàn thổ, khiến cho kim không thể sinh thủy, gia nghiệp tiêu tan, không con cái mà qua đời.

94- Đinh Hợi quý Sửu Giáp Tý Tân Mùi

Nhâm tý/ tân Hợi/ canh Tuất/ kỷ Dậu/ Mậu Thân/ Đinh Mùi

Ngày Giáp tý, sinh tháng Sửu, chi đều phương bắc; thiên can tân quý, quan ấn nguyên thần phát lộ, khắc hại đinh hỏa, Sửu Mùi xa cách; với lại thủy thể thừa quyền, không thể xung Sửu, chính đắc trung hòa chi tượng. Cho nên vận thổ kim thủy, đắc sinh hóa hữu tình. Mệnh ở trên gặp xung, quan ấn thụ thương, danh lợi vô thành, mệnh này xung nhưng không động, danh thành lợi toại. Cho nên luận mộ khổ gặp xung tất phát thật sai lầm vậy.

Chương 13 - Thể Dụng

Đạo có Thể Dụng, không thể luận một mặt vậy, cần phải phù ức được thích hợp.

Nguyên chú: Có lấy nhật chủ làm Thể, đề cương làm Dụng. Nhật chủ vượng, thì Thực thần Tài Quan ở đề cương đều là chỗ ta sử dụng, nhật chủ nhược, thì đề cương có vật bang thân để chế thần, cũng đều là chỗ ta sử dụng. Đề cương là Thể, hỉ thần là Dụng, nhật chủ không thể dụng ở đề cương vậy. Đề cương Thực Thương Tài Quan thái vượng, thì lấy ở trên trụ năm tháng giờ Ấn Tỉ làm hỉ thần; đề cương Ấn Tỉ thái vượng, thì lấy ở trên trụ năm tháng giờ Thực Thương Tài Quan là hỉ thần mà sử dụng. Hai chỗ này, là chính pháp Thể Dụng vậy.

+ Có lấy tứ trụ làm Thể, có lấy Hóa thần làm Thể, tứ trụ là Dụng, hóa chân, tức lấy hóa thần làm thể, lấy trong tứ trụ và hóa thần tương sinh tương khắc, thủ lấy làm dụng.

+ Có lấy tứ trụ làm Thể, tuế vận làm Dụng, có lấy Hi thần làm Thể, phụ thần hi thần làm dụng, cho nên thần Hi, không thể tự dụng lấy làm Thể Dụng phụ Hi thần.

+ Có lấy cách tượng làm Thể, nhật chủ làm Dụng, cần bát cách khí tượng, cùng âm thần, hóa thần, kỵ thần, khách thần, đều thành một thể mà đoán. Nếu là cách tượng một mặt, cùng nhật chủ không có liên quan, hoặc thương khắc nhật chủ thái quá, hoặc bang phù nhật chủ thái quá, trung gian phải tìm chỗ phân biệt Thể Dụng, lại không có hiện ra, chỉ được dụng nhật chủ tự đi dẫn sinh hi thần, chớ đi cầu một đường sống làm hĩ dụng.

+ Có lấy nhật chủ làm Dụng, quá có ích ở Thể. Như dụng Thực Tài, mà Tài Quan Thực thần hết đi ẩn phục, cùng quá phát lộ phù phiếm, tuy đẹp cũng quá mức vậy.

+ Lập có ích mà được Thể, lập có Thể mà được Dụng, lý là dụng chính thể vậy. Như dụng thần không được ở đất lưu hành, lại còn hành vận trợ Thể mới không tốt.

+ Có lập từng cái Thể Dụng, Thể Dụng đều vượng, bất phân thắng bại, hành vận trên dưới lại không có khinh trọng, thì đều thành lập.

+ Có Thể Dụng đều không thông, như mộc hỏa đều vượng, không gặp kim thổ thì đều không thông, không thể định một đầu vậy.

Nhưng mà sử dụng Thể Dụng, cùng sử dụng dụng thần là có phân biệt, nếu đã sử dụng Thể Dụng làm dụng thần thì nhất quyết là không thể, bỏ chỗ này để mưu cầu dụng thần lại càng không thể, chỉ cần cân nhắc đúng Thể Dụng. Ở đây quan trọng là thủ dụng thần, mà 2, 3, 4, 5, chỗ dụng thần, thì không phải là tạo tốt, cần phải phù ức khinh trọng, khiến cho không có dư hay không đủ.

Nhâm thị viết: Thể là hình tượng khí cục, nếu như không có hình tượng khí cục, tức lấy nhật chủ làm thể. Dụng là dụng thần, ngoài thể dụng ra là dụng thần vậy. Nguyên chú thể dụng cùng dụng thần khác nhau, lại không thuyết minh tường tận rõ ràng, kết cục vẫn còn mơ hồ, cũng biết ngoại trừ thể dụng, không thể yêu cầu phân biệt dụng thần. Lời xưa: “Yếu tại phù chi ức chi đắc kỳ nghi” (*Cần phải phù ức được thích hợp*), dễ nhận thấy dụng thần là dụng, tức chân dụng thần. Vượng tất nên ức, nhược tất nên phù, tuy không thay đổi chi pháp, nhưng mà bên trong có biến đổi, chỉ có điều quyết định tại ba chữ: “nên thích hợp”. Vượng nên ức nhưng không thể ức, phản lại nên phù; nhược nên phù nhưng không thể phù, phản lại nên ức. Chỗ này là mấu chốt chân lý của mệnh lý. Ngũ hành đảo điên nhưng diệu dụng vậy. Cục cường vượng bị ức mà có hại, tất nên tòng cường mà phù cường; cục nhược được phù, phù mà uổng công vô dụng, tất nên tòng nhược mà ức nhược. Đúng là không thể lấy một phương diện mà luận vậy.

Như nhật chủ vượng, đề cương hoặc là Quan hoặc là Tài hoặc là Thực Thương, đều có thể là dụng; nhật chủ suy, chớ tìm can chi tứ trụ có bang thân mà làm dụng. Đề cương là Lộc Nhận, tức là lấy đề cương làm thể, xem đại thế, lấy can chi tứ trụ Thực thần Tài Quan, tìm được chỗ mà dụng.

Như can chi tứ trụ Tài Sát quá vượng, nhật chủ trong vượng biến nhược, phải tìm bang thân chế hóa Tài Sát mà dụng. Nhật chủ là Thể, nhật chủ vượng, nhiều Ấn thụ, tất cần Tài tinh làm dụng; nhật chủ vượng, Quan Sát khinh, cũng lấy Tài tinh là dụng. Nhật

chủ vượng, nhiều Tỉ Kiếp, ta chịu Tài tinh, lấy Thực Thương là dụng; nhật chủ vượng, nhiều Tỉ Kiếp, mà Tài tinh khinh, cũng lấy Thực Thương làm dụng. Nhật chủ vượng, Quan tinh khinh, Ân thụ trọng, lấy Tài tinh là dụng; nhật chủ nhược, Quan Sát vượng, thì lấy Ân thụ là dụng, nhật chủ nhược, nhiều Thực Thương, cũng lấy Ân thụ là dụng; nhật chủ nhược, Tài tinh vượng, thì lấy Tỉ Kiếp làm dụng. Nhật chủ và Quan Sát cân bằng, thì lấy Thực Thương là dụng; nhật chủ và Tài tinh cân bằng, thì lấy Ân Tỉ là dụng. Chỗ này đều là thỏa đáng dụng thần vậy.

Như nhật chủ không thể ra sức, hợp can khác mà hóa, hóa chân, tức lấy hóa thần làm thể. Hóa thần có dư, thì lấy thần tiết hóa thần làm dụng; hóa thần không đủ, thì lấy thần sinh trợ hóa thần làm dụng.

Cục phương Khúc Trục ngũ cách, nhật chủ là Nguyên thần, tức lấy cách tượng làm Thể, lấy sinh trợ khí tượng làm dụng, hoặc lấy Thực Thương là dụng, hoặc lấy Tài tinh là dụng, chỉ không cần dụng Quan Sát. Tổng quát là nên ý hướng khí thể cách cục mà dụng, không có chấp nhất vậy.

Như không cách không cục, tứ trụ lại không có thể thủ dụng thần, tức hoặc là thủ, hoặc là Nhàn thần hợp trụ, hoặc là bị xung thần tổn thương, hoặc là bị kỵ thần cướp chiếm giữ, hoặc là bị Khách thần cản trở, không những dụng thần không thể chú ý đến nhật chủ, mà nhật chủ cũng không thể chú ý đến dụng thần. Nếu được tuế vận phá hợp thần, hợp xung thần, chế cướp chiếm giữ, thông kỳ cản trở, chỗ này gọi là tuế vận dàn xếp, tùy theo tuế vận thủ dụng, cũng không mất là cát vậy.

Nguyên chú nói: "2,3,4,5 dụng thần, không phải là tạo tốt", chỗ này nói sai lầm. Chỉ có bát tự, nói chung bỏ đi 4 đến 5 dụng thần, mới là ngoại trừ nhật can, chỉ có 2 chữ không dụng, nhất định không có lý này. Tóm lại, có dụng hay không dụng, có định một manh mối, chắc chắn là bất dịch vậy. Trong mệnh chỉ có hai chữ hỉ dụng, dụng thần, chỗ hỉ nhật chủ, cuối cùng là thần dựa vào vậy, ngoại trừ dụng thần, hỉ thần, kỵ thần, đều là nhàn thần khách thần vậy, học giả cần cân nhắc kỹ càng. Đại phạm tác dụng thiên can, sinh thì sinh, khắc thì khắc, hợp thì hợp, xung thì xung, dễ dàng lấy, còn tác dụng địa chi, thì có nhiều loại khác nhau, cho nên thiên can dễ nhìn, còn địa chi khó suy.

95- Bính dần giáp ngọ bính ngọ quý tị

Ất mùi/ bính thân/ đinh dậu/ mậu tuất/ kỷ hợi/ canh tỵ

Trụ này bính tọa ngọ kinh dương, tháng kinh dương, năm trường sinh, giờ đắc lộc, can năm tháng thấu giáp bính, lửa thiêu đốt mộc, vượng cực hĩ, chỉ có một quý thủy cực suy, buộc lòng phải tòng cường. Vận gặp mộc hỏa thổ, tiền của liên tiếp tăng thêm; trung vận thân dậu, hình tang hao tán quá nhiều; đến hợi vận, kích động hỏa mãnh liệt, gia nghiệp phá tận, mạng vong. Gọi là vượng cực, ức vượng phản lại mà có hại vậy.

Chương 14 - Tinh Thần

Nhân hữu tinh thần, bất khả dĩ nhất thiên cầu dã, yếu tại tổn chi ích chi đắc kỳ trung.

(Người có tinh thần, không thể chuyên nhất mà cẩu thả vậy, trong đó quyết định là do Tồn và Ích).

Nguyên chú: Tinh khí Thần khí đều là vô khí vậy, nói chung ngũ hành lấy kim thủy là Tinh khí, mộc hỏa là Thần khí, cho nên mà thỏ đầy đủ vậy. Người có Thần mà không thấy Tinh, Tinh tự đầy đủ, có Tinh đầy đủ mà không thấy Thần, Thần tự đầy đủ; có Tinh thiếu tìm Thần, mà nhật chủ hư vượng; có Thần thiếu tìm Tinh, mà nhật chủ cô nhược, có Thần không đủ mà Tinh có dư, có Tinh không đủ mà Thần có dư, có Tinh Thần đều thiếu mà khí vượng; có Tinh Thần đều vượng mà khí suy, có Tinh thiếu được Thần trợ giúp, có Thần thiếu được Tinh để sinh, có Tinh trợ Tinh mà Tinh lại tiệt vô khí, có Thần trợ Thần mà Thần lại chết vô khí, cả hai đều lấy từ chủ khí vậy. Phạm chỗ này đều không thể chuyên nhất mà cẩu thả vậy, tiến thoái đều phải tồn ích, không thể làm cho quá dư hoặc bất cập vậy.

Nhâm thị viết: Tinh, là thần sinh ta vậy; Thần là cái khắc ta vậy. Khí, là đủ thông bản khí vậy. Cả hai lấy Tinh làm chủ, tinh đủ thì khí vượng, khí vượng thì thần vượng, không phải chuyên lấy kim thủy là Tinh khí, mộc hỏa là Thần khí vậy. Nguyên văn câu cuối nói: "*Yếu tại tồn chi ích chi đắc kỳ trung*", rõ ràng không phải kim thủy là Tinh, mộc hỏa là Thần, tất phải lưu thông sinh hóa, tồn ích vừa phải, thì Tinh Khí Thần đầy đủ vậy. Nghiên cứu kỹ, không những dụng thần, thể tượng nhật chủ có tinh thần, chính là đều có ngũ hành vậy. Có dư thì Tồn (giảm bớt), không đủ thì Ích (bồi thêm), tuy là lý nhất định, nhưng trong nhất định cũng có cái bất định vậy, chỉ xem xét ở 3 chữ "*Đắc kỳ trung*" mà thôi. Tồn tức là khắc chế vậy. Ích tức là sinh phù vậy. Có dư thì giảm, nhưng cũng có dư mà cần tiết; cái không đủ thì thêm, quá thiếu thì nên bỏ đi. Chỗ này là diệu dụng của Tồn Ích. Bởi vì quá thừa, nếu tồn thì trái lại kích động phần nộ, thì nên thuận theo mà tiết đi cái có dư; quá thiếu, bồi thêm cũng không có ích, thì nên thuận theo cái quá thiếu mà bỏ đi.

Tóm lại, Tinh quá đủ nên bồi thêm Khí, Khí quá vượng nên trợ thêm Thần, Thần quá tiết nên bồi thêm Tinh, thì sinh hóa lưu thông, thần thanh khí tráng vậy. Nếu như Tinh quá đủ, lại tồn Khí, Khí quá vượng, lại tồn thương Thần, thần quá tiết, lại ức chế Tinh, thì thiên khô tạp loạn, Tinh làm Thần khô vậy. Cho nên thủy phiếm mộc phù, mộc không có tinh thần; mộc đa hỏa sĩ, hỏa không có tinh thần; hỏa viêm, kim không có tinh thần; kim đa thủy nhược, thủy không có tinh thần.

Nguyên chú lấy kim thủy là tinh khí, mộc hỏa là thần khí, chỗ này là từ nội tạng mà luận vậy. Lấy phế (phổi) thuộc kim, lấy thận thuộc thủy, kim thủy tương sinh, tàng ở bên trong, cho nên là Tinh Khí; lấy can (gan) thuộc mộc, lấy tâm (tim) thuộc hỏa, mộc hỏa tương sinh, phát ra ở bên ngoài, cho nên là Thần Khí; lấy tỳ (lá lách) thuộc thổ, thông ở toàn thân.

Nếu trong mệnh luận chi tiệt tinh thần, thì không lấy kim mộc thủy hỏa là tinh thần vậy, ví dụ như vượng nên tiết, tiết thần được là tinh đủ, chỗ này là từ bên trong mà phát ra bên ngoài, mà thần tự đủ vậy; vượng nên khắc, khắc thần có lực là thần đủ, chỗ này là từ bên ngoài thông suốt vào bên trong, mà tinh tự đủ vậy. Như thổ sinh thán tứ quý, tứ trụ thổ nhiều không có mộc, hoặc can thâu Canh Tân, hoặc chi tàng Thân Dậu, chỗ này gọi là

từ bên trong phát ra bên ngoài , mà Tinh đủ Thần định ; nếu như thổ nhiều không có kim, hoặc can thâu Giáp Ất, hoặc chi tàng Dần Mão, chỗ này gọi là từ bên ngoài thông suốt vào bên trong, là Thần đủ Tinh an. Luận về thổ như vậy, ngũ hành còn lại cũng như thế, nên nghiên cứu tỉ mỉ tường tận.

Chỗ này đại khái yêu cầu khi luận mệnh phải cân nhắc kỹ càng giữa sinh khắc chế hóa. Nếu thái quá đều không tốt.

96- Quý Dậu giáp tý bính dần mậu tuất

Quý Hợi/ nhâm tuất/ tân dậu/ canh thân/ kỷ mùi/ mậu ngọ

Trụ này lấy giáp mậu làm tinh (vì nhật nguyên bính hỏa, tinh là cái sinh ra ta nên lấy mậu làm tinh), suy mậu đắc thủy sinh, mà gặp dần lộc biến thành tinh thìn đầy đủ, lấy mậu thổ làm thìn, tọa tuất thổ thông căn, dần tuất cùng hỏa biến thành vượng. Quan sinh ấn, ấn sinh nhật chủ, nhật chủ tọa trường sinh làm khí quán lưu thông, ngũ hành sinh hóa đều đầy đủ. Tả hữu hai bên thượng hạ tình hiệp không bội phản, quan đến có thể ngăn, kiếp đến có quan, thực đến có ấn, đông tây nam bắc chi vận, đều có thể lưu thông, cho nên cả đời phú quý phúc thọ, có thể nói đặc ý hĩ.

97- Quý mùi ất mao bính thìn canh dần

Giáp dần/ quý sửu/ nhâm tý/ tân Hợi/ canh tuất/ kỷ dậu

Trụ này tổng quát xem qua, quan ấn tương sinh, giờ ngộ thiên tài, ngũ hành không khuyết, tứ trụ thuần chất, hết như quý cách, không biết tài quan đều hưu tù, lại xa cách không thể chiếu cố lẫn nhau, chi toàn dần mao thìn. Xuân thổ bị khắc tận, không thể sinh kim, kim lâm tuyệt địa, không thể sinh thủy, thủy khí tiết quá mức sinh mậu, mậu thể càng vượng mà hỏa rực cháy, hỏa rực cháy nên khí chết, khí chết thì thìn khô. Hành vận phương bắc, lại thương khắc bính hỏa, phản lại trợ mậu; mặc dù gặp kim vận, gọi là quá dư thừa, tổn (khắc chế) ngược lại bị kích động, mới thấy chung thân lục đục, danh lợi vô thành.

Trụ này nhật nguyên bính hỏa, mậu ấn tinh quá vượng. Tài quan đều hưu tù. Nguyên tắc mậu vượng thì hỏa khó cháy, cần phải dụng kim khắc bớt mậu. Nhưng do trong trụ kim quá nhược, nên dụng kim khắc mậu chẳng những không tốt mà còn hại vậy.

98- Mậu tuất ất sửu bính thìn kỷ sửu

Giáp tý/ quý Hợi/ nhâm tuất/ tân dậu/ canh thân/ kỷ mùi

Trụ này toàn thổ, mệnh chủ nguyên thần, tiết tận cùng can tháng, ất mậu điều tàn khô héo, gọi là tinh khí căn cỗi. Vận gặp nhâm tuất, nhật chủ tổn thương; năm tân mùi, khắc ất mậu, bất ngờ tháng chín mắc chứng bệnh mà mất mạng. Trụ này vận dụng nghịch hành, nói chung đúng là quý mệnh.

Chương 15 - Nguyệt Lệnh

Nguyệt lệnh là phủ của đề cương, ví như chỗ ở vậy, nhân nguyên là thần dụng sự, là chỗ định hướng ở trong nhà, không thể không suy đoán.

Nguyên chú: Lệnh tinh là phần trọng yếu của Tam mệnh, khí tượng đặc lệnh là cát, hỉ thần đặc lệnh là cát, lệnh có thể không chú ý đến sao? Nguyệt lệnh giống như con người trong gia đình, tam nguyên là ở trong chi, định đường hướng ở trong nhà, không thể không suy đoán. Như người sinh tháng Dần, sau Lập Xuân trước 7 ngày, đều là Mậu thổ dụng sự; sau 8 ngày trước 14 ngày, Bính hỏa dụng sự; sau 15 ngày, Giáp mộc dụng sự. Hiểu chỗ này thì có thể thủ cách, có thể thủ dụng vậy.

Nhâm thị viết: Lệnh tháng, phần quan trọng nhất trong mệnh vậy. Khí tượng, cách cục, dụng thần đều lệ thuộc vào đề cương tháng, thiên can vừa có thần dẫn trợ, ví như tượng nhà cao cửa rộng không di chuyển. Nhân nguyên dụng sự, tức là thần điều khiển tháng này ngày này vậy, giống như đường hướng ở trong nhà, không thể không suy đoán.

Địa Lý huyền cơ » nói: "Vũ trụ phải có đại quan, khí vận làm chủ; sơn xuyên có chân tính tình, khí thế làm đầu". Thiên khí động trên cao, mà nhân nguyên ứng theo, địa khí động bên dưới, mà thiên khí tòng theo. Bởi vậy luận về chi, nhân nguyên nắm lệnh, tuy cách cục dụng thần quan trọng hàng đầu, tuy nhiên thiên địa tương ứng cũng thật vi diệu. Cho nên biết địa chi đặc thiên can dẫn trợ, thiên can là dụng, cần phải nắm lệnh địa chi. Tổng quan nhân nguyên phải nắm lệnh, tất có thể dẫn cát chế hung; nắm lệnh tất phải hiện, phương cục có thể giúp trợ cách cục dụng thần.

Như mậu thổ tháng dần, canh kim tháng tị, thâu xuất mậu canh, có thể biết phát vậy;

Như người sinh tháng dần

a - Mậu thổ nắm lệnh, giáp mộc chưa nắm lệnh, mậu thổ tuy nắm lệnh nhưng thiên can không thâu xuất hỏa thổ mà thâu thủy mộc, thì môn (can) suy địa vượng; thiên can không thâu xuất thủy mộc mà thâu hỏa thổ, thì môn vượng địa suy; đều là cát hung ngang nhau.

b - Bính hỏa nắm lệnh, tứ trụ không có thủy, hàn mộc đặc hỏa mà hóa, hỏa đặc mộc mà được sinh, thì môn địa đều vượng, phúc lộc phi thường vậy.

c - Mậu thổ nắm lệnh, thiên can thâu mộc, chi tàng thủy, thì môn địa đồng suy, sinh họa bất trắc.

Các tháng còn lại đồng như thế mà suy luận.

99- Giáp tuất bính dần mậu dần bính thìn

Đinh mão/ mậu thìn/ kỷ tị/ canh ngọ/ tân mùi/ nhâm thân

Ngày mậu dần, sinh vào mười lăm ngày sau tiết lập xuân, giáp mộc đang nắm lệnh, địa chi hai dần khắc thần tuất chi thổ, thiên can giáp mộc thâu xuất, lại chế nhật chủ mậu thổ, tựa hồ sát vượng thân nhược. Tuy nhiên mừng không có kim, nên nhật nguyên không tiết khí, lại không có thủy, tất bính hỏa là ẩn tinh không bị khắc, bính hỏa thâu xuất sát hai bên nhật chủ, hỏa sát sinh thân. Do giáp sinh bính, bính hỏa sát sinh thân thật đẹp vậy. Phò tá hoàng đường, danh lợi song toàn vậy.

100 - Giáp tuất bính dần mậu thìn canh thân

Đinh mao/ mậu thìn/ kỷ tị/ canh ngọ/ tân mùi/ nhâm thân

Ngày mậu thìn, sinh vào sáu ngày sau tiết lập xuân, mậu thổ đương lệnh, tháng thâu bính hỏa, sinh hóa hữu tình, nhật chủ mậu thổ tọa thìn, thông căn thân vượng, lại đắc thực thần chế sát. Theo tục luận tất sẽ đẹp mệnh trên, chẳng biết mộc còn non yếu, thổ lạnh mừng có hỏa, nên cần mộc vượng sinh hỏa, không nên chế mộc. Hiềm giờ thân chẳng những tiết khí nhật chủ, mà còn bính hỏa lâm tuyệt địa, mới biết thi hương khó thành, cả đời thất bại vất vả không yên, nửa đời khó tránh khỏi hình tang vậy.

Trụ này sinh vào sơ xuân, mộc suy, thổ lạnh. Cần nhất hỏa sưởi ấm, sinh thổ thì vạn vật mới sinh trưởng tốt đẹp. Nhưng hiềm rằng, thổ đương lệnh tại tháng dần nên giáp mộc có lộ cũng không vượng, mộc lại còn bị canh kim có gốc khắc nên cực suy, mộc suy thì không thể sinh hỏa. Thêm hỏa tuy thâu can, nhưng không được sinh mà còn phải sinh xuất lại cho thổ nên không đẹp.

Chương 16 - Sinh Thời (Giờ sinh)

Giờ sinh là đất quy về , giống như m ộ vậy, Nhân nguyên là thần d ụng sự, định phương m ộ vậy, không thể không suy đoán.

Nguyên chú: Người sinh giờ Tý , trước 3 khắc, 3 phân Nhâm thủy dụng sự; sau 4 khắc, 7 phân Quý thủy dụng sự. Bình luận cùng người sinh tháng Dần , Mậu thổ dụng sự như thế nào , Bính hỏa dụng sự như thế nào , Giáp mộc d ụng sự như thế nào , chỗ thần dùng cực, cùng Nhâm thủy dụng sự như thế nào, Quý thủy dụng sự như thế nào, cùng nói nông sâu mới định phương ph ần m ộ, mới có thể đoán h ọa phúc của con người . Đến như cùng năm cùng tháng ngày mà trăm người đều ứng như một , nên nghiên cứu giờ trước sau, lại luận núi sông khác nhau , thế hệ đạo đ ức đặc thù , thì 10 có 9 nghiệm, còn 1 nghiệm, chẳng qua chỗ này thì có liên quan , chỗ kia thì nhiều con , chỗ này thì nhiều tài sản, chỗ khác thì vợ đẹp, là vì mỗi người là khác nhau. Nói núi sông khác nhau không chỉ đông tây nam bắc, thế ở chỗ khác nhau , cần phân biệt , tức là một ập một nhà , mà gió thanh khí tự , không thể giống nhau vậy . Đặc thù th ế hệ đạo đ ức, không chỉ có phú quý bản tiện, tuyệt đối không ơnh như nhau mà cần phải phân biệt t, tức là cùng cửa cùng nhà, mà thiện ác tà chính, không thể cứ như nhau vậy . Học giả xem xét ở chỗ này , có thể biết mà dùng vậy.

Nhâm thị viết: Trước giờ Tý 3 khắc 3 phân Nhâm thủy dụng sự, là dư khí ở trong Hợi, tức là nói giờ Tý ban đêm vậy, như trước Đại Tuyết 10 ngày nói Nhâm thủy dụng sự vậy. Các giờ còn lại cũng có d ụng sự trước sau, phải từ năm lệnh như nhau mà suy . Như giờ sinh d ụng sự, cùng kèm theo nhân nguyên nguy ệt lệnh dụng sự, là chỗ hỉ của nhật chủ, thì hưng thịnh gấp bội ; là chỗ kị của nh ật chủ, thì tăng thêm hung h ọa. Giờ sinh tốt xấu, ví như huy ệt đạo ph ần m ộ; người mà d ụng sự, giống như định hướng ph ần m ộ. Không thể không phân biệt. Nói huyết cát hướng hưng, tất là giảm cát; huyết hung lộ cát, tất là gi ảm hung. Như ngày Bính giờ H ợi, trong có Nhâm th ủy, là Sát của Bính , được Giáp mộc dụng sự, nói huyết hướng nơi chùa tự; ngày Tân giờ Mùi, trong Mùi có Kỷ thổ, là Ấn của Tân kim, được Đinh hỏa dụng sự, nói huyết cát hướng hưng. Lý tuy là như vậy, nhưng không đúng giờ, 10 có tới 4,5; nói không hề theo giờ , làm sao có thể phân rõ sinh

khắc chữ? Nếu như giờ, dù không nghiên cứu nhân nguyên, cũng có thể đoán quy mô vậy. Thí dụ như Rồng ở thiên nhiên, huyết ở thiên nhiên, tất phải hướng theo thiên nhiên; hướng theo thiên nhiên, tất là thiên nhiên có nước, chỉ cần không sai giờ, thì cát hung tự ứng nghiệm. Theo nhân nguyên dụng sự, kết cuộc không bằng coi trọng so với đề cương năm lệnh vậy; về phần thấy sông núi đặc thù này khác biệt, phát phúc bởi vì trăm họ suy bậc, thấy họa có nặng nhẹ, hướng chỉ nhân phẩm có chính tà, cũng có thể di chuyển họa phúc, chỗ này lại là trói buộc vậy. Cần cân nhắc vậy.

-Giờ Tí: Từ 11 PM đến trước 1 AM (bắt đầu từ 11 giờ đêm ngày hôm trước đến trước 1 giờ sáng hôm sau)

-Giờ Sửu: Từ 1 AM đến trước 3 AM

-Giờ Dần: Từ 3 AM đến trước 5 AM

-Giờ Mão: Từ 5 AM đến trước 7 AM

-Giờ Thìn: Từ 7 AM đến trước 9 AM

-Giờ Ty: Từ 9 AM đến trước 11 AM

-Giờ Ngọ: Từ 11 AM đến trước 1 PM

-Giờ Mùi: Từ 1 PM đến trước 3 PM

-Giờ Thân: Từ 3 PM đến trước 5 PM

-Giờ Dậu: Từ 5 PM đến trước 7 PM

-Giờ Tuất: Từ 7 PM đến trước 9 PM

-Giờ Hợi: Từ 9 PM đến trước 11 PM

Như vậy mỗi giờ âm lịch có thời gian bằng hai giờ dương lịch và nếu sinh từ 11 giờ đêm trở đi thì ngày sinh coi như là sinh vào ngày hôm sau

Chương 17 - Suy Vượng

Biết chân cơ suy vượng,

Áo diệu ở Tam Mệnh,

Là nhớ quá bán vậy.

Nguyên chú: Vượng thì nên tiết nên thương, suy thì hỉ bang hỉ trợ, là lý lẽ Tử Bình vậy. Nhưng trong vượng có suy tồn tại, không thể Tồn vậy; trong suy có vượng tồn tại, không thể Ích vậy. Vượng có thể tồn, lấy tồn ở trong đó vậy; cực suy là chỗ không thể đem tồn mà tồn, lại là hung; thực ra chỗ nên ích mà ích, lại là hại, chỗ chân cơ này, đều có thể biết, khó ở chỗ là làm sao suy xét chỗ tam áo diệu chứ?

Nhâm thị viết: Đắc lệnh thì luận là vượng, thất lệnh dễ cho là suy, tuy là chí lý, nhưng cũng dễ chết vì sai lầm. Ngũ khí lưu hành bốn mùa, tuy nhật can chuyên lệnh, kỳ thực chuyên lệnh trong chi. Bát tự tuy lấy lệnh tháng làm trọng, mà luận vượng tương hưu tù, chi năm chi ngày cũng có thể sinh khắc nhật chủ vậy, cho nên tuy sinh tháng

không nắm lệnh, cũng có thể nắm lệnh năm, lệnh ngày, lệnh giờ mà sinh vượng được vậy. Như mùa xuân mộc tuy vượng, mà kim quá dày thì mộc cũng lâm nguy; trên can thâu xuất canh tân, dưới gặp chi thân dậu, không có hỏa chế mà bất phú, gặp thổ sinh mà yếu mệnh, không thể luận đắc vượng vậy. Thu mộc tuy nhược, mộc thâm căn cố đế cũng có thể xem là cường vượng, can thâu giáp ất mà chi tàng dần mao, ngũ quan thâu xuất có thể đảm nhận, gặp thủy sinh mà quá mức, không thể xem là nhược vậy.

Cho nên nhật chủ không luận hưu tù nguyệt lệnh, chỉ cần tứ trụ hữu căn, liền có thể đảm nhận tài quan thực thương thất sát. Trường sinh lộc vượng, cần phải căn cứ vào chi trọng hay thiếu; mộ khổ dư khí, cũng không thể xem khinh. Can được thiên can tỉ kiếp thâu xuất tương trợ, không bằng đắc mộ khổ dư khí tại địa chi. **Mộ**, là như giáp ất gặp mùi thổ, bính đinh gặp tuất, canh tân gặp sửu, nhâm quý gặp thìn. **Dư khí**, là như bính đinh gặp mùi, giáp ất gặp thìn, canh tân gặp tuất, nhâm quý gặp sửu; đắc hai can tương trợ, không bằng một chi trường sinh lộc vượng; như giáp ất gặp chi Hợi dần mao. Can như bằng hữu, chi lại sinh phù, nhiều can không bằng thông căn nơi địa chi. Người xưa không biết được lý này vậy, nhìn thấy xuân thổ hạ thủy thu mộc đông hỏa, không xét hữu căn vô căn, liền cho là thân nhược; nhìn thấy xuân mộc hạ hỏa thu kim đông thủy, không nghiên cứu trọng khinh, liền cho là vượng, dù cho nhâm quý gặp thìn, bính đinh gặp tuất, giáp ất gặp mùi, canh tân gặp sửu, tưởng rằng không thông căn khổ địa, thậm chí còn cầu hình xung khai khổ, mà không biết hình xung tất thương tổn căn khí. Nên cần phải loại trừ cách luận sai lầm này vậy.

Như vậy, chỗ này đều phải luận trực tiếp vượng suy, là Dịch vậy, chỗ này còn có tồn tại lý lẽ điên đảo (đảo nghịch), có 10 lý lẽ:

- + Mộc thái vượng, mà tựa như kim, mừng được hỏa rèn luyện.
- + Mộc cực vượng, mà tựa như hỏa, mừng gặp thủy khắc.
- + Hỏa thái vượng, mà tựa như nước, mừng thổ ngăn lại vậy.
- + Hoả cực vượng, mà tựa như thổ, mừng gặp mộc khắc.
- + Thổ thái vượng, mà tựa như mộc, mừng gặp kim khắc.
- + Thổ cực vượng, mà tựa như thủy, mừng có hỏa luyện.
- + Kim thái vượng, mà tựa như hỏa, mừng gặp thủy cứu.
- + Kim cực vượng, mà tựa như nước, mừng thổ ngăn lại.
- + Thủy thái vượng, mà tựa như thổ, mừng gặp mộc khắc chế.
- + Thủy cực vượng, mà tựa như mộc, mừng gặp kim khắc.
- + Mộc thái suy, mà tựa như thủy vậy, cần lấy kim sinh.
- + Mộc cực suy, mà tựa như thổ, cần lấy hỏa sinh.
- + Hỏa thái suy, mà tựa như mộc, cần lấy thủy sinh.
- + Hoả cực suy, mà tựa như kim, cần lấy thổ sinh.

- + Thổ thái suy, mà tựa như hỏa, cần lấy mộc sinh.
- + Thổ cực suy, mà tựa như thủy, cần lấy kim sinh.
- + Kim thái suy, mà tựa như thổ, cần lấy hỏa sinh.
- + Kim cực suy, mà tựa như mộc, cần lấy thủy sinh.
- + Thủy thái suy, mà tựa như kim, cần lấy thổ sinh.
- + Thủy cực suy, mà tựa như hỏa, cần được mộc sinh.

Chỗ này là chân cơ ngũ hành điên đ đảo (đảo nghịch), học giả cần nên nghiên cứu lý lẽ này là rất huyền diệu.

Như:

101 - Giáp thìn đinh mão giáp tý mậu thìn

Mậu thìn/ kỷ tị/ canh ngọ/ tân mùi/ nhâm thân/ quý dậu

Giáp mộc sinh tháng mão, địa chi hai thìn, mộc còn dư khí, thêm mão thìn hội mộc cực, tý thìn bán hợp thủy cực nên mộc thái vượng giả mà tựa như kim, lấy đinh hỏa làm dụng vi diệu. Đến vận kỷ tị, đinh hỏa lâm vượng, công danh cao quý; hai vận canh tân, vận nam phương, tuy có hình hao mà không có họa lớn; Vận mùi khắc khử tý thủy, vận xấu, ngọ vận tý thủy bị xung khắc, thi hương không thành; nhâm thân vận kim thủy cùng đến, hình thê khắc tử, phá hao vô cùng; quý vận mất lộc.

102- Quý mão ất mão giáp dần ất hợi

Giáp dần/ quý sửu/ nhâm tý/ tân hợi/ canh tuất/ kỷ dậu

Mệnh này tứ chi toàn là mộc với lại được thủy sinh, sáu mộc hai thủy, mộc vượng cực giả mà tựa như hỏa, xuất thân tổ nghiệp vững mạnh. Duy vận quý sửu bị hình thương, vận nhâm tý thủy thế cực vượng, tân hợi vận kim không thông căn, chi gặp hợi thủy, hai mươi năm kinh doanh phát tài, hoạnh lợi mấy vạn; giao vận canh tuất, thổ kim đều vượng, phá tài mà chết.

Trụ này thủy mộc nhị khí. Nên dụng thần là thủy mộc.

103- Ất sửu giáp thân giáp thân tân mùi

Quý mùi/ nhâm ngọ/ tân tị/ canh thìn/ kỷ mão/ mậu dần

Mệnh này địa chi thổ kim, mộc không có căn gốc, can tân kim thấu xuất, mộc thái suy giả mà tựa như nước (nên dụng kim), sơ vận quý mùi nhâm ngọ sinh mộc khắc chế kim, hình tang hao tán, công danh gian nan; tân tị - canh thìn vận, kim được sinh vượng, tay trắng làm nên phát tài mấy vạn; kỷ mão vận thổ vô căn, mộc đắc địa, phá tài mấy vạn; đến vận mậu dần thì mất.

Trụ này nhật chủ quá nhược, sát vượng nên tòng sát. Gặp vận thổ, kim tức vận tài, quan là cát vận.

104- Kỷ tị kỷ tị ất dậu bính tuất

Mậu thìn/ đinh mão/ bính dần/ ất sửu/ giáp tý/ quý hợi

Mệnh này địa chi toàn khắc tiết nhật chủ, thêm nữa thiên can thấu hỏa thổ, hoàn toàn không có thủy. Mộc suy cực giả, mà tựa như thổ. Sơ vận mậu thìn, đinh mão hoành phát, bính vận kinh doanh đại phát, thu lợi được vạn kim; dần vận khắc thê phá tài; ất sửu vận chi toàn kim cực, hỏa thổ đều bị tiết, gia nghiệp phá tán; vận giáp tý thủy vượng, nên mất lộc (không thấy luận giáp hợp kỷ!).

Trụ này địa chi hai tị, một tuất nên hỏa vượng. Trên can lại thấu 2 kỷ 1 bính, thổ trên can được chi hỏa sinh (thiên can dẫn xuất địa chi) nên cực vượng, tác dụng mạnh (tức tài cực vượng). Trong khi đó mộc cực suy, nên buộc phải tòng thổ thành cách tòng tài. Tòng tài thì gặp vận tài, hoặc thực thương (tức vận hỏa, thổ) là vận tốt. Còn gặp vận kiếp, ấn (tức thủy, mộc) thì tán gia bại sản.

105- Ất sửu nhâm ngọ bính tuất giáp ngọ

Tân tị/ canh thìn/ kỷ mão/ mậu dần/ đinh sửu/ bính tý

Mệnh này ngày bính tuất, trụ tháng giờ có hai kinh dương, nhâm thủy vô căn, với lại phải tiết sinh ất mộc. Hỏa thái vượng giả, tựa như nước vậy (tức dụng thổ). Sơ vận canh thìn, tân tị, kim gặp sinh địa, không được ai tương trợ, không nơi nương tựa; kỷ mão vận đắc tể ngọ, mậu dần toàn hội hỏa cực, thêm đinh sửu vận hai mươi năm phát tài bốn năm vận, đến vận tý thì mất.

Trụ này thuộc cách tòng vượng. Do ất mộc ấn thụ trong mệnh cực khinh, nên gặp vận tị kiếp, kiều ấn hay thực thương đều tốt tức dụng hỷ thần ấn kiếp thương. Nếu ấn thụ trong mệnh cực trọng tứ thành cách tòng cường, thì nhất định chỉ được gặp vận ấn kiếp, không nên gặp vận thực thương, vì khi đó kiều ấn sẽ khắc thực thương.

106- Mậu dần đinh tị bính dần giáp ngọ

Mậu ngọ/ kỷ mùi/ canh thân/ tân dậu/ quý hợi/ nhâm tuất

Bính hỏa sinh mạnh hạ, địa chi lưỡng dần bính hỏa trường sinh, lại gặp lộc vượng. Hỏa cực vượng giả tựa như thổ. Sơ vận tuy không gặp mộc, mừng nam phương hỏa địa, thừa hưởng gia nghiệp hưng thịnh, đọc sách xem qua một lần là nhớ (ý thông minh, học giỏi); giao canh vận thi thư, thất bại; thân vận nhà tan mất mạng. Mệnh này nếu gặp mộc vận, danh lợi song toàn vậy.

Trụ này ấn kiếp đều vượng, thành cách tòng cường. Nên dụng thần là ấn kiếp. Tuyệt đối không nên gặp vận thực tài quan, thất bại như vôi.

107- Tân tị đinh dậu đinh dậu tân sửu

Bính thân/ ất mùi/ giáp ngọ/ quý tị/ nhâm thìn/ tân mão

Đinh hỏa sinh vào tháng tám, thu kim nắm lệnh, với tại toàn kim cực. Hỏa suy tựa như mộc. Sơ vận ất mùi, giáp ngọ, hỏa mộc đều được, gia đình cốt nhục anh em gặp họa, chia lìa. Nhất giao vận quý tị, thiên can quý thủy thấu xuất, địa chi trợ kim, xuất ngoại kinh doanh, phát lớn; vận nhâm thìn, phát tài hơn mười vạn.

Trụ này nhật chủ vô căn, tài nắm lệnh cường vượng lại thâu lộ trên can (điều kiện quan trọng để thành cách tòng tài), thành cách tòng tài. Dụng thần thực thương, tài quá tốt, quan sát vận trung bình vì có quan khắc kiếp bảo vệ tài.

108- Tân hợi nhâm thìn bính thân kỷ hợi

Tân mao/ canh dần/ kỷ sửu/ mậu tý/ đinh hợi/ bính tuất

Mệnh này tài sinh sát, sát công thân, bính hỏa tọa thân kim, thân thìn bán hợp hóa thủy. Hỏa suy cực giả tựa như kim. Sơ vận tân mao canh dần, phương đông mộc địa, tổ nghiệp điêu tàn; đến vận kỷ sửu, xuất ngoại kinh doanh, đại phát; đến vận mậu tý là hai mươi năm, danh lợi đều cao sang, hàng vương tôn công tử. Đặc vận tất đặc phúc vậy.

Trụ này chỉ có thủy vượng, trên lại lộ sát, nhật chủ cô yếu vô căn. Thành cách tòng sát. Dụng thần tài, quan. Vận kỷ sửu tốt, do trong mệnh cục trên can đã có tân, nên kỷ sinh tân, tân sinh nhâm, sát vượng tốt; dưới chi đã có thân, sửu sinh thân, thân sinh hợi, hợp thần thủy vượng, gọi là bệnh có thuốc chữa nên cát lành. Tương tự cho vận mậu tý.

109- Mậu thìn mậu ngọ mậu thân kỷ mùi

Kỷ mùi/ canh thân/ tân dậu/ nhâm tuất/ quý hợi/ giáp tý

Mệnh này thổ trọng, sinh vào tháng hạ, thổ thái vượng giả mà tựa như mộc, dụng thần tại kim. Canh thân vận, thi hương bảng; năm tân sửu – vận tân dậu, nhập cung, hưởng lộc vua ban, danh lộ thênh thang thẳng tiến; nhâm tuất vận, hình tang hao tán, mất năm bính ngọ.

Trụ này thành cách tòng vượng. Dụng thần hỏa, thổ, kim.

110 - Mậu tuất bính thìn kỷ tị kỷ tị

Đinh tị/ mậu ngọ/ kỷ mùi/ canh thân/ tân dậu/ nhâm tuất

Mệnh này tứ trụ hỏa thổ, không có khắc tiết. Thổ vượng cực giả mà tựa như kim. Sơ vận nam phương, thừa hưởng tổ nghiệp hưng hình giàu có, ngọ vận, kỷ mùi vận được đề bạt mà không được làm quan; giao vận canh thân, gia nghiệp suy vi; tân dậu vận, tiền tài hư hao, sự nghiệp tiêu điều; nhâm vận khắc bính mà không lộc.

Trụ này thành cách tòng cường, do kiếp vượng mà kiêu án cũng quá vượng. Dụng thần kiếp án.

111 - Nhâm thìn tân hợi mậu tý quý sửu

Nhâm tý/ quý sửu/ giáp dần/ ất mao/ bính thìn/ đinh tị

Mệnh này chỉ thuộc phương bắc, thủy thế cuồn cuộn, với lại thiên can thâu xuất kim thủy. Thổ thái suy giả mà tựa như lửa. Đến vận giáp dần, ất mao, can chi toàn mộc, danh lợi song toàn; nhất giao bính vận, hình thể khắc tử, phá tán điêu tàn; đến tị vận, năm hỏa thổ, ám thương thể dụng, bị mắc bệnh phong mà chết.

112- Quý dậu giáp tý mậu tý mậu ngọ

Quý hợi/ nhâm tuất/ tân dậu/ canh thân/ kỷ mùi/ mậu ngọ

Mệnh này tứ trụ toàn thủy, lại đắc kim sinh. Thổ suy cực giả mà tựa như nước. Sơ vận quý Hợi, bình hòa; nhâm tuất vận, thủy vô căn, thổ đắc địa, hình tang phá hão, gia nghiệp suy vi; vận tân dậu canh thân được hai mươi năm, đại đắc tề ngộ, tay trắng làm nên sự nghiệp, phát tài hơn mười vạn; kỷ mùi vận phá tán mấy vạn, đến vận mùi thì mất mạng.

Trụ này thành cách tông tài. Thủy vượng, lại có thủy lộ trên can. Dụng thần thực thương, tài vận (thực thương vận thì tốt hơn).

113- Nhâm thân kỷ dậu canh tỵ canh thìn

Canh tuất/ tân Hợi/ nhâm tỵ/ quý sửu/ giáp dần/ ất mao

Mệnh này thu kim nắm lệnh, không có mộc hỏa. Kim thái vượng giả mà tựa như hỏa. Hợi vận nhâm thủy tọa lộc, vận nhâm tỵ dụng thần lâm vượng, đều cát lợi danh lợi song huy; quý sửu vận hợp khứ đi nhâm thủy vượng địa, không cát; giáp dần, ất mao vận, có công khắc thổ vệ thủy, nhân nhĩ đến cuối cuộc đời.

114- Canh thân ất dậu canh tuất canh thìn

Bính tuất/ đinh Hợi/ mậu tỵ/ kỷ sửu/ canh dần/ tân mao

Mệnh này chi toàn tây phương kim cục, lại thêm thìn thổ, kim vượng cực tựa như nước. Sơ vận hỏa, tổ nghiệp điêu tàn; đến vận mậu tỵ hoạch lợi, danh lợi song toàn; toại nguyện từ sửu vận đến canh vận; nhất giao dần vận, phạm tội bãi chức, tài lợi hao phá nhiều; đến mao vận thất lộc.

Trụ này thành cách tông cường (do ẩn vượng, kiếp vượng). Dụng thần kiếp ẩn (thổ kim).

115- Kỷ mao canh ngọ tân mao giáp ngọ (trụ giờ là Tân Mão mới đúng?)

Kỷ tị/ mậu thìn/ đinh mao/ bính dần/ ất sửu/ giáp tỵ

Tân kim sinh vào hạ, địa chi gặp tài sát. Kim thái suy giả tựa như thổ. Sơ vận kỷ tị mậu thìn, tiết hỏa sinh kim, danh lợi khó thành; nhất giao đinh mao vận, mộc hỏa thịnh vượng, như đất khô gặp mưa, bất ngờ đại phát, gia nghiệp hưng thịnh, đến sửu vận sinh kim tiết hỏa, thất lộc.

Trụ này nhật chủ quá nhược, chi tàng mộc hỏa vượng. Tuy nhiên, trên can chỉ lộ giáp mộc (tài tinh) nên thành cách tông tài.

116- Kỷ Hợi đinh mao canh dần bính tỵ

Bính dần/ ất sửu/ giáp tỵ/ quý Hợi/ nhâm tuất/ tân dậu

Mệnh này mộc vượng thừa quyền, lại được thủy sinh, tứ diện gặp tài sát. Kim suy cực giả mà tựa như mộc. Cho nên trung vận ất sửu, thổ kim ám vượng, gia nghiệp điêu tàn; đến giáp vận, phương bắc thủy vượng, nguồn tài thông suốt đầy đủ; quý Hợi vận thăng chức, danh lợi song toàn; nhâm tuất vận, thủy lâm tuyệt địa, bãi chức quý điền.

Trụ này nhật chủ quá nhược, trong mệnh cục thực tài quan đều vượng. Thành cách tông thế. Dụng thần mộc, gặp mộc vận (tài vận) thì tốt, gặp thủy vận (thực thương vận) trung bình, hỏa vận cũng kém; gặp thổ kim vận là đại họa.

117 - Nhâm dần tân hội nhâm tý tân sửu

Nhâm tý/ quý sửu/ giáp dần/ ất mao/ bính thìn/ đinh tị

Mệnh này nhâm thủy sinh vào tháng mạnh đông, chi toàn phương bắc, can thấu toàn kim thủy. Thủy thái vượng giả mà tựa như thổ, mừng địa chi tàng dần mộc. Đến vận giáp dần, tài cao học rộng, thanh vân đắc lộ, danh lợi song huy; ất mao vận quan lộ thuận toại; giao bính vận mà chết.

Trụ này thành cách tông vượng, do trong mệnh cục kiếp vượng, ẩn suy lại có thực thương. Gặp mộc vận (thực thương vận) là tốt nhất, kế đến là kiếp vận. Ẩn vận trung bình

118- Quý hội quý hội nhâm tý canh tý

Nhâm tuất/ tân dậu/ canh thân/ kỷ mùi/ mậu ngọ/ đinh tị

Mệnh này tứ trụ toàn thủy, không có khắc tiết. Sơ vận nhâm tuất, chi tuất thổ vượng, hình tang phá tán; tân dậu, canh thân vận, can chi toàn kim, phúc lộc tràn đầy; giao kỷ mùi vận, vợ con gặp nạn, gia nghiệp tiêu tan; ngọ vận, bản cùng quá sức, đau buồn mà chết.

Trụ này thành cách tông cường. Kiếp ẩn vận thì tốt.

119- Bính thìn ất mùi nhâm ngọ quý mao

Bính thân/ đinh dậu/ mậu tuất/ kỷ hợi/ canh tý/ tân sửu

Mệnh này hỏa thổ đương quyền, lại gặp mộc trợ, ngũ hành vô kim. Thủy thái suy giả mà tựa như kim. Sơ vận bính thân, đinh dậu, thiên can thuộc hỏa khắc kim, nên thân dậu không thể sinh thủy, tài lộc thừa vượng; trung vận mậu tuất, gia nghiệp hưng thịnh; kỷ hợi vận, thổ vô căn, mừng chi hội mộc cục, tuy có phá tán mà không có họa lớn; giao vận canh tý, tan nhà nát cửa.

Trụ này nhật chủ quá nhược, mộc hỏa vượng, trên can lại thấu mộc hỏa. Thành cách tông tài. Vận thực thương tài thì tốt, quan sát vận trung bình.

120 - Quý mao mậu ngọ nhâm dần bính ngọ

Đinh tị/ bính thìn/ ất mao/ giáp dần/ quý sửu/ nhâm tý

Mệnh này bính hỏa đương quyền, mậu quý hợp hỏa hỏa, can nhâm thủy suy cực. Thủy suy cực giả mà tựa như hỏa. Sơ vận gặp hỏa, tông vượng hỏa, cơm áo đầy đủ; vận ất mao giáp dần, danh lợi song toàn; quý sửu vận, tranh quan đoạt tài, phá tán mà chết.

Trụ này thành cách tông tài do chi có hỏa vượng, trên can cũng thấu hỏa.

Trên đây hơn hai mươi trường hợp, ngũ hành cực vượng cực suy, không đặc trưng hòa. “Trong vượng có suy, trong suy có vượng” tức thái vượng, thái suy giả. “vượng cực

không thể tồn, suy cực không thể sinh” tức vượng cực, suy cực vậy. Đặc biệt tuyên lựa để minh chứng cho hậu nhân.

Chương 18 - Trung Hòa

Đã hiểu lý trung hòa,

Diệu kỳ ở ngũ hành,

Có toàn bộ chỗ này.

Nguyên chú: Trung mà lại hòa, cũng là yếu pháp của Tử Bình: "*Hữu bệnh phương vi quý, vô thương bất thị kỳ*", cứ theo trên mà nói. Còn như "*Trong cách nếu khử bệnh, Tài Lộc hưởng tương nghi*", thì lại trung hòa vậy. Rốt cuộc trung hòa, chính là đến quý. Nếu khí số năm lệnh, hoặc thân nhược mà Tài Quan vượng địa, thủ phú quý không cần ở Trung vậy; dụng thân mạnh, thủ phú quý mà không cần ở Hòa vậy; cứ theo kỳ dị, thủ phú quý mà không cần ở trung hòa vậy. Tại sao vậy? Lấy Tài Quan thiên hạ, chỉ có kẻ chỗ này, còn nhân tài thiên hạ, tôi đa chỉ có chỗ này, đều chú trọng ở tinh xảo vậy.

Nhâm thị viết: Trung hòa, cốt tủy trong mệnh lý vậy. Tức đặc trưng hòa chính khí, danh lợi làm sao mà không toại được? Một đời an nhàn, không uất ức mà sung sướng toại nguyện, ít hiểm trở mà nhiều cát, làm người hiểu lẽ mà không kiêu căng siểm nịnh, tâm chính trực mà không cầu thả, đều do đặc trưng hòa chính khí vậy. Thậm chí nếu thân nhược mà vượng địa đắc phú quý, thân vượng mà nhược địa cũng đắc phú quý, tất tứ trụ có chỗ khuyết hãm, hoặc tài khinh kiếp trọng, hoặc quan suy thương quan vượng, hoặc sát cường chế nhược, hoặc chế cường sát nhược, đây là loại tuy không đặc trưng hòa, nhưng không mất cái khí trong sáng, làm người ân oán rõ ràng, chỉ có điều trong trụ có khuyết hãm, hoặc vận trình lại gặp biệt ly, làm người mà thô tử tài lộc, tất cả không đủ, như tài khinh kiếp trọng không có vợ, chế cường sát nhược không có con, quan suy thương quan vượng thiếu danh vị, sát cường chế nhược tiền bạc thiếu thôn, một thân chí cao ngạo, tuy nghèo nhưng không siểm nịnh, sau đến tuế vận, bổ túc không đủ, nhưng có thừa, chính là đặc trưng hòa, tất nhiên khởi phát về sau; gặp phú quý mà sinh nịnh bợ, ngộ nghèo khó mặt lộ ra kiêu căng, tất tứ trụ khí lệch cổ quái ngũ hành không đặc trưng cho nên nổi lòng tham gian. Nếu gọi là "có bệnh có thuốc chữa, cát hung dễ dàng nghiệm đúng, không bệnh không thuốc, họa phúc khó đoán" chỗ này luận dựa theo quả là thiên lệch. Nói chung có bệnh rõ ràng mà dễ dàng chọn, không có bệnh mà khó đoán. Như vậy tổng quát lấy trung hòa làm chủ, giống như người không có bệnh, do tứ chi khỏe mạnh, mưu cầu giữ gìn điều hòa, đi đứng thoải mái, rất thoải mái: giả sử có bệnh, tất buồn nhiều vui ít, hành động gian nan, như gặp thuốc hay tất có thể khởi chẳng phải trở thành chung thân hoạn nạn ư?

121 - Tân tị giáp ngộ quý mao quý Hợi

Quý tị/ nhâm thìn/ tân mao/ canh dân/ kỷ sửu/ mậu tý

Nhật nguyên quý mao, sinh giờ Hợi, nhật chủ khí thông suốt, mừng không có thổ, tài vượng tự sinh quan. Tuyệt diệu tị Hợi tương xung, khử đi hỏa giữ lại kim, ẩn tình đặc dụng, mộc hỏa bị chế, thể dụng không thương, trung hòa thuần thanh. Làm người trí thức

thâm trầm, tài hoa trác tuyệt. Canh vận trợ tân chế giáp thật đẹp, hiềm hơi mảo cùng mộc, mộc vượng kim suy, khó tránh gặp gian nan. Mệnh này là Mạc Bảo Trai tiên sinh.

122- Kỷ Dậu bính tý quý mùi mậu ngọ

Ất hơi/ giáp tuất/ quý dậu/ nhâm thân/ tân mùi/ canh ngọ

Quý sinh tháng tý, tựa hồ vượng tướng, chẳng biết tài sát quá trọng, vượng biến thành nhược, trong cục không có mộc, hỗn trọc không thanh, âm nội dương ngoại. Tháng thâu lộ tài tinh, cho thấy nhất định tham ái, giờ gặp quan sát, cho thấy nhất định ham dục. Cho nên quyền mưu đặc biệt hơn người, tài cán hơn người, xuất thân thấp kém, tâm thuật không đứng đắn. Vận quý dậu gặp được đắc ý, từ phụ tá lên làm quan, xa hoa xu nịnh, không giúp người nào. Đến mùi vận, không thể tránh họa. Gọi là dục vọng không trừ, tựa như thiêu thân.

Chương 19 - Nguyên Lưu

Căn nguyên khởi nơi nào?

Chảy đến phương nào dừng?

Máu chót câu ở đây,

Biết đến cũng biết đi.

Nguyên chú: Không cần luận đương lệnh hay thất lệnh, chỉ lấy nhiều nhất vượng nhất, mà có thể xem là mãn cục tổ tông, là nguyên lưu. Xem nguyên lưu chảy từ phương nào, chảy đến chỗ nào, là hỉ thần thì thỏa đáng, như tân dậu - quý tị - mậu thân - đinh tị, tị hỏa là nguyên lưu, lưu chuyển đến phương kim thủy, cho nên rất phú quý, nếu ngược lại lưu chuyển đến mộc địa, ắt khí tiết là loạn. Nếu như chưa lưu chuyển đến cát phương, giữa đường gặp cản trở, thì xem cản trở là thìn nào mà đoán tốt xấu.

Nhâm thị viết: Nguyên lưu, tức vượng thần trong tứ trụ vậy, bất luận tài, quan ấn thụ, thực thương, tỉ kiếp, đều có thể là nguyên lưu vậy. Tổng quát cần lưu thông sinh hóa, đắc cục đắc mỹ thì cát. Hoặc khởi tại tỉ kiếp, kết thúc tại tài quan là hỉ; hoặc khởi tại tài quan, kết thúc tại tỉ kiếp là kỵ. Giống như sơn xuyên phát mạch lai long, nhận khí ở tại đại phụ mẫu, xem tôn tinh. Nhận khí ở tại chân tử tức, xem chủ tinh. Nhận khí ở tại phương giao cấu, xem thai phúc tinh. Nhận khí ở tại thành thai dục, xem thai tức tinh. Nhận khí ở tại hóa sát thành quyền, xem giải tinh. Nhận khí ở tại tuyệt xứ gặp sinh, xem ân tinh. Nhận nguyên khí làm thế, nhận lưu khí làm tình. Cho nên nguyên lưu lưu chuyển, tức sơn xuyên kết huyết vậy, không thể không nghiên cứu.

Nguyên lưu bị ngăn trở tiết khí, tức lai long bị phá tổn cách tuyệt. Không thể không xem xét. Xem nguyên lưu lưu chuyển ngừng tại ở đâu, mà biết ai phát động ai.

a - Như nguyên lưu khởi phát tại năm tháng là thực ấn, trong trụ ngày giờ là tài quan, tất trên được nhờ tổ phụ che chở, dưới con cháu được hưởng phúc đức.

b - Nếu khởi phát tại năm tháng là quan, trong trụ ngày giờ là thương kiếp, tất tổ phụ rách nát, hình thể khắc tử.

c - Nếu như khởi tại ngày giờ là tài quan, trong trụ năm tháng là thực ấn, tất trên tổ phụ vẽ vang, dưới con cháu tạo dựng sự nghiệp.

d - Nếu khởi tại ngày giờ là tài quan, trong trụ năm tháng là thương kiếp, tất tổ phụ khó hưởng thụ, tự mình khởi nghiệp.

e - Nếu trụ năm là quan ấn, cho biết tổ thượng thanh cao.

f - Nếu trụ năm là thương kiếp, cho biết tổ tiên nghèo hèn.

g - Lưu chuyển đến trụ tháng là tài quan, cho biết cha mẹ gây dựng cơ đồ.

h - Nếu trụ tháng thương quan, cho biết cha mẹ rách nát.

k - Lưu chuyển đến trụ ngày là tài quan thực ấn, tất bạch thủ thành gia, hoặc thê hiền tử quý.

i - Lưu chuyển đến trụ ngày giờ là thương kiếp kiều nhận, tất thê lậu tử liệt, hoặc vợ gây họa, phá gia mang nhục.

Nhưng mà lại cần phải xem nhật chủ hỉ kỵ quyết định, không lúc nào không nghiệm.

a - Nếu trong trụ có tài tinh tương chế, tất được hiền thê trợ giúp.

Nếu có tài tinh hóa thực thương, tất được vợ đẹp, hoặc vợ nhiều tài.

Nếu như tài tinh là thìn ngăn trở, ắt gặp thê thiếp là họa.

b - Nếu trong trụ có quan tinh tương chế, tất được quý nhân giúp đỡ.

Nếu như có quan tinh hóa tài tinh, tất được quý nhân dìu dắt.

Nếu như thìn ngăn trở là quan sát, ắt gặp họa quan hình.

c - Nếu trong trụ có ấn thụ hóa quan, tất dựa vào trưởng bối trợ giúp.

Nếu trong trụ có ấn thụ tương chế, tất trưởng bối là phúc, hoặc họ hàng xa đề bạt

Nếu như nguyên lưu lưu chuyển bị ngăn trở, thìn ngăn trở là thiên ấn, ắt trưởng bối là họa

d - Nếu trong trụ có tỉ kiếp tương chế, tất được huynh đệ trợ giúp, hoặc huynh đệ yêu mến kính trọng.

Nếu như có tỉ kiếp hóa ấn, tất được huynh đệ tương phù.

Nếu như thìn ngăn trở là tỉ kiếp, ắt gặp huynh đệ thì phiên muộn, hoặc bất hòa.

e - Nếu trong trụ có thực thương tương chế, tất thế hệ con cháu có thế lực.

Nếu như có thực thương hóa tỉ kiếp, tất được con cháu trợ giúp.

Nếu như thìn ngăn trở là thực thương, tất con cháu là phiên muộn.

Song lại cần xem dụng thần mà luận nghi kỵ, không lúc nào không ứng vậy.

a - Nếu nguyên lưu là tài tinh, lại là dụng thần của nhật chủ, thì thuận lợi phát tài.

Nếu nhật chủ lấy tài tinh là kỵ thân, vì tài mà thân bại danh liệt.

b - Như nguyên lưu là quan tinh, lại là dụng thần của nhật chủ, thì danh tiếng quý hiển vậy.

Nếu nhật chủ lấy quan tinh là kỵ thân, thì làm quan gặp tai họa khuynh gia.

c - Nếu nguyên lưu là ấn tinh, lại là dụng thần của nhật chủ, thì có nổi tiếng chữ nghĩa mà thanh cao.

Nếu nhật chủ lấy ấn tinh là kỵ thân, văn Chương kém cỏi mà còn làm hại con cháu bị tai ương.

d - Nếu nguyên lưu là thực thương, lại là dụng thần của nhật chủ, thì tiền bạc con cái đều đẹp.

Nếu nhật chủ lấy thực thương là kỵ thân, thì con cháu bị liên lụy mà tuyệt tự.

123- Tân dậu canh tý bính dần quý tị

Kỷ hợi/ mậu tuất/ đinh dậu/ bính thân/ ất mùi/ giáp ngọ

Trụ này lấy kim là nguyên lưu, lưu chuyển đến dần mộc, ấn thụ sinh nhật chủ tuyệt diệu. Giờ tị đắc lộc, tài lại gặp sinh, quan tinh thấu lộ, rõ ràng phát sinh tinh thần, đắc trung hòa. Khởi đầu cũng đẹp, quý cực quá đẹp, xuất thân từ lâm, làm quan đến chức thông chính, cả đời không nguy hiểm, danh lợi song huy.

124- Tân sửu quý tị mậu thân bính thìn

Nhâm thìn/ tân mão/ canh dần/ kỷ sửu/ mậu tý/ đinh hợi

Trụ này lấy hỏa là nguyên lưu, lưu chuyển đến thủy phương, tuyệt diệu tháng giờ 2 hỏa, đều được lưu thông, đến kim thủy thành cục, cho nên giàu hơn trăm vạn, làm đến nhất phẩm, cả đời không sợ nguy hiểm.

125- Tân mão tân mão bính tý giáp ngọ

Canh dần/ kỷ sửu/ mậu tý/ đinh hợi/ bính tuất/ ất dậu

Trụ này lấy mộc là nguyên lưu, ngũ hành không có thổ, không thể lưu chuyển đến kim, tài quan lại viễn cách, xung mà gặp tiết, sinh hóa vô tình. Sơ vận canh dần, được tổ tiên nuôi dưỡng hạnh phúc. Kỷ sửu vận hợp tý, tiết hỏa sinh kim của cải dư thừa. Mậu tý thổ hư thủy vượng, ám trợ mộc, hình tang hao tán. Đinh hợi vận khắc kim hội mộc, cửa nát nhà tan.

126- Canh dần nhâm ngọ mậu ngọ đinh tị

Quý mùi/ giáp thân/ ất dậu/ bính tuất/ đinh hợi/ mậu tý

Trụ này lấy hỏa là nguyên lưu, chi năm dần mộc tiết hỏa, can tháng nhâm thủy ngăn cách, không thể lưu chuyển đến kim. Sơ vận thổ kim chi địa, xung hóa thìn ngăn trở, sản nghiệp dồi dào. Giao bính tuất vận, chi hội hỏa cục, kiêu thìn đoạt thực, hao phá dị thường, lại khắc mất một thế hai kiếp bốn con. Đến đinh hợi vận, can chi đều hợp hóa mộc, cô khổ không chịu nổi, phát tóc đi tu.

Phàm phú quý, không thể không tòng nguyên lưu vậy. Phân biệt quý tiện, đều tại nơi kết thúc một chữ định. Khử đi trợ khí, trợ giúp hi thần, không quý cũng phú. Khử đi thanh khí, trợ giúp kỵ thần, không bản cũng tiện. Học giả cần xem xét cẩn thận.

Chương 20 - Thông Quan

Cửa trong có Chức Nữ,

Cửa ngoài có Ngưu Lang,

Cửa này nếu thông nhau,

Mời nhau vào động phòng

Nguyên chú : Thiên khí muốn giáng xuống , Địa khí muốn thăng lên , cũng muốn hòa hợp mà cùng sinh cho nhau vậy . Mộc thổ cần có hỏa; hỏa kim cần có thủy; thổ thủy cần có kim; kim mộc cần có thủy, đều là sinh hóa hữu tình vậy. Thượng hạ xa cách, cần phải có trung gian; trước sau không tương giao, hoặc bị hình xung, hoặc bị cướp đoạt, hoặc cách vật (không liên tục), đều là cửa ải khó vượt vậy. Có thìn trung gian hợp mất hình xung, trước sau có vật dẫn thông, có thể chế khắc thần, có thể bỏ chỗ khuyết, cần ám hợp lại gặp vận ám hợp, đều là thông quan vậy.

Nhâm thị viết : Thông quan, là thần dẫn thông khắc chế vậy . Âm dương nhị dụng, đẹp tại khí giao, khí trời dẫn xuống, khí đất thăng lên. Thiên can khí động mà chuyên nhất, địa chi khí tĩnh mà tạp. Thiên địa giao hòa, can chi hữu tình, tả hữu hai bên không bội phản. Âm dương sinh trợ mà tương thông, nếu sát trọng mừng có ấn, sát lộ ấn cũng lộ, sát tàng ấn cũng tàng, hiển nhiên thông đạt, không cần phải dựa vào tuế vận. Nhưng tứ trụ không có ấn, phải cần tuế vận mới thông đạt, hoặc ám hội ám hợp mà thông; tứ trụ có ấn, bị tài tinh khắc ấn, hoặc quan tinh hóa tài sinh ấn, hoặc tỉ kiếp khắc tài hộ ấn; hoặc ấn bị hợp cần xung khai; hoặc ấn bị xung cần hợp hóa; hoặc cách một thìn, cần phải khắc khứ đi; trước sau trên dưới, không thể thông quan, đắc tuế vận quá tốt. Như năm ấn giờ sát, can sát chi ấn, trước sau cách xa, trên dưới cách xa, hoặc có kỵ thần tại trụ tháng trụ ngày, đây là dạng trứ trụ không thể thông quan, phải nhờ tuế vận ám xung ám hợp, khắc chế kỵ thần, nên xung được xung, nên hợp được hợp, dẫn thông giải khắc chế nhật chủ, như Tử Kỳ gặp đàn, Bá Nhạc gặp ngựa, cầu danh lợi quá dễ, toại nguyện. Luận về sát ấn như thế, thực thương tài quan cũng theo đó mà suy.

127- Quý Dậu giáp tý đình mao bính ngọ

Quý Hợi/ nhâm tuất/ tân dậu/ canh thân/ át mùi/ mậu ngọ

Trụ này can chi đều sát sinh ấn, ấn sinh thân, giờ ngọ quý lộc nên nhật chủ vượng; thật vì diệu tứ xung phản ngược thành tứ trợ, kim sinh thủy mà không khắc mộc, thủy gặp mộc không khắc hỏa mà trở lại sinh mộc, trụ này tự nhiên trung hòa sinh hóa vì diệu. Nhật chủ từ nhược biến thành vượng, gặp vận thủy vẫn có thể sinh mộc; gặp vận kim vẫn có thể sinh thủy, ấn thụ không bị thương khắc, cho nên sớm thi dậu hương bảng, làm quan.

128- Mậu dần quý Hợi đình mùi tân Hợi

Giáp tý/ ất sửu/ bính dần/ đinh mão/ mậu thìn/ kỷ tị

Trụ này quý thủy lâm vượng, sát bên nhật chủ nên khắc rất nặng, bị mậu thổ hợp mất, ngược lại trợ thân. Tháng Hợi thủy trợ sát, đắc chi năm dần Hợi hợp lại sinh nhật chủ, dần mộc vốn ở xa nhật chủ, do hợp Hợi thủy hóa mộc mà trở nên thân cận. Chi giờ Hợi thủy, lại hợp mùi thổ, do hỗn tạp mà tốt, một hợp một khứ, cùng nhau hợp sức mà cân bằng, một đi một đến, thông quan không trở ngại. Cho nên khoa giáp liên đăng, làm quan triều đình.

129- Mậu thìn ất mão tân sửu đinh dậu

Bính thìn/ đinh tị/ mậu ngọ/ kỷ mùi/ canh thân/ tân dậu

Trụ này mùa xuân kim khí suy nhược? giờ đinh dậu kế bên nhật chủ, sát tinh khắc nhật chủ, năm gặp ất thổ, ở xa không thông. Lại bị mộc vượng khắc ất, không chỉ mậu thổ không thể sinh hóa, mà sửu thổ cũng bị mão mộc khắc. Trụ này bỏ cục không thể thông chi lý. Trung vận nam phương sát địa, vất vả phong sương, bốn ba khắp nơi; giao canh thân vận, khứ mất mộc vượng, gặp cơ hội bất ngờ, được phái đi Thiểm Tây, liên tiếp tạo sự nghiệp lớn trong quân; đến vận tân dậu được hai mươi năm, làm đến chức phó quan, tây phương kim vượng có thể khắc mộc trợ thân, ất có thể hóa sát mà thông vậy.

130 - Kỷ tị đinh mão tân mao ất mùi

Bính dần/ ất sửu/ giáp tý/ quý Hợi/ nhâm tuất/ tân dậu

Trụ này mùa xuân kim hư nhược, mộc hỏa đương quyền, can năm ất, can tháng sát tinh, không được tương thông, chi giờ mùi thổ, lại Hợi mao hóa mộc, chỉ toàn sinh sát, mà không phò trợ nhật chủ, thêm vận trình không thuộc phương tây kim địa, mà toàn thủy mộc, vẫn là căn gốc sinh vượng sát, mà gây nên phá bại tổ nghiệp, không làm nên việc gì; đến Hợi vận, Hợi mộc cục sinh sát, mất mạng.

Chương 21 - Quan Sát

Quan Sát hỗn tạp đến hỏi ta, có thể cũng có không thể

Nguyên chú : Sát tức quan tùy theo nhật chủ vượng hay suy. Nhật chủ vượng là quan, nhật chủ suy là sát vậy.

a - Sát trọng (vượng và có căn?), quan (nhược hay vô căn?) tòng sát, thì không phải hỗn tạp.

b - Quan trọng, sát trợ quan, cũng không phải hỗn tạp.

c - Bại tài cùng tị kiếp, sát có thể làm cho quan hỗn tạp.

d - Tị kiếp đều có, quan có thể làm cho sát hỗn tạp.

e - Một quan mà không có sinh ất, sát trợ quan, thì không phải hỗn tạp.

f - Một sát mà gặp thực thương, quan trợ sát, cũng không phải hỗn tạp.

.....

g - (Sát trọng mà Quan là can tàng bản khí nhược trong đất (chì) trọng có thể làm cho Quan Sát hỗn tạp.)

Nhâm thị viết : Sát tức quan, thân vượng sát là quan; quan tức sát, thân nhược lấy quan là sát, nhật chủ quá vượng, tuy không chế sát vẫn không sao. Quan tạp sát, nhưng quan vô căn thì sát làm chủ. Bỏ (chế) quan không ngoài thực thương, thực thương đều được. Hợp sát tổng quan thì mỹ sự, hợp hay không hợp cần phải thanh. Độc sát đương quyền, không có chế phục, có chức quyền nhưng không thanh liêm công minh; sát có chế, chủ thông căn, là người cầm quyền; sát sinh ấn, ấn sinh thân, danh vị cực cao; thân vượng có tài tinh, tài sinh sát, danh vị cao. Nếu sát trọng mà thân khinh, không nghèo hèn cũng yếu mạng; hoặc sát bị khắc chế quá nặng, thì tuy học nhưng không thành. Sát có thể hỗn tạp hay không hỗn tạp cần phải nghiên cứu lý cho tường tận.

Như thiên can giáp, bính, mậu, canh, nhâm là sát, địa chi có mao, ngọ, sửu, mùi, dậu, tý nên sát vượng địa, thì không hỗn tạp:

Thiên can ất, đinh, kỷ, tân, quý là quan tinh, địa chi có dần, tị, thìn, tuất, thân, hợi, nên quan tinh vượng địa, thì không hỗn tạp vậy.

Như thiên can giáp ất, địa chi dần; can bính đinh, địa chi tị; can mậu kỷ, địa chi thìn tuất; can canh tân, địa chi thân; can nhâm quý, địa chi hợi là quan hỗn sát, nên bỏ quan.

Như can giáp ất, địa chi mao; can bính đinh, địa chi ngọ; can mậu kỷ, địa chi sửu mùi; can canh tân, địa chi dậu; can nhâm quý, địa chi tý là sát hỗn quan, nên bỏ sát.

Năm tháng thiên can thấu xuất một sát, địa chi năm tháng tàng tài tinh, tức là quan tinh vô căn, khi này quan tàng sát thế, thì không phải hỗn tạp.

Năm tháng thiên can thấu xuất một quan, địa chi năm tháng tàng tài tinh, tức là sát vô căn, khi này sát tàng quan thế, cũng không phải hỗn tạp.

Thế tại quan, quan đắc lộc, sát dựa vào quan, can năm trợ sát, là hỗn tạp.

Thế tại sát, sát đắc lộc, quan dựa vào sát, can năm trợ quan, cũng là hỗn tạp.

Bại tài hợp sát, tỉ địch sát, quan có thể hỗn tạp.

Tỉ hợp quan, hiện kiếp tài, sát có thể hỗn tạp.

Một quan mà gặp ấn thụ quá trọng, quan tinh tiết khí, sát trợ quan, thì không hỗn tạp.

Một sát mà thực thương quá nhiều, chế sát quá mức, quan trợ sát, thì không hỗn tạp.

Nếu quan sát đều thấu xuất vô căn, tứ trụ kiếp ấn lại quá trọng, chẳng những mừng có hỗn tạp, can cần phải có tài tinh trợ quan sát vậy.

Tổng kết nhật chủ vượng không ngại quan sát hỗn tạp, nhật chủ hưu tù suy nhược không nên gặp hỗn tạp vậy. Luận về sát được phân chia thành sáu cách cục về dụng, chia thành các nhóm sau, học giả có thể lấy đó làm tham khảo.

1 - Tài sinh nhược sát cách

131 - Kỷ Dậu bính dần canh thân canh thìn

Ất Sửu/ giáp tý/ quý Hợi/ nhâm Tuất/ tân Dậu/ canh thân

Theo tục luận mệnh này sinh mùa xuân kim thất lệnh, tài vượng sinh sát, sát tọa trường sinh, cho nên cần phải sinh phù nhật chủ chế sát, không biết xuân kim tuy thất lệnh, địa chi gặp thân Dậu lộc vượng, lại đắc giờ thìn ẩn thụ sinh thân, thân nhược biến thành vượng, do vậy mộc yếu kim cứng. Nếu không có bính hỏa, tất dần mộc khó tồn tại; nếu không có dần mộc, tất bính hỏa vô căn, tất cần phải dụng tài sinh sát vậy, mộc hỏa hai khí, thiếu một cũng không được. Giáp vận nhập quan; tý vận gặp thủy vượng sinh mộc, được bổ nhiệm; quý vận do có kỷ thổ thấu xuất, nên không xấu; Hợi vận hợp dần hỏa mộc, bính hỏa tuyệt xứ gặp sinh, thăng chức; nhâm Tuất chi thuộc tây phương, mộc hỏa đều thụ thương, quan trình trắc trở, gặp hình tang hao tán; tân Dậu kinh dương tị kiếp, không lộc. Mệnh này do gặp vận tây bắc kim thủy vượng, nếu gặp vận đông nam mộc hỏa vượng, tất nhiên khoa giáp liên đăng, quan lộ hiển hách nhĩ.

132- Bính thân canh dần canh thân tân tị

Tân Mão/ nhâm thìn/ quý tị/ giáp Ngọ/ ất Mùi/ bính thân

Mệnh này thiên can thấu hai canh một tân, địa chi tàng hai thân kim tọa lộc, bính hỏa tuy đắc lộc, không bằng canh tân nguyên thần thấu lộ, không được chi tị hỏa lộc sinh cho, nên canh kim trường sinh. Dụng tài sinh sát vậy. Thìn vận, thìn thổ tàng dư mộc khí, tinh thìn đầy sức sống; tị vận bính hỏa lộc vượng, khoa giáp liên đăng; vận giáp Ngọ, ất Mùi, mộc hỏa đều vượng, công danh hiển hách. Nếu xem tổng quát, tứ trụ này không bằng tứ trụ ở trên, chỉ vì mệnh trước gặp hành vận tây bắc, mệnh này gặp vận đông nam. Phú quý tuy do cách cục định, nhưng phải đúng vận hạn mới khởi phát được. Nên câu “mệnh hảo không bằng vận hảo” thật đáng tin vậy.

2 - Sát dụng ẩn cách

133- Mậu tý giáp dần mậu Ngọ giáp dần

Ất Mão/ bính thìn/ đinh tị/ mậu Ngọ/ kỷ Mùi/ canh thân

Mậu thổ sinh tháng dần, giờ dần; thổ suy mộc thịnh vượng, mừng mậu thổ tọa Ngọ hỏa, sinh trợ hữu tình, sát vượng đương quyền, một Ngọ hỏa ẩn thụ có thể hóa sát. Tý thủy chi tài, sinh dần mộc không xung Ngọ hỏa, có thể thông quan. Vận trình nam phương hỏa thổ, đăng khoa bảng vàng, danh vị cực phẩm.

134- Kỷ Hợi bính dần mậu tý giáp dần

Ất Sửu/ giáp tý/ quý Hợi/ nhâm Tuất/ tân Dậu/ canh thân

Mệnh này cách cục xem qua đẹp hơn mệnh trước, tứ trụ này tài ẩn tọa trường sinh, mệnh trước ẩn gặp tài xung, chẳng biết mệnh trước nhật chủ tọa ẩn thụ, lưỡng sát sinh ẩn, nhờ đó nhật chủ vững chắc, mệnh này nhật chủ tọa tài tinh, ngược lại tài sinh sát. Thêm chi vận phương tây bắc, năm mậu Ngọ hương bảng đề danh, kỷ Mùi trúng tiến sĩ, mệnh này hai năm tị kiếp trợ thân, xung khử tài tinh vi diệu vậy. Nhâm vận, khắc ẩn thụ bính

hỏa; năm đinh bị người hại, bị thu hồi lộc; tuất vận hợp dần hóa ấn, đam mê danh sắc thu hoa xuân nguyệt. Hậu vận tân dậu, mộc nhiều kim khuyết, tiết thổ sinh thủy, hợp mất bình hỏa sinh thủy, sao tránh được tai họa?

135- Mậu thìn canh thân giáp tý giáp tý

Tân dậu/ nhâm tuất/ quý Hợi/ giáp tý/ ất Sửu/ bính dần/ đinh Mão

Mệnh này mộc hư nhược kim vượng, thìn thổ sinh kim, nhật chủ suy thật đáng ngại vậy. Tuy nhiên mừng chi toàn thủy cục, hóa khí sát, sinh hóa hữu tình. Đến quý Hợi vận, đăng khoa giáp bảng, công danh quan vận thông suốt; bính dần đinh Mão vận, nên đặc chế hóa. Làm quan tổng đốc, quan đồ yên ổn, mệnh vượt qua nguy hiểm thật bình thản.

136- Mậu Ngọ bính thìn canh dần bính tuất

Đinh tị/ mậu Ngọ/ kỷ Mùi/ canh thân/ tân dậu/ nhâm tuất

Mệnh này can thâu hai sát, chi hợp sát cục, mừng mậu thổ nguyên thần thâu xuất, có thể hóa sát; dần mộc tài tinh nguyên có thể khắc phá mậu thổ ấn thụ, mừng hội hỏa cục, ngược lại sinh mậu thổ. Đến vận kỷ Mùi, khoa giáp liên đăng; vận canh thân, tân dậu, trợ nhật chủ hữu tình, nổi danh chốn quan trường, rạng rỡ tổ tông.

137- Quý Hợi quý Hợi đinh Mão quý Mão

Nhâm tuất/ tân dậu/ canh thân/ kỷ Mùi/ mậu Ngọ/ đinh tị/ bính thìn

Mệnh này thiên can thâu ba quý, chi tàng hai Hợi, thủy đương quyền nắm lệnh. Mừng tứ trụ vô kim, hai ấn hợp mộc cục, sinh hóa không khắc mà thuận. Tân dậu, canh thân vận, công danh khó được, không tránh được hình tang hao táng; giao kỷ Mùi vận, can kỷ chế sát, chi Mùi hợp ấn cục, công danh đột ngột mà tiến; tiếp đến vận mậu Ngọ, đinh tị, bính vận, làm quan, danh lợi song toàn.

3 - Thực thần chế sát cách

138- Mậu thìn mậu Ngọ nhâm thìn giáp thìn

Kỷ Mùi/ canh thân/ tân dậu/ nhâm tuất/ quý Hợi/ giáp tý

Mệnh này tứ trụ toàn sát, mừng chi tàng ba thìn, thông căn thủy khổ, mừng tứ trụ không có kim, giờ thâu giáp mộc thực thần chế sát. Thìn chứa mộc dư khí. Tiền vận quan ấn đều vượng, toàn tai hung thất bại. Đến quý Hợi vận, thực thần gặp sinh, nhật chủ đắc lộc, khoa giáp liên đăng, giáp vận được bổ nhiệm huyện lệnh; tý vận suy thần xung vượng thần, mất lộc.

139- Canh thân canh thìn giáp tuất bính dần

Tân tị/ nhâm Ngọ/ quý Mùi/ giáp thân/ ất dậu/ bính tuất

Mệnh này giáp mộc sinh thán thìn, tuy còn dư khí, nhưng canh kim cũng thâu, thông căn nên vượng, mừng giờ dần nhật chủ lộc vượng, vi diệu bính hỏa độc thâu, chế sát bảo hộ nhật chủ. Ngọ vận ám hội hỏa cục, đăng hương bảng; giáp thân, ất dậu vận, sát gặp lộc vượng, hình tang hao tán quá nhiều; đến bính tuất vận, đắc quan tri huyện.

140 - Nhâm tý nhâm tý bính tuất mậu tuất

Quý sửu/ giáp dần/ ất mão/ bính thìn/ đinh tị/ mậu ngọ

Mệnh này trụ năm trụ tháng đều nhâm tý, thế sát quá cường vượng. Mừng nhật chủ tọa tuất, thông căn hỏa khô, diệu dụng mậu thổ thấu xuất, đủ để chế sát hộ thân, thêm vận trình đông nam, phù nhật chủ chế sát. Đến ất mão vận, thủy lâm tuyệt địa, hỏa gặp sinh, hưởng lộc vua ban, danh tiếng lẫy lừng, làm quan đến chức tri huyện.

141 - Nhâm thân bính ngọ canh ngọ bính tuất

Đinh mùi/ mậu thân/ kỷ dậu/ canh tuất/ tân hợi/ nhâm tý

Mệnh này hai bính hỏa sát đương quyền lâm vượng, nguyên đáng ngại vậy. Mừng can năm nhâm thủy tọa thân kim, đủ sức chế sát, vì diệu tứ trụ không có mộc, tất thủy không bị tiết, hỏa không có sinh trợ. Thân vận, kim thủy đắc trợ, nhập quan; dậu vận chi thuộc phương tây, sớm giữ chức quan nổi tiếng; hậu vận kim thủy, nên dụng thần đắc lực cát lợi, do được sắp xếp mà làm tri huyện.

4 - Hợp quan lưu sát cách (hợp bỏ mất quan, giữ lại sát)

142- Quý sửu mậu ngọ bính ngọ nhâm thìn

Đinh tị/ bính thìn/ ất mão/ giáp dần/ quý sửu/ nhâm tý

Mệnh này bính hỏa sinh vào trọng hạ, nhật chủ cực vượng. mậu hợp quý hóa hỏa kỵ thần, mừng nhâm thủy thông căn thìn khô; vì diệu chi năm sửu thổ, đủ sức hồi hỏa sinh kim mà chứa thủy, nên quý thủy đắc căn gốc, tuy hợp mà không hóa vậy. Không hóa nhưng mừng được hợp, do không tranh với nhâm thủy hĩ. Khi đến ất mão, giáp dần vận, khắc thổ bảo vệ thủy, quan trình thăng tiến; đến quý sửu vận, làm thiên châu mục; nhâm tý vận, nhập cung vua quan trung đường, danh lợi song toàn (sung túc, đầy đủ).

143- Quý tị mậu ngọ bính ngọ nhâm thìn

Đinh tị/ bính thìn/ ất mão/ giáp dần/ quý sửu/ nhâm tý/ tân hợi/ canh tuất

Mệnh này bính hỏa cũng sinh tháng hạ, cùng mệnh trước khác một chữ sửu thổ, thiên uyên chi cách. Đến như sửu thuộc phương bắc thuộc thấp thổ, có thể hồi bính hỏa, có thể giảm thế mãnh liệt của ngọ hỏa, có thể chứa thủy sinh kim. Tị thuộc nam phương hỏa địa, quý thủy lâm tuyệt địa, tức hỗn tạp vậy. Tức không thanh vậy. Mệnh trước mậu quý hợp mà không hóa, mệnh này mậu quý hợp mà hóa, chẳng những không trợ sát, mà còn hóa hỏa là tỉ kiếp, ngược lại trợ kinh dương thêm cường bạo. Tị tàng canh kim, không có dẫn xuất, nhâm thủy tuy thông căn thủy khô, nhưng thiếu kim sinh trợ (không thuộc cách tài sinh nhược sát), tượng thanh khô quan sát suy nhược, thêm vận bốn mươi năm gặp mộc hỏa, sinh trợ tỉ kiếp, cho nên trên không thể kế thừa danh tiếng của thân phụ, dưới không thể giữ được gia nghiệp, lục thân cốt nhục, đồng gặp tai họa, nửa đời sự nghiệp, tan tác như mây bay. Đến mão vận, nhâm thủy lâm tuyệt địa, bính hỏa gặp sinh, cốt nhục gặp biến, mới thấy táng gia bại sản. Do không cam tâm có học vị lại không thành nhân, mời thầy xem mệnh, không nghiệm được quẻ nào, đau khổ tột cùng. Tính tình thành thật không thích phô trương, không siểm nịnh, quá ngạo mạn, giao du không có

định, gặp rủi ro, theo di huấn tổ tiên, không dám làm càn. Già nghiệp điêu tàn, dốc lòng học mệnh lý, làm kẻ sinh nhai.

144- Mậu thân quý Hợi Bính Ngọ Nhâm Thìn

Giáp tý/ ất Sửu/ bính dần/ đinh Mão/ mậu Thìn/ kỷ tị

Mệnh này bính hỏa nhật chủ tọa Ngọ vượng, sinh vào tháng Hợi, bính lâm tuyệt địa cực hưu tù; ngũ hành không có mộc, nhâm quý đều thấu xuất, chỉ gặp thân kim Hợi thủy vượng địa, lập môn hộ. Mừng mậu hợp khứ đi quý thủy, không biết hỗn tạp vậy; vì diệu vận trình đông nam mộc hỏa vượng địa, xuất thân hương bảng, được ưu ái ban cho, kẻ tục làm quan phò tá hoàng đế.

145- Mậu Ngọ Quý Hợi Bính Tuất Nhâm Thìn

Giáp tý/ ất Sửu/ bính dần/ đinh Mão/ mậu Thìn/ kỷ tị

Ngày bính tuất, sinh vào giờ Thìn, xung khổ căn, nhâm quý đều thấu xuất. Mừng mậu hợp, khứ đi quan giữ lại sát; mừng chi năm Ngọ hỏa, bính hỏa được kinh dương trợ, hỏa trở nên sáng mãnh liệt; vì diệu tứ trụ không có kim, hơn cả mệnh trước. Xuất thân khoa giáp, vốn dòng tộc gia thế, sớm được thăng chức quan, mưu kế cao thâm, quyền lực cực cao.

146- Nhâm Thân Đinh Mùi Đinh Mùi Quý Mão

Mậu Thân/ kỷ Dậu/ canh tuất/ tân Hợi/ nhâm Tý/ quý Sửu

Mệnh này ngày tháng đều đinh mùi, quý thủy sát vô căn, mừng nhâm thủy quan tinh trợ sát, không nên bị hợp vậy. Thật may nhâm thủy tọa thân kim, hợp mà không hóa, thân kim là dụng thần, vì diệu vận trình tây bắc kim thủy, trợ khởi quan sát, xuất thân hương bảng, liên tiếp thăng quan, làm đến quan Tỷ Mã, trọng quan hoàng triều.

147- Giáp Thìn Kỷ Tị Mậu Thìn Ất Mão

Canh Ngọ/ tân Mùi/ nhâm Thân/ quý Dậu/ giáp tuất/ ất Hợi

Mậu thổ sinh tháng tị, nhật chủ xem khó vượng được, tuy nhiên địa chi hai Thìn thổ, mộc chi dư khí cũng vượng. Tức nên hợp sát lưu quan, quan tinh tọa lộc, vì diệu vận trình sinh hóa không khắc hại. Cho nên quan lộ hanh thông, hiển hách.

148- Bính Thìn Tân Mão Canh Thân Đinh Sửu

Nhâm Thìn/ quý tị/ giáp Ngọ/ ất Mùi/ bính Thân/ đinh Dậu

Mệnh này sinh vào mùa xuân kim tuy không nắm lệnh, mừng nhật chủ tọa lộc chi tàng Thìn Sửu ẩn thụ, nhược biến thành vượng; bính hợp tân, đinh hỏa độc thanh, chẳng những khứ đi sát mà còn loại được kiếp; tài không bị kiếp đoạt, quan được sinh phù. Vận trình cũng thuộc đông nam mộc hỏa, cho nên danh lợi song toàn, được toại nguyện vậy.

149- Bính Thìn Tân Mão Ất Hợi Canh Thìn

Nhâm Thìn/ quý tị/ giáp Ngọ/ ất Mùi/ bính Thân/ đinh Dậu

Nhật chủ ất hợi, tọa hợi gặp sinh, lại lệnh tháng kiến lộc thân vượng vậy, vốn có thể dụng tài. Mừng bính tân kim nhược, mà bỏ ất canh, mộc vượng không tòng (tức canh ất hợp hóa kim, nhưng ất mộc vượng không tòng kim, bính hợp mất tân kim, trụ chỉ còn canh kim). Xuất thân hương bảng, đến bính thân đình đậu vận, can hỏa thâu xuất, không thể hiển đạt (dụng canh là quan tinh, gặp vận can thâu thực thương khắc quan rất xấu), nhờ phương tây kim vượng nên được cứu, mà danh lợi bình hòa yên ổn.

150 - Quý hợi mậu ngọ nhâm ngọ kỷ dậu

Đinh tị/ bính thìn/ ất mão/ giáp dần/ quý sửu/ nhâm tý

Mệnh này sát vượng lại gặp tài tinh, mừng tài sát hợp nhau vậy. Đẹp nhất là quý thủy lâm vượng, hợp mậu mà không hóa, tắc mậu thổ hữu tình, không khắc nhâm thủy vậy. Hợp mà hóa, tất vô tình hóa hỏa, nhưng vẫn sinh thổ vậy. Vận trình đông phương mộc địa, công danh thanh vân đắc lộ; vận phương bắc thủy địa, khứ đi tài bảo hộ ẩn, công danh thăng dật.

5 - Quan sát hỗn tạp cách

151 - Nhâm thìn nhâm tý bính dần quý tị

Quý sửu/ giáp dần/ ất mão/ bính thìn/ đinh tị/ mậu ngọ

Mệnh này nhâm quý đương quyền, quan sát trọng điệp, mừng nhất nhật chủ tọa trường sinh, dần mộc có thể nạp thủy, hỏa sát sinh nhật chủ, giờ tị nhật chủ quý lộc nên vượng, đủ sức địch quan; thật đẹp ngũ hành vô kim, ẩn tinh dụng thần đắc lực, sát thể tuy mạnh, cũng không đáng ngại vậy. Đến bính vận trợ thân, lại gặp năm kỷ tị, khứ đi quan tinh, không còn hỗn tạp, nhập cung vua, thăng quan tể Tướng danh tiếng.

152- Giáp tý ất hợi kỷ tị đinh mão

Bính tý/ đinh sửu/ mậu dần/ kỷ mão/ canh thìn/ tân tị

Trụ này quan ngọ trường sinh, sát gặp lộc vượng, tị hợi tuy xung phá ẩn tinh, mừng mão mộc vẫn có thể sinh hỏa; dần vận, dần hợi hợp hóa mộc sinh ẩn, liên đăng giáp bảng. Vận canh thìn, tân tị chế phục quan sát, trở cờ áp đảo, cai quản một quận lớn, danh lợi đầy đủ sung túc.

153- Bính thìn đình dậu canh ngọ mậu dần

Mậu tuất/ kỷ hợi/ canh tý/ tân sửu/ nhâm dần/ quý mão

Trụ này sát gặp sinh, quan đắc lộc, mừng thu kim nắm lệnh, đẹp nhất thìn thổ tiết hỏa sinh kim, tứ trụ trung hòa; mừng hơn là vận trình phương bắc thủy địa. Vận canh tý, xung ngọ hỏa khứ đi quan tinh, được lộc vua ban, danh lợi cực phẩm; tân sửu nhâm dần vận, đàn ca hát xướng phong lưu.

154- Mậu ngọ kỷ mùi nhâm thân tân hợi

Canh thân/ tân dậu/ nhâm tuất/ quý hợi/ giáp tý/ ất sửu

Trụ này quan sát đều vượng đương lệnh, mừng nhật chủ tọa trường sinh, lại gặp giờ Hợi nên vượng, đủ để gánh quan sát. Nhật chủ tọa ẩn thụ, thông quan sát. Vận trình tây bắc kim thủy. Cho nên thiếu niên khoa giáp, trung niên làm quan quản ngân khố, phủ đệ thịnh vượng.

Nhâm thị viết : Quan sát hỗn tạp, phú quý nhiều. Tóm lại, quan sát đương lệnh, nhật chủ cần phải tọa ẩn thụ, tất khí quan sát được lưu thông, sinh hóa hữu tình; hoặc nhật chủ được trụ giờ sinh phù, cũng đủ phù thân địch sát. Nếu trụ giờ không sinh nhật chủ, hoặc nhật chủ không tọa ẩn thụ, không nghèo cũng tiện. Nhưng quan sát không đương lệnh, không luận như vậy.

6 - Chế sát quá mức cách

155- Tân mao mậu tuất bính thìn kỷ Hợi

Đinh Dậu/ bính thân/ ất mùi/ giáp ngọ/ quý tị/ nhâm thìn

Trụ này giờ Hợi độc sát, có đến bốn thực thương chế sát, chi năm mao mộc bị can tân kim khắc, hưởng hồ mùa thu mộc không đủ sức khắc thổ, Hợi tàng giáp mộc vệ sát. Đến vận ất mùi, ám hội mộc cục, nhập cung vua, quan cực phẩm; vận giáp ngọ, mộc tử ở ngọ, giáp hợp kỷ hóa thổ, khi gặp năm tị xung khứ đi Hợi thủy, gặp tai họa mất lộc.

156- Tân mao mậu tuất bính thìn nhâm thìn

Đinh Dậu/ bính thân/ ất mùi/ giáp ngọ/ quý tị/ nhâm thìn

Trụ này cũng duy nhất một sát gặp bốn thực thương chế sát, cho nên không bằng trụ trước, trụ này không có Hợi mao hội mộc cục (ấn cục) vậy. Tuy nỗ lực phấn đấu từ sớm, cũng không hưởng được phú quý, thi hương không thành, sống nhân ái đức độ vẫn không thông đạt được. Mừng sát nhâm thủy thấu xuất, đến vận giáp ngọ, không hóa thổ nên không gặp tai họa, tuy nhiên hình thương hao tán nhiều, mà tự thân rèn luyện không gây lỗi lầm gì.

157- Nhâm thìn bính ngọ bính ngọ nhâm thìn

Đinh mùi/ mậu thân/ kỷ dậu/ canh tuất/ tân Hợi/ nhâm tỵ

Trụ này sát gặp bốn thực thương, trong trụ tuy có ẩn nhưng tàng không hiện, mừng sát thấu xuất thực tàng, sát thông căn thủy khố. Tóm lại, mùa hạ hỏa đương quyền, thủy không có kim sinh. Đến dậu vận, hợp khứ đi thìn thổ tạo kim cục tài cục, tài vượng sinh sát, khởi phát công danh. Canh vận, liên tiếp thăng chức, gia nhập tham quân; tuất vận, tảo thổ xung phá thìn thổ gốc của nhâm thủy, lại gặp can mậu thấu xuất, chế nhâm thủy quá mức, mất lộc.

158- Giáp dần mậu thìn nhâm thìn nhâm dần

Kỷ tị/ canh ngọ/ tân mùi/ nhâm thân/ quý dậu/ giáp tuất

Trụ này 5 sát (cả can tàng phụ) gặp 5 thực thương chế sát, thổ tuy đương quyền, mộc cũng cường vượng, may mắn nhật chủ tọa thủy khố, lại đắc tị kiếp phù thân. Nhâm

thân vận, nhật chủ được sinh, xung phá dần mộc, danh vị cực phẩm; tiếp đến vận quý Dậu được hai mươi năm, quan nhất phẩm triều đình. Danh lợi dư dật đầy đủ.

159 Canh thân mậu dần mậu dần canh thân

Kỷ mao/ canh thìn/ tân tị/ nhâm ngọ/ quý mùi/ giáp thân

Trụ này lưỡng sát gặp bốn thực thương, mùa xuân mộc đắc lệnh, khắc nhật chủ quá mạnh. Đến vận nhâm ngọ, không đủ sinh thổ, lại thừa sức khử đi kim, thăng quan huyền lệnh; đến vận giáp thân, gặp thân kim thực chế sát quá mạnh, chết trong quân.

Nhâm thị viết : Chế sát quá mức, nếu không gặp quan sát hỗn tạp thì đẹp vậy, tại sao? Nếu tứ trụ có chế sát quá mức, lại gặp hành vận chế sát, mười phần hết chín phần chết. Quan sát hỗn tạp, chỉ cần nhật chủ vượng, ấn thụ không bị thương, vận trình không phản, thì không thiếu phú quý vậy. Như nhật chủ hưu tù, tài tinh khắc ấn, cho dù độc sát thuần thanh, một quan không hỗn tạp, vẫn thường buồn nhiều vui ít, gian nan vất vả một đời không thỏa chí. Học giả nên nghiên cứu cho tường tận.

Chương 22 - Thương Quan

Thương quan kiến Quan quả là khó phân biệt, có thể thấy cũng không thể thấy.

Nguyên chú:

Thân nhược mà thương quan vượng, thấy ấn mà có quan tinh.

Thân vượng mà thương quan vượng, thấy tài mà không thấy quan.

Thương quan vượng, tài khinh, có tỉ kiếp mà có quan tinh.

Nhật chủ vượng, thương quan khinh, không có ấn thụ mà có quan.

Thương quan vượng mà không có tài, gặp quan tất gặp họa.

Thương quan vượng mà thân nhược, gặp quan là gặp họa ngay.

Thương quan nhược mà tài khinh, gặp quan là có họa.

Thương quan nhược mà có ấn, gặp quan mà có họa.

Đại khái thương quan có tài, đều có thể gặp quan.

Thương quan mà không có tài, đều không nên gặp quan.

Lại cần phải xem thân cường, thân nhược, nào tài quan ấn thụ, tỉ kiếp không giống nhau vậy; không cần phân biệt kim, mộc, hỏa, thổ vậy.

Lại nói rằng thương quan dụng ấn, không có tài không nên gặp tài, thương quan dụng tài, không có ấn không nên gặp ấn, cần phải phân biệt rõ ràng.

Nhâm thị viết: Thương quan, thần tiết khí nhật chủ, đã ác mà không thiện, tổn hại khí nhật chủ, tính hay thay đổi làm cản. Tuy ác thiện vô thường, nhưng mà có chế ngự, sẽ phát tình hoa tú khí, chủ thông minh trí tuệ. Nếu gặp quan thì xấu, nhưng cần phải tùy nguyên cục ra sao, thì mới ảnh hưởng, không thể chấp nhất nói rằng thương quan gặp

quan đều xấu. Có thương quan dụng ấn, thương quan dụng tài, thương quan dụng kiếp, thương quan dụng thương, thương quan dụng quan.

Nếu thương quan dụng tài cần:

Nhật chủ vượng, thương quan cũng vượng, nên dụng tài; có tỉ kiếp mà có thể thấy quan, không có tỉ kiếp lại có ấn thụ, không thể thấy qua.

Nhật chủ nhược, thương quan vượng, nên dụng ấn, có thể thấy quan mà không nên thấy tài.

Nhật chủ nhược, thương quan vượng, không có ấn thụ, nên dụng kiếp, mừng thấy kiếp ấn, kỵ thấy tài quan.

Nhật chủ vượng, không có tài quan, nên dụng thương quan, mừng gặp tài thương, kỵ gặp quan ấn.

Nhật chủ vượng, nhiều tỉ kiếp, tài suy, thương quan khinh, nên dụng quan, mừng gặp tài quan, kỵ gặp thương ấn.

Cho nên “thương quan gặp quan, nguồn gốc của trăm họa” đều tại nhật chủ suy nhược, dụng tỉ kiếp trợ thân, gặp quan tất tỉ kiếp bị khắc hại, nên có họa là vậy.

Nếu trong cục có ấn, gặp quan chẳng những không có họa, mà còn gặp phúc.

Thương quan dụng ấn (tức Thân nhược) trong cục không có tài tinh, hành vận ấn vượng thân vượng, không thể không hiển quý vậy; vận hành tài vượng thương quan vượng, không thể không bản tiện vậy.

Thương quan dụng tài (tức Thân vượng), tài tinh đặc khí, vận gặp tài vượng, thương vượng, không thể không giàu; vận gặp nơi ấn vượng, kiếp vượng, không thể không nghèo hèn cực khổ.

Thương quan dụng kiếp (tức Thân vượng), vận gặp ấn vượng tất quý.

Thương quan dụng quan, vận gặp tài vượng tất giàu.

Thương quan dụng thương, vận gặp tài vượng, chẳng những phú mà còn quý; cùng với dụng ấn dụng tài, không ngoài quan có cao thấp, tài chia ra dày mỏng. Nên xem xét kỹ càng vậy.

1 - Thương quan dụng ấn cách (thương quan bội ấn)

160 - Kỷ sửu tân mùi bính dần kỷ sửu

Canh ngọ/ kỷ tị/ mậu thìn/ đinh mão/ bính dần/ ất sửu

Hỏa thổ thương quan trùng điệp, may mắn mùa quý hạ, hỏa khí còn dư, lại nhật chủ tọa trường sinh, dần tàng giáp mộc làm dụng thần. Đến vận đinh mão, khứ đi tân kim, phá sửu thổ, gọi là có bệnh được gặp thuốc, thăng quan tiến chức đẹp không thể tưởng; tiếp đến vận bính dần, thăng quan cực phẩm, làm quan hoàng triều.

161 - Tân dậu đinh dậu mậu ngọ tân dậu

Bính thân/ ất mùi/ giáp ngọ/ quý tị/ nhâm thìn/ tân mão

Trụ này thổ kim thương quan trùng điệp, mừng tứ trụ không có tài, thuần thanh khí tượng. Sơ vận mộc hỏa thể dụng toàn là thích hợp vừa phải, cho nên tuổi trẻ đăng bảng vàng, thiếu niên làm đến quan cao triều đình. Tiếc là trung vận quý tị, nhâm thìn, sinh kim khắc hỏa, cho nên nửa đời còn lại vô cùng vất vả, cô độc thật đáng thương xót.

162- Nhâm tuất nhâm tý canh thìn kỷ mão

Quý sửu/ giáp dần/ ất mão/ bính thìn/ đinh tị/ mậu ngọ

Trụ này kim thủy thương quan đương lệnh, mừng chi tàng thổ âm áp, đủ để ổn định trung hòa. Do giờ mão mộc tài là bệnh, thêm sơ vận chi thủy mộc, học hành thi cử dở dang. Đến ngoài ba mươi tuổi, vận gặp hỏa thổ, vận mệnh bất ngờ thay đổi, làm đến quan châu mục; ngọ vận, suy thần xung vượng thần, bị giáng chức quan đương nhiệm, nay xa cách ưu sầu bội phần.

163- Bính thìn quý tị ất sửu bính tý

Giáp ngọ/ ất mùi/ bính thân/ đinh dậu/ mậu tuất

Trụ này mộc hỏa thương quan, ấn thụ thông căn tý thủy lộc vượng, cách cục khó mà không đẹp. Tuy nhiên không đẹp tài tinh khắc ấn, mà sửu thìn thuộc thấp thổ, có thể tàng thủy hồi hỏa. Tiếc là vận trình vô thủy, là một hàn nho, đến thân vận hỏa tuyệt thủy sinh, làm thầy giáo dạy học, sau chín lần dự thi hương không thành.

2 - Thương quan dụng tài cách

164- Bính thân mậu tuất đinh mão ất tị

Ất hợi/ canh tý/ tân sửu/ nhâm dần/ quý mão/ giáp thìn

Trụ này hỏa thổ thương quan, kiếp ấn trọng điệp, nhật chủ cường vượng, do đó thân kim tài tinh vi dụng. Gia nghiệp để lại vốn giàu có sung túc, tân sửu vận và nhâm vận, kinh doanh thu được lợi, phát tài hơn mười vạn; đến dần vận, tài lâm tuyệt địa, kiếp ngọ trường sinh, lại dần xung phá thân, “Vượng thần xung suy thần tất suy thần bị khử đi”, nên không lộc.

165- Quý hợi ất mão nhâm thân ất tị

Giáp dần/ quý sửu/ nhâm tý/ tân hợi/ canh tuất/ kỷ dậu/ mậu thân

Trụ này thủy mộc thương quan, nhật chủ tọa trường sinh, chi năm hợi thủy lộc vượng, nhật chủ không nhược, đủ sức dụng tị hỏa chi tài. Hiềm trung vận kim thủy, nửa đời lục đục phong sương, sự nghiệp thất bại nhiều lần. Đến tuất vận, liên chế hợi thủy kiếp tài, tuất hợp mão mộc hóa hỏa tài cục, chợt phát tài mấy vạn; đến dậu vận xung phá thương quan, sinh trợ tị kiếp, không lộc.

166- Mậu tý tân dậu mậu ngọ đinh tị

Nhâm tuất/ quý hợi/ giáp tý/ ất sửu/ bính dần/ đinh mão

Trụ này thổ kim thương quan, nhật chủ lộc vượng, gặp kiếp ấn trọng điệp, chỉ có một tài tinh, mùa thu thủy thông nguyên. Tý được dậu sinh, dậu tàng bảo hộ cho tý, gia nghiệp để lại ít sung túc; giáp tý ất sửu vận hai mươi năm, nên toàn là chế hóa, tự lập nghiệp kể ra được hơn bạc vạn; đến bính dần vận, sinh trợ hỏa thổ, khắc tiết kim thủy, không lộc.

167- Nhâm thân tân hợi tân dậu canh dần

Nhâm tý/ quý sửu/ giáp dần/ ất mão/ bính thìn/ đinh tị

Trụ này kim thủy thương quan, tứ trụ toàn tỉ kiếp, tuy dụng thần dần mộc chi tài, nhưng mừng có hợi thủy, tiết kim sinh mộc, ngăn tỉ kiếp không tranh đoạt tài, lại đắc hợi thủy giải thân kim xung dần. Nếu không có hợi thủy, cả đời sự nghiệp thất bại không yên, cuối cùng trở thành bán vế. Hợi thủy sinh tài là phúc thìn vậy. Đến vận giáp dần, ất mão, bạch thủ thành gia phú hộ; hậu vận hỏa vượng, khắc hại liên miên không yên ổn, tài tinh tiết khí, tinh thìn mệt mỏi vất vả; đến tị vận, dần thân tị hợi tứ sinh xung phá, kiếp lại được sinh, không lộc.

3 - Thương quan dụng kiếp cách

168- Quý hợi tân dậu mậu thân kỷ mùi

Canh thân/ kỷ mùi/ mậu ngọ/ đinh tị/ bính thìn/ ất mão

Trụ này thổ kim thương quan, tài tinh quá trọng, đến nỗi không như ý. May mắn giờ mùi, kiếp tài thông căn làm dụng thần; Đổi lại vận trình lại cát lợi, làm phò tá huyện lệnh. Đến vận đinh tị, bính thìn, ấn vượng, làm đến quan châu mục, do làm quan mà của cải tích tụ đầy đủ giàu có; ất mão vận xung khắc dậu, không yên ổn, bãi chức quý điền.

169 - Kỷ mùi quý dậu mậu tuất canh thân

Nhâm thân/ tân mùi/ canh ngọ/ kỷ tị/ mậu thìn/ đinh mão

Trụ này thổ kim thương quan, chi thuộc phương tây, kim khí quá trọng, lấy kiếp làm dụng thần. Mừng kỷ thổ khắc quý thủy, cho nên kế thừa dòng dõi nho học; đổi lại vận trình phương nam hỏa địa, làm quan từ huyện lệnh đến châu mục, được tiến cử nhà vua. Cả đời gặp hung hóa cát, công danh không gặp sóng gió vậy.

170 - Quý hợi giáp dần quý hợi giáp dần

Quý sửu/ nhâm tý/ tân hợi/ canh tuất/ kỷ dậu/ mậu thân

Trụ này thủy mộc thương quan, mừng không có tài, cho nên kế thừa dòng dõi nho học; hiềm địa chi dần hợi hóa mộc, thương quan quá trọng, khó toại nguyện công danh. Tân vận dậu học, hợi vận bổ nhiệm coi kho lương, canh tuất tăng công nạp làm quan. Vận kỷ dậu mậu thân hai mươi năm thổ kim, sinh hóa không khắc hại, do làm quan mà của cải tích tụ đầy đủ giàu có.

171 - Mậu thân kỷ mùi bính tuất kỷ sửu

Canh thân/ tân dậu/ nhâm tuất/ quý hợi/ giáp tý/ ất sửu

Trụ này tứ trụ đều có thương quan, nếu sinh tháng sửu tuất, là tòng thương quan cách, danh lợi đều toại nguyện. Sinh vào tháng mùi, hỏa khí còn thừa, tắt lấy mùi tàng đình hỏa làm dụng. Tiếc là vận hành tây bắc kim thủy, đến nỗi tổ nghiệp rách nát; đến quý hội vận, nghèo khổ không thể nhờ cậy, cắt tóc đi tu.

172- Mậu thìn canh thân kỷ dậu quý dậu

Tân dậu/ nhâm tuất/ quý hội/ giáp tý/ ất sửu/ bính dần

Trụ này cũng thương quan dụng kiếp, hiềm thìn thuộc thấp thổ, sinh kim chứa thủy, không đủ sinh nhật chủ; lại hiềm vận trình tây bắc kim thủy, cho nên nhất bại như vôi, không thành gia thất.

Năm trường hợp, đều dùng kiếp làm dụng, có sao ba trụ trên danh lợi song toàn, hai trụ dưới nhất sự vô thành? Nguyên nhân do vận trình không trợ giúp vậy. Bởi vậy suy ra, vận trình ảnh hưởng cũng thật quan trọng.

4 - Thương quan dụng thương quan cách

173- Canh thìn kỷ mao nhâm thìn canh tý

Canh thìn/ tân tị/ nhâm ngọ/ quý mùi/ giáp thân/ ất dậu

Nhâm thủy sinh tháng mao, thủy mộc thương quan cách. Thiên can kỷ thổ lâm tuyệt địa, địa chi lưỡng thìn, mộc còn dư khí, một sinh kim, một bảo vệ thủy, lại thấu hai canh kim, chẳng những thìn thổ không thể chế thủy, ngược lại sinh kim trợ thủy, tắt lấy mao mộc làm dụng thần. Gọi là thìn thông đặc dụng. Sơ vận canh thìn, tân tị, kim vượng địa, công danh không toại nguyện; đến nhâm ngọ vận, sinh tài chế kim, tên tuổi nổi tiếng; quý mùi vận sinh mộc, giáp thân chi toàn phương bắc thủy cục, mộc gặp sinh trợ, liên tiếp làm quan, theo lệnh trên mà thăng chức Tý Mã, tiến cung hoàng triều, làm quan Tuần phủ. Giao dậu vận, xung phá mao mộc, do bị liên lụy mà mất chức. Gọi là dụng thần không thể tồn thương, lời này đáng tin vậy.

174- Ất dậu mậu dần quý dậu quý sửu

Đinh sửu/ bính tý/ ất hội/ giáp tuất/ quý dậu/ nhâm thân

Quý thủy sinh vào tháng dần, thủy mộc thương quan. Địa chi ần tinh cũng vượng, dậu sửu hợp kim cục, tắt lấy dần mộc làm dụng thần, là người tài năng lỗi lạc. Ất hội vận, mộc gặp sinh vượng, trung hương bảng; giáp tuất, quý vận, làm quan huyện lệnh; dậu vận chi gặp ba dậu, mộc non yếu kim nhiều, bị liên lụy gặp hỏa mà mất chức. Trụ ở trên cùng trụ này đều thiếu hỏa, có bệnh mà không có thuốc chữa, nếu có hỏa tuy hành vận kim có vượng, cũng không có họa lớn nữa.

175- Kỷ mao canh ngọ giáp dần đinh mao

Kỷ tị/ mậu thìn/ đinh mao/ bính dần/ ất sửu/ giáp tý

Giáp mộc sinh tháng ngọ, mộc hỏa thương quan. Năm tháng thiên can thổ kim vô căn. Địa chi hai mao một dần, nhật nguyên cường vượng, tắt lấy đinh hỏa làm dụng, cho nên là người mưu kế dị thường. Đinh mao vận, thi đỗ, làm quan huyện lệnh; bính dần

vận, khắc tuyệt canh kim, làm quan quyền lợi cực lớn; ất sửu vận, hợp canh kim, hồi hỏa sinh kim, mất chức.

176- Bính tý ất mùi bính thìn ất mùi

Bính thân/ đinh dậu/ mậu tuất/ kỷ hợi/ canh tý/ tân sửu

Nhật nguyên bính sinh tháng mùi, hỏa thổ thương quan. Tứ trụ vô kim, tý thủy khô kiệt, lấy thổ làm dụng. Hiềm ất mộc cũng thấu xuất lại căn gốc, công danh khó toại nguyện. Sơ vận đinh dậu, bính thân, chế hóa ất mộc, tiền bạc toại nguyện; mậu tuất vận mười năm, rộn ràng nhôn nháo, ngày ngày phát đạt; kỷ vận, thổ vô căn, mộc quay lại khắc thổ, hình tang hao tán xuất hiện; nhât giao hợi vận, mộc đắc sinh hỏa, gặp kiếp, gặp ác bệnh mà chết.

5 - Thương quan dụng quan cách

177- Nhâm tuất kỷ dậu mậu tuất ất mao

Canh tuất/ tân hợi/ nhâm tý/ quý sửu/ giáp dần/ ất mao

Ngày mậu sinh tháng dậu, thổ kim thương quan, địa chi hai tuất, khô tảo mà còn dày, tuyệt diệu can năm nhâm thủy, nhuận thổ tiết kim mà sinh mộc, có thể lấy quan làm dụng thần. Hợi vận, tài quan đều đắc sinh phù, công danh thuận lợi toại nguyện; nhâm tý vận, sớm thỏa chí nguyện làm quan; quý sửu vận, chi hợp kim cục, chế phục quá mạnh; giáp dần, ất mao vận hai mươi năm, làm quan thị lang.

178- Canh ngọ kỷ mao nhâm thân kỷ dậu

Canh thìn/ tân tị/ nhâm ngọ/ quý mùi/ giáp thân/ ất dậu

Nhâm thủy sinh tháng mao, thủy mộc thương quan. Mừng quan ấn thông căn, chi năm gặp tài, thương quan có chế hóa, nhật nguyên sinh vượng, có thể lấy quan làm dụng thần. Tị vận, quan tinh lâm vượng, liên đăng bảng vàng, làm quan; nhâm ngọ quý mùi vận, nam phương hỏa địa, làm quan tể Tướng nổi danh châu mục; giáp thân, ất dậu, kim đắc địa, mộc lâm tuyệt địa, tuy từ chức quay về, mà an hưởng cầm thư, kỳ nhạc thoải mái vậy.

179- Tân mùi tân mao nhâm thìn kỷ dậu

Canh dần/ kỷ sửu/ mậu tý/ đinh hợi/ bính tuất/ ất dậu

Nhâm thủy sinh tháng mao, thủy mộc thương quan, thiên can lưỡng tân kim, chi gặp thìn dậu, thủy có căn nguyên, quan có gốc rễ, quan được bảo hộ che chở, tất lấy kỷ thổ quan tinh làm dụng thần. Kỷ sửu vận, tinh thìn thư thái cơm áo sung túc; mậu tý vận, tuy thi hương không đậu, mà gia nghiệp tăng thêm từng ngày; đinh vận cũng không có họa lớn; đến hợi vận hội mộc cục, thương quan làm càn. Gặp hình tang hao tán mà chết.

180 - Quý dậu kỷ mùi bính ngọ quý tị

Mậu ngọ/ đinh tị/ bính thìn/ ất mao/ giáp dần/ quý sửu

Nhật nguyên binh ngọ, chi thuộc nam phương, mùi thổ năm lệnh, kỷ thổ thấu xuất, hỏa thổ thương quan, tài tàng gặp kiếp, không có quan tất tài không tồn tại được, không có tài tất quan cũng không có gốc; huồng hồ hỏa quá mạnh thì thổ tảo, quan tinh cũng thấu, lấy quan tinh làm dụng thần. Đến vận hỏa thổ, hình tang phá hao; ất mao giáp dân vận, tuy có thể sinh hỏa, kết cuộc chế thương quan bảo vệ quan, thu được tài lợi lớn, nộp phí làm quan; quý sửu, nhâm tý vận, do là phó quan mà thăng huyện lệnh, danh lợi song toàn.

6 - Giả thương quan cách

181 - Mậu thân mậu ngọ đinh tị ất tị

Kỷ mùi/ canh thân/ tân dậu/ nhâm tuất/ quý Hợi/ giáp tý

Trụ này hỏa thổ thương quan, nhật chủ cực vượng, mừng thương quan phát tiết tinh hoa, đổi lại tài tinh đắc dụng. Canh thân, tân dậu vận, thiếu niên sớm lập nghiệp, phát tài hơn mười vạn; nhâm tuất vận, may mà thủy không thông căn, tuy có hình hao mà không có họa lớn; đến Hợi vận, kích hỏa quá mạnh, tiết tài khí, không lộc.

182- Nhâm tý tân Hợi nhâm tý quý Mão

Nhâm tý/ quý sửu/ giáp dân/ ất mao/ bính thìn/ đinh tị

Sáu thủy thừa quyền, thế mạnh tràn đầy, toàn nhờ vào mao mộc tiết kỳ tinh anh. Sơ vận gặp thủy, vẫn đắc sinh trợ mộc thìn, bình ôn không hung hiểm; giáp dân, ất mao vận, nên đắc dụng thần, tinh thìn thư thái cơm áo sung túc, của cải cũng gia tăng; nhất giao bính thìn, bề lũ tị kiếp đoạt tài, ba con chết hai đứa, vợ chồng cùng mất.

183- Nhâm thìn nhâm tý nhâm tý quý Mão

Quý sửu/ giáp dân/ ất mao/ bính thìn/ đinh tị/ mậu ngọ

Trụ này thiên can toàn thủy, chi gặp tý quá vượng, mừng chi hội mao thìn, tinh anh nảy ra đẹp đẽ, cho nên thi hương sớm như ý. Nhưng mộc chi nguyên thần không lộ, thi hương không tránh khỏi lận đận; hiềm vận gặp hỏa địa, do lo sợ tuổi thọ mà không yên. Đến bính vận, năm canh ngọ, thủy hỏa giao chiến mà mất mạng.

184- Mậu ngọ bính thìn mậu thìn tân dậu

Đinh tị/ mậu ngọ/ kỷ mùi/ canh thân/ nhâm tuất/ quý Hợi

Trụ này hỏa thổ tàng tàng lớp lớp, mừng nhất giờ dậu, thương quan thấu lộ, tiết kỳ tinh hoa. Trước ba mươi tuổi, vận trình hỏa thổ, lận đận quá nhiều, đến vận canh thân, vận đồ thăng tiến. Đến vận tân dậu, nhâm tuất, quý Hợi được bốn mươi năm, dụng thần vừa phải thích hợp, làm quan tuần sử rồi đến tuần phủ (Tướng soái), làm quan không gặp sóng gió.

185- Ất dậu tân tị mậu ngọ bính thìn

Canh thìn/ kỷ mao/ mậu dân/ đinh sửu/ bính tý/ ất Hợi

Trụ này hỏa thổ đương quyền, ất mộc vô căn, lấy tân kim làm dụng thần. Năm tân sửu nhập học, về sau do vận trình không hợp, thi hương nhiều lần một mỗi. Đến sửu vận, ám hội kim cục, khoa giáp liên đăng; bính tý, ất hợi vận, địa chi toàn thủy, vốn có thể khứ đi hỏa, thiên can mộc hỏa không hợp, cho nên công danh lận đận, không thể hưởng bổng lộc.

186- Đinh Dậu ất tị mậu ngọ bính thìn

Giáp thìn/ quý Mão/ nhâm dần/ tân sửu/ canh tý/ kỷ hợi

Trụ này cùng trụ trên thay đổi duy nhất một chữ tân, bát tự không bằng trụ trước, mà vận trình lại thắng trụ trước, cũng lấy tân kim làm dụng thần, không luận quan ần vậy. Năm đinh sửu thập thổ, sinh kim thời hỏa, lại toàn hội kim cục, đứng đầu bảng được làm quan, vận tân sửu, chủ yếu do tuế vận đều đúng lúc, thích hợp.

187- Đinh sửu bính ngọ kỷ dậu tân mùi

Ất tị/ giáp thìn/ quý Mão/ nhâm dần/ tân sửu/ canh tý

Trụ này thổ vượng vào tháng hạ, kim tuyệt hỏa trường sinh, tứ trụ thủy mộc không có, mừng nhất kim thấu thông căn. Tiếc thay vận trình phương đông, sinh hỏa khắc kim, chẳng những công danh nhiều lận đận, mà tiền tài tiêu tan. Đến tân sửu vận, gặp năm mậu thìn, hồi hỏa sinh kim, thi hương đắc ý, danh lợi đầy đủ sung túc.

Chương 23 - Thanh Khí

Nhất thanh rốt cuộc có tinh thần,

Quản lấy cả đời chân phú quý.

Gạn trọc cầu thanh thanh lấy được,

Thời đến hàn cốc cũng hồi xuân.

Nguyên chú: Nói Thanh (trong) là không phải thành cục nhất khí vậy . Như Chính Quan cách, thân vượng có Tài, thân nhược có Ấn, cũng không có Thương quan Th ất Sát hỗn tạp, dầu có Tỉ kiên Thực thần Tài Sát Ấn thụ lẫn tạp, đều theo thứ tự mà được, có yên ổn, hoặc có làm nhân th ần, không đến phá cục, chính gọi là Thanh . Lại cần có tinh th ần, không vì khô như ọc là tốt . Nói Trọc (đục) không phải là ngũ hành cùng xu ất ra. Như Chính Quan cách, thân nhược lấy Sát là h ỗn, lấy Tài là h ỗn, lấy tạp Th ực thần, Quan không thể tổ n thương Ta, trái lại cùng Quan tinh b ất hòa; lấy tạp Ấn thụ, không thể phù trợ thân ta, trái lại cùng Tài tinh sát hại ta , đều gọi là Tr ọc. Hoặc được một th ần có l ực, hoặc là được chỗ hành vận, sớm lấy khí trọc, xung khí ứ đọng, đều là *Gạn trọc cầu thanh*, đều là mệnh phú quý vậy.

Nhâm thị viết: Xem mệnh khó nhất ở phân biệt thanh trọc khí. Chương này chủ yếu luận về bốn chữ : “gạn trọc cầu thanh”. Thanh mà hữu khí, tất tinh thần thông suốt mà đầy đủ; thanh mà vô khí, tất tinh thần khô héo tiêu tụy. Tinh thần khô héo thì tà khí nhập vào, tà khí nhập vào tất thanh khí tán, thanh khí tán thì không bản cũng tiện. Thanh trọc khí, bát cách đều có vậy. Như chính quan cách, thân nhược có ấn, kỵ tài, tài tinh không hiện, có thể thấy ngay là thanh hĩ. Cho dù có tài, không thể luận ngay là trọc được, cần phải

xem xét tình thế thật cẩn thận. Như tài kê cận quan, quan kê cận ấn, ấn kê cận nhật chủ, tất tài sinh quan, quan sinh ấn, ấn sinh nhật chủ, ấn thụ là ngọn nguồn của quá trình vậy, đến hành vận trợ ấn thụ, phú quý sẽ tự nhiên đến. Cho dù không có tài, cũng không thể luận ngay là thanh, cũng cần phải xem xét tình thế thật kỹ càng, hoặc ấn tinh vô khí, cùng quan tinh không thông, hoặc ấn tinh quá vượng, nhật chủ khô nhược, không nhận được ấn tinh sinh cho; hoặc quan tinh cận kê nhật chủ, ấn tinh cách xa nhật chủ, trước tiên nhật chủ bị quan khắc, ấn tinh không thể sinh hóa được, đến hành vận gặp tài quan, không bản cũng yếu hĩ.

Như chính quan cách, thân vượng mừng có tài, mà kỵ ấn thụ, tiếp theo kỵ thương quan. Cũng phải xem xét tình thế, như thương quan cùng tài kê cận, tài cùng quan kê cận, quan kê cận tỉ kiếp, không chỉ quan tinh không trở ngại, mà còn thương quan hóa kiếp sinh tài, tài sinh quan vượng, quan là ngọn nguồn của quá trình vậy, đến hành vận gặp tài quan, danh lợi song toàn. Như thương quan cùng tài tinh cách xa, ngược lại thương quan kê cận quan tinh, tài không đủ lực sinh quan, đến hành vận gặp thương quan, không bản cũng tiện hĩ. Như thiên can là thương quan, địa chi là tài, tất cần phải gặp vận tài trên can (vận mà thiên can là tài) để giải thương quan; thương quan tại địa chi, tài tinh tại thiên can, tất cần phải gặp vận tài dưới chi (vận mà địa chi là tài) để thông chi. Hoặc tài quan kê sát nhau, mà tài bị hợp thần hợp mất, hoặc bị nhân thần cướp đoạt, cũng cần tuế vận xung hợp thần, chế nhân thần, đều là “gạn đục cầu thanh”. Tuy luận về chính quan cách, bát cách cũng đều luận như vậy. Tóm lại, hi thần nên đắc địa gặp sinh, cùng nhật chủ kê cận là cát lợi; kỵ thần nên thất thế lâm tuyệt địa, cùng nhật chủ xa cách thì đẹp vậy. Nhật chủ mừng có ấn, ấn tinh kê cận nhật chủ, hoặc nhật chủ tọa ấn, tức là nhật chủ nhiều sinh lực sức sống vậy; quan tinh kê cận ấn thụ, hoặc ấn thụ tọa quan, tức là ấn thụ đầy sức sống vậy. Còn lại cứ thế mà suy ra.

188- Quý Dậu giáp tý bính dần ất mùi

Quý Hợi/ nhâm tuất/ tân dậu/ canh thân/ kỷ mùi/ mậu ngọ

Bính sinh tháng tý, bính tọa trường sinh, ấn thấu có gốc rễ sâu dày, nhược thành vượng. Mừng quan tinh đương lệnh, thấu mà sinh tài, “nhất thanh suy cho cùng đầy sinh lực” vậy, đổi lại trước sau không phản khắc, có thể xem như thuần chất. Trung vận kim thủy, đăng khoa phát giáp. Quan cao trong cung vua; tiếc là hậu vận hỏa thổ, khiến cho cuối đời cực khổ.

189- Giáp tý bính dần kỷ Hợi tân mùi

Đinh mão/ mậu thìn/ kỷ tị/ canh ngọ/ tân mùi/ nhâm thân

Kỷ thổ sinh tháng dần, tọa Hợi thủy? Tài quan quá vượng, mừng nhất độc ấn gặp sinh. Tài tàng sinh quan, nguyên thần càng vượng; tinh thìn nối liền tương sinh, mà nhật chủ không mỏng; tuyệt diệu sinh hóa liên châu, ao ước nhất vận đồ không tương phản. Cho nên được sung ái, thân cận quyền quý, giữ chức vụ quan trọng.

190 - Quý mùi giáp tý bính dần đinh dậu

Quý Hợi/ nhâm tuất/ tân dậu/ canh thân/ kỷ mùi/ mậu ngọ

Trụ này cùng với trụ năm quý Dậu, đại đồng mà tiểu dị. Trụ trước quan tọa tài địa, trụ này quan tọa thương quan, thêm chi tý thủy kề cận, chẳng những thiên can quan bị thụ khắc, mà địa chi quan cũng bị thụ thương. Hiềm kiếp tọa tài tinh, cho nên tài kiếp quan thương, mặc dù sớm phần đầu, những thi hương vẫn không đậu. Tân Dậu, canh thân vận, can chi đều tài, tài lợi như cây cỏ sau mưa, gia nghiệp sung túc đầy đủ; đến kỷ mùi vận, thương thê khắc tử, lộc bị trả lại, gia nghiệp đại phá. Có thể biết đều do tại vận trình vậy.

Chương 24 - Trọc Khí

*Đầy bàn trọc khí làm người khổ,
Một cục thanh khô cũng khổ người,
Nửa trọc nửa thanh thì còn được,
Nhiều thành nhiều bại độ sớm chiều.*

Nguyên chú: Trong trụ chủ yếu tìm không ra thanh khí, hành vận lại không thể loại trừ trọc khí, tất là bản tiện. Nếu thanh khí lại có sinh lực thì tuyệt vời, nếu như khô nhược vô khí, hành vận lại không gặp sinh địa, cũng là người bản hàn. Trọc khí lại khó khử đi, thanh khí lại không thật, hành vận lại không ngộ thanh khí, lại không khử đi trọc khí, mặc dù thành bại không đều, đây này cuộc đời hoàn toàn không yên ổn.

Nhâm thị viết: Trọc gọi là tứ trụ hỗn tạp vậy.

Hoặc chính thìn thất thế, tà khí thừa quyền, cái này là trọc khí vậy.

Hoặc đề cương tổn hại; ngoài yêu cầu xa cách dụng thần này là cách trọc vậy.

Hoặc quan suy hỉ ấn, tài tinh khắc ấn, cách này tài là trọc vậy;

Hoặc quan suy hỉ tài, tỉ kiếp tranh tài, cách này kiếp là trọc vậy;

Hoặc tài vượng hỉ kiếp, quan tinh chế kiếp, cách này quan là trọc vậy;

Hoặc thân cường sát thiên, thực thương chế sát, cách này thực thương là trọc vậy.

Phân biệt mà sử dụng, phán đoán danh lợi thành bại, lục thân nghi kỵ, không thể không nghiệm vậy. Tuy nhiên trọc cùng thanh khô hai chữ cần cân nhắc, thà rằng dụng trong thanh có trọc, không thể dụng trong thanh có khô. Nói đến trọc giả, tuy thành bại không đều, có nhiều hiềm trở, nhưng ngộ đắc hành vận, khử đi trọc khí, cũng có cơ hội khởi phát; nếu như hành vận lại không yên ổn, thế là gian nan cực khổ. Thanh khô giả, không chỉ nhật chủ vô căn, mà nhật chủ hữu khí, nhưng dụng thần vô khí, cũng giống như vậy. Khô giả, vô căn mà còn mục nát vậy, tức là ngộ tương trợ giúp đỡ, nguồn gốc quyết định bởi mầm mống trước tiên vậy. Phạm nhật chủ khô giả, không bản cũng yếu; dụng thần khô giả, không bản cũng cô độc. Cho nên thanh có sức sống chung thân tất phát, thiên khô vô khí nhất định cô độc bản hàn, hoàn toàn trọc khí cần phải xem xét vận trình, dìm trọc phù thanh cũng có thể hanh thông tốt đẹp, phải nghiệm vậy.

191 - Ất hợi canh thìn mậu tuất đinh tị

Kỷ mao/ mậu dần/ đinh sửu/ bính tý/ ất hợi/ giáp tuất

Mậu tuất nhật nguyên, sinh vào tháng thìn giờ tị, mộc thoái khí, thổ thừa quyền, ấn thụ trùng gặp. Dụng quan tất bị canh kim hợp mất, dụng thực tất hợp quan lại không hóa, mà hỏa lại khắc kim, không biết làm sao mà dụng tài, lại có giờ tị ở xa xung, lại không nắm lệnh; nếu yêu cầu canh kim sinh trợ, tham hợp vong sinh, mà lại xa cách vô tình, cho nên thành bại không đều, may mà tài quan hãy còn dư khí có thừa. Đến ất hợi vận, bỏ khởi tài quan, toại nguyện thành công trung bình.

192 - Quý hợi kỷ mùi bính ngọ kỷ sửu

Mậu ngọ/ đinh tị/ bính thìn/ ất mão/ giáp dần/ quý sửu

Hỏa trường hạ lệnh, vốn là luận vượng, tuy thời tại quý hạ, hỏa khí hơi thoái, thêm thương quan trọng điệp tiết khí, sửu thuộc thấp thổ, có thể hồi bính hỏa, từ vượng biến thành nhược. Trọc khí đương quyền, thanh khí thất thế, thêm hành vận ba mươi năm đầu hỏa thổ, nửa đời thành bại đa đoan. Đến ất mão, giáp dần, mộc khứ đi hậu thổ, tảo trừ trọc khí, sinh phù nhật nguyên, vệ hộ quan tinh, phò tá quan chép sử, tiền của sung túc sự nghiệp thành đạt.

193 - Đinh mão đinh mùi canh ngọ kỷ mão

Bính ngọ/ ất tị/ giáp thìn/ quý mão/ nhâm dần/ tân sửu

Trụ này đại lược xem qua, tài sinh quan, quan sinh ấn, ấn sinh thân, tựa hồ thanh mỹ, đáng tiếc ngọ mùi nam phương, hỏa liệt thổ tiêu, có thể giòn kim, không thể sinh kim. Mà lại mộc tòng hỏa thế, lại làm hồng ấn thụ, không có tình sinh hóa, vậy tại sao không thanh khô? Hiềm vận trình phương đông, cả đời chưa thỏa ý nguyện, gọi là “minh nguyệt thanh phong thủy dữ cộng, cao sơn lưu thủy thiếu tri âm” vậy.

Chương 25 - Chân Thần

Lệnh trên tìm kỳ tụ đắc chân,

Giả thần chớ vội loạn Chân thần,

Chân thần đắc dụng cuộc đời quý,

Nếu không có dụng người tầm thường.

Nguyên chú: Như mộc hỏa thấu lộ, sinh tháng Dần, là tụ đắc chân, không cần kim thủy làm hỗn loạn. Chân thần đắc dụng, không phải chỗ kỳ thần làm hại tài quý. Như tham lầy kim thủy xương cuồng, mà dụng kim thủy, kim thủy lại là không đắc lệnh, cùng đồ mộc hỏa bất hòa, chính là người tầm thường vậy.

Nhâm thị viết: Chân, gặp thời nắm lệnh chi thần. Giả, thất thời thoái khí chi thần. Nói nhật chủ có dụng thần, nắm lệnh tại đề cương, lại thấu xuất thiên can gọi là tụ đắc chân thần, cuộc đời phú quý hĩ, còn không thì gọi là giả thần phá tổn. Dù cho có giả thần, yên ổn đắc ý tốt lành, giả thần không kè sát chân thần, hoặc bị nhân thần hợp mất, hoặc xa cách vô lực, cũng không có hại vậy. Nhưng nếu kè sát chân thần, hoặc tương khắc tương xung chân thần, hoặc hợp chân thần, ám hóa kỳ thần, chung thân lục đục. Nếu như hành vận đắc trợ, chế giả phù chân, cũng có thể thành công nhỏ, mà thân mình được an khang. Cho nên hi thần nên được sinh vừa phải, kỳ thần nên bị tuyệt, trong cục thấy chân thần,

hành vận thấy giải thân. Nên tiên thiên mà biến thành địa kỷ. Cho nên đoán địa, trước tiên xem đề cương mà định cách cục, trung thiên thì biến thành nhân kỷ, kế đến xem nhân nguyên năm lệnh mà biến thành dụng thân; sau cùng xem tam thức, mà dụng thân phù hợp, chính là tự nhiên việc lớn thành công hĩ. Nghiệp lớn thành công, thì phú quý chắc chắn hĩ. Sau đó lại tiếp tục xác định vận trình thích hợp, tất cùng thông suốt rõ ràng hĩ. Hậu học cần nghiên cứu ba nguyên đúng lý, xem xét chân giả, xem kỹ hỉ kỵ, nghiên cứu xung hợp yêu ghét. Luận về tuế vận có thích hợp hay không, vì thế mới thỏa đáng. Nguyên do quý tắc tuy có thể truyền đạt, diệu dụng hay không bởi tâm ngộ của mỗi người vậy.

194 - Giáp tý bính dần kỷ sửu giáp tý

Đinh mão/ mậu thìn/ kỷ tị/ canh ngọ/ tân mùi/ nhâm thân

Mệnh Sơn Đông Lưu trung đường, kỷ thổ thấp mỏng, sinh vào sơ xuân, lạnh lẽo ẩm ướt, cho thấy khí suy yếu, đắc giáp bính cũng thấu, ấn thuận chính quan minh bạch, tụ đắc chân thân vậy. Trong trụ kim không hiện mà không đắc hóa, giả thân không loạn; mừng vận trình đông nam nơi chỗ ẩn vượng, làm đến quan thượng thư, tấm lòng kính vua che chở dân, có tài kinh bang luận đạo vậy.

195 - Nhâm thân nhâm dần bính tý ất mùi

Quý mão/ giáp thìn/ ất tị/ bính ngọ/ đinh mùi/ mậu thân

Mệnh Thiết Chế Q uân, tài sinh sát thể, mộc non gặp sinh, mừng nhất dần mộc chân thân đương lệnh, can giờ thấu lộ ất mộc nguyên thân. Dần thân xung nhau, gọi là có bệnh. Vận nam phương hỏa địa, khứ đi thân kim, làm đến Tướng soái, thanh danh hiển hách. Tài trí đức độ thâm trọng.

196 - Canh thân mậu dần nhâm tý giáp thìn

Kỷ mão/ canh thìn/ tân tị/ nhâm ngọ/ quý mùi/ giáp thân

Trụ này nhật nguyên lâm vượng địa, hội thủy cục trợ thân, không luận nhược. Mừng can giờ giáp mộc, chân thân phát lộ. Hiềm nghi, năm ngọ canh thân, xung khắc giáp dần, lại gặp mậu thổ trợ kim, gọi là giả loạn chân. Mặc dù sớm nhập học, thi hương liên tiếp thất bại. Đến vận nhâm ngọ, chế hóa canh kim, thi hương đăng bảng, làm tri huyện; thân vận xung dần, giả thân đắc trợ, không lộc.

Chương 26 - Giả thân

Chân Giả hầu như khó biện luận,

Không rõ không che nhận khôn đốn.

Đề cương không cùng Chân thân chiếu,

Xử ám tìm Chân cũng có Chân.

Nguyên chú: Chân thân đắc lệnh, Giả thân đắc cục mà nhiều đ ả ng; Giả thân đắc lệnh, Chân thân đắc cục mà nhiều đ ả ng. Không thấy vết tích Chân Gi ả, hoặc là Chân Gi ả đều đắc lệnh đắc trợ, mà hầu như không thể biện luận thắng thua, thân khó mà không có

đại họa, cả đời gian truân mà ít yên vui. Người sinh tháng Dần, không thấu mộc hỏa, mà thấu kim là dụng thần, thì gọi là Đề cương không chiếu cố vậy; được Kỷ thổ ám (ngâm) yêu (mời), Mậu thổ chuyển sinh, địa chi Mão nhiều xung Dần, Ất Canh ám hóa, vận chuyển tây phương, là cũng có Chân, hoặc cũng phát phúc. Bên trên chỉ đưa ra ví dụ một mặt Chân Giả mà nói thôi, hội cục, hợp thần, tông hóa, dụng thần suy vượng, tình thế tượng cách, tâm tích tài đức tà chính, nhanh chậm, sinh tử, tiến thoái, chỗ nào cũng có Chân Giả, cần phải phân biệt tỏ tường.

Nhâm thị viết: Khi có chân giả, chân thần thất thế. Thu thìn đắc cục, phép tắc cần lấy chân làm giả; lấy giả làm chân. Khi có trước sau, chân khí chưa đến, giả khí đã đến, cần lấy chân làm giả, lấy giả làm chân. Như người sinh tháng dần, không thấu giáp mộc mà thấu mậu thổ, mà năm tháng ngày giờ có thìn tuất sữ mùi các loại, cũng có thể lấy làm dụng thần. Nếu như không thấu mậu thổ, mà thấu kim, cho dù mộc hỏa nắm lệnh, mà trụ năm ngày giờ, hoặc đắc thân xung dần, hoặc đắc dậu sữ cùng kim, hoặc thiên can lại có mậu kỷ sinh kim, chỗ này gọi là chân thần thất thế, giả thần đắc cục, cũng có thể thủ dụng, nếu tứ trụ chân thần không đủ, giả khí cũng hư, mà nhật chủ mê giả ghét chân, tất cần phải tuế vận phù ức giả, cũng có thể phát phúc. Nếu tuế vận trợ chân tổn giả, hung họa lập tức đến, chỗ này gọi là lấy thật bỏ hư, lấy hư làm dụng thật, Toàn là do dựa vào tham kỳ (tên vị thuốc) có thể cứu người, mà chẳng biết tham kỳ cũng có thể hại người vậy, tri kỳ manh (tên vị thuốc) có thể giết người, mà chẳng tri kỳ cũng có thể cứu người. Có bệnh cho uống thuốc mà được cứu, không có bệnh cho uống thuốc thì toi mạng. Mà mệnh có quý tiện không đều, tà chính vô thường, động tĩnh không liên, không có gì là không có vết tích chân giả. Cách cục có thiệt giả, dụng thần há không có chân giả sao? Hết thấy đều do an hưởng phúc đức, phần nhiều do chân thần đắc dụng; sang nghiệp hưng gia, khó nhọc mà thiếu an nhàn, phần nhiều do giả thần đắc cục, hoặc chân thần bị thương, nổi nghiệp bạc bẽo mà phải lập nghiệp, phần nhiều do chân thần không đủ; cả đời gặp thất bại, thế sự gặp ghèngh, phần nhiều do giả thần không đủ. Nghiên cứu kỹ càng, đều thấy nghiệm vậy.

197 - Ất dậu mậu dần nhâm ngọ canh tuất

Đinh sữ/ bính tý/ ất hợi/ giáp tuất/ quý dậu/ nhâm thân

Nhâm thủy sinh vào lập xuân hai mươi hai ngày, đang lúc giáp mộc chân thần nắm lệnh, mà thiên can thổ kim cũng thấu, địa chi thông căn tuất dậu, tứ trụ này chân thần thất thế, giả thần đắc cục, dụng lấy canh kim hoá sát, đúng phép lấy giả làm chân, đắc thuần túy. Tuy nhiên hiềm chi toàn hỏa cục. Khắc kim đốt thủy, mừng can hỏa không thấu lộ, lại đắc mậu thổ sinh hỏa tuyệt diệu. Vận trình tây bắc, cho nên sớm đăng vân lộ, nổi danh thiên hạ, làm quan đến chức quan tuần phủ, đức độ tú khí. Tổng quát hiềm hỏa cục là bệnh, quan lộ không tránh gặp thất bại hĩ.

198 - Canh tuất mậu dần quý mùi quý sữ

Kỷ mão/ canh thìn/ tân tị/ nhâm ngọ/ quý mùi/ giáp thân/ ất dậu

Quý thủy sinh vào lập xuân hai mươi sáu ngày, đang lúc giáp mộc chân thần đương lệnh, mà thiên can thổ cũng thấu, địa chi sữ tuất thông căn. Thương quan tuy đương

lệnh, mà thể quan sát tung hoành, cho dù thương quan địch sát, mà nhật chủ phản lại tiết khí, so ra có thể địch lại ư? Canh kim tuy là giả thần, không như nhật chủ yếu giả ghét chân, lấy canh kim làm dụng thần, có hai điều lợi: thứ nhất hóa quan sát cường bạo, thứ hai sinh nhật nguyên, can giờ tị kiếp trợ thân, có thể nhuận thổ dưỡng kim. Kế đến trung vận nam phương, sinh sát làm hồng ấn, bốn ba vất vả. Đến giáp thân vận, chuyển phương tây, dụng thần đắc địa, đắc quân công thăng chức tri huyện. Ất dậu vận cũng đẹp, làm đến quan châu mục. Nhật giao bính vận, khắc ấn, không lộc.

199 - Bính tý kỷ hợi tân dậu kỷ hợi

Canh tý/ tân sửu/ nhâm dần/ quý Mão/ giáp Thìn/ ất tị

Trụ này theo cổ luận, kim hàn hỉ hỏa, kim thủy thương quan mừng gặp quan, mà nhận chủ chuyên lộc, tất dụng bính hỏa không thể nghi ngờ. Chẳng biết thủy thể cần rõ, khuyết điểm chỗ bính hỏa không có nguyên thần, chẳng những không thể dụng quan, mà bính hỏa hoàn toàn không có căn khí, phải dụng kỷ thổ ẩn tinh, khiến cho ngăn thủy sinh kim bảo vệ hỏa. Bính nhập hợi cung lâm tuyệt địa, mong muốn bính hỏa sinh thổ, mà bính hỏa trước bị thủy khắc, làm sao có thể sinh thổ được? Cho nên kỷ thổ bị thủy thương, chân thân vô tình, giả thần hư thoát. Sơ vận canh tý, tân sửu; tị kiếp trợ thân, hưởng phúc đức tiền nhân, cơm áo đầy đủ. Nhâm vận có đại tang; nhật giao dần vận, phương đông mộc địa, hư thổ thụ thương, phá sạch tổ nghiệp, hình thể khắc tử, đi xa không biết rồi đi đến đâu.

Chương 27 - Cương Nhu

Nhu Cương là không giống nhau,, thiện là chế, nhưng cũng rời xa tính tình mà thôi.

Nguyên chú: Cương Nhu cứu giúp lẫn nhau vậy, nhu là lấy cương cứu giúp, cương là lấy nhu cứu giúp, mà không được tình, mà lại trợ giúp hung bạo, giống như võ sĩ mà được binh lính, thì thành sát phạt. Như Canh kim sinh ở tháng 7, gặp Đinh hỏa mà kích oai, gặp Ất mộc mà trợ giúp hung bạo, gặp Kỷ thổ mà thành ý chí, gặp Quý thủy mà càng sắc bén; không bằng cương với nhu, có thể giúp nhau vậy, là Nhâm thủy vậy, bởi do Nhâm thủy có chính tính, mà có tình dẫn thông Canh vậy. Nếu lấy cương với cương kích nhau, thì họa hại sao nó đẹp chẳng? Thái nhu lấy cương giúp, mà không chế ngự tình cảm, mà lại có ích cho nhu vậy, thí dụ như người phụ nữ mãnh liệt mà gặp ân huệ, thì thành dâm tiện. Như Ất mộc sinh ở tháng 3, gặp Giáp, Bính, Nhâm là hỉ, là thân tình; gặp Mậu Canh thịnh là sợ, thì mất thân; không bằng cương với nhu, có thể giúp nhau vậy, là Đinh hỏa vậy, bởi do Đinh hỏa có chính tính, thì có thể dẫn động tình Ất mộc vậy. Nếu lấy nhu với nhu hợp lại, cảm lỗi thế nào đây! Còn lại cứ suy theo chỗ này.

Nhâm thị viết: Đạo cương nhu, âm dương cường tráng thuận hòa mà mừng hỉ. Tuy nhiên trong cương không hẳn không có nhu, cho nên dương ví như Càn, Càn sinh ba nữ, gọi là nhu thủ hồ cương; trong nhu không hẳn không có cương, cho nên âm ví như Khôn, Khôn sinh ba nam, gọi là cương thủ hồ nhu. Nói đến xuân mộc, hạ hỏa, thu kim, đông thủy, quý thổ, đắc thời đương lệnh, nguyên cục không khắc chế chi thần, thể hùng tráng, tính cương kiện, không tiết tất không thanh, không thanh tất không tú, không tú tất biến thành người ngu đần gàn bướng. Nếu lấy cương chém nhu, gọi là nan địch quân hồ (yếu

không địch lại mạnh), phản lại kích nộ mà biến thành cương hĩ. Xuân kim, hạ thủy, thu mộc, đông hỏa, trọng thổ, thất thời vô khí, nguyên cục không sinh trợ chi thìn, thể mềm mại, tính quá nhược, không uy hiệp tất không thông suốt, không thông suốt tất không hóa, không hóa tất biến thành mục nát. Sơ lược lấy nhu dẫn cương, gọi là hư thì không nên bồi bổ, phản lại tăng chỗ nhược mà biến đổi nhu. Chỗ này chính là tiết có sinh sinh chi diệu, khắc có thành tựu chi công, dẫn có hài hòa chi tình, tòng có biến hóa chi diệu. Khắc, tiết, dẫn, tòng bốn chữ nên nghiên cứu kỹ càng, không thể quý định đại khái được.

Nếu canh kim sinh vào tháng bảy, không thể thiếu nhâm thủy; ất mộc sinh vào tháng tám, không thể thiếu đinh hỏa, tuy đắc chế hóa, nhưng cũng dễ chết do luận kiểu này vậy. Giả sử canh kim sinh vào tháng bảy, nguyên cục trước hết có mộc hỏa, mà không thấy nhâm thủy, lại phải luận như thế nào? Chẳng lẽ khí mộc hỏa hiển lộ, mà lại dụng nhâm thủy ám tàng sao? Ất mộc sinh vào tháng tám, tứ trụ trước hết có kiếp ấn, mà đinh hỏa không hiện, chẳng lẽ khí hiển lộ tại kiếp ấn, mà lại cầu đinh hỏa không thấy sao? Nói chung đắc thời đương lệnh, tứ trụ không có khắc chế, dụng thực thần thuận theo khí thế, tiết kỳ tinh anh, chỗ bí mật sinh tài, gọi là lấy không làm có; thất thời hư tù, nguyên cục không có kiếp ấn trợ thân, dụng thực thần chế sát, sát đắc chế tất sinh ấn, gọi là tìm kiếm giả dối. Nên dụng thần linh hoạt, không nên chấp nhất mà luận vậy.

200 - Nhâm thân mậu thân canh thìn giáp thân

Kỷ dậu/ canh tuất/ tân hợi/ nhâm tý/ quý sửu/ giáp dần

Canh kim sinh vào tháng bảy, địa chi ba thân kim, vượng cực hĩ. Can giờ giáp mộc vô căn, dụng can năm nhâm thủy, tiết kỳ sát khí cương mãnh. Chỉ hiềm can tháng kiều thìn đoạt thực. Sơ vận trình thổ kim, sớm gặp hình tang, tổ nghiệp không có gì. Giao vận tân hợi, vận chuyển phương bắc, kinh doanh đắc ý, đến vận nhâm tý, quý sửu ba mươi năm phát tài hơn mười vạn. Còn nhỏ chưa hề đọc kinh sách, về sau lại thông lầu chữ nghĩa văn Chương, chỗ này cũng do vận trình thủy địa, nên phát tiết tinh hoa vậy.

201 - Nhâm tuất mậu thân canh dần bính tuất

Kỷ dậu/ canh tuất/ tân hợi/ nhâm tý/ quý sửu/ giáp dần/ ất mão

Canh kim sinh vào tháng bảy, chi toàn thổ kim, vượng cực hĩ, nhâm thủy tọa tuất gặp mậu, kiều thìn đoạt thực quá mức, can giờ thâu bính hỏa, chi hợp dần tuất, tất lấy bính hỏa làm dụng. Tiếc vận trình bốn mươi năm gặp thổ kim chi địa, cho nên trước năm mười tuổi, một việc cũng đến vận ất mão hai mươi năm, tài phát cự vạn, chỗ gọi là “*Cây Bồ Liễu nhìn mùa thu mà héo, cây Tùng Bách đến mùa đông xanh tươi*” vậy.

202 - Tân dậu đinh dậu ất mùi đinh sửu

Bính thân/ ất mùi/ giáp ngọ/ quý tị/ nhâm thìn/ tân mão

Ất mộc sinh vào tháng tám, mộc tàn héo kim sắc bén, may mắn nhật chủ tọa mộc khố, can thâu hai đinh, đủ để chế sát, tổ nghiệp hưng thịnh, nhỏ đã ăn ngon mặc đẹp. Nhưng trụ này có bệnh, không phải tại sát vượng, mà tại sửu thổ. Sửu thổ thật hại, không chỉ hôi hỏa sinh kim, mà còn hại tại sửu mùi xung nhau vậy. Thiên can mộc hỏa, hoàn toàn dựa vào mùi tàng mộc hỏa, xung tất bị kim thủy trong sửu ám thương, mới biết thi

huong khó thành. Đến vận quý tị, toàn kim cục, quý thủy khắc đinh, gặp nạn thủy mà chết.

203- Mậu thìn kỷ dậu ất hợi giáp thân

Canh tuất/ tân hợi/ nhâm tý/ quý sửu/ giáp dần/ ất mão

Ất mọc sinh vào tháng tám, tài sinh quan sát, cực nhược hĩ. Mừng nhật chủ tọa ấn thụ dẫn thông khí quan sát, thêm tuyệt diệu giáp mọc thấu lộ, gọi là *Đằng la hệ Giáp*. Xuất thân tuy hàn vi, đến hợi vận nhập học. Vận nhâm tý liên tiếp dậu đầu bảng. Đến quý vận quan lộ về vang toại nguyên, Sửu vận có tang. Vận giáp dần khắc thổ phù thân, chẳng qua làm quan bình thường. Vận ất mão làm quan đến chức thị lang. Trụ này mừng ở chỗ hợi thủy vậy, nếu không có hợi thủy, chỉ là người tầm thường. Tuy nhiên hợi thủy cần phải tọa hạ nhật chủ, nếu như hợi thủy cách xa nhật chủ, không đắc sinh hóa chi tình, công danh chẳng qua chỉ là chức mọn nhĩ.

Chương 28 - Thuận Nghịch

Thuận nghịch là không đều vậy, là không thể nghịch, cũng là khí thể mà thôi.

Nguyên chú: Đạo cương nhu, có thể thu ận mà không thể ngh ịch. Nước Côn Lôn, có thể thu ận mà không thể ngh ịch vậy, đã thành khí th ể, chỉ có thể thu ận mà không thể nghịch vậy; quyền ở một người, có thể thu ận mà không thể ngh ịch vậy; Nhị nhân đồng tâm (hai người chung lòng), có thể thuận mà không thể nghịch vậy.

Nhâm thị viết : Mấu chốt thuận nghịch, lúc thoái không bội phản mà dừng lại, không thể nghịch, đương lệnh đắc thế, phải tòng vượng vậy. Nguyên do tứ trụ có lúc thuận nghịch. Khí vốn có phân biệt, ngũ hành có điên đảo, mỗi phương pháp có tác dụng riêng. Cho nên tuy là khí vốn có thừa mà không chiếu cố đến tạp khí, khí có thể dựa vào mà có khả năng thành cục. Tòng vượng thần mà không thể khắc chế, không theo nhược mà sinh phù, cho nên chế sát không bằng hóa sát, hóa sát thích hợp mà trợ thân, tòng sát chính là dựa vào quyền thế, lưu sát thích hợp mà làm quan. Khí có âm có dương, dương chứa dương sinh vô cùng, âm chứa âm hóa tuyệt diệu; Thế thì trong thanh có trọc trong trọc có thanh, quan trọng chỗ mấu chốt, thanh trong trọc, gốc của bản tiện. Nghịch rồi đến thuận không thể sung túc, thuận rồi đến nghịch tránh được nghèo túng. Chỗ này là mấu chốt vi diệu của thuận nghịch, học giả cần suy nghĩ sâu xa. Lời xưa “Thừa thì giảm bớt, thiếu thì tăng thêm”, tuy là chính lý, nhưng không thấy được thâm sâu mấu chốt, chỉ là giải thích qua loa. Trong trụ, không giới hạn tài, quan, sát, ấn, thực thương các loại, nếu thừa quyền đắc thế trong trụ, lại khử đi cường bạo. Gọi là hai người đồng tâm hoặc nhật chủ gặp thời nắm lệnh, tứ trụ toàn là trợ hợp. Gọi là quyền tại vượng thần. Chỉ có thể thuận theo khí thể mà dẫn thông, cho nên khí lưu hành gặp phú hĩ, nếu miễn cưỡng khắc chế, chọc giận cường thần, chắc chắn gặp phải điều dữ. Cần nghiên cứu kỹ càng.

204- Canh thìn canh thìn canh thân canh thìn

Tân tị/ nhâm ngọ/ quý mùi/ giáp thân/ ất dậu/ bính tuất

Thiên can toàn canh, lại tọa lộc vượng, ấn tinh đương lệnh, cực kỳ cương hĩ, gọi là quyền tại canh kim. Xuất thân binh nghiệp, nhâm ngọ quý mùi vận, can thủy chi hỏa, khó

thể khắc kim, cho nên vô hại. Đến vận giáp thân, phương tây kim địa cho đến vận ất dậu hợp hóa toàn kim, làm đến quan tổng binh. Bính vận phạm vượng thân, chết trong quân.

205- Quý dậu giáp tý canh thìn giáp thân

Quý Hợi/ nhâm tuất/ tân dậu/ canh thân/ kỷ mùi/ mậu ngọ

Nhật nguyên canh thìn, chi gặp lộc vượng, thủy vốn đương quyền, lại hội thủy cục, thiên can giáp mộc vô căn, gọi là kim thủy hai khí đồng tâm, phải thuận theo thể kim thủy. Cho nên quý Hợi nhâm vận, được cha mẹ nuôi dưỡng sung túc. Tuất vận chế thủy, vẫn còn mừng thân dậu tuất hội kim cục, tuy gặp hình tang mà không có họa lớn. Tân vận nhập học, dậu vận đi thi, canh vận đăng khoa, thân vận đại phát tiền của. Giao kỷ mùi, vận chuyển nam phương, hình thể khắc tử, gia nghiệp dần tiêu tan. Mậu ngọ xung thủy tính, gia nghiệp phá tán mất mạng.

206- Nhâm tý tân Hợi ất Hợi bính tý

Nhâm tý/ quý Sửu/ giáp dần/ ất Mão/ bính thìn/ đinh tị

Nhâm thủy thừa quyền tọa Hợi tý, gọi là nước Côn Lôn, bính hỏa khắc tuyệt, di nghiệp rất sung túc. Vận ất Mão giáp dần, thuận theo dòng nước, nạp thủy khí, nhập học thi hương, tiền của cũng tăng thêm, gia đạo mỗi ngày hưng thịnh. Giao bính vận, thủy hỏa giao chiến, hình thể khắc tử, phá tán di thường. Thìn vận chứa thủy không hung họa. Đinh tị vận liên tục bị hỏa hoạn, gia phá mạng vong.

Chương 29 - Hàn Thử

Thiên đạo có Hàn Noãn, vạn vật phát dục, đường nhân đạo, cũng không thể bỏ qua.

Nguyên chú: Chi âm là Hàn (lạnh), chi dương là Noãn (ấm); tây bắc là hàn, đông nam là noãn; kim thủy là hàn, mộc hỏa là noãn, được khí hàn, gặp noãn mà phát; được khí noãn, gặp hàn mà thành. Quá hàn, quá noãn, bên trong có một vài thành tựu, tất không có chỗ tốt, nếu ngũ dương gặp tháng Tý, thì chỗ này đợi đến Nh ất dương, vạn vật mang thai, dương đến chỗ dương, được đông được tây; ngũ âm gặp tháng Ngọ, thì đợi đến Nh ất âm, vạn vật thu tàng, âm đến chỗ âm, được nam được bắc.

Nhâm thị viết: Hàn noãn tức lạnh rét ấm áp, cơ lý sinh thành vạn vật vậy, không thể cố chấp tây bắc kim thủy làm quý tặc, đông nam mộc hỏa làm quý tặc. Nghiên cứu chỗ cơ mật này, nguyên do biến hóa mà bay lên, nhất định cũng do biến hóa mà hạ xuống, thu vào hợp lại nhất định nhờ biến hóa mà phát triển; sinh dương, nhất định có âm, dương chủ sinh vật, không có âm thì không thành hình, có sinh cũng hư; âm chủ thành vật, không có dương thì không sinh, chất không sinh, làm sao mà thành? Chỉ có âm dương trung hòa biến hóa, mới có thể phát dục vạn vật, nếu có một dương mà không có âm thì không thành, có một âm mà không có dương thì không sinh. Chẳng những âm dương phối hợp, mà hàn noãn cũng chỉ có vậy. Nhất định tứ trụ, tương sinh mà thành, há có thể nhất định tháng tý khởi dương sinh, tháng ngọ khởi âm sinh sao? Nguyên văn “không khả quá vậy”, vừa phải mà quá hĩ. Hàn tuy quá mức, cần noãn hữu khí, noãn tuy quá mức, cần hàn hữu căn, nhất định có thể sinh thành vạn vật. Nếu hàn quá mức, mà noãn vô khí thì phản lại

lấy hàn làm dụng thích hợp. Gọi là âm cực tất sinh dương, dương cực tất sinh âm, chỗ này là cơ lý của thiên địa tự nhiên vậy.

207- Giáp thân bính tý canh thìn mậu dần

Đinh sửu/ mậu dần/ kỷ mao/ canh thìn/ tân tị/ nhâm ngọ

Trụ này kim hàn thủy lạnh, mộc tàn héo thổ lạnh, nếu không có giờ dần, nhất định năm tháng mộc hỏa vô căn, không thể tác dụng hĩ, gọi là hàn tuy thái quá, cần phải hoãn hữu khí vậy. Luận do dần thông hợp thủy cực, năm đắc dần mộc, địa khí thượng thăng, mộc hỏa tuyệt xứ gặp sinh, một dương giải hàn rét. Tuy nhiên bính hỏa trên cao không động cũng không phát, tuyệt diệu tại dần ở xa gặp xung, gọi là động, động tất sinh hỏa hĩ. Phàm tứ trụ bị sát bên xung thì khắc, ở xa xung là động. Mừng vận trình đông nam, xuất thân khoa giáp, làm quan hoàng triều, gọi là “đắc khí chi hàn, ngọ hoãn mà phát”.

208- Kỷ dậu bính tý canh thìn giáp thân

Ất hợi/ giáp tuất/ quý dậu/ nhâm thân/ tân mùi/ canh ngọ

Trụ này cũng kim hàn thủy lạnh, thổ lạnh mộc tàn héo, cùng trụ trên đại đồng mà tiểu dị, trên có dần mộc nên hỏa hữu căn, trụ này không có dần mộc nên hỏa lâm tuyệt địa, gọi là hàn thái quá mà hoãn vô khí, phản lại lấy hàn làm dụng, cho nên sơ vận ất hợi, phương bắc chủ thủy địa, tin mừng vô ưu. Vận giáp tuất tàng đình hỏa, là nơi hỏa khổ của bính hỏa, hình tang hao phá. Vận quý dậu tài nghiệp ngày càng tăng; Nhâm vận khắc khứ đi bính hỏa, đến thân vận côm áo đầy đủ. Vận tân mùi, vận chuyển phương nam, bính hỏa đắc địa bén rễ, hao phá dị thường; Vận canh ngọ gặp năm dần, hợp hỏa cực, mộc hỏa cùng đến, không lộc.

209- Đinh sửu bính ngọ bính ngọ nhâm thìn

Ất tị/ giáp thìn/ quý mao/ nhâm dần/ tân sửu/ canh tý

Trụ này hỏa cháy rực, lại gặp dương nhận, hoãn thái quá (nóng quá mức) hĩ. Một chút nhâm thủy, vốn không đủ sức chế hỏa mãnh liệt, mừng nhâm thủy tọa thìn, thông căn thủy khổ. Lại đáng mừng hơn nữa, chi năm sửu thổ, sửu thuộc phương bắc thấp thổ, có thể hồi hỏa sinh kim mà chứa thủy, gọi là tuy hoãn thái quá mà hàn hữu căn vậy. Xuất thân khoa giáp, làm quan đến chức Tướng soái, hiểm vận trình không sông sê, nhiều phong ba vậy.

210 - Quý mùi đinh tị bính ngọ quý tị

Bính thìn/ ất mao/ giáp dần/ quý sửu/ nhâm tý/ tân hợi

Trụ này chi toàn thuộc nam phương, lại sinh giờ tị, hoãn thái quá (quá nóng) hĩ. Thiên can lưỡng quý, địa chi toàn vô căn khí, gọi là hoãn thái quá, hàn vô căn, phản lại không lấy hàn làm dụng thân. Cho nên sơ vận bính thìn, hưởng phúc ấm cha mẹ. Vận ất mao, giáp dần, tiết thủy sinh hỏa, gia nghiệp ngày càng tăng. Vận quý sửu, hàn khí thông căn, cha mẹ cùng mất, chí lớn sụp đổ. Vận nhâm tý, gặp biến cố chia ly, gia phá mạng vong.

Chương 30 - Táo Thấp

Địa đạo có táo thấp, sinh thành vật tiêu, nhân đạo gặp, cũng không thể thiên.

Nguyên chú: Thấp quá mức, trì trệ mà không thành; Táo quá mức, mãnh liệt mà có họa. Thủy có kim sinh, gặp hàn thổ mà càng thấp; hỏa có mộc sinh, gặp noãn thổ mà càng táo, đều là thiên khô vậy. Như thủy hỏa mà thành táo là cát, mộc hỏa Thương quan cũng cần thấp; thổ thủy mà thành thấp là cát, kim thủy Thương quan cũng cần táo. Giữa có thổ thấp mà cần táo, dụng thổ sau đó dụng hỏa; kim táo mà cần thấp, dụng kim sau đó dụng thủy.

Nhâm thị viết: Táo thấp, gọi là thủy hỏa phối hợp vậy, cho nên chủ có chủ khí, ngũ hành bên trong không quá táo; cục có cục khí, ngũ hành bên ngoài nhất định thông suốt. Thấp là âm khí, gặp táo mà thành. Táo là dương khí, ngộ thấp mà sinh.

Giả như mộc sinh hạ lệnh, tinh hoa phát tiết, ngoại có thừa mà nội hư thoát, cần dựa vào nhâm quý sinh mộc, sửu thìn thấp thổ bồi mộc, tắt hỏa không cháy mãnh liệt, mộc không khô, thổ không táo, thủy không khô cạn, mà có nghĩa sinh thành hĩ; nếu gặp mùi tuất táo thổ, phản lại trợ hỏa mà không hồi hỏa, dù cho có thủy, cũng không thể làm dụng vậy.

Kim luyện trăm lần, không thay đổi sắc, cho nên kim sinh đông lệnh, mặc dù tiết khí hưu tù, có thể lấy bính đinh làm dụng. Nếu thấy sửu thìn thấp thổ, phản lại trợ thủy mà không chế thủy, dù cho có hỏa, cũng không thể làm dụng vậy.

Chỗ này chính là cơ lý vi diệu sinh thành vậy.

211 - Bính thìn tân sửu canh thìn bính tý

Nhâm dần/ quý Mão/ giáp thìn/ ất tị/ bính ngọ/ đinh mùi

Trụ này theo tục luận, tưởng rằng kim hàn mừng gặp hỏa, can thấu hai bính, độc sát lưu thanh, thêm trung vận mộc hỏa, danh lợi song toàn. Chẳng biết địa chi thấp thổ trùng điệp, can năm bính hỏa, hợp tân hóa thủy, can giờ bính hỏa vô căn, chỉ có khí hàn thấp, không có ý sinh phát, dụng thủy phù hợp, không thể dụng hỏa hĩ. Cho nên sơ vận nhâm dần, quý Mão, chế thổ vệ thủy, cơm áo đầy đủ. Vận bính ngọ, đinh mùi, hai mươi năm, thế tử đều tổn thương, gia nghiệp phá tán. Xuất giá đi tu.

212 - Đinh mùi nhâm tý canh tuất bính tuất

Tân Hợi/ canh tuất/ kỷ Dậu/ mậu thân/ đinh mùi/ bính ngọ

Trụ này nếu như lấy thủy thế mà luận, trụ này sinh trọng đông thủy vượng, mừng địa chi táo thổ trùng điệp, đủ sức khử đi hàn khí. Chỉ do tương khắc, khiến cho tý không thể trợ nhâm. Đinh nhâm hợp lại, khiến cho nhâm không thể khắc bính. Trung vận thổ kim, ra làm việc trong công bộ, do vận chưa thích hợp nên tình cảnh trái với lương tâm. Vận đinh mùi, nam phương hỏa vượng, tự ra làm quan, cho đến vận bính ngọ, hai mươi năm, may mắn đại thành, làm quan đến chức châu mục.

213- Quý mùi đinh tị giáp ngọ canh ngọ

Bính thìn/ ất mão/ giáp dần/ quý sửu/ nhâm tý/ tân hợi

Nhật nguyên giáp ngọ, chi toàn tị ngọ mùi, táo quá mức hĩ. Thiên can kim thủy vô căn, phản lại kích hỏa cháy mãnh liệt, chỉ có thể thuận theo hỏa khí vậy. Sơ vận mộc hỏa, thuận theo khí, tiền tài tăng không ngừng. Đến quý sửu vận, hình tang đau buồn, hao phá quá nhiều. Vận nhâm tý xung kích quá nặng, phạm tội giết người, hồi lộc, gia phá mạng vong.

214- Quý sửu đình tị giáp thìn canh ngọ

Bính thìn/ ất mão/ giáp dần/ quý sửu/ nhâm tý/ tân hợi

Trụ này cùng trụ trước thay đổi thìn sửu hai chữ, sửu thuộc phương bắc, thấp thổ, hồi hỏa chứa thủy, quý thủy thông căn; thìn cũng thuộc thấp thổ, lại là nơi mộc dư khí, nhật nguyên vốn có căn gốc. Canh kim tuy không thể sinh thủy trợ dụng thần, mà quý thủy tọa sửu dư khí, có thể lấy quý làm dụng thần. Sơ vận mộc vượng, trợ thân bảo vệ dụng thần, yên bình cát lợi. Đến vận quý sửu, phương bắc thủy địa, cho đến vận nhâm tý, tân hợi ba mươi năm, kinh doanh đắc ý, sự nghiệp toại nguyện.

Chương 31 - Ân Hiện

Cát thần quá lộ, khởi gió tranh đoạt; hung vật thâm tàng, thành họa nuôi hổ.

Nguyên chú: Trong cục chỗ h i thần lúc này , thấu ra thiên can, tuế vận không thể không gặp kỵ thần, tất dẫn đến tranh đoạt, cho nên có cát thần ám dụng là đẹp. Cục chỗ kỵ thần, phúc tàng ở địa chi, tuế vận xung phù, thì thành họa là không nhỏ, cho nên kỵ thần thấu lộ, chế hóa được phù hợp là cát.

Nhâm thị viết: Cát thần thái lộ, khởi bệnh tranh đoạt, thiên can khí chuyên, dễ bị kiếp đoạt vậy, như tài không có quan bảo vệ, tài đắc mà lấy làm dụng. Nếu thiên can giáp ất là tài, tuế vận ngọ canh tân, tất khởi bệnh tranh đoạt, cần phải thiên can trước hết phải có bính đình quan tinh hồi khắc, thì vô hại. Nếu như không có bính đình quan tinh, hoặc đắc nhâm quý thực thương hợp hóa cũng tốt đẹp, cho nên cát thần nên thâm tàng trong địa chi thì tốt đẹp. Hung thần ẩn sâu, thành nuôi hổ gây họa.

Địa chi khí tạp, cho nên khó chế hóa vậy. Như giặc trong nhà khó đề phòng, dễ lâu thành họa. Nếu như dần tàng bính hỏa là kiếp thìn, tuế vận gặp thân, xung canh trong thân kim, tuy có thể khắc mộc, chung quý không thể khử đi bính hỏa, tuế vận ngọ hợi tý, nhưng vẫn sinh hợp dần mộc, phản lại là mầm mống sinh hỏa. Cho nên hung thần công khai thấu lộ ở thiên can, dễ dàng chế hóa. Cho nên phúc thần ẩn sâu (thâm tàng), chung thân phúc lành; hung thần ẩn sâu, cuối cùng hại họa.

Tóm lại, cát thần hiển lộ, thông căn đương lệnh, lộ cũng vô hại. Hung thần ẩn sâu, thất thời hưu tù, thâm tàng cũng không sao.

Quỷ Cốc Tử viết: “ Đạo âm dương, cùng Nhật Nguyệt hợp rõ, cùng thiên địa hợp đức, cùng bốn mùa hợp theo thứ tự”, lý lẽ tam mệnh, vốn thành ở chỗ này, nếu không thận trọng biện minh, ai có được yếu lĩnh chứ?

215- Kỷ mao tân mùi bính tý tân mao

Canh ngọ/ kỷ tị/ mậu thìn/ đinh mão/ bính dần/ ất sửu

Bính hỏa sinh vào tháng mùi, hỏa khí đang thịnh, nhật chủ tọa quan tinh, bị mùi thổ thương khắc quá mức, buộc lòng phải lấy tân kim làm dụng thần. Hiềm rằng, mùi là tảo thổ, không thể sinh kim, lại tàng kiếp nhận; can năm kỷ thổ, vốn có thể sinh kim, lại tọa ấn địa, gọi là “Cát thần hiển lộ, hung thần ẩn tàng” vậy. Sơ vận kỷ tị, mậu thìn thổ vượng địa, tài mừng hội tụ. Giao vận đinh mão, thổ kim đều thụ thương, liên tục ba lần bị hỏa hoạn, lại thương tổn bảy người. Bính dần vận, thế tử đều bị khắc, xuất ngoại không biết kết cục ra sao.

216- Nhâm ngọ ất tị đinh sửu bính ngọ

Bính ngọ/ đinh mùi/ mậu thân/ kỷ dậu/ canh tuất/ tân hợi

Đinh hỏa sinh vào mệnh hạ, trong trụ kiếp vượng gặp kiều, thiên can nhâm thủy vô căn, biết không thể làm dụng thần. Mừng nhất sửu tàng tân kim tài tinh, ẩn sâu kim khô, sửu là thấp thổ, có thể tiết hỏa khí, chẳng những không có bệnh tranh đoạt, phản lại có công sinh trợ. Nguyên nhân sơ vận bính ngọ, đinh mùi, cho nên xuất thân hàn vi, thi hương không liên tục; mừng trung vận ba mươi năm gặp phương tây thổ kim chi địa, hóa kiếp sinh tài, phát tài hơn mười vạn. Gọi là “Cát thần ẩn sâu, chung thân phúc lành” vậy.

Chương 32 - Chứng Quả

Cường chúng mà địch quả, thế ở bỏ quả; cường quả mà địch chúng, thế thành ở chúng.

Nguyên chú: Cường quả mà địch chúng, hỉ cường mà trợ cường là cát; cường chúng mà địch quả, ghét địch mà địch nhiều là không thông.

Nhâm thị viết: Luận về nhiều (chúng) ít (quả), là ý nói đến cường nhược vậy, cần phải phân biệt nguồn gốc nhật chủ tứ trụ mà luận vậy. Giả như lấy nhật chủ mà phân nhiều ít; nếu như nhật chủ thuộc hỏa, sinh vào tháng dần, mão, tị, ngọ, quan tinh thuộc thủy, tứ trụ không có tài, phản lại có thổ chi thực thương, cho dù có tài, tài khí vô căn, không thể sinh quan, chỗ này là nhật chủ kết đảng nhiều mà cường vượng, địch lại quan tinh ít mà yếu thế, thuận thế buộc phải khử đi tận gốc quan tinh, tuế vận nên phù cường ức nhược mà cát lợi. Nếu như lấy tứ trụ mà phân nhiều ít, tất cần phải phân tứ trụ cường nhược, tuy nhiên lại cần phải cùng nhật chủ phù hợp, không phản bội thì tuyệt diệu. Nếu thủy là quan tinh, hưu tù vô khí; thổ là thương quan, đương lệnh đắc thời, thuận thế buộc khử đi quan tinh, tuế vận cũng nên chế quan thì đẹp; nhật chủ thuộc hỏa, cũng cần phải thông căn đắc khí, tất có thể sinh thổ; hoặc có mộc mà khắc thổ, tất nhật chủ tự có thể hóa mộc, chuyên chuyển tương sinh, gọi là nhật chủ phù hợp vậy. Quan tinh thuộc thủy, tuy không đắc lệnh, lại có tài sinh trợ, hoặc tài tinh đương lệnh, hoặc thành tài cục, chỗ này quan tinh tuy ít, đắc tài tinh phù tất cường, tuế vận nên phù ít mà ức nhiều mới cát lợi. Tuy đưa ra luận về tài quan, còn lại cũng luận giống vậy.

217- Mậu thìn ất sửu mậu tuất tân dậu

Bính dần/ đinh mão/ mậu thìn/ kỷ tị/ canh ngọ/ tân mùi

Trụ này thổ trùng điệp, ất mộc vô căn, thương quan lại vượng, đủ sức địch quan tinh thế ít. Cho nên sơ vận binh dân, đình mao, quan tinh đắc địa, hình tang hao phá quá nhiều. Vận mậu thìn gặp đắc ý, ra làm quan, đến vận kỷ tị hai mươi năm, thổ sinh kim vượng, phò tá hoàng triều. Đến vận phá kim, không lộc.

218- Mậu ngọ nhâm tuất đình mao quý mao

Quý Hợi/ Giáp Tý/ Ất Sửu/ Binh dân/ Đình mao/ Mậu Thìn/ Kỷ Tị

Trụ này thương quan đương lệnh, ần tinh cũng thấy, quan sát tuy thấu nhưng vô căn, thuận thế buộc khử đi quan. Sơ vận phương bắc, quan tinh đắc thế, mọi chuyện không thành. Vận binh dân, đình mao, sinh trợ hỏa thổ, kinh doanh phát tài cự vận. Vận mậu thìn, kỷ tị, khử tuyệt quan sát, một con đăng khoa bảng, cuộc đời đẹp như tranh. Trụ này tạo thành tuất ngọ trợ hỏa, ngày giờ gặp ần, nhật chủ cực vượng, suy ra không tác dụng ần, cũng không thể luận khử quan lưu sát vậy.

219- Quý Sửu nhâm tuất binh ngọ canh dần

Tân Dậu/ Canh thân/ Kỷ Mùi/ Mậu ngọ/ Đình tị/ Binh Thìn

Binh hỏa sinh vào tháng chín, nhật chủ vốn không đắc thời, nhưng mà nhật chủ tọa dương nhận hội hỏa cục, gọi là cường quả. Can năm quý thủy tiến khí, quý thủy thông căn dư khí tại Sửu thổ, tiết khí hỏa cục, canh kim sinh trợ nhâm quý là nhiều vậy. Thuận thế trở thành nhiều. Cho nên giao vận tân Dậu, canh thân, kim sinh thủy vượng, di nghiệp hưng thịnh, cuộc đời an vui. Giao vận kỷ mùi, hỏa thổ đều vượng, cha mẹ đều mất; Đến vận mậu ngọ, hai mươi năm gia nghiệp tiêu tan, vợ con đều tổn thương, đến vận binh Thìn lưu lạc phương xa mà chết.

Chương 33 - Chấn Đoài

Chấn Đoài chủ chân cơ nhân nghĩa, không thể cùng tồn tại, mà có phối hợp cùng tồn tại.

Nguyên chú: Chấn ở bên trong, Đoài ở bên ngoài, tháng Mão ngày Hợi hoặc là Mùi, năm Sửu hoặc là Tị giờ Dậu vậy. Chủ chỗ ở Chấn, lấy Đoài là nước địch, tất dụng hỏa công; chủ chỗ ở Đoài, lấy Chấn là kẻ gian, là bị chế ngự mà thôi, bất tất phải bỏ hết, bất tất phải dấy binh vậy. Đoài ở bên trong, Chấn ở bên ngoài, tháng Dậu ngày Sửu hoặc là Tị, năm Mùi hoặc là Hợi giờ Mão vậy. Chủ chỗ ở Đoài, lấy Chấn là quân di động, dễ dàng tiêu diệt mà không thể bề đảng có Chấn vậy; chủ chỗ ở Chấn, lấy Đoài là bọn giặc bên trong, khó tiêu diệt mà không thể trợ giúp cho Đoài vậy. Lấy thủy thì làm khách, ở một chút đan xen, hoặc lấy ví dụ năm Dậu tháng Mão ngày Sửu giờ Hợi, năm Giáp tháng Canh, ngày Giáp giờ Tân, cũng luận chủ chỗ ở chỗ kỳ như thế nào, mà phép luận là công hay phòng thủ. Nhưng kim kỵ mộc, mộc không mang hỏa, mộc không hại thổ, bất tất phải khử mộc vậy. Nếu mộc kỵ kim, mà kim cư ờng là không thể chỉ ến, duy chỉ có kim tù mà mộc thịnh, cuối cùng mộc không thể bị kim hại, trái lại lấy thành kim Nghĩa; xuân mộc mà kim thịnh, tính kim đủ để chế mộc, trái lại lấy đủ mộc Nhân. Tháng là mộc, năm ngày giờ đều là kim, bất tất hỏi chỗ ở chỗ kỳ, mà cũng cần thành tính kim.

Nhâm thị viết: Chấn thuộc dương, theo tiên thiên mang số 8. Đoài thuộc âm, theo tiên thiên mang số 4. Chấn là trưởng nam, chấn theo khôn mà khởi, một dương sinh tại hào sơ của khôn; Đoài là con gái út, sơn trạch thông khí, cho nên ba âm sinh tại hào thượng càn. Trưởng nam phối thiếu nữ, thiên địa sinh thành diệu dụng. Nếu trưởng nữ phối với thiếu nam, dương tuy sinh mà âm không thể thành hĩ. Cho nên đoài là chỗ làm cho vạn vật vui mừng, lời thật quá lớn. Đúng là chấn đoài tuy không cùng tồn tại, cũng có nghĩa phối hợp vậy. Ta nghiên cứu tỉ mỉ, cơ lý chấn đoài có năm: công - thành - nhuận - tông - noãn vậy. Sơ xuân mộc non nớt, kim cứng, lấy hỏa công chi; trọng xuân mộc vượng kim suy, lấy thổ thành chi; hạ lệnh mộc tiết kim táo, lấy thủy nhuận chi; thu lệnh mộc tàn héo kim sắc bén, lấy thổ tông chi; đông lệnh mộc suy kim hàn, lấy hỏa noãn (làm ấm áp) chi. Tất không có thể cùng tồn tại, mà có nghĩa phối hợp hĩ. Nếu theo thuyết nội ngoại, không ngoài ý suy vượng tương địch vậy. Càn hóa tất hóa, càn chế tất chế, cần phải xem xét xu hướng kim mộc từ đầu đến cuối, không nên cố chấp mà phân biệt nội ngoại vậy.

220 - Bính dần canh dần giáp thân ất sửu

Tân mao/ nhâm thìn/ quý tị/ giáp ngọ/ ất mùi/ bính thân

Giáp mộc sinh vào sau lập xuân bốn ngày (mậu thổ đương lệnh), sơ xuân mộc non yếu, khí trời lạnh đông cứng, nhật chủ tọa thân kim, tháng thâu canh kim, sửu thổ kê sát sinh thân kim, mộc non yếu kim cứng, dụng hỏa công chi. Mừng đắc can năm thâu bính hỏa, tam dương (bính đứng vị trí thứ ba lại thuộc dương) mở đầu yên bình, vạn vật hồi xuân, thật kỳ diệu vậy. Sơ vận tân mao, nhâm thìn, tổn thương bính hỏa, học hành khó được. Vận quý tị, vận chuyển phương nam, bính hỏa lộc vượng, ra làm quan tiền đến Nam cung. Vận giáp ngọ, ất mùi, quan trường yên bình. Thân vận không lộc.

221 - Canh tuất kỷ mao giáp dần đinh mao

Canh thìn/ tân tị/ nhâm ngọ/ quý mùi/ giáp thân/ ất dậu

Giáp mộc sinh vào trọng xuân, tọa lộc gặp dương nhận, mộc vượng kim suy, dụng thổ thành chi, vận trình nào có thể hóa thổ sinh kim, đeo gót mà thành. Sơ vận, thu lợi nạp thiếp. Đến quý mùi vận ra làm quan. Vận giáp thân, ất dậu, mộc vô căn, kim đắc địa, từ phò tri huyện mà thăng châu mục.

222- Canh thìn nhâm ngọ giáp thìn đinh mao

Quý mùi/ giáp thân/ ất dậu/ bính tuất/ đinh Hợi/ mậu tỵ

Giáp mộc sinh vào trọng hạ, can giờ đinh hỏa lộ ra, dụng thủy nhuận chi, tuy kim cũng sinh thủy, người lại thủy cũng dưỡng kim. Tuyệt diệu chi gặp hai thìn, tiết hỏa sinh kim chứa thủy, một khí tương sinh, ngũ hành đầy đủ. Người này sớm nhập học thi hương, khoa giáp liên đăng, làm quan. Cả đời chỉ có vận bính tuất kim thủy tổn thương bất lợi, còn lại đều thuận lợi.

223- Canh tuất giáp thân giáp tuất ất sửu

Ất dậu/ bính tuất/ đinh Hợi/ mậu tỵ/ kỷ sửu/ canh dần

Giáp mộc sinh vào mệnh thu, tài sinh sát vượng, tuy thiên can thấu ba giáp ất, mà địa chi không nâng đỡ, mộc tàn héo kim sắc cứng, dụng thổ tòng chi. Thành cách tòng sát. Tuất vận xuất thân võ trượng nguyên. Vận đình hợi sinh mộc khắc kim, hình tang hao phá quá nhiều. Vận mậu tý, kỷ sửu, tài sinh sát vượng, làm quan đến chức phó Tướng.

224- Tân dậu canh tý giáp tý bính dần

Kỷ hợi/ mậu tuất/ đình dậu/ bính thân/ ất mùi/ giáp ngọ

Giáp mộc sinh vào trọng đông, mộc suy kim lạnh, dụng hỏa noãn chi, kim cũng được chế hĩ. Một dương khí giải đi giá rét. Gọi là “đắc khí chi hàn, ngọ noãn (ấm áp) mà phát”. Nguyên do hàn mộc cần được hỏa sinh. Cho nên khoa giáp liên đăng, làm quan đến chức thị lang.

Trên luận năm trường hợp lấy giáp mộc để minh chứng, ất mộc cũng luận giống vậy.

Chương 34 - Khảm Ly

Khảm Ly chủ tế khí trong trời đất, độc thành không thành, mà có gìn giữ nhau cùng tồn tại.

Nguyên chú: Thiên can thấu Nhâm Quý, địa chi thuộc Ly, chính là Ký tế, muốn thiên khí giáng xuống; thiên can thấu Bính Đinh, địa chi thuộc Khảm, chính là Vị tế, muốn địa khí thăng lên. Thiên can đều là thủy, địa chi đều là hỏa, gọi là Giao cẩu, Giao cẩu thân cường thì phú quý; thiên can đều là hỏa, địa chi đều là thủy, gọi là Giao chi ền, giao chiến mà thân nhược, sao có thể phú quý? Khảm ngoài Ly trong, gọi là Vị tế, chỗ hỉ ở Ly, muốn thủy kiệt, chỗ hỉ ở Khảm, thì không rõ ràng; Ly ngoài Khảm trong, gọi là Ký tế, chỗ hỉ ở Khảm, muốn Ly giáng xuống, chỗ hỉ ở Ly, muốn mộc hòa. Thủy hỏa cùng thấy ở thiên can, lấy hỏa là chủ, mà thủy thịnh cùng tồn tại; Khảm Ly cùng thấy ở địa chi, hỉ Khảm mà Khảm vượng là thịnh. Nói Tý, Ngọ, Mão, Dậu là chuyên khí vậy, thế chế nhau cùng gìn giữ lẫn nhau, tất cả nên bị ệnh luận; nếu thân Tứ Sinh, Tứ Khố, vì sao đều bề đảng trợ giúp Tý Ngọ Mão Dậu, lý cũng có thể suy tường.

Nhâm thị viết: Khảm thuộc dương, theo tiên thiên mang số 7 cho nên là dương vậy; Ly thuộc âm, theo tiên thiên mang số 3 cho nên là âm vậy. Khảm là trung nam, Ly là trung nữ. Ly là nhật thể, Khảm là nguyệt thể, một âm ướt một âm áp, nước lửa tương hỗ, nam nữ giao hợp, vạn vật sinh hóa. Nói đến khảm ly là nhật nguyệt, vô tiêu vô diệt, mà chủ quản thiên địa trung khí, không thể lấy một mà thành, cần phải giằng co mới tuyệt diệu. Lý giằng co gồm có năm: thăng, hàng, hòa, giải, chế vậy.

a - Thăng giả, thiên can ly (âm) bị suy, địa chi khảm (dương) vượng, tất có can mộc mới đắc khí, tất địa khí thăng lên.

b - Hàng giả, thiên can khảm (dương) suy, địa chi ly (âm) vượng, tất có can kim mới đắc khí, tất khí trợ giáng hạ.

c - Hòa giả, thiên can toàn là hỏa, địa chi toàn là thủy, phải có mộc vận để giải.

d - Giải giả, thiên can toàn thủy, địa chi toàn hỏa, phải có kim vận để giải.

e - Chế giả, thủy hỏa giao chiến tại can chi, tất cần phải tuế vận chế cường (tức tuế vận phải trợ cho bên nhược).

Chỗ này là năm giả, hiệu dụng khảm ly như vậy.

225- Bính tý kỷ hợi bính dần mậu tý

Canh tý/ tân sửu/ nhâm dần/ quý mão/ giáp thìn/ ất tị

Bính hỏa sinh vào mệnh đông, lại gặp hai tý, thiên can ly suy nhược, địa chi khảm vượng, lấy mộc làm dụng thần thăng chi vậy. Đến vận nhâm dần, phương đông mộc địa, công danh tiến phát. Mão vận ra làm quan, nhất lộ vận trình đông nam, làm quan đến chức khâm sai.

226- Nhâm ngọ nhâm dần nhâm tuất canh tuất

Quý mão/ giáp thìn/ ất tị/ bính ngọ/ đinh mùi/ mậu thân

Nhâm thủy sinh vào mệnh xuân, chi toàn hỏa cục, tuy năm tháng thấu hai nhâm thủy, cũng là vô căn. Thiên can khảm suy, địa chi ly vượng, lấy kim làm dụng thần hàng chi vậy. Tiếc vận trình đông nam, bốn ba bên ngoài bốn mươi năm, mọi chuyện không thành. Đến ngoài năm mươi tuổi, giao vận mậu thân, cưới ba vợ, sinh liền ba con, đến tuất vận mới mất.

227- Bính tý bính thân bính tý bính thân

Đinh dậu/ mậu tuất/ kỷ hợi/ canh tý/ tân sửu/ nhâm dần/ quý mão/ giáp thìn

Trụ này địa chi hai thân hai tý, thủy gặp sinh vượng, luận kim thủy vượng. Thiên can bốn bính, địa chi vô căn, ly suy khảm vượng, cần phải gặp mộc vận hòa chi vậy. Tiếc rằng ngũ hành không thuận, năm mươi năm tây bắc kim thủy vận, cho nên gian nan hiểm trở, hình thương khốn cùng. Ngoài năm mươi tuổi, vận nhâm dần, phương đông mộc địa, tài tiến nghiệp hưng. Đến quý mão, giáp thìn vận, phát tài mấy vạn.

228- Quý tị nhâm tuất nhâm ngọ nhâm dần

Tân dậu/ canh thân/ kỷ mùi/ mậu ngọ/ đinh tị/ bính thìn

Nhật nguyên nhâm ngọ, sinh vào tháng tuất, chi hội hỏa cục, chi năm tị hỏa. Thiên can toàn thủy, địa chi toàn hỏa, cần phải gặp kim vận để giải chi vậy. Sơ vận tân dậu, canh thân, đúng đặc thành ký tể, giải thể tài sát, cơm áo đầy đủ. Giao kỷ mùi vận, hình tang hao phá dị thường; mậu ngọ vận tài sát cũng vượng, xuất ngoại gặp cướp mất mạng.

229- Nhâm tý bính ngọ nhâm tý bính ngọ

Đinh mùi/ mậu thân/ kỷ dậu/ canh tuất/ tân hợi/ nhâm tý

Trụ này thủy hỏa giao chiến tại can chi, hỏa đương lệnh, thủy hưu tù, mừng không có thổ, nhật chủ không bị khắc. Sơ vận đinh mùi, năm gặp mậu ngọ, thiên khắc địa xung, tài sát đều vượng, cha mẹ cùng mất, biến thành ăn mày. Giao thân vận gặp tể ngọ. Kỷ dậu vận, phát tài mấy vạn, cưới vợ sinh con thành gia lập thất./

PHẦN II: LUẬN LỤC THÂN	112
Chương 1 - Phu Thê	112
Chương 2 - Con cái	113
Chương 3 - Phụ Mẫu	116
Chương 4 - Huynh Đệ	118
Chương 5 - Hà Tri Chương	119
Chương 6 - Nữ Mệnh Chương	131
Chương 7 - Tiểu Nhi	139
Chương 8 - Tài Đức	141
Chương 9 - Phán Ưc	143
Chương 10 - Ân Oán	144
Chương 11 - Nhân Thần	146
Chương 12. Tòng Tượng	149
Chương 13. Hóa Tượng	152
Chương 14. Giả Tòng	154
Chương 15. Giả Hóa	156
Chương 16. Thuận Cục	158
Chương 17. Phản Cục	160
Chương 18. Chiến Cục	165
Chương 19. Hợp Cục	167
Chương 20 : Quân Tượng	169
Chương 21. Thần Tượng	170
Chương 22. Mẫu Tượng	171
Chương 23. Tử Tượng	172
Chương 24. Tính Tình	173
Chương 25. Bệnh Tật	184
Chương 26. Xuất Thân	188
Chương 27 - Địa Vị	192
Chương 28 - Tuế Vận	196
Chương 29 - Trình Nguyên	200

PHẦN II: LUẬN LỤC THÂN

Chương 1 - Phu Thê

Nhân duyên vợ chồng hợp ở đời,

Hỉ thần có ý gần Thiên tài.

Nguyên chú: Vợ và con là một vậy, trong cục có hi thần, cả đời phú quý quyết định ở con cái đủ, là quyết định do ở vợ. Đại khái dựa vào ở Tài xem vợ, như hi thần là Tài thần, thì vợ đẹp mà còn phú quý; hi thần và Tài thần không đố kỵ nhau cũng tốt, nếu không thì khắc vợ, hoặc cũng là không tốt, hoặc là bất hòa. Nhưng xem Tài thần, lại cần phải Hoạt pháp (phép xem phải linh hoạt), như Tài thần mỏng, cần phải dụng trợ Tài; Tài vượng thân nhược, lại hi Tỉ Kiếp; Tài thần hại Ân, phải cần Quan tinh; Tài ít Quan nhiều, phải cần Thương quan. Không được Tài vận, cần xung thì xung, cần tiết thì tiết; Tài khí lưu thông, cần hợp thì hợp, cần khô thì khô. Hoặc Tài thần tiết khí quá nhiều, Tỉ Kiếp thấu lộ, cùng thân vượng không có Tài, nhất định vợ chồng là không toàn mỹ vậy. Về phần Tài vượng thân cường, tất phú quý mà nhiều thê thiếp, lúc nhìn phải biết xem xét khinh trọng như thế nào.

Nhâm thị viết: Phép Tử Bình, lấy Tài làm vợ, Tài là cái ta khắc. Người lấy Tài đến là ta, lý này xuất phát từ chính luận, lại lấy Tài là cha, là hậu nhân sai lầm vậy. Nếu nói căn cứ là chính xác, thì ông bà cùng gia tộc, sao không mất luân thường đạo lý chứ? Tuy nói phân ra Thiên và Chính, rốt cuộc là miễn cưỡng. Tài có thiên và chính, chỉ là phân biệt âm dương, cũng không hoán đổi khí khác, mà lý lẽ ở trên đời là không phạm thượng, cần phân biệt mà loại trừ. Nếu như Tài là cha, Quan là con, thì đạo lý luân thường vứt đi vậy, chẳng lẽ hết thấy ông bà cùng sinh cháu, là có lý sao? Là phép lấy lục thân, nay đem sửa đổi lại. Sinh ta là cha mẹ, là thiên chính Ân vậy; Ta sinh là con cái, là Thực Thân Thương Quan vậy; Ta khắc là thê thiếp, là Thiên chính Tài tinh vậy. khắc ta là Quan Quý, là Tổ phụ vậy; đồng ta là anh em, là Tỉ kiên Kiếp Tài vậy; Chỗ này là danh thuận chính lý, là phép bất dịch vậy. Nói lấy Tài làm vợ, Tài thích hợp thì vợ tài năng; Tài thần trợ, thì vợ là Sư tử Hà Đông. Thanh, Tài tinh là hi thần, là không tranh không đố vậy. Trợ, là tự hợp sinh Sát phá hư, là tranh giành vô tình vậy. Sách xưa bất kể nhật chủ suy vượng, cứ lấy Dương Nhận Tỉ Kiếp là khắc vợ, cuối cùng lý lẽ là không chân thực, cần phải phân biệt nhật chủ suy vượng hi kỵ, tứ trụ phối hợp mà xem linh hoạt mới đúng.

Như Tài thần khinh mà không có Quan, Tỉ Kiếp nhiều, chủ khắc vợ.

Tài thần trọng mà thân nhược, không có Tỉ Kiếp, chủ khắc vợ.

Quan Sát vượng mà dụng Ân, gặp Tài tinh, chủ vợ xấu mà khắc vợ.

Quan Sát khinh mà thân vượng, thấy Tài tinh, gặp Tỉ Kiếp, chủ vợ đẹp mà khắc vợ.

Kiếp Nhận trọng, Tài tinh khinh, có Thực Thương, gặp Kiêu Ân, chủ vợ bị nguy hiểm.

Tài tinh ít, Quan Sát vượng, không có Thực Thương, có Ân thụ, chủ vợ có bệnh suy.

Kiếp Nhận vượng, mà Tài khinh, có Thực Thương, vợ hiền mà không khắc.

Quan tinh nhược gặp Tài tinh, vợ xấu mà không khắc.

Thân cường Sát nhẹ, Tài tinh sinh Sát, Quan khinh Thương quan trọng, Tài tinh hóa Thương quan, Ấn thụ trùng điệp, Tài tinh đặc khí, chủ vợ hiền mà đẹp, hoặc được thê tài dẫn đến giàu có.

Sát trọng thân khinh, Tài tinh bè đảng với Sát, Quan nhiều dụng Ấn, Tài tinh phá Ấn, Thương quan bội Ấn, Tài tinh đặc cục, chủ vợ không hiền mà xấu, hoặc vì vợ mà mang họa vào thân.

Nhật chủ tọa Tài, Tài là hi dụng thân, tất được vợ cùng tài sản.

Nhật chủ hi Tài, Tài hợp Nhân thân mà hóa Tài, nhất định phải theo vợ.

Nhật chủ hi Tài, tài hợp Nhân thân mà hóa thành kỵ thân, chủ vợ ngoại tình.

Tùy theo nhật chủ hi kỵ mà luận. Nếu Tài tinh phù phiếm, cần Tài nên ẩn sâu, cần xung động mà dẫn trợ. Cần phải nghiên cứu kỹ càng.

230 - Quý Mão - Ất Sửu - Canh Thân - Đinh Sửu

Giáp Tý/ Quý Hợi/ Nhâm Tuất/ Tân Dậu/ Canh Thân/ Kỷ Mùi

Tạo này kim hàn tọa lộc, Ấn thụ nắm quyền, đủ để dụng hỏa địch hàn. Chỗ kỵ, can năm Quý thủy khắc Đinh là bệnh, hoàn toàn dựa vào can tháng Ất mộc thông căn, tiết thủy sinh hỏa, chỗ này hi thân là Tài tinh vậy. Càng hi Tài tinh gặp hợp, gọi là Tài đến theo ta, vợ hiền thực mà siêng năng, sinh 3 con, đều là dòng dõi nho học.

231 - Đinh Mùi - Ất Tị - Đinh Dậu - Quý Mão

Giáp Thìn/ Quý Mão/ Nhâm Dần/ Tân Sửu/ Canh Tý/ Kỷ Hợi

Đinh hỏa sinh vào đầu mùa hạ, trong trụ có Kiêu Kiếp nắm quyền, một điểm Quý thủy, không đủ ức chế, hi nhất là nhật chủ tọa dưới Dậu kim, xung khứ Mão mộc, sinh khởi Quý thủy. Xuất thân bản hàn, vận Quý nhập học, lại được tài sản cự vạn; vận Nhâm đăng khoa, vận Tân Sửu đặc tuyển tri huyện, làm quan Quận trưởng. Tạo này nếu không có Dậu kim, chẳng những không có tài, mà danh cũng không có vậy.

232 - Ất Hợi - Canh Thìn - Bính Thân - Nhâm Thìn

Kỷ Mão/ Mậu Dần/ Đinh Sửu/ Bính Tý/ Ất Hợi/ Giáp Tuất

Bính hỏa sinh vào cuối mùa xuân, Ấn thụ thông căn sinh vượng, nhật chủ tọa Tài, can giờ lại thấu Nhâm thủy, tất lấy Ất mộc làm dụng thân. Cũng ngại, Ất Canh hợp hóa kim, sinh Sát phá Ấn, nên vợ không hiền, đồ kỵ hung dữ dị thường, tất đường không con. Tài làm hại. Đáng sợ quá!

Chương 2 - Con cái

Truyền một đời gốc cành Tử tức,

Xem hi thân và Sát liền nhau.

Nguyên chú: Nói chung dựa vào Quan mà xem con cái. Như hỉ thần là Quan tinh, con cái hiền tài, hỉ thần và Quan tinh không đố kỵ nhau cũng tốt, nếu không là không có con, hoặc là không ra gì, hoặc là có khắc. Nhưng xem Quan tinh, lại phải Hoạt pháp, như Quan khinh phải cần công ở dân; Sát trọng Thân khinh, chỉ cần Ân Tỉ; không có Quan tinh, chỉ luận Tài; nếu Quan tinh trở ngại, phải cùng phù xung phát; Quan tinh tiết khí quá trọng, cần hội hợp trợ xa; nếu Sát có thân khinh mà không có chế, là nữ nhiều.

Nhâm thị viết: Thuyết lấy Quan tinh là con, cuối cùng sợ có phạm thượng. Nói Quan là quản lý vậy. Triều đình thiết lập quan, quan quản lý vạn dân, tất không dám làm bậy, tuân thủ quy củ. Gia đình tất thủ lĩnh là quản lý, động tác ra vào, đều tuân theo tổ phụ dạy bảo vậy. Không cúi phục quan quản lý, thì là nghịch tử; vậy nói đến mệnh lý, sao có thể lấy dân làm con mà còn phạm thượng sao? Chẳng lẽ luận mệnh lại có thể mà vua không có cha ư? Ngạn ngữ nói: “Cha phải chuyên quyền ở con”, nếu lấy Quan làm con, cha lại lấy con cai quản, cho thấy cha không được chuyên quyền vậy, cho nên lấy khắc cha khắc mẹ là đúng, thì có lý sao? Nay sửa đổi lấy Thực Thương làm con. Lời xưa: “Thực thần có thọ vợ nhiều con, giờ gặp Thất Sát vốn không con trai”, “Thực thần có chế định nhiều con trai”, hai thuyết này, có thể nói xác thực làm bằng chứng vậy. Nhưng chỗ này cũng chỉ là Tử pháp, nếu trong cục không có Thực Thương không có Quan Sát, thì luận làm sao? Cho nên mệnh lý không thể chấp nhất, nói chung biến thông là đúng, trước đem Thực Thương mà nhận định, sau đó sẽ xem nhật chủ vượng suy, tứ trụ hỉ kỵ là dụng. Cho nên “Xem hỉ thần và Sát liền nhau”, là luận rất biến thông vậy.

Như nhật chủ vượng, không có Ân thụ, có Thực Thương, tất nhiều con trai.

Nhật chủ vượng, gặp Ân thụ, Thực Thương khinh, tất ít con.

Nhật chủ vượng, Ân thụ trọng, Thực Thương khinh, có Tài tinh, dự phòng con nhiều mà hiền.

Nhật chủ vượng, Ân nhiều tất không con; nhật chủ nhược, Thực Thương trọng, không Ân thụ, cũng không có con.

Nhật chủ nhược, Thực Thương khinh, không có Tỉ Kiếp, tất không có con.

Nhật chủ nhược, Sát trọng, Thực Thương khinh, Tài tàng mà suy nhược, tất nhiều con gái.

Nhật chủ nhược, Thất Sát trọng, Thực Thương khinh, có Tỉ Kiếp, con gái nhiều con trai ít.

Nhật chủ nhược, Quan Sát trọng, không có Ân Tỉ, tất không có con trai.

Nhật chủ vượng, Thực Thương khinh, gặp Ân thụ, gặp Tài tinh, con ít cháu nhiều.

Nhật chủ vượng, Ân thụ trọng, Quan Sát khinh, có Ân thụ, gặp Tài, có con tất nghịch.

Lại có nhật chủ vượng, không có Ân thụ, Thực Thương ảm, có Quan Sát, tất nhiều con.

Lại có nhật chủ vượng, nhiều Tỉ Kiếp, không có Ân thụ, Thực Thương ần, tất nhiều con, ý là mẫu đa tử ác vậy.

Cho nên mộc đa hỏa tất, kim khắc mộc thì sinh hỏa; hỏa đa thổ tiêu, thủy khắc hỏa thì sinh thổ; thổ trọng mai kim, mộc khắc thổ thì sinh kim; kim đa thủy thấm, hỏa khắc kim vừa thủy khắc hỏa thì sinh thủy; thủy đa mộc trôi, thổ khắc thủy thì sinh mộc. Lấy Quan Sát làm con, cũng là nói chỗ này, cho dù rõ ràng cũng lấy Quan Sát là con.

Nói chung, thân vượng lấy Tài là con, thân suy lấy Ân là con, chỗ này ta đã thử nghiệm, cho nên can đảm sửa đổi, cẩn thận suy, không có không ứng vậy.

233 - Tân Sửu - Tân Sửu - Mậu Tuất - Quý Sửu

Canh Tý/ Kỷ Hợi/ Mậu Tuất/ Đinh Dậu/ Bính Thân/ Ất Mùi

Tạo này nhật chủ vượng, Tỉ Kiếp nhiều, thông căn năm tháng cùng thâu Thương quan, Sửu thuộc thấp thổ, có thể sinh kim tích thủy, Tuất là hỏa khô, nhật chủ tọa hỏa khô, không đến nỗi bị băng hàn vậy. Là lấy nông nghiệp làm giàu, càng hỉ vận chạy phương Tây không nghịch, tôi tuy đoán nhiều con, thật ra không dám định số lượng, hỏi ý kiến, sinh con từ lúc 16 tuổi, mỗi lần sinh con, liên tục sinh 16 đứa con, cũng không có tổn thương. Chỗ này vì mệnh thật đẹp, Ân tinh không hiện, Tân kim sáng rõ không tạp mộc hỏa là đẹp vậy.

234 - Quý Hợi - Giáp Tý - Đinh Dậu - Quý Mão

Quý Hợi/ Nhâm Tuất/ Tân Dậu/ Canh Thân/ Kỷ Mùi/ Mậu Ngọ

Tạo này Quan Sát năm lệnh, ngại là thâu can Giáp mộc, không thể Tòng Sát, buộc phải xem Sát vượng dụng Ân, thì kỵ Mão Dậu gặp xung, khứ đi Giáp mộc vượng địa. Vợ sinh ra 8 con gái, vợ nhỏ cũng sinh gái, hoàn toàn không có con trai. Chỗ nói thân suy lấy Ân hòa, là do chỗ này Tài tinh phá Ân vậy.

235 - Ất Mùi - Tân Tị - Mậu Tuất - Đinh Tị

Canh Thìn/ Kỷ Mão/ Mậu Dần/ Đinh Sửu/ Bính Tý/ Ất Hợi

Mậu thổ sinh vào tháng Tị, trong trụ hỏa thổ vốn vượng, Tân kim lộ mà vô căn. Lại thêm sinh giờ Tị, Đinh hỏa độc thâu khắc Tân kim, trong cục không có thấp khí, càng lo can năm có Ất mộc, trợ hỏa cháy mãnh liệt, cho nên khắc hai vợ, sinh 12 con, hình chết 10 đứa. Hiện còn 2 con.

236 - Mậu Tý - Quý Hợi - Nhâm Tuất - Giáp Thìn

Giáp Tý/ Ất Sửu/ Bính Dần/ Đinh Mão/ Mậu Thìn/ Kỷ Tị

Nhâm thủy sinh vào đầu mùa đông, hỉ là không có kim, độc thâu Thực thần, cho nên chữ nghĩa ít thành. Giáp Dần nhập học, có nuôi dưỡng 10 đứa con. Không có vợ, kỳ diệu là không có Tài tinh; thi Hương bất lợi, không có chỗ Dần Mão vậy. Tạo này nếu như hoán đổi Tuất thổ thành mộc, thì thanh vân đắc lộ vậy.

237 - Canh Dần - Bính Tuất - Tân Hợi - Tân Mão

Đinh Hợi/ Mậu Tý/ Kỷ Sửu/ Canh Dần/ Tân Mão/ Nhâm Thìn

Tân kim sinh vào tháng Tuất, Ấn tinh năm lệnh; lại có Dần cùng Tuất sinh Bính hỏa, Tỉ Kiếp không thể sinh Hợi thủy, lại còn có Hợi Mão cùng mộc, tứ trụ đều thành Tài Quan, 2 vợ 4 thiếp sinh 3 con trai đều khắc, sinh 12 con gái lại khắc hết 9. Vẫn hi thu kim có khí, gia nghiệp hưng thịnh.

238 - Đinh Dậu - Đinh Mùi - Mậu Tuất - Đinh Tị

Bính Ngọ/ Ất Tị/ Giáp Thìn/ Quý Mão/ Nhâm Dần/ Tân Sửu

Thổ sinh cuối mùa hạ, Ấn thụ trùng điệp, tứ trụ hoàn toàn không có khí thủy, tảo thổ không thể tiết hỏa sinh kim, khắc 3 vợ 5 con. Đến Sửu vận thấp thổ, hồi hỏa sinh kim, lại hội kim cục, mới nuôi được 1 con trai.

Bởi vậy xem tạo số, Thực thần Thương quan là con cũng rõ ràng. Phàm tử tức (con cái) có hay không, trong mệnh có lý nhất định, trong mệnh con chỉ có 5 số, thủy 1 - hỏa 2 - mộc 3 - kim 4 - thổ 5 vậy; năm lệnh thì gấp đôi, hưu tù thì giảm nửa, ngoại trừ gia giảm mà thừa ra, cho nên năm vững chỗ này vậy.

239 - Tân Mão - Tân Mão - Giáp Thìn - Đinh Mão

Canh Dần/ Kỷ Sửu/ Mậu Tý/ Đinh Hợi/ Bính Tuất/ Ất Dậu

Tạo này xuân mộc hùng tráng, kim thâu vô căn, hi Đinh hỏa thâu lộ thương khắc Tân kim, cho nên đến vận Kỷ Sửu, Mậu Tý, chẳng những có con không nuôi dưỡng, mà còn Tài đa phá hư. Vận Đinh Hợi, cùng mộc mà thiên can thâu Đinh hỏa, người và của cùng có ích; vận Bính Tuất càng đẹp, sinh 5 trai, gia nghiệp tăng mới. Bởi vậy xem mệnh, phàm dụng thần bát tự là Tử tức tinh, như dụng thần thuộc hỏa, thì con tất ở vận mộc hỏa, hoặc được lưu niên mộc hỏa; như không đúng được niên vận mộc hỏa, nhất định tử tức khép ở trong nhiều mộc hỏa, hoặc là nhật chủ mộc hỏa, nếu không thì khó mang, thử nghiệm nhiều lần đều đúng. Nhưng dụng thần ở bên trong mệnh, vật không có Thê Tài Tử Lộc, mà cùng thông thọ yếu, đều tại một chữ dụng thần mà định, có thể không chú ý chăng?

Chương 3 - Phụ Mẫu

Cha mẹ hoặc rơi cùng hoặc suy,

Chỗ đóng năm tháng quyết không nhỏ.

Nguyên chú: Phép Tử Bình, lấy Tài là cha, lấy Ấn là mẹ, lấy đoán cát hung, 10 có 9 nghiệm, nhưng xem năm tháng vẫn là trọng yếu. Khi năm có ích ở nguyệt lệnh, cùng năm tháng không bị tổn thương là nói hi thần, cha mẹ tất hưng thịnh. Tài khí năm tháng chém mất ở can giờ, trước là khắc cha; Ấn khí năm tháng chém mất ở chi giờ, trước là khắc mẹ. Lại phải nhìn linh hoạt tinh thể ở trong cục, không thể chuyên luận Tài Ấn, trong đó có cơ ẩn lộ hưng vong, mà bắt tất phải ở Tài Ấn. Cùng thần sinh Tài sinh Ấn, mà mở ra chỗ được tồn hay ích, cùng luận âm dương nhiều ít, không có không nghiệm.

Nhâm thị viết: Cha mẹ, là gốc rễ sinh ra thân ta, là lấy đong chỗ năm tháng, cùng biết suy tàn là không giống nhau, hầu như là phép chính lý bất dịch vậy. Nguyên chú lại lấy Tài Âm phân ra cha mẹ, lại luận nói khắc cha mẹ, là không nắm chắc, vẫn dựa vào khe sách sai lầm vậy, nói đến cha mẹ lại có thêm chữ khắc hay sao? Nay sửa đổi tang thân, hình thể, khắc tử là rất chí lý.

Như năm tháng Quan Âm tương sinh, ngày giờ Tài Thương không phạm, thì được bề trên che chở, dưới nhận mà lấy vinh.

Năm tháng Quan Âm tương sinh, ngày giờ hình thương xung phá, thì phá sạch tổ nghiệp, phá bại gia phong.

Năm Quan tháng Âm, tháng Quan năm Âm, tổ thượng thanh cao; Nhật chủ hi Quan, ngày giờ gặp Thương, nhật chủ hi Âm, ngày giờ gặp Tài, tất bại tổ nhục tông.

Năm Tài tháng Âm, nhật chủ hi Âm, ngày giờ gặp Quan Âm, biết là giúp cha chấn hưng gia đình.

Năm Quan tháng Âm, nhật chủ hi Âm, ngày giờ gặp Quan, mà biết định tự bản thân cha mẹ thành lập gia môn.

Năm Quan tháng Kiếp, năm Kiếp tháng Kiếp, năm Âm tháng Kiếp, nhật chủ hi Tài, ngày giờ gặp Tài hoặc Thương, xuất thân nghèo khổ, mệnh tự thân lập nghiệp.

Năm Kiếp tháng Tài, nhật chủ hi Tài, sản nghiệp hùng hậu, nhật chủ hi Kiếp, là thanh cao bản hàn.

Năm Quan tháng Thương, nhật chủ hi Quan, ngày giờ thích Quan tất là gần với bếp lò, ngày giờ gặp Kiếp, tất phá bại.

Tóm lại, Tài Quan Âm thụ, quyết định ở năm tháng, là hi thân của nhật chủ, cha mẹ không phú cũng quý; là kỵ thân của nhật chủ, không bản cũng tiện, nên xem xét kỹ càng.

240 - Quý Mão - Ất Sửu - Bính Tý - Kỷ Sửu

Giáp Tý/Quý Hợi/Nhâm Tuất/Tân Dậu/Canh Thân/Kỷ Mùi.

Tạo này thấu ra Quan Âm mà còn đắc lộc, Tài tinh tàng mà quý khổ, cách cục chưa từng không thấy không tốt, chỗ ngại là, giờ Sửu Thương quan bất chấp tung hoành, Quan tinh thoái khí, nhật chủ suy nhược, hoàn toàn dựa vào Ất mộc sinh hỏa mà hộ Quan. Năm tháng Quan Âm tương sinh, cũng xuất thân nhà quan, đến vận Hợi đi học; vận Nhâm Tuất thủy thông căn, phá hao dị thường, lại thêm quyền góp làm quan, hết sức rõ ràng; đến Dậu vận, Tài tinh phá Ất, cuối cùng chịu quốc hình.

241 - Ất Mão - Đinh Hợi - Mậu Ngọ - Bính Thìn

Bính Tuất/Ất Dậu/ Giáp Thân/Quý Mùi/Nhâm Ngọ/Tân tị

Mậu thổ sinh vào đầu mùa đông, Tài tinh lâm vượng, Quan Âm song thanh tọa lộc, nhật nguyên lâm vượng phùng sinh, có thể thấy tứ trụ là thuần túy, một đường sinh hóa hữu tình, hi dụng đều có tinh thần, cho nên hành vận không phá cục, xuất thân nhà làm quan, liền bước lên khoa giáp, chữ nghĩa đều nhân từ, là mệnh tạo phú quý phúc thọ vậy.

242 - Đinh Tị - Tân Hợi - Mậu Tý - Mậu Ngọ

Canh Tuất/Kỷ Dậu/Mậu Thân/Đinh Mùi/Bính Ngọ/Ất Tị

Tạo này trong trụ có 3 hỏa 2 thổ, hầu như là vượng tướng, không biết Hợi Tý nắm quyền, xung phá Ấn thụ, thiên can hỏa thổ hư thoát, tổ thượng đại phú, đến thế hệ cha thì phá bại; kiêm thêm đầu vận đất tây kim, sinh trợ vượng thủy, nửa đời lao đao. Cùng giao vận Đinh Mùi, vận chuyển nam phương, liên tiếp Bính Ngọ là 20 năm, ý nguyện kinh doanh đều đạt thành tựu to lớn, phát tài hơn 10 vạn.

243 - Ất Hợi - Tân Tị - Bính Thìn - Quý Tị

Canh Thìn/Kỷ Mão/Mậu Dần/Đinh Sửu/Bính Tý/Ất Hợi

Tạo này chỉ gặp 2 lộc thừa quyền, can năm thâu Ấn thông căn, phạm suy mệnh, dùng lấy vượng luận, lấy Tài tinh đoán kỳ danh lợi song thu, nhưng Bính hỏa sinh ở đầu mùa hạ, phương tiền hỏa khí, can năm Ấn thụ, bị chỗ can tháng Tài tinh phá hư, Tị Hợi phùng xung, phá lộc khử hỏa, thì kim lại được sinh phù, mộc hỏa thất thế. Lại tọa dưới Thìn thổ, cướp đi mệnh chủ vô thần, giờ Quý cái đầu, Tị hỏa cũng bị thương, tất lấy nhược mà suy, dụng lấy Tị hỏa, đầu vận đông phương mộc thổ, xuất thân vốn tổ nghiệp phong phú; Bính Tý hỏa không thông căn, Quan đắc địa, lại tăng thêm phá hao; vận Sửu sinh kim tiết hỏa, hình khắc dị thường, gia nghiệp 10 mất 8,9, vợ chồng đều chết.

Chương 4 - Huỳnh Đệ

Huỳnh đệ ai phê cùng ai hưng,

Đề dụng Tài thần xem trọng khinh.

Nguyên chú: Bại Tài Tị kiên Dương Nhận, đều là anh em vậy. Thần phải ở đề cương, cùng so sánh Tài thần Hi thần khinh hay trọng, Tài Quan nhược, cả ba cùng hiện lộ vết tích cướp đoạt, anh em tất cường; Tài Quan vượng, cả ba xuất ra có công trợ giúp nhật chủ, anh em tất đẹp; thân và Tài Quan quân bình, mà cả ba ẩn đều không lộ, anh em tất quý; Tị kiên trọng mà hại dân Tài Sát cũng vượng, anh em tất phú. Thân nhược mà bang trợ không lộ, có Ấn mà anh em tất nhiều; thân vượng mà cả ba lại lộ, không có Quan mà anh em tất suy.

Nhâm thị viết: Tị kiên là anh, Bại tài (Kiếp) là em, Lộc Nhận cũng luận giống như vậy.

Như Sát vượng không có Thực, Sát trọng không có Ấn, được Bại tài (Kiếp) hợp Sát, tất được em trợ lực.

Sát vượng Thực khinh, Ấn nhược gặp Tài, được Tị kiên địch Sát, tất được anh trợ lực.

Tài khinh Kiếp trọng, Ấn thụ chế Thương quan, không tránh giống như Tư Mã.

Tài Quan thất thế, Kiếp Nhận làm cản, lo buồn giống như Chu Công.

Tài sinh đảng Sát, Tỉ Kiếp trợ thân, có thể ngũ chung với anh cả; Sát trọng không có Ân, nhật chủ suy Thương lại ân, anh em không thể không than thở.

Sát vượng Ân ân, Tỉ kiên vô khí, em tuy kính mà khiến vẫn suy.

Quan vượng Ân khinh, Tài tinh đặc khí, anh dù có yêu mà em cũng không thành.

Nhật chủ suy suy, Ân vượng ở đề cương tháng, anh em hợp thành bầy.

Thân vượng gặp Kiêu, Kiếp trọng không có Quan, một thân chủ trì.

Tài khinh Kiếp trọng, Thực Thương hóa Kiếp, có thể yên ổn.

Tài khinh gặp Kiếp, Quan được lộ rõ, không xảy ra chuyện nổi da nẫu thịt.

Kiêu Kiếp trọng phùng, Tài khinh Sát ân, không tránh khỏi đau buồn hao tổn.

Nhật chủ suy có Ân, Tài tinh gặp Kiếp, trái lại anh em có thể hưng vinh.

Bất luận đề cương hỷ kỵ, hoàn toàn mượn nhật chủ là yêu hay ghét, cần xem xét cho thật kỹ.

244 - Đinh Hợi - Nhâm Dần - Bính Tý - Đinh Dậu

Tân Sửu/ Canh Tý/ Kỷ Hợi/ Mậu Tuất/ Đinh Dậu/ Bính Thân

Bính hỏa sinh vào đầu xuân, là nói giúp hỏa mang lửa, không luận vượng. Can tháng Nhâm thủy thông căn, Hợi Tý là Sát vượng không bị chế, mừng Đinh hỏa thấu lộ, Dần Hợi hợp mà hóa Ân, lấy tạp thành ơn. Chi giờ Dậu Tài tinh, sinh Quan khắc Ân, lại được Đinh hỏa tọa Dậu, khiến cho kim không thể khắc mộc, cho nên anh em là 7 người, đều liên học hành, hơn nữa anh yêu em kính.

245 - Quý Tị - Mậu Ngọ - Bính Ngọ - Canh Dần

Đinh Tị/ Bính Thìn/ Ất Mão/ Giáp Dần/ Quý Sửu/ Nhâm Tý

Tạo này Dương Nhận năm quyền, lại phùng sinh vượng, càng thêm lo, Mậu hợp Quý hóa hỏa, Tài lại bị nhiều chỗ Kiếp đoạt, anh em 6 người, đều không thành tài, vất vả kinh khủng. Tôi tạo năm tháng ngày đều giống nhau, đổi một giờ Nhâm Thìn, Sát nhược không thể tương chế, cũng có 6 em trai, được lực nhưng chết sớm, còn lại đều chẳng ra gì, dẫn đến liên lụy phá nhà. Tóm lại Kiếp Nhận thái vượng, Tài Quan vô khí, anh em lại ít, dẫu có, không bằng không có. Nhưng Quan Sát thái vượng, anh em cũng thương tàn, bí mật cần phải Thân và Tài cùng vượng, Quan Ân thông căn, có thể anh em trung hậu nghĩa tình.

Chương 5 - Hà Tri Chương

Sao biết người giàu? Tài khí thông môn hộ.

Nguyên chú : Tài vượng thân cường, Quan tinh hộ Tài, kỵ Ân mà Tài có thể phá Ân, hỷ Ân mà Tài có thể sinh Quan, Thương quan trọng mặt Tài thần lưu thông, Tài thần trọng mà Thương quan có hạn, không có Tài mà ám thành Tài cục, Tài lộ mà Thương quan cũng lộ, chỗ này đều là Tài khí thông môn hộ, cho nên giàu vậy. Nói phép luận Tài

và luận thê, có thể tương thông vậy, nhưng có vợ hiền mà tài suy, cũng có tài phú mà có hai vợ, xem hình xung hội hợp. Nếu Tài thần thanh mà thân vượng thì vợ đẹp, Tài thần trọc mà thân vượng là nhà giàu.

Nhâm thị viết: Thân vượng Tài nhược mà không có Quan, tất cần có Thực Thương; thân vượng Tài vượng không có Thực Thương, tất cần có Quan có Sát. Thân vượng Ấn vượng Thực Thương khinh, Tài tinh đặc cực; thân vượng Quan suy Ấn thụ trọng, Tài được nắm lệnh; thân vượng Kiếp vượng, không có Tài Ấn mà có Thực Thương; thân nhược Tài trọng, không có Quan Ấn mà có Tỉ Kiếp đều là Tài khí thông môn hộ vậy. Tài tức là Thê, có thể luận thông vậy. Nếu Tài thanh thì vợ đẹp, Tài trọc thì giàu, lý dù là đúng, nhưng chưa luận sâu vậy.

Như thân vượng có Ấn, Quan tinh tiết khí, tứ trụ không thấy Thực Thương được Tài tinh sinh Quan, không có Thực Thương thì Tài tinh cũng kém, chủ vợ đẹp mà Tài kém vậy; Thân vượng không có Ấn, Quan nhược gặp Thương, được Tài tinh hóa Thương quan sinh Quan, thì cũng thông căn, Quan cũng được trợ giúp, chẳng những được vợ đẹp, mà còn đại phú; Thân vượng Quan nhược, thấy Thực Thương nhiều, Tài tinh không cùng Quan thông nhau, tuy nhà giàu mà có vợ xấu vậy; Thân vượng không có Quan, Thực Thương có khí, Tài tinh không cùng nối liền với Kiếp, không có Ấn mà thê (vợ) tài (tiền của) đều tốt, có Ấn thì Tài vượng mà vợ bị tổn thương.

Bốn chỗ này đều cần phải suy xét cho kỹ.

246 - Giáp Thân - Bính Tý - Nhâm Dần - Tân Hợi

Đinh Sửu/ Mậu Dần/ Kỷ Mão/ Canh Thìn/ Tân Tị/ Nhâm Ngọ

Nhâm thủy sinh vào giữa mùa đông, Dương Nhận năm quyền, năm tháng mộc hỏa vô căn, chỉ ngày Thực thần bị xung phá, tựa như bình thường. Nhưng hỉ có ngày Dần giờ Hợi, chính là đất mộc hỏa sinh; Dần Hợi hợp, thì khí mộc hỏa càng nối nhau, Thân Tý hội, thì Thực thần được sinh phù, chỗ gọi là Tài khí thông môn hộ vậy. Giàu có hơn trăm vạn. Phàm mệnh cự phú, Tài tinh không nhiều, chỉ cần sinh hóa có tình, tức là Tài khí thông môn hộ, nếu Tài lâm vượng địa, không nên thấy Quan, nhất chủ thất lệnh, tất phải cần Tỉ Kiếp trợ thân, là đẹp vậy.

247 - Nhâm Thân - Bính Ngọ - Quý Hợi - Mậu Ngọ

Đinh Mùi/ Mậu Thân/ Kỷ Dậu/ Canh Tuất/ Tân Hợi/ Nhâm Tý

Quý thủy sinh vào giữa mùa hạ, lại gặp giờ Ngọ, Tài Quan thái vượng. Hỉ là nhật nguyên đặc địa, càng hay can năm có Kiếp tọa trường sinh, Tài tinh có khí, nhất là ngũ hành không có mộc, Tài bị thổ tiết mà hỏa lại không có mộc trợ giúp, có thể dụng Nhâm thủy. Đến vận tây bắc, kim thủy đặc địa, sản nghiệp không dồi dào, tự lập nghiệp có 40, 50 vạn, có một vợ 4 thiếp 8 con.

Sao biết người quý? Quan tinh hữu lý hội.

Nguyên chú: Quan vượng thân vượng, Ấn thụ hộ Quan, kỵ Kiếp mà Quan có thể khử Kiếp, hỉ Ấn mà Quan có thể sinh Ấn, Tài thần vượng mà Quan tinh thông đạt, Quan

tinh vượng mà Tài thần có khí, không có Quan mà ám thành Quan cục, Quan tinh tàng mà Tài thần cũng ẩn, chỗ này đều là Quan tinh hữu lý hội, cho nên là quý vậy. Phép nói luận dân và luận con, có thể tương thông vậy, nhưng cũng có con nhiều mà không có quan, thân hiển mà không có con, cũng phải xem hình xung hội hợp. Nếu Quan tinh thanh mà thân vượng thì tất quý; Quan tinh trọc mà thân vượng tất nhiều con; về phân đặc tượng, đặc khí, đặc cục, đặc cách, vợ con phú quý lưỡng toàn.

Nhâm thị viết: Thân vượng Quan nhược, Tài có thể sinh Quan, Quan vượng thân nhược, Quan có thể sinh Ấn, Ấn vượng Quan suy, Tài có thể phá Ấn, Ấn suy Quan vượng, Tài không hiện, Kiếp trọng Tài khinh, Quan có thể khử Kiếp, Tài tinh phá Ấn, Quan có thể sinh Ấn, dụng Quan, Quan tàng Tài cũng tàng, dụng Ấn, Ấn lộ Quan cũng lộ, đều là Quan tinh hữu lý hội, cho nên là quý hiển vậy.

Như thân vượng Quan vượng Ấn cũng vượng, cách cục rất thanh, mà tứ trụ Thực Thương, không có một chút hỗn tạp, Tài tinh lại không xuất hiện, tình Quan tinh dựa vào ở Ấn, tình Ấn dựa vào nhật chủ, chỉ có sinh bản thân nhật chủ, cho nên có quan mà không có con vậy; dẫu có khiến hơi tạp Thực Thương, cũng bị chỗ Ấn tinh khắc, con cũng gian nan. Như thân vượng Quan vượng Ấn nhược, Thực Thương ám tàng, không hại Quan tinh, không bị chỗ Ấn thụ khắc, tự nhiên quý mà còn có con; nhất định thân vượng Quan suy, Thực Thương có khí, có Ấn mà có Tài phá Ấn, không có Tài mà ám thành Tài cục, không quý mà con tất giàu có; như thân vượng Quan suy, Thực Thương vượng mà không có Tài, có con nhưng chắc chắn nghèo túng; như thân nhược Quan vượng, Thực Thương vượng mà không có Ấn, bản mà không có con, hoặc có Ấn gặp Tài, cũng nói giống như vậy.

248 - Quý Mão - Quý Hợi - Đinh Mão - Tân Hợi

Nhâm Tuất/ Tân Dậu/ Canh Thân/ Kỷ Mùi/ Mậu Ngọ/ Đinh Tị

Tạo này Quan Sát nắm quyền, vốn là đáng sợ vậy; nhưng hi có chi cùng Ấn cục, khéo mượn Tài bồi, lưu thông thế thủy, là Quan tinh hữu lý hội. Ngại là đầu vận Canh Thân, Tân Dậu, sinh Sát phá Ấn, công danh trở ngại; vận Kỷ Mùi chi toàn Ấn cục, can thấu Thực thần, công danh thẳng tiến, làm quan đến Thượng Thư. Nhưng có mệnh được vận, nếu không được vận, cũng chỉ là giới hàn nho mà thôi.

249 - Quý Dậu - Đinh Tị - Bính Ngọ - Nhâm Thìn

Bính Thìn/ Ất Mão/ Giáp Dần/ Quý Sửu/ Nhâm Tý/ Tân Hợi

Bính hỏa sinh vào đầu mùa hạ, tọa lộc lâm vượng, hi gặp Tị Dậu củng kim cục, Tài sinh Quan, Quan chế Kiếp, càng đẹp có giờ thấu Nhâm thủy, trợ khởi Quan tinh, lấy thành Ký tể. Ngoài 30 tuổi vận đến phương bắc thủy địa, đăng khoa phát giáp, danh lợi song huy. Chớ lấy Quan Sát hỗn tạp mà lo, thân vượng, tất cần Quan Sát hỗn tạp mà phát vậy.

250 - Giáp Ngọ - Bính Dần - Tân Dậu - Kỷ Sửu

Đinh Mão/ Mậu Thìn/ Kỷ Tị/ Canh Ngọ/ Tân Mùi/ Nhâm Thân

Mệnh này Tài lâm vượng địa, Quan gặp trường sinh, nhật chủ tọa lộc, Ấn thụ thông căn, 4 chữ thiên can, địa chi đều lâm lộc vượng, ngũ hành không có thủy, thanh mà thuần túy. Mùa xuân kim tuy nhược, hi có giờ Ấn thông căn đắc dụng, Canh vận trợ thân. Quý Dậu được đăng khoa; Ngọ vận Sát vượng, bệnh gặp hình tang; Tân vận năm Kỷ Mão phát giáp vào Từ lâm; hậu vận kim thủy trợ thân, công danh thăng tiến không thể nói hết vậy.

251 - Ất Tị - Tân Tị - Canh Thìn - Giáp Thân

Canh Thìn/ Kỷ Mão/ Mậu Dần/ Đinh Sửu/ Bính Tý/ Ất Hợi

Canh kim sinh vào trước Lập Hạ 5 ngày, thổ nắm lệnh, hỏa chưa nắm quyền, Canh kim sinh tọa Thực, mà chi Thìn thân vượng, cùng sinh phù vượng, thân cường Sát kém. Ngại là Tài lộ vô căn lại gặp Kiếp, cho nên xuất thân bản hàn; vừa giao vận Đinh, Quan tinh nguyên thần phát lộ, 2 năm Mậu Dần Kỷ Mão, Tài tinh đắc địa, hi thân dụng thần cùng đến, liền bước lên khoa giáp, lại nhập Từ lâm.

Sách nói: "Dĩ Sát hóa quyền, định hiển lộ hàn môn quý khách", là chỗ này vậy.

Sao biết người bản? Tài bản thần phản bất chân.

Nguyên chú: Tài thần bất chân, chẳng những tiết khí cũng bị Kiếp đoạt, Thực Thương khinh Tài trọng Thực Thương tiết, Tài khinh Quan trọng Tài khí tiết, Thương trọng Ấn khinh thân nhược, Tài trọng lại khinh thân nhược, đều là Tài bất chân vậy. Ở giữa có một vị thanh khí, là không hàn.

Nhâm thị viết: Tài thần bất thì có 9 trường hợp, như: Tài trọng mà Thực Thương nhiều, là 1 bất chân; Tài khinh hi Thực Thương mà Ấn vượng, là 2 bất chân; Tài khinh Kiếp trọng, Thực Thương không hiện là 3 bất chân; Tài nhiều hi Kiếp, mà Quan tinh chế Kiếp là 4 bất chân; Hi Ấn mà Tài tinh phá Ấn là 5 bất chân; Kỵ Ấn mà Tài tinh sinh Quan là 6 bất chân; Hi Tài mà Tài hợp Nhân thần mà hóa, là 7 bất chân; Kỵ Tài mà Tài hợp Nhân thần hóa Tài, là 8 bất chân; Quan Sát vượng hi Ấn, Tài tinh lại đắc cục, là 9 bất chân.

9 trường hợp này đều là chính lý Tài bất chân vậy, như vậy là bản nhiều mà phú ít, cho nên bản cũng có vài loại bản, phú cũng có mấy loại phú, không thể định đại khái. Có bản mà quý, có bản mà chính trực, có bản mà đê tiện, nên phân biệt rõ.

Như Tài khinh Quan suy, phùng Thực Thương mà gặp Ấn, hoặc hi Ấn, Tài tinh phá Ấn, được Quan tinh cứu giải, chỗ này là quý mà bản vậy; Quan Sát vượng mà thân nhược, Tài tinh sinh trợ Quan Sát, có Ấn Tài thì một vạc dây lưng dễ có, không có Ấn thì là lão nho quan, chỗ này là cách thanh bản; chỗ đều là đúng vậy. Tài nhiều mà cõi lòng muốn tham lam liên chết, Quan vượng mà tâm chí tất muốn cầu, không hợp mà hợp, không theo mà theo, hợp mà không hóa, là theo không đúng, mệnh như thế, thấy phú quý mà sinh nịnh bợ, thấy tài lợi mà quên ân nghĩa, gọi là bản mà tiện vậy, tức là may mắn làm giàu, cũng không đủ quý vậy; phạm mệnh bại nghiệp phá gia, mới nhìn tựa cho là tốt, không phải Tài Quan song mỹ, tức là can chi đều thanh, không phải Sát Ấn tương sinh, tức là Tài lâm vượng địa, không biết Tài Quan tuy có thể dưỡng mệnh vinh thân, trước tiên tất phải cần nhật chủ phải vượng tương, nhật chủ có thể gánh nhận Tài Quan, nếu thái quá

hay bất cập, đều là bất chân (không thật), thì cũng có thể tán có thể hao, cuối cùng không thể đạt được phú quý vậy, cách cục như thất rất nhiều, khó mà đưa ra cho hết, nên nghiên cứu tường tận.

252 - Nhâm Tý - Mậu Thân - Mậu Tuất - Tân Dậu

Kỷ Dậu/ Canh Tuất/ Tân Hợi/ Nhâm Tý/ Quý Sửu/ Giáp Dần

Mậu thổ sinh vào đầu mùa thu, chi ở phương tây, tú khí lưu hành, cách cục vốn tốt, xuất thân đại phú. Ngại là can năm thấu ra Nhâm thủy có thể hội cục, thì Tài tinh lại bất chân vậy. Kiêm vận hành tây bắc đất kim thủy vượng, cho nên trọng nghĩa khinh tài, hao tán dị thường, duy chỉ có Tuất vận vào trường có con. Vận Tân Hợi, Nhâm Tý bản khổ không kham nổi.

253 - Quý Mão - Giáp Dần - Đinh Tị - Kỷ Dậu

Quý Sửu/ Nhâm Tý/ Tân Hợi/ Canh Tuất/ Kỷ Dậu/ Mậu Thân

Tạo này Tài tàng Sát lộ, là Sát Ấn tương sinh, lại tương sinh nối liền, tựa như quý cách, cho nên tổ nghiệp có hơn 20 vạn; không biết là can năm vô căn, tinh hoa đều bị Ấn thụ cướp tiết khí hết, tất dụng Tài Dậu kim. Cái đầu Kỷ thổ che đậy. Tưởng rằng có tình, nhưng mộc vượng thổ hư, giúp hỏa phùng sinh, nên Tị Dậu không hội, là Tài bất chân vậy. Vừa giao vận Nhâm Tý, tiết kim sinh mộc, thất bại như tro; đến Hợi vận, Ấn gặp trường sinh, mắc bệnh chết đói.

254 - Canh Ngọ - Nhâm Ngọ - Bính Dần - Canh Dần

Quý Mùi/ Giáp Thân/ Ất Dậu/ Bính Tuất/ Đinh Hợi/ Mậu Tý

Tạo này hỏa mùa hạ gặp kim, Tài sinh Sát nhược, hai chi không tạp, Sát Nhận thần thanh, tất nhiên danh lợi song toàn. Chẳng biết địa chi mộc hỏa, không sinh trợ kim thủy, Nhâm thủy chẳng những không thể chế hỏa mà trái lại tiết khí Tài tinh, mùa hạ Canh kim bại tuyệt, dễ thấy Tài thần bất chân vậy. Vận Quý Mùi, Giáp Thân, Ất Dậu, thổ kim cường vượng, cơm áo đầy đủ; giao vận Bính Tuất, chi toàn hỏa cục, hình thể khắc tử, phá hao dị thường, gia nghiệp mấy vạn trôi theo dòng nước; vận Đinh Hợi, Đinh hợp Nhâm, Hợi hợp Dần mà hóa mộc, cô khổ không chịu nổi mà chết.

255 - Ất Mão - Ất Dậu - Canh Dần - Nhâm Ngọ

Giáp Thân/ Quý Mùi/ Nhâm Ngọ/ Tân Tị/ Canh Thìn/ Kỷ Mão

Thu kim thừa lệnh, Tài Quan cùng vượng, Thực thần thổ tú, xem đại tượng, là mệnh phú quý. Ngại là Tài tinh thái trọng, Quan tinh hợp cục, nhật chủ lại thành nhược, không gánh nổi Tài Quan, hoàn toàn dựa vào Kiếp Nhận trợ thân, Dậu bị mão xung Ngọ khắc; can giờ Nhâm thủy không thể khắc hỏa, ngược lại còn tiết khí nhật nguyên, là Tài tinh bất chân vậy. Đầu vận Giáp Thân lộc vượng, cuộc sống đầy đủ, các vận sau thuộc phương nam, nghèo khổ bất kham.

256 - Tân Sửu - Bính Thân - Quý Tị - Canh Thân

Ất Mùi/ Giáp Ngọ/ Quý Tị/ Nhâm Thìn/ Tân Mão/ Canh Dần

Tạo này Tài tinh tọa lộc, nhất Sát độc thanh, tựa như tốt đẹp, ngại là Ấn tinh thái trọng, Sửu thổ sinh kim tiết hỏa, Bính hợp Tân hóa thủy, lấy Tài là dụng, Thân lại hợp Tị, là Tài bất chân vậy. Đầu vận Ất Mùi, Giáp Ngọ, mộc hỏa đều vượng, tổ nghiệp thịnh vượng; vừa giao vận Quý Tị, đều theo Thân hợp, thất bại như tro, cuối cùng làm ăn m*y.

257 - Canh Thìn - Ất Dậu - Đinh Sửu - Ất Tị

Bính Tuất/ Đinh Hợi/ Mậu Tý/ Kỷ Sửu/ Canh Dần/ Tân Mão

Nhật nguyên Đinh hỏa, giờ gặp vượng địa, 2 Ấn sinh thân. Hỏa vượng kim cường, tựa như phú cách. Chẳng biết can tháng Ất mộc hợp Canh mà hóa, chi hội kim cục, tứ trụ toàn là Tài, trái lại thành Tài thân bất chân vậy. Tổ nghiệp cũng thịnh vượng, đầu vận Bính Tuất, Đinh Hợi, Tị Kiếp trợ thân, tiền bạc dư dả; vận Mậu Tý Kỷ Sửu, sinh kim hồi hỏa, người vong nhà phá, rốt cuộc mùa đông đói mà chết.

Sao biết người tiện? Quan tinh vẫn không thấy.

Nguyên chú: Quan tinh không thấy, không những thất lệnh mà bị thương vậy. Thân khinh Quan trọng, Quan khinh Ấn trọng, Tài trọng không có Quan, Quan trọng không có Ấn, đều là Quan tinh không thấy vậy. Ở giữa có một trục tài, thì không bản; về phần dụng thần vô lực mà kỵ thần thái quá, địch mà không chịu hàng, trợ vượng khi nhược, chủ tòng không thích hợp, tuế vận bất giúp, thì vừa bản còn tiện.

Nhâm thị viết: Đoạn này nguyên chú nói quá sơ lược, nhưng trong phú quý, không phải không có tiện, trong bản tiện, không phải không có quý, cho nên một chữ tiện, không dễ biết vậy.

Như thân nhược Quan vượng, không dụng Ấn thụ hóa, trái lại lấy Thương quan cường chế; như thân nhược Ấn khinh không lấy Quan tinh sinh Ấn, ngược lại lấy Tài tinh phá Ấn; như Tài trọng thân khinh, không lấy Tị Kiếp trợ thân, lại lấy Tị Kiếp đoạt Tài, hợp cách này, quên mất Thánh hiền đã dạy rõ, không nghĩ tổ phụ tổ phụ tích đức, dẫn đến họa sinh bất trắc, vạ lây con cháu. Như thân nhược Ấn khinh, Quan vượng không có Tài, hoặc thân vượng Quan nhược, Tài tinh không hiện, hợp cách này, dẫn đến không đổi bản khôn, ý chí gặp phú quý không dễ, không thể không lễ nghĩa, không lấy đại nghĩa. Cho nên biết tham tài đổi lụa mà không quên hổ tiền, mà cuối cùng một thời làm mang nhục vinh hiển, vui cái giỏ bầu mà cam chịu theo vết chân, cuối cùng phải chịu tải đủ điều, lý là lấy có 3 loại Quan tinh không thấy: Quan khinh Ấn trọng mà thân nhược, hoặc Quan trọng Ấn khinh mà thân nhược; Quan Ấn cân bằng mà nhật chủ hưu tù, chỗ này là Thương đẳng Quan tinh không thấy vậy; Như Quan vượng hỷ Ấn, mà Tài tinh phá Ấn, hoặc Quan Sát trọng mà không có Ấn, Thực Thương cường chế, hoặc Quan nhiều kỵ Tài, Tài tinh lại đắc cục, hoặc hỷ Quan tinh mà Quan tinh hợp thần khác hóa Thương quan. Hoặc là kỵ Quan tinh, thần khác hợp Quan tinh mà hóa Quan, chỗ này là loại Hạ đẳng Quan tinh không thấy vậy.

Nên nghiên cứu tường tận vậy.

258 - Đinh Sửu - Nhâm Tý - Đinh Hợi - Giáp Thìn

Tân Hợi/ Canh Tuất/ Kỷ Dậu/ Mậu Thân/ Đinh Mùi/ Bính Ngọ

Đinh hỏa sinh vào giữa mùa đông, can thâu Nhâm thủy, chi hội đủ Hợi Tý Sửu thủy cục, Quan tinh quá vượng; Thìn thuộc thấp thổ, không thể chế thủy, ngược lại làm hồi hỏa, gọi là tượng thanh khô, Quan tinh lại không chân vậy. Hỉ không có kim, khí thể thuần thanh, là người học vấn chân xác, xử thế không bạc, dạy ngu qua ngày, thủ khổ thanh bản, là thượng đẳng Quan tinh không thấy vậy.

259- Bính Thìn - Canh Dần - Bính Ngọ - Nhâm Thìn

Tân Mão/ Nhâm Thìn/ Quý Tị/ Giáp Ngọ/ Ất Mùi/ Bính Thân

Tạo này Tài tuyệt vô căn, Quan lại vô khí, thêm chi vận đến đất đông nam, tuổi thơ mất cha, theo mẹ tái giá; mẫu tử mấy năm, chăn trâu kiếm ăn qua ngày, lâu ngày thì ra sức làm thuê, sau đôi mắt bị mù, không thể làm mướn, ăn m*ý kiếm sống.

260 - Đinh Mão - Giáp Thìn - Tân Hợi - Quý Tị

Quý Mão/ Nhâm Dần/ Tân Sửu/ Canh Tý/ Kỷ Hợi/ Mậu Tuất

Tạo này xuân kim phùng hỏa, lý là cần Ấn hóa Sát, Tài tinh phá Ấn, Quý thủy khắc Đinh, Hợi xung Tị, tựa như chế Sát hữu tình. Chẳng biết xuân thủy hưu tù, mộc hỏa cùng vượng, chẳng những không thể khắc hỏa, ngược lại đi sinh mộc tiết kim; Tài Quan vốn có thể làm vinh thân, nhưng nhật chủ không thể gánh vác, tuy là tâm chuyên nhất định muốn cầu. Sao lại che đậy chứ! Xuất nhân không nghèo hèn, đầu tiên học âm nhạc, sau do mất tiếng mà theo quan; người vô cùng lanh lợi, mà lại rất gặp thời cơ, theo được mấy năm, phát tài phản chủ, lại cống nạp ra làm quan cửu phẩm, tác oai tác phúc, không từ bất kể chuyện xấu nào; về sau phạm tội bị cách chức, nghèo khó như cũ.

Sao biết người cát? Hỉ thần là phụ trợ.

Nguyên chú: Chỗ hỉ thần ở trong trụ, tả hữu chung thủy, đều đắc lực thì tất cát, song tình thể chung thuận lợi, nội thể vững chắc, chủ tòng được thích hợp, dầu có 1, 2 kỵ thần, thích đến công kích, cũng không hung hiểm, giống như trong một quốc gia an hòa, không sợ giặc ngoại bang.

Nhâm thị viết : Hỉ thần, là phụ dụng thần trợ chủ. Phạm bát tự trước tiên cần phải có hỉ thần, cả đời hữu cát vô hung, cho nên hỉ thần chính là cát thần vậy. Nếu trong trụ có dụng thần và hỉ thần, tuế vận không gặp kỵ thần thì vô hại, lỡ gặp kỵ thần tất hung, như Mậu thổ sinh vào tháng Dần, lấy Giáp mộc trong Dần làm dụng thần, kỵ thần nhất định là Canh Tân Thân Dậu kim, nguyên thần nhật chủ dày, lấy Nhâm Quý Hợi Tý làm hỷ thần, thì kim gặp thủy ma tham sinh, không đến khắc mộc vậy; nguyên thần nhật chủ hư nhược, lấy Bính Đinh Tị Ngọ hỏa làm hỷ thần, thì kim sợ gặp thủy, cũng không đến khắc mộc vậy. Như thân nhược lấy Bính hỏa trong Dần làm dụng thần, hỉ thấy thâu ra thiên can, lấy thủy là kỵ thần, lấy Tị thổ là hỷ thần, cho nên dụng Quan dụng Ấn có phân biệt; Dụng Quan, nếu thân vượng có thể lấy Tài làm hỷ thần; thân nhược dụng Ấn, rồi sau đó lấy Quan làm hỷ thần, không có hỷ thần mà dụng thần đắc lệnh hùng tráng, đại thể kiên cố, tứ trụ an hòa, dụng thần đứng cạnh, không tranh không đố, tức gặp kỵ thần cũng không hung hiểm. Như nguyên cục không có hỷ thần, có kỵ thần (hoặc ám phục hoặc xuất hiện), hoặc đứng sát bên dụng thần, hoặc tranh hoặc đố, hoặc dụng thần không nắm lệnh, hoặc tuế

vận dẫn xuất kỵ thần, trợ khởi kỵ thần, giống như quốc gia có gian thần, tư thông giặc ngoại bang, hai mặt giáp công thì hung họa lập tức đến. Luận về thổ như thế, còn lại đều luận giống vậy.

261 - Giáp Tý - Bính Dần - Mậu Dần - Kỷ Mùi

Đinh Mão/ Mậu Thìn/ Kỷ Tị/ Canh Ngọ/ Tân Mùi/ Nhâm Thân/ Quý Dậu/ Giáp Tuất.

Đầu xuân thổ hư, Sát vượng phùng Tài, lấy Bính hỏa làm dụng, hỷ Tài cùng Ấn cách nhau, sinh sinh không nghịch; kỳ diệu là giờ Mùi trợ thân là hỷ thần; tứ trụ thuần túy, chủ tòng được thích hợp. Cho nên cả đời có cát không có hung, làm quan đến Quan Sát, sau lui về ở ẩn an nhàn, sinh 6 người con đều đăng khoa giáp, vợ chồng hòa thuận yên vui, thọ hơn 80 tuổi.

262 - Bính Thân - Kỷ Hợi - Canh Thìn - Mậu Dần

Canh Tý/ Tân Sửu/ Nhâm Dần/ Quý Mão/ Giáp Thìn/ Ất Tị

Mệnh này hàn kim hỷ hỏa, được chi giờ Dần sinh, thì hỏa có lửa, nhưng có Tài Sát, trước tiên thân phải vượng. Hay là tọa lộc ở chi năm, có 3 Ấn kề gần sinh, Hợi thủy nắm quyền, Thân kim tham sinh vong xung. Không có hỏa thì thổ đóng băng kim hàn lạnh, không có mộc thì thủy vượng hỏa hư, lấy hỏa làm dụng thần, lấy mộc làm hỷ thần, hai tự mộc hỏa, không thể thiếu một. Cho nên cả đời không có hung hiểm, đăng khoa giáp bảng, quan trường không có phong ba, con cháu phát quang, thọ ngoài 80 tuổi.

Làm sao biết người hung? Kỵ thần triển chuyển công.

Nguyên chú: Tài Quan vô khí, dụng thần vô lực, chẳng qua không thể phát đạt được mà thôi, cũng không có hình hung vậy. Về phần kỵ thần quá nhiều, hoặc hình hoặc xung, tuế vận trợ giúp. Triển chuyển (Gián tiếp) công kích, trong cục không có thần chế ngự, lại không có chủ đề tòng, không khỏi hình thương phá bại, phạm tội chịu khổ, đến già vẫn như xưa.

Nhâm thị viết: Kỵ thần, là thần làm tổn hại dụng thần. Cho nên bát tự trước tiên phải có hỷ thần, thì kỵ thần không có thể. Lấy kỵ thần là bệnh, hỷ thần là dược, bệnh có dược chữa là cát, có bệnh mà không có dược là hung; cả đời ít cát nhiều hung, đều là do kỵ thần đắc thế vậy.

Như người sinh tháng Dần, không dụng Giáp mộc mà dụng Mậu thổ, thì Giáp mộc nắm lệnh là kỵ thần, xem ý hướng của nhật chủ, hoặc là hỷ hóa mà hóa, hoặc là dụng kim để chế, dàn xếp thật tốt, lại gặp tuế vận phù hỷ ức kỵ, cũng có thể chuyển hung thành cát; nếu tuế vận lại không đến phù hỷ ức kỵ, lại không cùng kỵ thần kết thành bè đảng, bất quá cả đời là bình thường, không có chỗ phát đạt mà thôi; nếu không có hỏa hóa mộc, kim chế, lại gặp thủy sinh mộc, tuế vận lại bè đảng sinh trợ kỵ thần, hại hỷ thần của ta, gián tiếp công nhau, thì hung họa đủ điều, đến già cũng không cát, luận mộc như vậy, còn lại tương tự mà suy luận.

263 - Ất Hợi - Mậu Dần - Bính Tý - Giáp Ngọ

Đinh Sửu/ Bính Tý/ Ất Hợi/ Giáp Tuất/ Quý Dậu/ Nhâm Thân

Bính hỏa sinh tháng Dần, Ấn tinh năm lệnh, giờ gặp Nhậm vượng, Giáp Ất cùng vượng thấu ra, tứ trụ vô kim; Dần Hợi hợp hóa mộc, Tý thủy bị xung phá, Quan tinh vô dụng, tất lấy can tháng Mậu thổ làm dụng thần. Kỵ thần Giáp mộc, Hợi Tý thủy, lại sinh mộc vượng, chỗ gọi là Kỵ thần triển chuyển công vậy. Đầu vận Đinh Sửu, sinh trợ dụng thần, tổ nghiệp có hơn 10 vạn; vừa giao vận Bính Tý, hỏa không thông căn, cha mẹ đều mất, hết lộc; vận Ất Hợi thủy mộc đều vượng, lại hết lộc lần nữa, khắc 3 vợ 4 con, nhảy sông tự tử.

264 - Tân Tị - Canh Dần - Bính Thìn - Kỷ Sửu

Kỷ Sửu/ Mậu Tý/ Đinh Hợi/ Bính Tuất/ Ất Dậu/ Giáp Thân

Bính hỏa sinh tháng Dần, mộc non hỏa tướng, không là vượng vậy, sinh giờ Sửu, cướp đi nguyên thần nhật chủ, lấy Dần mộc làm dụng thần. Chỗ ngại là Canh kim thấu xuất là kỵ thần, Dần mộc phùng kim, hỏa hư thoát khí. Đầu vận Kỷ Sửu, Mậu Tý, sinh kim tiết hỏa, mồ côi cha mẹ, cô khổ bất kham; vận Đinh Hợi, Bính Tuất, hỏa tại phương tây bắc, không thể khử hết kỵ thần, cho nên nhiều lần phong sương, hơi thành gia nghiệp; vừa giao vận Ất Dậu, can chi đều hợp hóa kỵ thần, hình thể khắc tử, gặp nạn thủy mà chết.

Sao biết người thọ? Tính định Nguyên thần dày

Nguyên chú: Tĩnh là thọ, trong trụ không có xung không có hợp, không có khuyết không có tham, thì tính định vậy. Nguyên thần tồn tại, không chỉ nói là tinh khí thần khí đều đầy đủ vậy, Quan tinh không tuyệt, Tài thần không diệt, Thương quan có khí, thân nhược Ấn vượng, đề cương phụ trợ chủ, dụng thần có lực, thời thượng sinh căn, vận không có tuyệt địa, đều là xứ nguyên thần kiên cố. Nghiên cứu kỹ, nói chung khí Giáp Ất Dần Mão, không gặp xung chiến tiết thương, thiên vượng phù phiếm mà dàn xếp được ổn thỏa thì tâm thọ. Mộc thuộc Nhân, Nhân là thọ, mỗi lần đều nghiệm, cho nên mới dám đặt bút viết. Nếu người bản tiện mà cũng có thọ, bẩm lấy được một thân vượng, hoặc là thân nhược mà hành vận sinh địa, cho nên thực lộc không khuyết vậy.

Nhâm thị viết: Nhân, Tĩnh, Khoan, Đức, Hậu, 5 cách này, đều là dấu hiệu thọ vậy. Tứ trụ đắc địa, ngũ hành cân bằng, chỗ hợp đều là nhân thần, chỗ hóa đều là dụng thần, xung khử đều là kỵ thần, lưu tồn đều là hỷ thần, không khuyết không hãm, không thiên không khô, thì là tính định vậy. Tính định không sinh lén vận trộm lưu luyến, là người bao gồm đầy đủ khoan hậu bình hòa, nhân đức, không hề không có phú quý phúc thọ vậy. Nguyên thần dày, như Quan nhược gặp Tài, Tài khinh gặp Thực, thân vượng mà Thực Thương phát tú, thân nhược mà Ấn tinh nắm quyền, chỗ hỷ đều là thần ở đề cương, chỗ kỵ đều là vật thất lệnh, đề cương đều là cùng chi giờ có tinh, vận hành cùng hỷ dụng thần không nghịch, đều là chỗ Nguyên thần dày, nên nghiên cứu cho tường tận. Thanh mà thuần túy, tất phú quý mà thọ; trọc mà hỗn tạp, tất bản tiện mà thọ.

265 - Tân Sửu - Quý Tị - Giáp Tý - Bính Dần

Nhâm Thìn/ Tân Mão/ Canh Dần/ Kỷ Sửu/ Mậu Tý/ Đinh Hợi/ Bính Tuất/ Ất Dậu.

Tạo này khởi nguyên đầu từ Tị hỏa, sinh Sửu thổ, Sửu thổ sinh Tân kim, Tân kim sinh Quý thủy, Quý thủy sinh Giáp mộc, Giáp mộc sinh Bính hỏa; Giáp lộc cư ở Dần, Quý lộc cư ở Tý, Bính lộc cư ở Tị, Tân kim Quan tinh tọa Tài địa, Tài gặp Thực thần sinh, nguyên lưu ngũ hành đều dày, tứ trụ thông căn sinh vượng, hai bên trên dưới đều có tình, làm người cương nhu hòa hợp, nhân đức đều có đủ, làm quan tam phẩm, giàu có hơn trăm vạn, con cái 13 người, thọ đến trăm tuổi, không bệnh mà chết.

266 - Kỷ Dậu - Ất Hợi - Bính Dần - Mậu Tý

Giáp Tuất/ Quý Dậu/ Nhâm Thân/ Tân Mùi/ Canh Ngọ/ Kỷ Tị/ Mậu Thìn

Tạo này Dậu kim là nguyên đầu, sinh Hợi thủy, Hợi thủy hợp Dần mà sinh Bính hỏa, Bính hỏa sinh Mậu thổ, nguyên thần đều dày. Xuất thân hương bảng, làm quan chức Quan Sát, là người khoan hậu chính trực, có 9 người con 24 người cháu, giàu có hơn trăm vạn, thọ đến 120 tuổi, không bệnh mà chết.

267 - Kỷ Dậu - Tân Mùi - Nhâm Dần - Nhâm Dần

Canh Ngọ/ Kỷ Tị/ Mậu Thìn/ Đinh Mão/ Bính Dần/ Ất Sửu/ Giáp Tý/ Quý Hợi

Tạo này Mùi thổ là nguyên đầu, sinh Tân kim, Tân kim sinh Nhâm thủy, Nhâm thủy sinh Dần mộc, tứ trụ sinh hóa hữu tình, nguyên thần dày mà thuần túy. Hi hỏa tàng không lộ. Sớm đăng khoa giáp, làm quan tam phẩm, là người phẩm hạnh đoan chính, hòa nhã nhân hậu; có 8 con 19 cháu, thọ đến 96 tuổi.

268 - Đinh Mùi - Canh Tuất - Canh Thìn - Bính Tý

Kỷ Dậu/ Mậu Thân/ Đinh Mùi/ Bính Ngọ/ Ất Tị/ Giáp Thìn

Tạo này Đinh hỏa là nguyên đầu, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, tàng hai Tài khô, thân vượng dụng Quan. Trung niên hành vận không nghịch, cho nên sớm đăng hương bảng, danh lợi song toàn. Là người cương quyết, công tư phân minh, không có hà khắc bạc đãi. Tiếc là ở không có mộc, nguyên thần hỏa không đủ, nhánh cháu tuy vượng, nhưng con trưởng khó tránh bị nhiều lo phiền tổn hại.

269 - Ất Mùi - Mậu Dần - Ất Mão - Canh Thìn

Đinh Sửu/ Bính Tý/ Ất Hợi/ Giáp Tuất/ Quý Dậu/ Nhâm Thân/ Tân Mùi/ Canh Ngọ.

Tạo này chi hội đông phương, đúng Khúc Trục Nhân Thọ cách, nói chung Tài Quan có khí, danh lợi song toàn. Nhưng ngũ hành hỏa không hiện, nguyên thần Tài hư thoát, Dần Mão phương đông mộc vượng, căn Quan tinh cũng nhược. Cho nên cả đời giữ gìn thanh sạch, túi tiền chưa đầy đã hết, mà cả đời khinh tài trọng nghĩa; là người không kiêu căng xu nịnh, giữ gìn đạo lý, thanh bản thủ khô; sinh 4 con đều có năng lực, thọ đến 94 tuổi.

270 - Quý Sửu - Giáp Dần - Mậu Tuất - Canh Thân

Quý Sửu/ Nhâm Tý/ Tân Hợi/ Canh Tuất/ Kỷ Dậu/ Mậu Thân

Ngày Mậu Tuất gặp giờ Canh Thân, Thực thần có lực, Sát vượng không có Ấn, đủ đề cương chế. Sinh 8, 9 người con đã có đến 3, 4 người quý hiển mà nhận lệnh phong

quan nhất phẩm, hay là ở thổ kim có tình vậy. Là người đủ tính tham ác, là do không thể hóa Sát vậy, dâm dăng hoang phí vô lễ, hỏa không hiện, là do thủy đắc địa vậy. Bởi do Dần xung Thân, nên tất phá Bính hỏa, Sửu hình Tuất hỏa cũng bị thụ thương, thêm thẩu ra Quý thủy, thì nhật chủ tất nhờ hợp, không quan tam mà cầu; chi Dần Tuất tàng hỏa, âm thầm khắc hết, nói hỏa chủ lễ, sao là người có thể vô lễ? Vô lễ thì không từ bất cứ việc gì vậy. Giả sử can năm Quý thủy, đổi thành Đinh hỏa, thì không có không nhân đức vậy. Phú quý phúc thọ, đều do lực ở giờ Thân, cũng nhờ công đức tổ tiên vậy. Hậu sinh bị ung nhọt đầu mà chết, đều do tích ác quá nhiều, mà trời tru diệt vậy.

271 - Mậu Thìn - Canh Thân - Kỷ Mão - Mậu Thìn

Tân Dậu/ Nhâm Tuất/ Quý Hợi/ Giáp Tý/ Ất Sửu/ Bính Dần

Mệnh này là thổ kim Thương quan, Quý thủy trong Thìn, là Thiên Tài quý khó, Nhâm thủy trong Thân, là Chính Tài phùng sinh, Kiếp tụy vượng nhưng không thể đoạt Tài; lại thêm thổ khí sinh kim, là Thương quan hóa Kiếp, ám sinh Tài tinh, kiêm đóc Sát vi quyền, cho nên là người có quyền mưu xuất chúng, địa chi toàn là khí âm thấp, việc làm quý quyết đa đoan, cả đời chỉ coi trọng tài, mà thiếu nhân nghĩa, đến 40 tuổi vẫn không con cái, cưới 2 vợ vẫn không có con; Thọ ngoài 90 tuổi, đặc biệt tài như mệnh, sau cuối cùng gia nghiệp có hơn 40 vạn, cướp đoạt mà hết. Nghiên cứu kỹ, đều là do Tài tinh thủ ở ẩn tàng, cho nên không được lưu hành vậy, tài không lưu hành, thu kim gặp thổ mà càng cứng, sức sống liền bị đoạn tuyệt mà thôi, nói chung tài dày mà không có con, đều giống như cách này, cho nên người không có con, tính tình tất nhiều bi lận, không biết tài tán thì dân tụ, giả sử người giàu mà không có con có thể khinh tài ở trong thân tộc, chia nhiều lợi ích, sao sợ không có con chẳng? Giống như tạo này, kim khí quá kiên, thủy không lộ đầu, không được sinh sôi kỳ diệu, có thể tán tài, thì kim tự lưu hành, thì tất có con vậy. Nhưng tán cũng có ưu và khuyết, tán tài ở tạng đạo, thì là vô công; tán tài ở thân tộc, thì có công. Tu đức được báo đáp, chuyện đời vốn có thể xoay chuyển; làm thiện nhiều thì cát, thiên tâm nào khó cảm hóa, thọ vốn là đứng đầu Ngũ phúc (Ngũ phúc là bao gồm: 1 là giàu, 2 là yên lành, 3 là Thọ, 4 là có đức tốt, 5 là vui hết tuổi trời), thọ mà không có con, cuối cùng cũng vô ích; cùng phú thọ mà không có con, không bằng bản thọ mà có con vậy.

Sao biết người yếu? Do khí trọc thần khô.

Nguyên chú: Mệnh khí trọc thần khô, là Ân thụ thái vượng, nhật chủ không có chỗ dựa, Tài Sát thái vượng, nhật chủ không có nơi nương tựa, kỵ thần cùng hi thần tạp mà lo, tứ trụ và dụng thần trái lại tuyệt, xung mà bất hòa, vượng mà không có chế, thấp mà không tông, táo mà nồng, tinh lưu khí tiết, thảng nghịch giờ thoát, chỗ này đều là người đoản thọ.

Nhâm thị viết: Mệnh khí trọc thần khô, ở trong dễ mà khó xem, 4 chữ "Khí trọc thần khô", có thể phân ra mà nói, chữ trọc giống như luận một chữ nhược. Khí trọc, là nhật chủ thất lệnh, dụng thần kém cỏi, kỵ thần thâm dày, đề cương và chi thảng không chiếu cố nhau, chi năm và chi ngày bất hòa, hi xung mà không xung, kỵ hợp mà lại hợp, hành vận cùng hi dụng thần vô tình, lại cùng kỵ thần kết bè đảng, tuy không thọ mà có

con. Thần khô, là thân nhược mà Ấn thụ quá vượng; thân vượng mà hoàn toàn không có khắc tiết; nhưng trọng dụng Ấn mà Tài tinh phá Ấn; thân nhược không có Ấn mà Thực Thương trùng điệp; hoặc kim hàn thủy lạnh mà thổ thấp; hoặc hỏa viêm thổ tảo mà mộc khô, đều là yếu mệnh và không có con.

272 - Ất Sửu - Ất Dậu - Bính Thìn - Tân Mão

Giáp Thân/ Quý Mùi/ Nhâm Ngọ/ Tân Tị/ Canh Thìn/ Kỷ Mão

Mệnh này có 3 Ấn phù thân, Thìn Dậu hợp mà không xung, tứ trụ không có thủy, dường như là trung cách. Nhưng chi đều là thấp thổ, hỏa sinh kim, Thìn cùng dư khí mộc, cùng Dậu hợp Tài, mộc không thể nhờ căn, cùng Dậu hóa kim, thì mộc lại bị tổn hại, thiên can có 2 Ất, địa chi không tài, thì là có thể biết tàn héo vậy, suy từ chỗ này, nhật nguyên hư nhược. Đến Ngọ vận, phá Dậu bảo vệ Mão, được duy nhất 01 đứa con; vận Tân Tị, hoàn toàn hội kim cục phá Ấn, thì nguyên khí thụ thương nặng, hội Tài thì Tài vật cực tất phản, vợ chồng đều mất.

273 - Kỷ Sửu - Mậu Thìn - Tân Hợi - Mậu Tuất

Đinh Mão/ Bính Dần/ Ất Sửu/ Giáp Tý/ Quý Hợi/ Nhâm Tuất

Mệnh này thổ dày trùng trùng, chôn lấp kim non giòn, ngũ hành không có mộc; không có lợi khai dương, một chút Hợi thủy bị khắc tuyệt, chi tàng Giáp Ất, không thể nào dẫn trợ; nhưng mùa xuân khí thổ hư, Tài tàng có thể làm dụng thần; đầu vận phương đông mộc địa, được che chở có dư; Dần vận sinh được một con. Ất Sửu vận, thổ lại thông căn mà chết yếu.

274 - Nhâm Dần - Nhâm Dần - Giáp Dần - Nhâm Thân

Quý Mão/ Giáp Thìn/ Ất Tị/ Bính Ngọ/ Đinh Mùi/ Mậu Thân

Xuân mộc trọng phùng lộc, chi đượ giờ Thân, tựa như giờ Sát lưu thanh, chẳng biết mộc vượng kim khuyết, tất phải cần có hỏa mới đẹp; can có 3 Nhâm, trong Dần có Bính hỏa bị khắc, có thể biết là Thần khô vậy. Đến vận Bính hỏa, gặp 3 Nhâm hội khắc, gia nghiệp phá tán, yếu mà không có con. Phàm thủy mộc cùng vượng mà không có thổ, tối kỵ là hỏa vận, tức là thân không bị hại, thì cũng phá hao dị thường. Nếu theo tục luận tất dụng Thân kim, là do 2 hỏa khắc kim vậy, như Bính hỏa khắc kim là hại, thì trước đó vận Ất Tị, khắc Thân kim, mà còn bị tam hình, sao lại đẹp chứ?

275 - Tân Sửu - Tân Sửu - Quý Dậu - Quý Sửu

Canh Tý/ Kỷ Hợi/ Mậu Tuất/ Đinh Dậu/ Bính Thân/ Ất Mùi

Mệnh này thấp thổ trùng trùng, trùng điệp kim hàn, Quý thủy trợ mà còn băng hàn, chỗ gọi là âm dày, rất hàn lạnh vậy. Nói không có sinh phát, là khí trợ thần khô, cho nên là người ngu muội quá mức, không làm nên việc gì. Đến vận Mậu Tuất, sinh kim khắc thủy mà chết yếu. Theo tục luận, là Lưỡng can bất tạp, kim thủy song thanh, địa chi tam sát, Sát Ấn tương sinh là đẹp, định là quý cách, trước thì xuân mộc mang kim non, mãi dựa thành đại khí, đều lấy là cách danh lợi song toàn. Chẳng biết yếu mệnh, đều là giống như cách này, học giả nên nghiên cứu cho tường tận.

Chương 6 - Nữ Mệnh Chương

Luận chồng luận con phải yên ổn,
Khí tĩnh hòa bình phụ nữ chương,
Tam Kỳ Nhị Đức nói tốt hư,
Hàm Trì Dịch Mã nửa rõ suy.

Nguyên chú: Trong cục Quan tinh thuận theo rõ, chồng quý mà cát, lý lẽ là tự nhiên vậy. Nếu Quan tinh thái vượng, lấy Thương quan làm chồng, Quan tinh quá bé, lấy Tài làm chồng; Tỉ kiên vượng mà không có Quan, lấy Thương quan làm chồng; Thương quan vượng mà không có Tài Quan, lấy Ấn làm chồng, cục đầy Quan tinh bắt nạt nhật chủ, hỷ Ấn thụ mà nó không khắc thân vậy; cục đầy Ấn thụ tiết khí Quan tinh, hỷ Tài mà thân không khắc mất vậy.

Nói chung, luận con luận quý cùng với nam mệnh là giống nhau. Trong cục Thương quan thanh hiển, con quý mà thân, không cần phải nói vậy. Nếu Thương quan quá vượng, lấy Ấn làm con; Thương quan quá bé, lấy Tỉ kiên làm con, Ấn thụ vượng mà không có Thương quan, lấy Tài làm con vậy; Tài thân vượng mà tiết Thực Thương, lấy Tỉ kiên làm con vậy. Không cần phải chuyên lấy Quan tinh mà luận chồng. Chuyên lấy Thương Thực mà luận con. Chỉ lấy yên ổn là cát, thuận tĩnh là quý, Nhị Đức Tam Kỳ không đáng luận, Hàm Trì Dịch Mã dù có nghiệm, nói chung ở lý lẽ là không bền. Trong đó nghiên cứu mà luận, thì không thể không biết.

Nhâm thị viết : Nữ mệnh, trước tiên xem Phu tinh thịnh suy, thì cùng biết quý vậy. Kế đến khảo sát cách cục thanh hay trọc, thì biết tài hay ngu vậy. Dâm tà hay tật hại, tình không rời tứ trụ; trình tĩnh đoan chính, chung quy cũng ở lý ngũ hành. Điều cần phải thẩm tra tinh thông, trình tiết phụ nữ không bị sai bậy; nghiên cứu kỹ càng nên xác thực, luận đúng dâm ô khó thoát. Nhị Đức Tam Kỳ, là ngông cuồng tạo ra chuyện tốt; Hàm trì Dịch mã, là hậu nhân nói sai. Không có hiếu với cha mẹ chồng, chỉ vì Tài khinh Kiếp trọng; bất kính với chồng, đều do Quan nhược thân cường. Quan vượng hiển rõ, chồng chủ tài hoa; khí tĩnh ôn hòa, là phụ nữ nhu thuận. Nếu là Quan tinh thái vượng, không có Tỉ Kiếp lấy Ấn làm phu tinh; Có Tỉ Kiếp mà không có Ấn thụ, lấy Thực Thương làm chồng. Nếu Quan tinh quá nhược, có Thương quan, lấy Tài làm chồng, không có Tài tinh mà Tỉ Kiếp vượng, cũng lấy Thực Thương làm phu tinh; toàn bản đều là Tỉ mà không có Quan Ấn, lấy Thực Thương làm chồng; toàn cục Ấn thụ mà không có Quan không có Thương lấy Tài làm chồng; Thương quan vượng, nhật chủ suy, lấy Ấn làm chồng; Nhật chủ vượng, Thực thương nhiều, lấy Tài làm chồng; Quan tinh khinh, Ấn thụ trọng, cũng lấy Tài làm chồng.

Tài là Thiên ân tinh, nữ mệnh thân vượng không có Quan, Tài tinh đắc lệnh đắc cục, là thượng cách vậy. Nếu luận hình thương, lại có thêm lý sinh khắc tồn tại ở chỗ này. Quan tinh suy, Tài tinh ẩn, nhật chủ cường, Thương quan trọng, thì khắc phu; Quan tinh suy, không có Tài tinh, Tỉ Kiếp vượng, thì bắt nạt chồng; Quan tinh suy, không có Tài tinh, nhật chủ vượng, Ấn thụ trọng, tất là bắt nạt chồng mà khắc phu; Quan tinh nhược, Ấn thụ nhiều, không có Tài tinh, tất khắc phu; Tỉ Kiếp vượng, không có Quan tinh, Ấn

vượng không có Tài, tất khắc phu; Quan tinh vượng, Ân thụ khinh, tất khắc phu; Tỉ Kiếp vượng, không có Quan tinh, có Thương quan, Ân thụ trọng, tất khắc phu; Thực thần nhiều, Quan tinh suy, có Ân thụ, gặp Tài tinh, tất khắc phu.

Phàm Phu tinh nữ mệnh, tức là dụng thần, Tử tinh nữ mệnh tức là hỷ thần, không thể chuyên luận Quan tinh là chồng, Thực Thương là. Nhật chủ vượng, Thương quan vượng, không có Ân thụ, có Tài tinh, con nhiều mà quý; Nhật chủ vượng, Thương quan vượng, không có Tài Ân, con nhiều mà mạnh mẽ; Nhật chủ vượng, Thương quan khinh, không có Tài Ân, con nhiều mà giàu có; Nhật chủ vượng, ắt phải không có Thực, Quan tinh đặc cục, con nhiều mà hiền; Nhật chủ vượng, không có Thực Thương, có Tài tinh, không có Quan Sát, con nhiều mà tài năng; Nhật chủ nhược, Thực Thương trọng, có Ân thụ, không có Tài tinh, tất có con; Nhật chủ nhược, Thực Thương khinh, không có Tài tinh, tất có con; Nhật chủ nhược, Tài tinh khinh, Quan Ân vượng, tất có con; Nhật chủ nhược, Quan tinh vượng, không có Tài tinh, có Ân thụ, tất có con; Nhật chủ nhược, không có Quan tinh, đều có Thương quan, tất có con; Nhật chủ vượng, có Ân thụ, không có Tài tinh, tất hiếm con; Nhật chủ vượng, Tỉ kiên nhiều, không có Quan tinh, có Ân thụ, tất hiếm con; Nhật chủ vượng, Ân thụ trọng, không có Tài tinh, tất không có con; Nhật chủ nhược, Thương quan trọng, Ân thụ khinh, tất không có con; Nhật chủ nhược, Tài tinh trọng, gặp Ân thụ, tất không có con; Nhật chủ nhược, Quan Sát vượng, tất không có con; Nhật chủ nhược, Thực Thương vượng, không có Ân thụ, tất không có con; Hỏa viêm thổ tảo, không có con; Thổ kim thấp không thông, không có con; Thủy phiếm mộc phù, không có con; Kim hàn thủy lạnh, không có con; Ân thụ trùng điệp, không có con; Tài Quan thái vượng, không có con; đây cục toàn là Thực Thương, không có con.

Trên đây là cách không có con, nếu có con tất khắc phu, không khắc phu cũng chết yếu.

Về phần thuyết dâm tà, cũng nghiên cứu tứ trụ. Nhật chủ vượng, Quan tinh suy, không có Tài tinh, nhật chủ đủ để đối địch; Nhật chủ vượng, Quan tinh suy, Thực Thương trọng, không có Tài tinh, nhật chủ đủ để bắt nạt; Nhật chủ vượng, Quan tinh nhược, khí nhật chủ, đi sinh trợ thần khác; Nhật chủ vượng, Quan tinh nhược, khí Quan tinh hợp nhật chủ mà hóa; nhật chủ vượng, Quan tinh nhược, khí Quan tinh, dựa vào thể nhật chủ; nhật chủ nhược, không có Tài tinh, có Thực Thương, gặp Ân thụ, nhật chủ là chuyên quyền; nhật chủ vượng, không có Tài tinh, Quan tinh khinh, Thực Thương trọng, Quan tinh không có hỗ nương tựa; nhật chủ vượng, Quan vô căn, nhật chủ không thuận Quan tinh, mà đi hợp Tài tinh; nhật chủ nhược, Thương Thực trọng, Ân thụ khinh; nhật chủ nhược, Thực Thương trọng, không có Ân thụ, có Tài tinh; Thực Thương nắm lệnh, Tài Quan thất thế; Quan không có Tài sinh, Tỉ Kiếp sinh Thực Thương; cục toàn Thương quan mà không có Tài; cục đây Quan tinh không có Ân; cục đây Tỉ Kiếp không có Thực Thương; cục đây Ân thụ không có Tài, đều là mệnh dâm tiện vậy.

Tóm lại, Thương quan không nên trọng, trọng tất xinh đẹp lãng lơ mà đa dâm vậy; Thương quan thân nhược có Ân, thân vượng có Tài, tất xinh đẹp thông minh mà trinh khiết vậy. Phàm xem nữ mệnh, quan hệ không nhỏ, không thể khinh đoán dâm tà, lấy xúc phạm phần nộ. Nhưng cũng không tể một mực mà nói, hoặc là do tổ tông khiến cho gây

ra tội lỗi; hoặc là do vận mệnh gia môn, hoặc là do chồng chẳng ra gì, hoặc là do mẹ chồng bất lương, lúc nhỏ không dạy bảo cẩn thận, hoặc là do thói quen không tốt, không có cẩn thận phận gái, mặc cho kỷ cương phép tắc, vào chùa đốt hương, nghe lời du ngoạn mua vui, nam nữ hỗn tạp, lúc đầu thì chỉ có nói đùa chưa có việc gì, lâu ngày thì trong tâm nảy sinh tà ý quan hệ bất chính, sao nói là không động tâm chứ? Cho nên sự kiện thứ nhất là phải ở nhà, nghiêm túc giữ gìn khuê môn. Trong khuê phòng, không có những lời nói đùa, thì hình phạm được hóa vậy; trong nhà, không nghe tiếng cười đùa, thì sẽ tôn kính nhau vậy. Chủ nhà không thể không cẩn thận vậy.

276 - Mậu Thân - Giáp Dần - Nhâm Dần - Đinh Mùi

Quý Sửu/ Nhâm Tý/ Tân Hợi/ Canh Tuất/ Kỷ Dậu/ Mậu Thân/ Đinh Mùi/ Bính Ngọ.

Nhâm thủy sinh vào đầu xuân, thổ hư mộc thịnh. Chế Sát thái quá. Dần Thân xung nhau, vốn là khắc mộc, chẳng biết mộc vượng kim khuyết, kim lại bị thương, thì Mậu thổ vô căn dễ theo chăm sóc, mà nhật chủ Nhâm thủy, có thể tùy hứng mà đi, thấy Tài tinh có thể, tự nhiên tòng Tài mà đi, dẫn đến hại chồng bại nghiệp, bỏ con cái mà đi theo người khác vậy.

277 - Đinh Mùi - Ất Tị - Giáp Ngọ - Đinh Mão

Bính Ngọ/ Đinh Mùi/ Mậu Thân/ Kỷ Dậu/ Canh Tuất/ Tân Hợi/ Nhâm Tý/ Quý Sửu.

Nhật nguyên Giáp Ngọ, sinh vào tháng Tị, chi thuộc nam phương, can thấu 2 Đinh, thể hỏa mãnh liệt. Tiết khí nhật chủ quá mức, trong cục không có thủy, chỉ có thể dụng Kiếp. Đầu vận lại gặp hỏa địa, sớm hình thương chồng. Là người cực thông minh xinh đẹp, mà lẳng lơ dị thường, không thể thủ tiết. Đến vận Mậu Thân, cùng mộc hỏa tranh chiến, không nói nổi vậy.

278 - Mậu Tuất - Kỷ Mùi - Bính Thìn - Mậu Tuất

Mậu Ngọ/ Đinh Mùi/ Bính Thìn/ Ất Mão/ Giáp Dần/ Quý Sửu/ Nhâm Tý/ Tân Hợi.

Cục đầy Thương quan, ngũ hành không có mộc, Ân tinh không hiện, thành cách thuận cục, cho nên là người thông minh xinh đẹp. Nhưng tứ trụ không có kim, thổ quá khô dày, Tân kim phu tinh nhảy vào Tuất mộ, người này dâm loạn quá mức. Chồng sớm chết thảm. Lại đi theo người, không quá hai đến ba năm lại khác, đến vận Ất Mão, phạm thổ vượng, tự vẫn mà chết.

279 - Mậu Ngọ - Ất Sửu - Mậu Tuất - Bính Thìn

Giáp Tý/ Quý Hợi/ Nhâm Tuất/ Tân Dậu/ Canh Thân/ Kỷ Mùi/ Mậu Ngọ/ Đinh Tị.

Mậu thổ sinh vào tháng Sửu, thổ vượng, mộc đứng khô héo, mà Sửu là kim khô, Tân kim phục tàng, không thể nhờ căn, lại thêm Thìn Tuất xung Quan tàng, mà trung vận phương tây kim địa, dâm tiện không nói nổi.

280 - Kỷ Hợi - Bính Dần - Đinh Hợi - Canh Tuất

Đinh Mão/ Mậu Thìn/ Kỷ Tị/ Canh Ngọ/ Tân Mùi/ Nhâm Thân/ Quý Dậu

Đinh hỏa sinh tháng Dần, mộc nắm quyền, hỏa gặp vượng tướng, tất lấy Hợi thủy Quan tinh làm phu tinh là rõ ràng vậy. Chi năm Hợi thủy hợp Dần hỏa mộc, mà chi ngày Hợi thủy, tất cần sinh phù mộc; can giờ Canh kim ngăn cách, không có ý sinh phù. Lại gặp Tuất thổ kẻ gần khắc, thì tình của nhật chủ, tất hướng về Canh kim vậy. Cho nên vô cùng dâm tiện vậy.

281 - Đinh Mùi - Quý Sửu - Canh Tý - Đinh Hợi

Giáp Dần/ Ất Mão/ Bính Thìn/ Đinh Tị/ Mậu Ngọ/ Kỷ Mùi/ Canh Thân.

Hàn kim hi hỏa, ngại là chi toàn Hợi Tý Sửu. Phương bắc thủy vượng, lại có can Quý khắc Đinh, Sửu Mùi xung khử Đinh hỏa dư khí, ngũ hành không có mộc, không có tình sinh hóa. Can giờ Đinh hỏa hư thoát vô căn, làm sao có thể quản nổi Canh kim chứ? Mà tình nhật chủ, cũng biết không để ý đến Đinh hỏa, cho nên tính lẳng lơ vậy.

282 - Đinh Sửu - Quý Sửu - Canh Tý - Ất Dậu

Giáp Dần/ Ất Mão/ Bính Thìn/ Đinh Tị/ Mậu Ngọ/ Kỷ Mùi/ Canh Thân/ Tân Dậu.

Canh kim sinh vào cuối mùa đông, không chỉ hàn kim hi hỏa, mà còn gặp mùa Dương Nhận Ấn thụ nắm quyền, đủ để dụng hỏa địch hàn; can tháng Quý thủy thông căn chi lộc, khắc tuyệt Đinh hỏa, đủ để đi lừa dối Quan; can giờ Ất mộc, mừng đến hợp, tình tất hướng về Tài vậy. Cho nên bỏ chồng mà đi, dâm ô không chịu nổi vậy.

283 - Đinh Sửu - Nhâm Tý - Tân Tị - Bính Thân

Quý Sửu/ Giáp Dần/ Ất Mão/ Bính Thìn/ Đinh Tị/ Mậu Ngọ/ Kỷ Mùi/ Canh Thân.

Nhâm thủy đi hợp khử Đinh hỏa Sát, Bính hỏa Quan tinh đắc lộc ở chi ngày Tị, tựa như tốt đẹp, cho nên xuất thân gia đình trước đây, vì xinh đẹp mà quyền rũ. Nhiều người thường lấy danh hiệu là so với Dương Phi. Lúc 4, 5 tuổi, mắt tú mi đẹp, đến 13, 14 tuổi càng thêm đẹp đẽ, trở thành người đẹp như tranh. Năm 18 tuổi, gả con thuộc người có học, trai tân vốn trình trắng cẩn thận hiếu học, bị mê hoặc mà phế bỏ việc học, cuối cùng vì bệnh lao mà chết. Từ đấy về sau, dâm ô không chịu nổi, về sau thân bại danh liệt. Không có chỗ nương tựa, tự vẫn mà chết. Tạo này nguyên nhân là do bị nhiều hợp. Lấy Quan hợp hóa Thương quan, gọi là Tham hợp vong Quan, mà Tị Thân hợp cũng hóa Thương quan, Đinh Nhâm hợp hóa Tài tinh, rõ ràng có chủ ý gạt bỏ Bính hỏa ra ngoài. Tình tất hướng về bên cạnh Đinh Nhâm, hướng chi can chi đều hợp, không hướng tới thì không đáng là ý trung nhân vậy.

284 - Mậu Tý - Mậu Ngọ - Quý Dậu - Mậu Ngọ

Đinh Tị/ Bính Thìn/ Ất Mão/ Giáp Dần/ Quý Sửu/ Nhâm Tý/ Tân Hợi/ Canh Tuất.

Quý thủy sinh vào tháng Ngọ, Tài quan cũng vượng, tọa dưới Ấn thụ, chi năm tọa lộc, chưa hẳn là không trung hòa. Thiên can thấu 3 Mậu thổ, tranh hợp Quý thủy, thì tình nhật chủ, càng không có định kiến; địa chi 2 Ngọ phá Dậu, mà thế Tài Quan, không phân cường nhược, tình nhật chủ hiển nhiên dựa theo thế Tài mà đi. Chỉ có can năm chính phu không có thế Tài. Cho nên lực không địch lại Quan ở can tháng và giờ, cho nên không quan tâm không dàn xếp đến chính vậy. Đến vận Ất Mão, mộc sinh hỏa vượng, 2 can thổ

giờ và tháng, vẫn được sinh phù, can thổ ở năm không hóa mà bị khắc, cho nên chồng lâm bệnh mà chết, về sau dâm ô dị thường, làm lỗi hại người, đáng tin!

285 - Ất Mùi - Tân Tị - Ất Hợi - Bính Tuất

Nhâm Ngọ/ Quý Mùi/ Giáp Thân/ Ất Dậu/ Bính Tuất/ Đinh Hợi/ Mậu Tý/ Kỷ Sửu.

Ất mộc sinh tháng Tị, Thương quan năm lệnh, hi nhất là tọa dưới Hợi Ấn xung Tị chế Thương, không chỉ nhật chủ hi được sinh phù, mà ức chế Tân kim được bảo hộ nên đẹp, đúng chỗ gọi là Thương quan dụng Ấn, độc Sát lưu thanh, chẳng những xinh đẹp mà còn tài cao, thư họa đều tinh thông. Chỉ ngại giờ Tuất gần bên khắc Hợi thủy, Bính dương thấu lộ, Tân kim thụ thương, bất lợi cung chồng con, kiêm tính cách mà phá hư cả đời vậy.

286 - Đinh Tị - Mậu Thân - Quý Sửu - Ất Mão

Kỷ Dậu/ Canh Tuất/ Tân Hợi/ Nhâm Tý/ Quý Sửu/ Giáp Dần/ Ất Mão/ Bính Thìn.

Tạo này Quan tinh Thực thần tọa lộc, Ấn thụ năm lệnh phùng sinh, Tài sinh Quan vượng, không hại Ấn thụ, Ấn thụ năm lệnh, đủ để phù thân, Thực thần đắc địa, nhất khí tương sinh, ngũ hành quân bình, thuận túy khoan thai. Chồng vinh con quý, được phong hai đời nhất phẩm.

287 - Ất Hợi - Quý Dậu - Giáp Thìn - Bính Dần

Giáp Tuất/ Ất Hợi/ Bính Tý/ Đinh Sửu/ Mậu Dần/ Ất Mão/ Canh Thìn/ Tân Tị.

Tháng 8 Quan tinh Tài tinh trợ kim, sinh vào giờ Dần, hai chi năm giờ phùng sinh đắc lộc, can thấu hỏa thủy, thế không tương khắc, có tình sinh hóa. Tài tinh đắc địa, tứ trụ thông căn, ngũ hành không nghịch, khí tĩnh ôn hòa thuận túy. Chồng vinh con quý, được phong nhất phẩm.

288 - Tân Dậu - Nhâm Thìn - Đinh Tị - Giáp Thìn

Quý Tị/ Giáp Ngọ/ Ất Mùi/ Bính Thân/ Đinh Dậu/ Mậu Tuất/ Kỷ Hợi/ Canh Tý.

Thương quan tuy vượng, hợp Dậu hóa kim, thì nguyên thần Quan tinh càng dày vậy. Tị hỏa củng kim, Thìn thổ dẫn, thì nguyên thần Tài càng thêm kiên cố. Giờ thấu Ấn tinh, trợ ánh sáng cho nhật chủ, chế Thìn thổ Thương quan, chỗ gọi là mộc không khô, hỏa không mãnh liệt, thủy không khô cạn, thổ không tảo, kim không giòn, khí tĩnh an hoà. Chồng vinh con quý, được phong nhất phẩm phu nhân.

289 - Kỷ Tị - Quý Dậu - Nhâm Thìn - Giáp Thìn

Giáp Tuất/ Ất Hợi/ Bính Tý/ Đinh Sửu/ Mậu Dần/ Kỷ Mão/ Canh Thìn/ Tân Tị.

Mùa thu thủy thông nguyên, Ấn tinh năm lệnh, Quan Sát tuy vượng, chế hóa hợp tình, càng đẹp giờ thấu Giáp mộc, chế Sát thổ tú, nhất khí tinh khiết, cho nên nhân phẩm đoan chính, tinh thông thi thư. Hi vận trình không có hỏa. Quan không được trợ, Ấn không thụ khắc, phu tinh quý hiển, con cái xinh giỏi, được phong nhị phẩm phu nhân.

290 - Canh Thìn - Nhâm Ngọ - Ất Hợi - Quý Mùi

Tân Tị/ Canh Thìn/ Kỷ Mão/ Mậu Dần/ Đinh Sửu/ Bính Tý/ Ất Hợi/ Giáp Tuất .

Mộc sinh tháng Ngọ, mùa thể hỏa mãnh liệt mà kim giòn yếu, hỉ có Nhâm Quý thông căn chế hỏa, Thìn thổ tiết hỏa sinh kim, thì hỏa thổ không quá tảo, thủy mộc không khô cạn, liên tục tương sinh, thanh mà thuần túy. Là trung nữ tài hoa, sinh ba con, chồng làm quan kinh thành, gia đạo thanh hàn. Ở nhà dạy con đọc sách, hai con đăng khoa, một con đăng khoa, một con phát Giáp, chồng làm quan Lang Trung, con làm quan Ngự Sử, được phong nhị phẩm phu nhân.

291 - Canh Thìn - Mậu Dần - Ất Dậu - Nhâm Ngọ

Đinh Sửu/ Bính Tý/ Ất Hợi/ Giáp Tuất/ Quý Dậu/ Nhâm Thân/ Tân Mùi/ Canh Ngọ.

Ất mộc sinh vào đầu xuân, mộc non kim cứng, hỉ nhất có giờ Ngọ chế Sát hộ thân, là Hàn Mộc hướng dương, Quan Ấn song thanh, Tài tinh sinh Quan, không phá Ấn thụ, thuần túy trung hòa. Chồng làm quan nhị phẩm, 5 con 23 cháu, cả đời không bệnh tật, vợ chồng yêu nhau, thọ hơn 80 tuổi, không bệnh mà chết, hậu duệ đều hiển quý.

292 - Bính Thìn - Quý Tị - Đinh Sửu - Giáp Thìn

Nhâm Thìn/ Tân Mão/ Canh Dần/ Kỷ Sửu/ Mậu Tý/ Đinh Hợi/ Bính Tuất/ Ất Dậu.

Đinh hỏa sinh tháng Tị, Quý thủy phu tinh thanh thấu, can giờ Giáp mộc, Ấn thụ độc thanh. Cách này phẩm chất đoan trang, giữ thân trinh khiết. Tiếc bính hỏa thái vượng, sinh trợ Thương quan, dẫn đến phá tổn tiền của. Tuy nhiên hỉ có Tị Sửu trợ kim, Tài tinh đắc dụng, thân vượng lấy Tài làm con, dạy con thành danh, hai con đều quý, được phong tam phẩm phu nhân.

293 - Bính Dần - Tân Mão - Quý Dậu - Mậu Ngọ

Canh Dần/ Kỷ Sửu/ Mậu Tý/ Đinh Hợi/ Bính Tuất/ Ất Dậu/ Giáp Thân/ Quý Mùi.

Quý thủy sinh vào giữa mùa xuân, tiết khí nhật chủ, thêm Tài Quan cùng vượng, nhật chủ nhu nhược, lấy Ấn làm phu tinh, thanh mà đắc dụng, là người giữ vững đức tính đoan trang, cần cù dệt vải. Đến Sửu vận, tiết hỏa trợ kim, sinh liên hai con; vận Mậu Tý, xung khử Ngọ hỏa, không thương Dậu kim, chồng đăng khoa giáp bảng; giao vận Đinh Hợi, Dậu quay về vậy. Bệnh của tạo này, thật ra là do Tài vượng. Thiên can Tân kim, Bính hỏa hợp Tân, địa chi Dậu kim, Ngọ hỏa phá Dậu, thêm Dần Mão nắm quyền sinh hỏa, vận Đinh Hợi hợp Dần hóa mộc, trợ khởi vượng thần, lại còn Đinh hỏa khắc mất Tân kim, hết lộc vậy.

294 - Tân Sửu - Tân Mão - Bính Tý - Quý Tị

Nhâm Thìn/ Quý Tị/ Giáp Ngọ/ Ất Mùi/ Bính Thân/ Đinh Dậu/ Mậu Tuất/ Kỷ Hợi.

Bính hỏa sinh vào giữa xuân, là mùa hỏa tương mộc vượng, đúng được tượng trung hòa, hai trụ năm tháng thấu Tài tinh, địa chi Tị Sửu trợ kim, Tài vượng sinh Quan, Quan tinh đắc lộc, lấy Ấn làm phu tinh, gọi là Chân Thần đắc dụng. Vốn tính cần kiệm, dệt vải giúp chồng đi học, cam chịu phụng sự làm cho bố mẹ chồng vui lòng. Đến vận Giáp Ngọ, trợ thân hộ Ấn, chồng đăng khoa giáp bảng, phong làm quan; thọ đến vận Dậu, hội kim cục xung phá Mão mộc, hết lộc.

295 - Đinh Dậu - Quý Mão - Bính Thìn - Bính Thân

Giáp Thìn/ Ất Tị/ Bính Ngọ/ Đinh Mùi/ Mậu Thân/ Kỷ Dậu/ Canh Tuất/ Tân Hợi .

Bính hỏa sinh vào giữa xuân, Quan thâu Tài tàng, Ấn tinh nắm lệnh, Tì Kiếp trợ thân, tựa là như vượng. Ngại là Mão Dậu xung phá, Quý Đinh tương khắc, mộc hỏa tổn hại mà kim thủy sinh tồn, tuy dựa vào can giờ Bính hỏa trợ thân, nhưng Bính tọa Thân kim, cũng tự thân không lo xong. Hỉ trong Thìn xúc tàng dư khí, còn một chút mầm gốc, hãy còn mùa xuân, còn có thể dự trữ, so với tạo trước nhược hơn, cũng lấy Ấn làm phu tinh, là người đoan trang thùy mị, có tri thức hiểu lễ nghĩa; vận Bính Ngọ, phá Dậu kim, chồng đăng khoa, sinh hai con, phong làm tứ phẩm phu nhân; đến ngoài 40 tuổi, vận Mậu Thân, tiết hỏa sanh kim, hết lộc.

296 - Quý Sửu - Canh Thân - Mậu Ngọ - Kỷ Mùi

Tân Dậu/ Nhâm Tuất/ Quý Hợi/ Giáp Tý/ Ất Sửu/ Bính Dần

Mậu thổ sinh vào đầu mùa thu, trụ có Kiếp Ấn trùng điệp, được Thực thần nắm lệnh, tiết kỳ tinh anh, mừng Quý thủy nhuận thổ dưỡng kim, tú khí lưu hành. Là người nhân phẩm đoan trang, biết đại nghĩa, tuy xuất thân nông gia, an bản dật vãi nuôi chồng, hiếu lễ cha mẹ chồng. Đến vận Quý Hợi, chồng thi hương, đăng giáp bảng, làm quan Hoàng đường, tuy chồng quý hiển, chồng thường thấy quý mà tự phụ kiêu căng, ở nhà vẫn dật vãi. Sinh 4 con, đều thông minh xinh đẹp, thọ đến vận Bính, đoạt Thực hết lộc.

297 - Quý Mùi - Canh Thân - Mậu Tuất - Kỷ Mùi

Tân Dậu/ Nhâm Tuất/ Quý Hợi/ Giáp Tý/ Ất Sửu/ Bính Dần/ Đinh Mão/ Mậu Thìn.

Tạo này cùng trụ trước, chỉ có khác hai chữ Mùi Tuất, còn lại đều giống nhau. Mùi Sửu đều là thổ, Ngọ Tuất thay nhau, nên dụng kim khử hỏa. Tình thế xem qua thắng hơn trụ trước, sao kim lại không bằng vậy? Nói đến Sửu thuộc phương bắc thấp thổ, có thể hồi hỏa sinh kim, lại có thể chứa thủy, Mùi thuộc nam phương thổ tảo, có thể làm kim giòn trợ hỏa, lại có thể làm khô thủy; Ngọ tuy là hỏa, gặp Sửu thổ mà tham sinh, Tuất tuy là thổ, tàng hỏa mà càng khô tảo. May mắn thu kim dụng sự, cho nên là quý vậy. Tuy xuất thân bản hàn, mà nhân phẩm đoan trang, giữ gia đạo cẩn kiem. Chồng đăng trung hương bảng. Làm huyện lệnh, sinh hai con.

298 - Kỷ Dậu - Tân Mùi - Mậu Thìn - Nhâm Tuất

Nhâm Thân/ Quý Dậu/ Giáp Tuất/ Ất Hợi/ Bính Tý/ Đinh Sửu/ Mậu Dần/ Kỷ Mão.

Thổ sinh mùa hạ hưng thịnh, hỉ là không có mộc, phú quý vậy. Cho nên xuất thân con nhà quan thế, thông thi thư, đạt lễ giáo. Đến Dậu vận, phu tinh lộc vượng, sinh một con, chồng đăng khoa. Vận Giáp Tuất, hình xung xuất Đinh hỏa, gia đạo chia lìa, tuổi xuân thủ tiết, khổ hạnh chí nguyện dạy con thành danh. Đến Tý vận, con đăng khoa, làm quan tri huyện, thọ đến Dần vận phương kim tuyệt địa.

299 - Đinh Hợi - Nhâm Tý - Quý Sửu - Giáp Dần

Quý Sửu/ Giáp Dần/ Ất Mão/ Bính Thìn/ Đinh Tị/ Mậu Ngọ/ Kỷ Mùi/ Canh Thân.

Quý thủy sinh vào giữa đông, chi toàn Hợi Tý Sửu, một khí phương bắc hàn lạnh, khí thể lan tràn, một chút Đinh hỏa vô căn, hi nhất giờ Dần, nạp thủy mà tiết kỳ tinh hoa. Giáp mộc phu tinh tọa lộc, cho nên là người thông minh xinh đẹp, đoan trang thùy mị; hi vận trình đông nam, nơi chỗ mộc hỏa, chồng vinh con tú, phúc trạch có thừa.

300 - Ất Mão - Bính Tuất - Ất Mão - Đinh Hợi

Đinh Hợi/ Mậu Tý/ Kỷ Sửu/ Canh Dần/ Tân Mão/ Nhâm Thìn/ Quý Tị/ Giáp Ngọ.

Ất mộc sinh vào cuối thu, trong trụ tọa hai lộc vượng, Hợi Mão lại hợp trợ mộc, tứ trụ không có kim, nhật nguyên vượng. Hi có Bính Đinh cùng thấu lộ, tiết mộc sinh thổ. Tài tinh làm phu tinh, là người đoan trang hòa thuận, chồng đẳng trủng hương bảng, xuất thể làm quan. Sinh 3 con, thọ đến Nhâm vận.

301 - Mậu Dần - Giáp Dần - Đinh Mùi - Tân Sửu

Quý Sửu/ Nhâm Tý/ Tân Hợi/ Canh Tuất/ Kỷ Dậu/ Mậu Thân/ Đinh Mùi/ Bính Ngọ.

Đinh hỏa sinh vào đầu xuân, Ấn thụ quá trọng, hi nhất có giờ Sửu, tọa dưới Tài khố, xung khứ Ấn tàng trong Mùi, khởi sinh Tài tinh, tất lấy Tân kim làm phu tinh; Sửu thổ là Tử tinh vậy. Đầu vận phương bắc thủy địa, tiết kim sinh mộc, xuất thân hàn vi; đến vận Canh Tuất, Kỷ Dậu, Mậu Thân 30 năm là nơi đất thổ kim, chồng phát tài dư dả, sinh 3 con đều quý, được người cung kính. Chỗ gọi là Khí Ấn tự Tài, mà chồng được con giúp. Cho nên về sau con cháu phát vinh hiển vậy.

302 - Nhâm Thìn - Kỷ Dậu - Tân Sửu - Quý Tị

Mậu Thân/ Đinh Mùi/ Bính Ngọ/ Kỷ Tị/ Giáp Thìn/ Quý Mão/ Nhâm Dần.

Tân kim sinh vào giữa mùa thu, chi toàn kim cục, ngũ hành không có mộc, Tị hỏa hợp trở thành trợ kim, tất không lấy Quan làm dụng. Hi có Nhâm Quý cùng thấu, tiết kỳ tinh anh, là người thông minh đoan trang, hiểu biết khá nhiều thi lễ. Đáng tiếc, 19 tuổi vận trình Đinh Mùi, nam phương hỏa địa, sinh thổ làm suy thủy, lưu niên Canh Tuất, chi toàn khắc thủy, không con mà chết.

303 - Giáp Ngọ - Bính Dần - Ất Mão - Kỷ Mão

Ất Sửu/ Giáp Tý/ Quý Hợi/ Nhâm Tuất/ Tân Dậu/ Canh Thân/ Kỷ Mùi/ Mậu Ngọ.

Mộc vượng phùng hỏa, tượng thông minh, càng đẹp là không có kim thủy, thuần thanh không tạp, là người đoan trang. Lấy Bính hỏa làm phu tinh, tiếc là vận trình phương bắc thủy địa, cũng không thọ vậy, sinh 3 con chỉ còn một, đến vận Nhâm, khắc Bính hỏa mà trở ngại vậy. Nếu so sánh hai tạo vận đồ đều thuận hành, không chỉ trường thọ, nếu là nam mệnh thì danh lợi lưỡng toàn, nữ mệnh tất chồng vinh con quý vậy.

304 - Đinh Mùi - Nhâm Dần - Ất Mão - Kỷ Mão

Quý Mão/ Giáp Thìn/ Ất Tị/ Bính Ngọ/ Đinh Mùi/ Mậu Thân/ Kỷ Dậu/ Canh Tuất.

Xuân mộc dày đặc, là cục vượng vậy. Can giờ Kỷ thổ vô căn, lấy Đinh hỏa làm phu tinh. Đinh Nhâm hợp hóa, khứ thủy nhưng lại hay, không nên hóa mộc, cho nên xuất thân bản hàn. Mừng vận trình nam phương hỏa địa, chẳng những trợ chồng hưng gia, mà còn

con cái cũng nhiều. Thọ đến Thân vận, Nhâm thủy phùng sinh mà gặp trở ngại. Tạo này so với tạo trước, tạo này không bằng, nhưng do mệnh tốt không bằng vận tốt. Nam nữ đều đúng vậy.

Chương 7 - Tiểu Nhi

Luận Tài luận Sát luận Tinh thần,

Tứ trụ hòa bình dễ nuôi dưỡng,

Khí thể đi dài không đoạt mất,

Cửa Sát dù có không hại thân.

Nguyên chú: Tài thần không bè đảng Thất Sát, chủ vượng tinh thần đủ thông, can chi yên ổn hòa bình. Lại phải xem khí thể, như khí thể ở nhật chủ, mà nhật chủ hung tráng; khí thể ở Tài Quan, mà Tài Quan không nghịch với nhật chủ; khí thể ở đông nam, mà trước 5,7 tuổi, không hành tây bắc; khí thể ở tây bắc, mà trước 5, 7 tuổi, không hành đông nam. Hành vận không gặp mất trước, chỗ này là khí thể xa dài, dù có cửa Sát, cũng không hại thân.

Nhâm thị viết : Mệnh tiểu nhi, thường thấy rõ là dễ thương thì khó nuôi, xấu xí khó nhìn thì lại dễ lớn, tuy là cửa vận khí gia môn, cũng cần xem xét căn nguyên là nông hay sâu. Mà mệnh Tiểu nhi, thì giống như mầm quả ban đầu, cần phải bồi bổ thật tốt, là tất nhiên không cần phải nói. Nhưng trước khi chưa thành hình, cha mẹ không kiềm chế việc phòng the, trong chất độc thụ thai, sau khi vừa sinh ra, quan tâm quá mức, hoặc là không có kiêng kỵ ăn uống, hoặc là không có điều hòa ẩm lạnh, mang theo nhiều loại tật bệnh, thậm chí không kể hết nổi. Còn có gia đình tích ác, mà không lo sợ, dù mệnh tiểu nhi, là rõ ràng thuần túy, cho nên khó nuôi dưỡng vậy. Kế đến liên quan đến kỵ âm dương mộ phần, di dời sửa chữa làm tổn hại, dẫn đến chết yểu. Cho nên mệnh tiểu nhi, là không dễ xem vậy. Ngoài trừ những điều đã kể ra, tiếp theo luận mệnh, tất cần tứ trụ yên bình, không bị thiên khô, không bị xung khắc, thông căn nguyệt lệnh, khí thông giờ sinh, Sát vượng có Ấn, Ấn nhược có Quan, Quan suy có Tài, Tài khinh có Thực Thương, sinh hóa hữu tình, lưu thông không nghịch, hoặc có một thần đặc dụng, thủy chung không xấu, hoặc hai ý tương thông, che chở lẫn nhau, chưa giao vận mà lưu niên bình thuận, vừa giao vận thì vận đồ an tường, chỗ này gọi là khí thể xa dài, tự nhiên dễ dàng thành người, trái lại chỗ này tất là khó nuôi vậy. Còn lại cửa sát nhiều loại, tất cả đều sai lầm xằng bậy, tất nên loại bỏ toàn bộ, chấm dứt sai lầm về sau.

305 - Tân Sửu - Quý Tị - Bính Tý - Đinh Dậu

Nhâm Thìn/ Tân Mão/ Canh Dần/ Kỷ Sửu/ Mậu Tý/ Đinh Hợi

Bính hỏa sinh vào tháng Tị, tuy nói là kiến lộc, nhưng ngũ hành không có mộc sinh trợ. Thiên can lại thấu Tài Quan, địa chi không nên lại thấy Dậu Tý, lại càng không nên hội kim cục. Tuy Đinh hỏa có thể trợ thân, Quý thủy làm tổn hại, gọi là Tài đa thân nhược, lại thêm có Quan tinh vượng, nhật chủ cực hư nhược vậy. Và lại đầu vận giao

Nhâm phùng Sát, năm Tân Hợi, thiên can gặp Nhâm Quý khắc Bính Đinh, địa chi Hợi xung Tị phá lộc, nhờ hết căn vận, mắc bệnh cam tích vàng da mà chết.

306 - Quý Sửu - Kỷ Mùi - Bính Dần - Tân Mão

Mậu Ngọ/ Đinh Tị/ Bính Thìn/ Ất Mão/ Giáp Dần/ Quý Sửu

Tạo trước bởi vì Tài Quan thái vượng, dẫn đến yếu mệnh, tạo này nhật chủ tọa trường sinh, lại sinh mùa hạ, Tài Quan là dụng thần, Thương Quan là hi thần, Thương sinh Tài, Tài lại sinh Quan, tựa như là sinh hóa hữu tình. Chẳng biết tạo trên là Tài đa thân nhược, lấy Quan thành Sát, tạo này Tài tuyệt Quan hưu tù, e rằng khó hưởng hậu hỷ. Quý thủy Quan tinh sinh tháng Mùi, hỏa thổ tảo khô, dư khí ở Sửu, tàng kim chứa thủy, nhưng Kỷ thổ phủ đầu làm tổn thương Quý thủy, Sửu Mùi xung mất căn gốc kim thủy, can giờ Tân lại lâm tuyệt địa, tuy có mà như không, cách xa làm sao có thể sinh Quý thủy chứ? Thì Kỷ thổ cũng không thể sinh kim xa cách. Mà vận trình lại chạy đến đông nam đất mộc hỏa, nhất định không thể là người kế thừa gia nghiệp vậy.

307 - Canh Tuất - Nhâm Ngọ - Bính Dần - Kỷ Hợi

Quý Mùi/ Giáp Thân/ Ất Dậu/ Bính Tuất/ Đinh Hợi/ Mậu Tý

Bính dụng Nhâm Sát, thân cường Sát yếu, lấy Sát hóa quyền. Hi Tài sinh Sát nhược, tất nhiên là danh lợi song toàn. Tiếc là chi toàn hỏa cục, Dần Hợi lại hợp hóa mộc mà sinh hỏa, can năm tháng Nhâm Canh vô căn mà thiếu sinh phù, đến năm Đinh Tị, Tị xung Hợi khử mất lộc Nhâm thủy, Đinh hỏa hợp khử Nhâm thủy dụng thần, chết do bệnh cam tích vàng da.

308 - Nhâm Thân - Mậu Thân - Nhâm Thân - Mậu Thân

Kỷ Dậu/ Canh Tuất/ Tân Hợi/ Nhâm Tý/ Quý Sửu/ Giáp Dần

Nhâm thủy sinh vào mùa thu, địa chi đều tọa đất trường sinh, thiên can thấu hai Mậu, nhìn qua xu hướng, địa chi toàn là nhất khí, là Lưỡng can bất tạp, mà lại là Sát Ấn tương sinh, là đại quý cách. Chẳng biết kim đa thủy trợ, mẫu đa tử bệnh, tứ trụ không có hỏa khắc kim, kim lại không thể sinh thủy, tinh hoa Mậu thổ tiết hết ở kim, gọi là tượng thiên khô, tất nhiên khó nuôi dưỡng, danh lợi đều hư, quả nhiên chết vào năm 3 tuổi năm Giáp Tuất.

309 - Nhâm Thân - Giáp Thìn - Nhâm Thân - Mậu Thân

Ất Tị/ Bính Ngọ/ Đinh Mùi/ Mậu Thân/ Kỷ Dậu/ Canh Tuất

Nhâm thủy sinh vào cuối mùa xuân, tựa như Sát Ấn tương sinh, địa chi gặp 3 Thân kim trường sinh, Thực thần chế Sát thành quyền, định là quý cách. Chẳng biết xuân thổ hư khí, tháng thấu Giáp mộc, chẳng những Thìn thổ bị chế, mà can giờ Mậu thổ, cũng bị khắc. Ngũ hành không có hỏa, không được may mắn sinh sôi, cũng là mẫu đa tử bệnh, là tượng thiên khô, tất nhiên khó nuôi dưỡng. Về sau chết do bệnh đậu mùa.

310 - Quý Sửu - Nhâm Tuất - Đinh Hợi - Nhâm Dần

Tân Dậu/ Canh Thân/ Kỷ Mùi/ Mậu Ngọ/ Đinh Tị/ Bính Thìn

Tạo này Đinh hỏa âm nhu, sinh vào cuối thu, Quan Sát trùng điệp, tất không thể nuôi dưỡng. Chẳng biết Quan Sát tuy vượng, hay là ở tháng Tuất, thân thông căn khó, đủ để chế thủy, càng hay là không có kim, chỉ giờ Dần mộc không tổn thương, khí thông ở giờ sinh, đủ để nạp thủy, chẳng những dễ nuôi, mà còn có thể toại chí họa hành. Nhưng mà một loại Quan Sát, chớ nên lấy Quan là hi, Sát là ghét, thân nhược thì Quan đều là Sát, thân vượng thì Sát đều là quan, chỉ cần không có Tài mà có Ấn, liền là tạo tốt. Như nói Đinh hỏa tử ở Dần, là cực kỳ sai lầm vậy. Dần tàng Giáp mộc, chính là mẫu của Đinh, có sao lại tử? Phàm can âm lấy sinh địa làm tử, tử địa là sinh, là không phải chính luận vậy. Quả nhiên lúc nhỏ không có bệnh tật, thông minh hơn người, sau đến năm Giáp Tuất nhập học. Vận đến nam phương hỏa thổ, chế Sát phù thân, không thể hạn chế số lượng thành công vậy.

311 - Nhâm Tuất - Giáp Thìn - Đinh Dậu - Kỷ Dậu

Ất Tị/ Bính Ngọ/ Đinh Mùi/ Mậu Thân/ Kỷ Dậu/ Canh Tuất

Tạo này đại thể nói thấu mộc ở can tháng, xuân mộc đủ để sinh hỏa, can năm Nhâm thủy sinh mộc, ngày giờ tọa hai trường sinh, đều luận lấy vượng. Tiếc rằng địa chi thổ kim thái trọng, tất là căn thiên can thủy mộc yếu, thủy mộc vô khí, thì mái ấm của Đinh hỏa không được kiên cố. Giáp mộc sinh vào cuối mùa xuân, mộc đang thoát khí, Thìn Dậu hợp mà hóa kim, thì dư khí Giáp mộc lâm tuyết địa. Tuất thổ ngăn cách, khiến cho kim không thể sinh thủy, Tuất thổ đủ để chế thủy, Nhâm thủy thụ khắc mà không thể sinh mộc. Thìn Dậu hóa kim, tất có thể khắc mộc, cũng biết căn gốc nhật chủ không kiên cố. Nếu như nói Dậu là nơi Đinh hỏa trường sinh, là ngũ hành đảo nghịch vậy. Trong Dậu thuần có Tân, không có tạp khí, kim sinh thủy, lý là không có sinh hỏa. Hỏa đến Dậu kim, đất tử tuyệt, càng sợ can giờ có Kỷ thổ, lấy mất đi nguyên thần nhật chủ, sinh kim tiết hỏa, mà 3 chữ thủy mộc hỏa đều hư nhược vậy. Hậu quả chết yếu ở năm Quý Dậu. Bởi vậy luận mệnh tiểu nhi, là không dễ nhìn vậy.

Chương 8 - Tài Đức

Đức thắng Tài, cục hợp phong cách quân tử; Tài thắng Đức, dụng tượng hiển lộ đa năng.

Nguyên chú: Thanh hòa thuận lợi, chủ phụ trợ được thỏa đáng, chỗ hợp đều là chính thân, chỗ dụng đều là chính khí, không nên phức tạp, không nên làm giả hóa thật, Tài Quan hi thân, đều theo cả đời; tâm không sinh ham mê, độ lượng khoan dung, hành động tất chính, đều là phong độ quân tử vậy. Tài yếu mà thân vượng đủ để tham lam, Quan khinh mà tâm chí tất theo mà cầu, nhờ bản mà bị hại, chủ nhược phụ giúp cường, tranh hợp tà thân, 3, 4 dụng thân, nổi lòng gian tham, việc làm gặp may, đều là tượng đa năng. Đại để dương ở trong, âm ở ngoài, không kích không kháng là đức thắng tài, như tháng ngày là Bính Dần Mậu Thìn, năm giờ Kỷ Mão Quý Mão là đúng; dương ở ngoài, âm ở trong, sợ thế xu lợi, là tài thắng đức, như tháng ngày Kỷ Mão Kỷ Tị, năm giờ Bính Dần Mậu Dần là đúng.

Nhâm thị viết: Thiện ác chính tà, không ngoài lý lẽ ngũ hành; quân tử tiểu nhân, cũng không tách khỏi tình của tứ trụ. Dương khí động ích, nghĩa đáng xem là thuận lợi có

ích; âm khí thuận tĩnh, lý lẽ bao hàm sâu xa. Hòa bình thuận túy, là cách chính cục thanh, không tranh không đổ, hợp khử đều là khí thiên lệch, hóa xuất đều là chính thần, hỉ Quan mà Tài có thể sinh Quan; hỉ Tài mà Quan có thể khắc chế Kiếp, kỵ Ân mà Tài có thể phá Ân; hỉ Ân mà Quan có thể sinh Ân, dương thịnh âm suy, dương khí nắm quyền, chỗ dùng đều là dương khí, chỗ hỉ đều là loại dương, ở trên dưới đều không kiêu nịnh, đều là phong cách quân tử vậy. Khí thiên lệch tạp loạn, bỏ nhược dụng cường, nhiều tranh nhiều hợp, hợp khử đều là chính khí, hóa ra đều là tà thần, hỉ Quan mà lâm Kiếp địa, hỉ Tài mà cư nơi Ân, kỵ Ân mà Quan tinh sinh Ân, hỉ Ân mà Tài phá Ân, âm thịnh dương suy, âm khí nắm quyền, chỗ dùng đều là âm khí, chỗ hỉ đều là loại âm, xu thế Tài ở xung quanh, đều là tượng đa năng vậy. Nhưng được khí thể hòa bình, dụng thần rõ ràng, hành động nhất định cũng chân chính vậy.

312 - Quý Dậu - Mậu Ngọ - Canh Dần - Đinh Sửu

Đinh Tị/ Bính Thìn/ Ất Mão/ Giáp Dần/ Quý Sửu/ Nhâm Tý

Canh kim sinh vào giữa mùa hạ, Chính Quan đặc lộc, thông căn ở năm giờ Dậu Sửu, khí đúng trung hòa. Dần Ngọ Tài Quan cùng hợp, Tài không phá Ân, Quan có thể sinh Ân, 3 chữ Tài Quan Ân, sinh hóa không nghịch, Quý theo Mậu hợp, khử đi khí âm trọc, cho nên phẩm chất đoan chính, giữ gìn đạo lý truyền thống. Sớm nhập học, tự mình dạy ngu; Đinh Dậu đăng khoa, về sau không nhận chức tri huyện, tình nguyện dạy học, sống thanh bần đạo hạnh. Có người nói nhỏ rằng: Công danh, sừng sững không chọn khoa đăng ngôi cao mà cũng thành công danh, công thành danh được, hưởng hồ ta không có tài lợi hại, thì dạy học bất tất y không đủ áo cơm, được ta đi chí nguyện của ta, thì không phụ ân đức của bậc cha ông vậy!

313 - Bính Dần - Canh Tý - Kỷ Hợi - Giáp Tuất

Tân Sửu/ Nhâm Dần/ Quý Mão/ Giáp Thìn/ Ất Tị/ Bính Ngọ

Kỷ thổ sinh vào giữa mùa đông, thể thấp hàn, thủy lạnh mộc héo, Canh kim lại khắc mộc sinh thủy, hầu như là hỗn trọc. Hay là ở can năm thâu Bính, là Nhất dương giải hàn, được sưởi ấm ngày đông rét, khử trọc Canh kim, không những bản thân mừng được sưởi ấm, mà Giáp mộc cũng mừng được phát vinh; càng hay có thêm giờ Tuất là tảo thổ, ngăn khối thủy trọc, bồi dưỡng mộc khô héo, mà nhật chủ cũng có căn nguyên. Hướng hồ Giáp Kỷ hợp trung hòa, cho nên xử thế đứng đắn, giữ gìn đạo lý truyền thống, liêm khiết đứng đắn thuận hòa, có phong cách quân tử ngày xưa. Chỉ sợ thể thủy thái vượng, công danh chỉ có cử nhân.

314 - Bính Tuất - Tân Sửu - Kỷ Mão - Giáp Tý

Nhâm Dần/ Quý Mão/ Giáp Thìn/ Ất Tị/ Bính Ngọ/ Đinh Mùi

Tạo này thủy lạnh kim hàn, thổ lạnh mộc héo, được can năm thâu Bính, là Nhất dương giải hàn, hầu như là tốt. Nhưng mà Bính Tân hợp hóa thủy, là lấy dương biến thành âm, lại gia tăng hàn khí. Tượng chính dương lại biến thành loại tà âm, cho nên là loại người tham lam không chán, chồng chất gian mưu, xu tài nhận thế, gặp phú quý mà tham siểm nịnh, kiêu căng nịnh hót, chỗ gọi là tượng đa năng vậy.

Chương 9 - Phấn Ưc

Trong cục hiển lộ cơ phần phát, là thần ý thông suốt; tượng bên trong nhiều khí chôn nặng, là tâm uất chí hồi.

Nguyên chú: Dương minh dụng sự, dụng thần đắc lực, thiên địa giao thái, thần hiển tinh thông, tất nhiều phần phát; âm hồi dụng sự, tình nhiều sinh luyện, chủ nhược thần cường, thần tàng tinh tiết, người nhiều buồn khốn. Nếu thể thuần dương, thân vượng mà Tài Quan vượng, tất là phần phát; cục thuần âm, thân nhược mà Quan Sát nhiều là nhiều khốn đốn.

Nhâm thị viết: Không uất ức mà nhiều dễ chịu, trong cục không thái quá, không khuyết hãm, chỗ dụng đều đắc khí, hi thần đều đắc lực, kỵ thần đều thất thế, nhân thần không kết đảng kỵ vật, lại có ích cho hi dụng, kỵ hợp mà gặp xung, kỵ xung mà gặp hợp, thể âm dụng dương, cho nên Nhất dương sinh ở phương bắc, âm sinh thì dương thành, giống như Giáp mộc tàng trong Hợi vậy. Tuế vận lại cần giúp cách trợ dụng, tất nhiều cơ phần phát. Thiếu thông suốt, mà nhiều uất ức, trong cục hoặc là thái quá, hoặc là khuyết hãm, chỗ dụng đều là thất lệnh, chỗ hi đều là vô lực, chỗ kỵ đều là đắc thế, nhân thần chiếm đoạt, hi thần lại đi trợ kỵ thần, hi hợp mà gặp xung, kỵ hợp mà gặp hợp, thể dương dụng âm, cho nên Nhị âm sinh ở phương nam, dương sinh thì âm thành, giống như Kỷ thổ tàng trong Ngọ vậy. Chi Tuế lại không bỏ hi khứ kỵ, tất nhiều buồn khốn. Nhưng cục dù âm hồi, mà vận đồ phối hợp dương minh, cũng có thể thông suốt; tượng tuy là dương minh, mà vận đồ phối hợp âm hồi, cũng bị uất ức khốn đốn, cho nên vận đồ cần phải xem xét thận trọng.

Như dụng Giáp tàng ở trong Hợi, thiên can có Nhâm Quý, thì vận thích hợp Mậu Dần Kỷ Mão; thiên can có Canh Tân, thì vận thích hợp Bính Dần, Đinh Mão; thiên can có Mậu Kỷ, thì vận thích hợp Giáp Dần Ất Mão.

Như dụng Kỷ thổ tàng ở trong Ngọ, thiên can có Nhâm Quý, thì vận thích hợp Canh Ngọ Tân Mùi. Chỗ này theo tàng thần mà luận, minh cũng luận giống như vậy.

Như dụng thiên can thuộc mộc, địa chi thủy vượng, thì thích hợp vận Bính Dần Đinh Mão; thiên can có thủy, thì thích hợp vận Mậu Dần Kỷ Mão; địa chi nhiều kim, thì thích hợp vận Giáp Tuất Ất Hợi; thiên can có thổ, thì thích hợp vận Giáp Tý Ất Sửu; địa chi nhiều hỏa, thì thích hợp vận Giáp Thìn Ất Tị; thiên can có hỏa, thì thích hợp vận Nhâm Tý Quý Sửu. Phối hợp như thế, thứ đến không có họa tranh chiến, mà trái lại có tình chế hóa, chỗ này nhất định là không tốt vậy. Nghiên cứu kỹ càng, tự có thâm cơ vậy.

315 - Mậu Thìn - Giáp Tý - Nhâm Tý - Tân Hợi

Ất Sửu/ Bính Dần/ Đinh Mão/ Mậu Thìn/ Kỷ Tị/ Canh Ngọ

Nhâm thủy sinh vào giữa mùa đông, gặp lộc vượng, chỗ gọi là nước Côn Lôn, thì có thể thuận mà không thể nghịch vậy. Hi Tý Thìn cùng thủy, thì cần Mậu thổ không kiên cố, can tháng Giáp mộc làm dụng, tiết hóa thủy phiếm loạn, tức chỗ này trong cục hiển lộ cơ phần phát vậy. Đến vận Bính Dần, Đinh Mão, hàn mộc được hỏa mà phát phồn vinh,

khử đi kim thổ âm hàn, sớm đăng khoa giáp, danh cao Hàn uyên; đến vận Mậu Thìn, nghịch thủy thổ, dẫn đến mất mạng.

316 - Giáp Thân - Bính Tý - Quý Hợi - Quý Hợi

Đinh Sửu/ Mậu Dần/ Kỷ Mão/ Canh Thìn/ Tân Tị/ Nhâm Ngọ

Quý thủy sinh vào giữa mùa đông, gặp 3 chi vượng, xu thế chảy tràn lan, hi có Giáp Bính cùng thấu, chi gặp tuyệt xứ phùng sinh, mộc thổ cùng nhau hộ vệ, kim được lưu hành, thủy được ôn hòa, mộc được phát vinh, hỏa được sinh phù, dụng thần nhất định là Giáp mộc, là có cơ phần phát. Giao vận Mậu Dần, một đường thẳng tiến. Vận Kỷ Mão sớm toại công danh. Vận Canh Thìn, Tân Tị tuy có chế hóa hữu tình, nhưng không có ý sinh phù, dẫn đến đường quan lận đận, không thể hiển đạt vậy.

317 - Giáp Thân - Canh Ngọ - Đinh Hợi - Nhâm Dần

Tân Mùi/ Nhâm Thân/ Quý Dậu/ Giáp Tuất/ Ất Hợi/ Bính Tý

Tạo này 4 chữ thiên can, địa chi đều tọa lộc vượng, duy chỉ nhật chủ tọa lộc nắm lệnh, vốn đủ đảm nhận Tài Quan. Thanh mà còn dày. Thanh đủ thần vượng, cho nên vận đông tây nam bắc, đều an bình. Xuất thân sản nghiệp hơn trăm vạn, sớm đăng khoa giáp, nhân từ bốn phương, ngoài 60 tuổi hồi hương. Một vợ bốn thiếp, 13 con, nhân hạ tuổi già, thọ đến 90 tuổi.

318 - Quý Sửu - Ất Sửu - Quý Sửu - Quý Sửu

Giáp Tý/ Quý Hợi/ Nhâm Tuất/ Tân Dậu/ Canh Thân/ Kỷ Mùi

Tạo này thiên can có 3 Quý, địa chi nhất khí, Thực thần thanh thấu, Sát Ấn tương sinh, đều nói cách danh lợi lưỡng toàn. Ta nói: Quý thủy chí âm, lại sinh cuối mùa đông, đều là thấp thổ, thấp thổ thủy nhược, gọi là công rãnh vậy. Mà thủy thổ hàn đóng băng, là âm hồi thấp trệ, không có khí sinh phát, danh lợi đều hư, phạm mệnh phú quý, hàn hoãn vừa phải, tinh thần phần phát, không có mang âm hàn ẩm ướt, là tượng thiên khô mà có thể phú quý vậy. Đến năm Nhâm Thân, cha mẹ đều mất, học hành không thông, lại không có lấy nghề nghiệp, người lại hư nhược, không có thành tựu gì, cuối cùng trở thành một tên khất cái.

Chương 10 - Ân Oán

Hai ý tình thông có mai mối,

Mặc dù xa dần ý truy tìm;

Có tình lại bị người ly gián,

Khởi oán trong ân chết không nản.

Nguyên chú: Hi thần hợp thần, hai tình tương thông, lại có chỗ dẫn dụng sinh hóa, giống như có người môi giới vậy, tuy là phân chia cách xa, mà tình cảm tự nhiên hòa hợp tốt với nhau, thì có ân mà lại oán, hợp thần hi thần dù có tình, mà có kỵ thần ly gián, cầu hợp không được, cuối cùng nhiều ai oán. Về phần thần đáng ghét, may mắn là ở xa; còn

thần yêu thích, gần thì càng thân thiết. Lại có một loại không hẹn mà gặp, không bằng gặp vui, lén hợp tư tình, đủ là cũng bỏ đi.

Nhâm thị viết: Ân oán, là Hỉ Kỵ vậy. Chỗ hỉ thần Nhật chủ xa cách, được hợp thần hóa mà thành gần vậy. Gọi là hai ý tình thông, giống như có người trung gian mai mối vậy. Hỉ thần xa cách, được thần bên cạnh dẫn mà có thể hòa hợp với nhau, thì có ân mà không có oán vậy. Chỉ có nhân thần kỵ thần mà không có hỉ thần, được nhân thần kỵ thần hợp hóa hỉ thần, chỗ gọi là không hẹn mà gặp vậy. Hỉ thần xa cách, tuy có tình cùng nhật chủ, bị nhân thần kỵ thần ngăn cản, nhật chủ cùng hỉ thần mỗi bên cùng không chiếu cố nhau, được nhân thần kỵ thần hợp hội, hóa làm hỉ thần, gọi là dặt hợp tư tình vậy. Càng có tình, hỉ thần cùng nhật chủ gần kề, hầu như là vô tình, gặp hợp hóa thành kỵ thần, hỉ thần cùng nhật chủ tuy không gần kề, lại có tình với nhật chủ, trong có kỵ thần ngăn cách chiếm giữ, hoặc là hỉ thần cùng nhân thần hợp trợ kỵ thần, giống như bị người ly gián, lấy oán trả ân, đến chết không hồi tâm. Như nhật chủ hỉ Bính hỏa ở can giờ, tháng thâu Nhâm thủy là kỵ thần, nếu như can năm Đinh hỏa hợp Nhâm hóa mộc, không những khử đi can Ất mộc hợp Canh kim mà kẻ gần, chỗ này là nhân thần hóa thành hỉ thần, giống như có người trung gian mai mối; nhật chủ hỉ hỏa, trong cục không có hỏa, trái lại Quý thủy là kỵ thần, được Mậu thổ hợp Quý thủy, hóa thành hỉ thần, gọi là tình cờ mà gặp nhau vậy. Nhật chủ hỉ kim, duy chỉ có chi năm gặp Dậu, cùng nhật chủ xa cách, nhật chủ tọa Tị, kỵ thần kẻ bên, được chi Sửu hội cục, thành kim cục hỉ thần, gọi là dặt hợp tư tình vậy. Còn lại có thể suy ra.

319 - Đinh Dậu - Giáp Thìn - Mậu Tuất - Mậu Ngọ

Quý Mão/ Nhâm Dần/ Tân Sửu/ Canh Tý/ Kỷ Hợi/ Mậu Tuất

Tạo này trùng trùng thổ dày, Giáp mộc thoái khí, không thể khơi thông thổ, thì tình thổ không thể thiếu chi năm Dậu kim, phát tiết tinh hoa. Kim gặp hỏa, bởi có ý muốn sinh nhật chủ, mặc dù cách xa, vẫn có ý tương hợp, mừng hai Thìn Dậu hợp mà kẻ gần nhật chủ, giống như có người làm mai mối dẫn dắt vậy. Đầu vận Quý Mão Nhâm Dần, ly gián hỉ thần, công danh khó đạt. Gian nan khôn khổ hình thương; vận Tân Sửu, hồi hỏa hội kim nhập học, đăng liền khoa giáp; Vận Canh Tý, Kỷ Hợi, Mậu Tuất, Dậu vận, phương bắc đất thổ kim, làm quan đến chức Thượng Thư.

320 - Đinh Dậu - Ất Tị - Đinh Sửu - Bính Ngọ

Giáp Thìn/ Quý Mão/ Nhâm Dần/ Tân Sửu/ Canh Tý/ Kỷ Hợi

Đinh hỏa sinh vào tháng Tị giờ Ngọ, Tị Kiếp cùng vượng, lại gặp mộc trợ giúp, xu thế mãnh liệt, chi năm Dậu kim, vốn là hỉ thần của nhật chủ, xa cách nhật chủ, lại bị Đinh hỏa khắc chế Dậu, Tị hỏa cướp đoạt, tựa như vô tình. Mừng nhất là tọa dưới Sửu thổ, liệt hỏa gặp thấp thổ, thì sinh tâm yêu mến, mời Tị Dậu hợp kim, quy về trong khổ, tình ý tựa như hòa thuận nhau, không những có tài đến theo ta, mà còn có thể tiết hỏa thổ tú, cho nên có thể phát giáp, làm quan Bô Chính, danh lợi song toàn.

321 - Quý Dậu - Mậu Ngọ - Bính Thìn - Giáp Ngọ

Đinh Tị/ Bính Thìn/ Ất Mão/ Giáp Dần/ Quý Sửu/ Nhâm Tý

Bính hỏa sinh vào tháng Ngọ giờ Ngọ, vượng cũng biết vậy. Một chút Quý thủy, vốn không trợ loạn, Mậu thổ hợp Quý, lại trợ hỏa thêm mãnh liệt; chi năm Dậu kim, có ý hợp với Thìn thổ, lại bị Ngọ hỏa ly gián, cầu hợp không được, gọi là trong ân có oán vậy. Thêm vận đến đông nam đất mộc hỏa, cả đời chỉ gặp hình thương phá hao. Khắc 2 vợ 7 con, bị 4 lần tan vỡ, đến Dần vận mất mạng.

Chương 11 - Nhân Thần

Một hai Nhân thần sao bỏ dùng,

Không dùng sao ngại chớ động nó;

Nửa cục Nhân thần dù nhân rồi,

Một cơ khẩn yếu lấy tự hào.

Nguyên chú: Hỉ thần chẳng nên nhiều vậy, một hỉ mà được 10 hỉ; Kỵ thần cũng chẳng nên nhiều vậy, một kỵ mà bị 10 hại vậy. Từ ở ngoài hỉ kỵ, không đủ để là hỉ, không đủ để là kỵ, đều là Nhân thần.

Như lấy thiên can làm dụng thần, thành khí thành hợp, mà thần địa chi hư thoát vô khí, xung hợp thoải mái, thăng giáng vô tình; như lấy địa chi làm dụng, thành trợ thành hợp, mà thần thiên can, tản đi trôi nổi, không trở ngại nhật chủ, chủ dương trợ dương, mà dương khí lưu lại, không xung không động, không hợp không trợ; ngày tháng có tình, năm giờ không quan tâm, nhật chủ vô hại, nhật chủ khí vô tình; được chỗ ngày giờ, năm tháng không quan tâm, nhật chủ vô hại, nhật chủ không xung không hợp, tuy có nhân thần, chỉ cần không động đến nó, nhưng chỗ quan trọng, tự kết doanh trại. Về phần vận mệnh, chỉ có giới hạn nhà mình, cũng là đủ.

Nhâm thị viết: Có dụng thần nhất định phải có hỉ thần, hỉ thần là thần trợ cách phụ dụng vậy, như vậy có hỉ thần cũng nhất định sẽ có kỵ thần, kỵ thần, là thần phá cách tổn dụng vậy. Trong tứ trụ ngoài dụng thần, hỉ thần, kỵ thần đều là Nhân thần.

Riêng Nhân thần chiếm đa số, cho nên có xung là một hai nửa cục, Nhân thần không hại thể dụng, không làm trở ngại hỉ thần, cũng không nên động đến nó vậy. Cho dù nhân rồi, đến lúc chi tuế gặp phá cách tổn dụng, mà lúc hỉ thần không thể phụ cách hộ dụng, gọi là sân trường khẩn yếu, được nhân thần chế hóa hung thần kỵ vật của tuế vận, phụ giúp hỉ dụng cách cục; hoặc được nhân thần hợp thần chi tuế, hóa thành hỉ dụng mà phụ cách trợ dụng, là người một nhà của ta vậy. Chỗ bản văn chương này, chỗ trọng ở câu cuối “Sân trường khẩn yếu, là nhà mình vậy”, nguyên chú không khỏi có sai lầm vậy, về phần tuy có Nhân thần, chỉ cần không động đến nó, sân trường khẩn yếu, tự kết doanh trại, về phần vận mệnh, chỉ có giới hạn nhà mình, luận đúng như thế, không chỉ không làm nhà mình, lại lấy trộm cướp đề phòng vậy, chỗ lý này là không chính xác.

Như dụng mộc, mộc có dư, lấy hỏa làm Hỉ thần, lấy kim làm Kỵ thần, lấy thủy làm Cừ thần, lấy thổ làm Nhân thần; mộc không đủ, lấy thủy làm hỉ thần, thổ làm kỵ thần, lấy kim làm cừ thần, lấy hỏa làm nhân thần, là lấy dụng thần tất được hỉ thần phò tá,

nhân thần trợ giúp thì dụng thần có thể, không nhớ kỵ thần vậy, luận về mộc như thế, còn lại cũng biết vậy.

322 - Canh Dần - Mậu Tý - Giáp Dần - Bính Dần

Kỷ Sửu/ Canh Dần/ Tân Mão/ Nhâm Thìn/ Quý Tị/ Giáp Ngọ/ Ất Mùi

Giáp mộc sinh tháng Tý, hai dương tiên khí, vượng Ấn sinh thân, chi tọa 3 Dần, thân thể Tùng Bách, vượng mà còn cứng, một chút Canh kim lâm tuyết, không thể khắc mộc, lại là kỵ thần, hàn mộc hướng dương, can giờ Bính hỏa thấu thanh, kháng lại hàn lạnh, tiết kỳ tinh anh, mà làm dụng thần, mùa đông khí hàn hỏa hư, lấy Dần mộc làm hi thần, can tháng Mậu thổ có thể chế thủy, lại có thể sinh kim, cho nên là nhân thần, lấy thủy làm cừu thần, hi Bính hỏa thanh thuần. Đến Mão vận tiết thủy sinh hỏa, sớm đăng khoa Giáp; Nhâm Thìn, Quý Tị, được nhân thần chế hợp, quan đồ bằng phẳng; Giáp Ngọ, Ất Mùi, nơi đất hỏa vượng, làm quan đến Thượng Thư.

323 - Giáp Tý - Đinh Mão - Giáp Dần - Canh Ngọ

Mậu Thìn/ Kỷ Tị/ Canh Ngọ/ Tân Mùi/ Nhâm Thân/ Quý Dậu

Giáp mộc sinh tháng Mão, chi phùng lộc vượng, can thấu Tị kiên, là cực vượng vậy, can giờ Canh kim, vô căn là kỵ thần, can tháng Đinh hỏa làm dụng thần, khí thông sáng chói. Cho nên sớm đăng khoa, làm quan đến Quan Sát, tiếc không có thổ nhân thần, đến vận Nhâm Thân, kim thủy hợp lại làm tổn hại thể dụng, cho nên không tránh được họa vậy.

Ra cửa phải hướng nơi chân trời,

Việc gì quần thoa phải lưu lại.

Nguyên chú: Ý là muốn hăng hái đầy hứa hẹn vậy, mà nhật chủ có hợp, không quan tâm đến dụng thần, dụng thần có hợp, không quan tâm đến nhật chủ, không muốn quý mà gặp quý, không muốn lộc mà gặp lộc, không muốn hợp mà gặp hợp, không muốn sinh mà gặp sinh, đều có tình mà lại vô tình, giống như lộc thoa cài tóc muốn lưu mà không bỏ vậy.

Nhâm thị viết: Đoạn này ý nói về tham hợp mà không thay đổi vậy, đã hợp thì nên hóa, hóa thành hi, tự nhiên danh lợi; hóa thành kỵ, tai họa hung dữ cùng đến. Hợp mà không hóa, thì giống như bị lưu luyến ràng buộc, tham cái kia mà kỵ cái này, mà không có chí lớn hứa hẹn vậy, mà kị chí lớn vậy; dụng thần có hợp, không có hứa hẹn quan tâm đến nhật chủ, mà không phụ giúp thành công vậy; Lại có chân hợp thần, vốn có thể hóa, trái lại trợ theo thần hợp mà không hóa vậy; Lại có nhật chủ hưu tù, vốn có thể tòng, lại gặp hợp thần trợ giúp mà không tòng vậy. Chỗ này đều là có tình mà lại vô tình, giống như lưu lại lộc thoa cài tóc bừa bãi vậy.

324 - Ất Mùi - Canh Thìn - Mậu Thìn - Bính Thìn

Kỷ Mão/ Mậu Dần/ Đinh Sửu/ Bính Tý/ Ất Hợi/ Giáp Tuất

Mậu thổ sinh vào cuối mùa xuân, Ất mộc Quan tinh thấu lộ, có gốc ở Mùi, dư khí ở Thìn, vốn có thể làm dụng. Sợ là Ất hợp Canh, là tham hợp kỵ khắc, không thích quan tâm

đến nhật chủ của ta, hợp mà không hóa. Canh kim cũng không có tác dụng, lại có Bính hỏa phủ đầu, đến 21 tuổi, do thi cử không thành, tức là bỏ thi cử, không quan tâm đến chuyện sanh con, lấy rượu giải sầu; mà nói: cao xa đại đạo không thành vinh, gần bó ruộng bờ, ta không làm giàu, duy chỉ có tính tình vui vẻ, ta nói cười thoải mái, để cuối cùng thân ta, là đủ vậy!

325 - Đinh Sửu - Quý Mão - Bính Tuất - Tân Mão

Nhâm Dần/ Tân Sửu/ Canh Tý/ Kỷ Hợi/ Mậu Tuất/ Đinh Dậu

Bính hỏa sinh vào giữa mùa xuân, Ấn chính Quan thanh, nhật nguyên sinh vượng, đủ để dụng Quan. Ngại là có Bính Tân hợp, không quan tâm giúp dụng thần của ta, Tân kim nhu nhược, Bính hỏa gặp mà sợ, nhu có thể chế cương, lưu luyện không rời, kì hứa hẹn chí lớn; Bính sợ Mão Tuất hợp mà hóa kiếp, cho nên tuổi trẻ xem qua là thuộc, sau vì lưu luyện ái tình, bỏ học mất tư cách, lại là vì tử sắc vong thân, một chuyện không thành.

Bất kể tuyết trắng cùng trăng sáng,

Cho dù thúc ngựa hướng thiên cung.

Nguyên chú: Nhật chủ cười dụng thần mà phi nhanh, là ý riêng tư không có kiềm chế vậy; dụng thần theo nhật chủ mà phi nhanh, là không có tư tình trói buộc vậy. Đủ để thành chí lớn, là vô tình mà hữu tình vậy.

Nhâm thị viết: Đoạn này chính là đặc dụng phùng xung vậy. Xung thì động, động thì chạy nhanh vậy. Trong cục ngoài dụng thần hỉ thần, mà nhật chủ lưu luyện cùng với thần khác, được dụng hỉ thần xung khứ đi, thì nhật chủ không có ý riêng bị kèm chế, thế cười hỉ thần mà chạy nhanh vậy. Trong cục dụng thần hỉ thần cùng lưu luyện với thần khác, nhật chủ có thể xung khắc nó mà khứ đi, thì hỉ thần không có bị ràng buộc, thuận theo nhật chủ mà phi nhanh vậy. Loại này tưởng vô tình mà lại hữu tình, lấy ý chí của chồng, mà không luyện tư tình để thành chí lớn vậy.

326 - Đinh Mão - Tân Hợi - Bính Dần - Bính Thân

Canh Tuất/ Kỷ Dậu/ Mậu Thân/ Đinh Mùi/ Bính Ngọ/ Ất Tị

Tạo này Sát tuy nắm lệnh, mà Ấn thụ cũng vượng, thêm có Tỉ Kiếp cùng thấu, thân vượng đủ để dụng Sát. Dụng Sát không nên hợp Sát, hợp thì không vinh hiển, hơn nữa Tân kim kê bên, mà nhật chủ có tình ý, lưu luyện ràng buộc. Mừng Đinh hỏa Kiếp khứ đi Tân kim, khiến cho nhật chủ không có lưu luyện tình riêng, Thân kim xung động Dần mộc, ý là khiến cho nhật chủ không có kèm chế. Càng hay là Thân kim sinh Sát, nhật chủ dựa vào hỉ dụng thần mà chạy nhanh vậy. Đến vận Mậu Thân, đăng khoa phát giáp, chí lớn đầy hứa hẹn vậy.

327 - Tân Tị - Bính Thân - Nhâm Dần - Canh Tuất

Ất Mùi/ Giáp Ngọ/ Quý Tị/ Nhâm Thìn/ Tân Mão/ Canh Dần

Nhâm thủy sinh tháng Thân, tuy mùa thu có thủy thông nguyên, mà Tài Sát đều vượng, lấy Thân kim làm dụng. Nhưng thiên can Bính Tân, địa chi Thân Tị đều hợp, hợp có thể hóa, cũng có thể sinh thân, hợp mà không hóa, trái lại là bị ràng buộc, không quan

tâm nhật chủ, hỉ là dụng của ta vậy, mà kim nắm lệnh, hỏa thông căn, chỉ có một mình lưu luyện, mà không có ý hóa hợp. May là ở nhật chủ tự khắc Bính hỏa, khiến cho Bính hỏa không có rồi mà đi hợp Tân kim, Dần xung động Thân kim, khiến cho kim khắc mộc, thì căn gốc của Bính hỏa bị nhổ bật, còn nhật chủ Nhâm thủy, kiên cố không có ý kiềm chế, dụng thần theo nhật chủ mà chạy nhanh vậy, đến vận Quý Tị, đăng khoa giáp bảng, làm đến quan tuần phủ, mà chí lớn thành đạt vậy.

Chương 12. Tòng Tượng

Nguyên chú: Nhật chủ cô lập vô khí, không có địa nhân nguyên, ý là tuyệt không có một chút sinh phù, Tài Quan cường thậm, chính là chân tòng vậy.

Vậy đã tòng, nên luận chỗ thần tòng. Như Tòng Tài, chỉ lấy Tài là chủ; Tài thần là mộc mà vượng, lại xem ý hướng, hoặc là căn hỏa, căn thổ, căn kim, mà hành vận được chỗ là cát, nếu không thì hung, ngoài ra đều theo chỗ này mà suy, kim không thể khắc mộc, khắc mộc Tài suy vậy.

Nhâm thị viết: Tòng tượng là không giống nhau, không phải chuyên luận Tài Quan mà thôi vậy. Nhật chủ bị cô lập vô khí, ý là tứ trụ không sinh phù, toàn cục là Quan tinh, thì gọi là Tòng Quan; toàn cục là Tài tinh, gọi là Tòng Tài. Như nhật chủ là kim, Tài thần là mộc, sinh vào mùa xuân, lại có thủy sinh, gọi là thái quá, hỉ hỏa để đi; sinh vào mùa hạ, hỏa vượng tiết khí, hỉ thủy để sinh; sinh vào mùa đông, thủy đa mộc phù, hỉ lấy thổ bồi đắp, hỏa để sưởi ấm là cát lợi, ngược lại thì hung họa, chỗ nói tòng thần thì có cát và hung vậy. Lý ở trên là có Tòng Vượng, Tòng Cường, Tòng Khí, Tòng Thế, so với Tòng Tài Quan thì càng khó suy đoán, đặc biệt cần phải xem xét kỹ lưỡng 4 cách tòng này, chỗ nhiều sách không ghi lại, ta giới thiệu, thử nghiệm chính xác, không phải là hư ngôn vậy.

+ **Tòng vượng**, tứ trụ đều là Tỉ Kiếp, không có Quan Sát chế, có Ấn thụ sinh, là cực vượng vậy, là Tòng Vượng thần vậy. Vận hành Tỉ Kiếp Ấn thụ chế thì cát; như trong cục Ấn khinh, hành vận Thực Thương cũng tốt; vận Quan Sát là phạm vượng, hung họa lập tức đến ngay; gặp Tài tinh, thì quân Kiếp tranh Tài, là cử tử nhất sinh.

+ **Tòng cường**, tứ trụ có Ấn thụ, Tỉ Kiếp trùng điệp, nhật chủ lại nắm lệnh. Tuyệt đối không có một chút khí Tài Quan, gọi là Nhị nhân đồng tâm, là cực cường vậy, chỉ có thể thuận mà không thể nghịch vậy. Hành Tỉ Kiếp vận là cát, vận Ấn thụ cũng tốt, vận Thực Thương có Ấn thụ xung khắc tất hung, vận Tài Quan là chộc giận cường thần, đại hung.

+ **Tòng khí**, bất luận là loại Tài Quan, Ấn thụ, Thực Thương, nếu như khí thể ở mộc hỏa, phải hành vận mộc hỏa; khí thể ở kim thủy, phải hành vận kim thủy, trái lại chỗ này tất hung họa.

+ **Tòng thế**, nhật chủ vô căn, tứ trụ Tài Quan Thực Thương cùng vượng, chẳng cần phân biệt cường nhược, lại không có Kiếp Ấn sinh phù nhật chủ, lại không thể tòng theo một thần mà đi, duy chỉ có thể hòa giải vậy. Là trong Tài Quan Thực Thương, độc vượng ở đâu, thì theo thế vượng. Như cả ba bằng nhau, chẳng cần phân biệt cường nhược, cần phải hành Tài vận để hòa thuận, dẫn thông khí Thực Thương, trợ thế Tài Quan thì cát lợi;

thứ là hành vận Quan Sát; thứ nữa là hành vận Thực Thương; như hành Tỉ Kiếp Ân thụ, tất hung họa là không nghi ngờ. Đã thử nghiệm nhiều lần.

328 - Mậu Tuất - Bính Thìn - Ất Mùi - Bính Tuất

Đinh Tị/ Mậu Ngọ/ Kỷ Mùi/ Canh Thân/ Tân Dậu/ Nhâm Tuất

Ất mộc sinh vào cuối xuân, có gốc ở Mùi, dư khí ở Thìn, tựa như Tài đa thân nhược, nhưng tứ trụ đều là Tài, thế tất phải tòng. Xuân thổ hư khí, được Bính hỏa thực phát, mà hỏa chính là mộc tú khí, thổ chính là hỏa tú khí, cả ba đều đầy đủ, không có kim để tiết, không có thủy để đẹp. Hi vận đến đất nam phương hỏa địa, tú khí lưu hành, cho nên phát khoa thêm son, thành tích bút hồng tấu tham thiên, danh ghi bảng vàng, làm thần tiên đội trăm nghìn mũ quan, ý chí đầy hứa hẹn vậy.

329 - Nhâm Dần - Nhâm Dần - Canh Dần - Mậu Dần

Quý Mão/ Giáp Thìn/ Ất Tị/ Bính Ngọ/ Đinh Mùi/ Mậu Thân

Canh kim sinh vào đầu xuân, chi tứ trụ đều là Dần, Mậu thổ tuy sinh nhưng giống như chết. Hi có 2 Nhâm thấu can năm tháng, dẫn thông Canh kim, sinh phù mộc còn non mà tòng theo Tài vậy. Cũng là tú khí lưu hành, hi vận đến đông nam không nghịch, mộc cũng được phồn vinh, cho nên sớm đăng khoa giáp, làm quan hoàng triều.

330 - Bính Dần - Canh Dần - Nhâm Ngọ - Ất Tị

Tân Mão/ Nhâm Thìn/ Quý Tị/ Giáp Ngọ/ Ất Mùi/ Bính Thân

Nhâm thủy sinh vào đầu xuân, mộc nắm lệnh, mà hỏa phùng sinh, duy nhất chỉ có Canh kim lâm tuyết địa, Bính hỏa đủ để luyện kim, cách chân tòng Tài. Thủy sinh mộc, mộc sinh hỏa, tú khí lưu hành, đăng khoa phát giáp, làm quan đến chức Thị Lang.

Phàm Tòng Tài cách, cần phải chỗ Thực để tiết ra tinh hoa, chẳng những công danh hiển đạt, mà cả đời cũng không xảy ra hung tai. Tòng Tài tối kỵ nhất là Kiếp vận, trong trụ có Thực Thương, có thể hóa Tỉ Kiếp sinh Tài là tốt nhất. Nếu không có Thực Thương thổ tú, học hành khó thành, một khi gặp Tỉ Kiếp, không có tình sinh hóa, tất sẽ xảy ra hình thương vậy.

331 - Đinh Mão - Nhâm Dần - Canh Ngọ - Bính Tuất

Tân Sửu/ Canh Tý/ Kỷ Hợi/ Mậu Tuất/ Đinh Dậu/ Bính Thân

Canh kim sinh tháng Dần, chi đều là hỏa cục, Tài sinh Sát vượng, tuyệt không có một chút sinh phù; can tháng Nhâm thủy, Đinh Nhâm hợp mà hóa mộc, lại tòng thế hỏa, đều là bè đảng với Sát, tượng này là chân tòng, được hương bảng, làm tri huyện, Dậu vận có đại tang, Bính vận liên tiếp thăng quan, Thân vận bị liên lụy mắc tội mất chức.

332 - Tân Tị - Tân Sửu - Ất Dậu - Ất Dậu

Canh Tý/ Kỷ Hợi/ Mậu Tuất/ Đinh Dậu/ Bính Thân/ Ất Mùi

Ất Dậu sinh vào cuối đông, chi toàn là kim cục, can thấu 2 Tân, là chân Tòng Sát. Vận Mậu Tuất đăng liền khoa Giáp, vào cung Hàn uyển. Vận Đinh Dậu, Bính Thân, hỏa

tiệt cước mà kim đắc địa, liên tục thăng quan. Vận Ất Mùi, phá tan kim cục, mộc đắc căn, hết lộc.

333 - Quý Mão - Ất Mão - Giáp Dần - Ất Hợi

Giáp Dần/ Quý Sửu/ Nhâm Tý/ Tân Hợi/ Canh Tuất/ Kỷ Dậu

Giáp mộc sinh vào giữa xuân, chi phùng 2 Mão vượng, Dần lộc, Hợi sinh, can có Ất mộc trợ, Quý Ấn cục vượng vậy, là tông theo vượng thần. Đầu vận Giáp mộc, sớm nhập học; vận Quý Sửu phương bắc thấp thổ, cũng lấy thủy luận, đăng khoa phát giáp. Vận Nhâm Tý, Ấn tinh chiếu lâm. Vận Tân Hợi, kim không thông căn, chi phùng sinh vượng, làm quan Hoàng đường. Vừa giao vận Canh Tuất, thổ kim đều vượng, chộc giận vượng thần, nên không thể miễn tội vậy.

334 - Bính Ngọ - Giáp Ngọ - Bính Ngọ - Giáp Ngọ

Ất Mùi/ Bính Thân/ Đinh Dậu/ Mậu Tuất/ Kỷ Hợi/ Canh Tý

Bính sinh giữa mùa hạ, tứ trụ toàn là Ngọ, thiên can cùng thấu Giáp Bính, là rất cường vượng vậy, chỉ có thể thuận mà không thể nghịch. Đầu vận Ất Mùi, sớm đi học, Bính vận đăng khoa, Thân vận bệnh nặng nguy hiểm. Đinh vận phát giáp. Dậu vận gặp đại tang. Mậu Tuất vận, quan đồ bình thân. Hợi vận phạm vượng thần, chết trong chiến trận.

335 - Quý Dậu - Quý Hợi - Canh Thân - Đinh Hợi

Nhâm Tuất/ Tân Dậu/ Canh Thân/ Kỷ Mùi/ Mậu Ngọ/ Đinh Tị

Canh kim sinh vào đầu mùa đông, thế thủy nắm quyền, kim phùng lộc vượng, can giờ Đinh hỏa vô căn, trong cục khí thế kim thủy, cũng là tông kim thủy mà luận, Đinh hỏa lại là bệnh. Giao đầu Quý Hợi, loại trừ Đinh hỏa, vui vẻ như thường. Vận Nhâm Tuất nhập học, mà tang phục liên tiếp, là do Tuất thổ chế thủy vậy, vận Tân Dậu Canh Thân, quý khoa phát giáp, làm quan cầm đường. Chuyển vận Kỷ Mùi, nam phương hỏa thổ cùng đến, bị liên lụy mắc tội mất chức. Mậu Ngọ vận, phá hao quá nhiều mà chết.

336 - Bính Tuất - Nhâm Thìn - Quý Tị - Giáp Dần

Quý Tị/ Giáp Ngọ/ Ất Mùi/ Bính Thân/ Đinh Dậu/ Mậu Tuất

Quý thủy sinh vào cuối xuân, trong trụ có Tài Quan Thương ba thần đều vượng, Ấn tinh tàng mà vô khí, nhật chủ hưu tù vô căn, duy chỉ có Quan tinh nắm lệnh, cần phải tông thế Quan tinh. Mừng nhật chủ tọa Tài tinh, dẫn thông khí Thương quan, đến vận Giáp Ngọ, hội thành hỏa cục sinh Quan, thăng tiến đường mây. Vận Ất Mùi ra làm quan. Thân Dậu vận có Bính Đinh cái đầu, quan đồ bình hòa. Mậu Tuất vận, làm quan tuần phủ. Đến Hợi vận trợ thân, xung phá Tị hỏa, hết lộc. Chỗ nói cực nhược thì không thể ích (tăng thêm) vậy.

337 - Quý Dậu - Ất Sửu - Bính Thân - Bính Thân

Giáp Tý/ Quý Hợi/ Nhâm Tuất/ Tân Dậu/ Canh Thân/ Kỷ Mùi

Bính hỏa sinh tháng Sửu tọa dưới Thân kim, suy tuyệt vô khí, Dậu Sửu cùng kim, can tháng Ất mộc tàn héo vô căn, Quan tinh tọa Tài, Thương gặp Tài hóa, tông hóa thể kim thủy. Vận Quý Hợi, nhập học đăng khoa. Vận Tân Dậu, Canh Thân, khứ Ấn sinh Quan, từ quan huyện mà thăng quan một châu, tiền của làm quan dư dật đầy đủ. Vận Kỷ Mùi, nam phương thổ táo, Thương quan trợ Kiếp, hết lộc.

Chương 13. Hóa Tượng

Hóa đắc chân thì chỉ luận hóa,

Hóa thần còn có vài cách nói.

Nguyên chú: Như nhật chủ Giáp mộc sinh vào tứ quý, chỉ gặp một vị Kỷ thổ, ở trên tháng giờ hợp gặp Nhâm Quý, Giáp, Ất, Mậu mà có một chữ Thìn, chính là được chân hóa. Lại như Bính Tân sinh vào mùa Đông, Mậu Quý sinh vào mùa Hạ, Canh Ất sinh vào mùa Thu, Đinh Nhâm sinh vào mùa Xuân, tự mình tương hợp, lại được Long lấy vận, chỗ này là chân hóa vậy. Vậy đã hóa, thì luận hóa thần. Như Giáp Kỷ hóa thổ, thổ âm hàn, cần hỏa khí phải hưng vượng; thổ thái vượng thì lại cần lấy thủy làm Tài, mộc làm Quan, kim là Thực thần. Tùy theo chỗ tiếp cận, luận hỉ kỵ, lại thấy Giáp Ất, cũng không lấy tranh hợp đổ hợp mà luận. Bởi vì là chân hóa vậy, giống như cô gái chính trực không đổi hai chồng, tuế vận gặp đều là Nhân thần vậy.

Nhâm thị viết: Góc hợp hóa, xưa kia Hồng đế tế trời ở Viên Khâu, trời giáng xuống thập can, thương mệnh lớn khuất phục làm thập nhị địa chi để phối thành. Cho nên nhật can viết thiên can, là từ chỗ này. Nghĩa hợp tức là thiên 1, địa 2, thiên 3, địa 4, thiên 5, địa 6, thiên 7, địa 8, thiên 9, địa 10. Dựa theo số mà suy, thì Giáp 1, Ất 2, Bính 3, Đinh 4, Mậu 5, Kỷ 6, Canh 7, Tân 8, Nhâm 9, Quý 10 vậy. Như “Lạc Thư” lấy số 5 ở giữa, 1 được 5 là 6, cho nên Giáp hợp với Kỷ; 2 được 5 là 7, cho nên Ất hợp Canh; 3 được 5 là 8, cho nên Bính hợp Tân; 4 được 5 là 9, cho nên Đinh hợp Nhâm; 5 được 5 là 10, cho nên Mậu hợp Quý.

Hợp thì hóa, hóa cũng được thổ 5 mà sau đó thành, 5 là Thìn thổ vậy. Thìn thổ ở mùa Xuân, mùa ở Tam Dương, là thể sinh vật, khí thông mà động, động thì biến, biến thì hóa vậy. Còn thập can hợp, mà đến vị trí 5 Thìn, thì nguyên thần hóa khí phát lộ. Cho nên Giáp Kỷ khởi Giáp Tý, đến 5 vị gặp Mậu Thìn mà hóa thổ; Ất Canh khởi Bính Tý, đến 5 vị gặp Canh Thìn mà hóa kim; Bính Tân khởi Mậu Tý, đến 5 vị gặp Nhâm Thìn mà hóa thủy; Đinh Nhâm khởi Canh Tý, đến 5 vị gặp Giáp Thìn mà hóa mộc; Mậu Quý khởi Nhâm Tý, đến 5 vị gặp Bính Thìn mà hóa hỏa. Chỗ này là chân nguyên của tương hợp tương hóa, thời cận đại ít được truyền, chỉ biết gặp Rong mà hóa, không biết gặp 5 mà hóa. Thuyết Rong là Thìn, ý là tạo điều kiện để dẫn tới, nếu như Thìn là đúng Rong, thì người sinh năm Thìn là con Rong, có thể làm mưa, còn người sinh năm Dần là Hồ, tất là hại người vậy.

Về phần tác dụng của hóa tượng, cũng có cái lý phối hợp hỉ kỵ, cho nên “Hóa thần còn có vài cách nói” vậy. Không phải hóa thần này, hỉ thấy thần này, chấp nhất mà luận vậy, là hóa tượng cũng cần nghiên cứu suy vượng, xem xét hư thực, khảo sát hỉ kỵ, thì cát

hung mới có ứng nghiệm, hiểu rõ tốt xấu vậy. Như hóa thân vượng mà có dư, cần tiết thân hóa thân làm dụng thân; Hóa thân suy mà không đủ, cần thân sinh trợ hóa thân làm dụng.

Như Giáp Kỷ hợp hóa thổ, sinh tháng Mùi Tuất, thổ tảo mà vượng, can thâu Bính Đinh, chi tàng Tị Ngọ, gọi là quá dư, lại gặp vận hỏa thổ, tất thái quá mà không tốt vậy. Cần phải theo ý hướng, trong trụ có thủy, cần hành vận kim; trong trụ có kim, cần hành vận thủy; không có kim không có thủy, thế thổ quá vượng, bí quá phải cần kim tiết; hỏa thổ quá tảo, vận kim cần mang thủy để nhuận. Sinh vào tháng Sửu Thìn, thấp thổ là nhược, hỏa tuy có hư, thủy mộc không có mà đầy, hoặc can chi hỗn tạp kim thủy, gọi là không đủ, cũng cần phải theo ý hướng. Trong trụ có kim, cần hành vận hỏa; trong trụ có thủy, cần hành vận thổ; kim thủy cùng thấy, quá ở hư thấp, thổ vận cần mang hỏa để đầy đủ, trợ khởi hóa thân là cát vậy.

Về phần thuyết tranh hợp đồ hợp, là luận điệu hoang đường vậy, đã hợp mà hóa, giống như trình phụ phối với nghĩa phu, từ đầu đến cuối, không sinh hai lòng, thấy Mậu Kỷ là cùng loại Tị kiên, gặp Giáp Ất là bản khí của ta, có nghĩa với nhau. Hợp mà không hóa, có ý miễn cưỡng, tất không thành vợ chồng. Thấy Mậu Kỷ nhiều mà khởi bệnh tranh giành đồ kỵ, gặp Giáp Ất nhiều mà tính càng mạnh mẽ. Giáp hợp Kỷ như vậy, còn lại các loại cứ thế suy ra.

338 - Ất Sửu - Giáp Thân - Giáp Thìn - Kỷ Tị

Quý Mùi/ Nhâm Ngọ/ Tân Tị/ Canh Thìn/ Kỷ Mão/ Mậu Dần

Hai can Giáp Ất ở năm tháng, có Thân kim đắc lệnh cùng Tân kim trong Sửu chế hóa, không khởi bệnh tranh đồ. Can giờ Kỷ thổ lâm bệnh, cùng nhật chủ thân thiết mà hợp, là chân thực hợp thân, chính là chân hóa. Nhưng thu kim nắm lệnh, tiết khí hóa thân không đủ. Đến Ngọ vận trợ hóa thân, được Hương bảng; vận Tân Tị kim hỏa cùng vượng, nhập cung vua, làm quan trong triều; vận Canh Thìn hợp Ất chế hóa Tị Kiếp, làm quan Bô chính.

339 - Mậu Thìn - Nhâm Tuất - Giáp Thìn - Kỷ Tị

Quý Hợi/ Giáp Tý/ Ất Sửu/ Bính Dần/ Đinh Mão/ Mậu Thìn

Giáp mộc sinh vào cuối thu, thổ vượng thừa quyền, khắc khử Nhâm thủy, lại không có Tị Kiếp, càng đúng hợp thân, hóa khí có thừa. Tiếc là vận đến đông bắc đất thủy mộc, công danh làm quan, không bằng mệnh trên, đến Sửu vận năm Đinh Dậu, ám hội kim cục, tiết hóa thân mà thổ tú, đăng khoa; năm Mậu Tuất phát Giáp, làm quan một châu.

340 - Kỷ Mão - Đinh Mão - Nhâm Ngọ - Giáp Thìn

Bính Dần/ Ất Sửu/ Giáp Tý/ Quý Hợi/ Nhâm Tuất/ Tân Dậu

Nhâm thủy sinh vào giữa mùa xuân, hóa tượng này thật, hi nhất là nguyên thần Giáp mộc thâu lộ, hóa khí có thừa. Dư thì nên tiết, vì thế hóa thân thổ tú, hi Nhâm thủy tọa Ngọ, Ngọ sinh Thìn thổ, tú khí lưu hành. Thiếu niên khoa giáp, danh tiếng Hàn Uyển, tiếc là trung vận đất thủy vượng, không thể vinh hiển, cuối cùng làm quan huyện.

341 - Kỷ Mão - Đinh Mão - Nhâm Ngọ - Quý Mão

Bính Dần/ Ất Sửu/ Giáp Tý/ Quý Hợi/ Nhâm Tuất/ Tân Dậu

Tạo này cùng tạo trên khác chỉ có một chữ Mão, hóa tượng là thật, hóa thần quá vượng. Ngai có Quý Kiếp tranh Tài, can năm Kỷ thổ, thấu cách xa lại không căn gốc, không thể khử mất Quý thủy. Ngọ hỏa không thể lưu hành. Trụ này Quý thủy, đúng là khách đoạt giải vậy. Tuy đạt Hương bảng, cuối cùng không thể làm quan.

342 - Bính Tuất - Mậu Tuất - Quý Tị - Nhâm Tuất

Kỷ Hợi/ Canh Tý/ Tân Sửu/ Nhâm Dần/ Quý Mão/ Giáp Thìn

Quý thủy sinh vào cuối thu, Bính hỏa thấu mà thông căn, là chân hóa. Ngai là can giờ thấu Nhâm thủy khắc Bính hỏa, chỉ đạt Hương bảng, đến Mão vận, Nhâm thủy lâm tuyệt địa, được chọn làm Tri huyện, trải qua ba lần đảm nhiệm mà không thăng chức, nguyên nhân cũng là do Nhâm thủy đoạt tài vậy.

Chương 14. Giả Tòng

Tượng chân tòng là có mấy người,

Thân giả tòng cũng có thể phát.

Nguyên chú: Nhật chủ nhược, Tài Quan cường, thì không thể không tòng; bên trong có Tì Kiếp ám sinh, là Tòng không chân. Về phần tuế vận Tài Quan đắc địa, tuy là Giả tòng, cũng có thể thủ phú quý, nhưng người không thể miễn họa, hoặc mưu kế bất chính mà thôi.

Nhâm thị viết: Giả tòng, như người có căn cựa lực yếu, không thể tự lập, trong cục tuy có Kiếp Ấn, cũng tự lo thân mình chưa xong, mà nhật chủ cũng khó mà nương tựa, đành phải gửi thân theo người vậy. Tượng không giống nhau, không phải chuyên luận Tài Quan mà thôi, so với chân Tòng thì na ná giống nhau. Tứ trụ Tài Quan đắc thời nắm lệnh, nhật chủ hư nhược vô khí, tuy có Tì Kiếp Ấn thụ sinh phù, mà trong trụ có Thực thần sinh Tài, Tài vẫn phá Ấn; hoặc có Quan tinh chế Kiếp, thì nhật chủ không thể nương nhờ được, chủ có thể dựa vào thế của Tài Quan, thế Tài vượng, thì Tòng Tài; thế Quan vượng, thì Tòng Quan. Tòng Tài, hành vận đến đất Thực Thương Tài vượng; Tòng Quan, hành vận đến đất Tài Quan vượng, cũng có thể hưng phát, phải xem ý hướng, phối với hành vận là đúng. Nhưng tượng Giả tòng, chỉ cần hành vận yên ổn, giả mà hành vận chân, cũng có thể phú quý.

Tại sao gọi là chân vận? Như Tòng Tài có Tì Kiếp phân tranh, thì hành vận Quan Sát tất quý, gặp vận Thực Thương tất phú; có Ấn thụ ám sinh phải hành Tài vận; có khí Quan Sát tiết khí, cần gặp hành vận Thực Thương. Như Tòng Quan Sát, có Tì Kiếp trợ thân, gặp Quan vận mà danh cao; có Thực Thương phá Quan, hành Tài vận mà lộc trọng; có Ấn thụ tiết Quan, cần Tài vận để phá Ấn, gọi là hành Chân vận, không phú cũng quý, ngược lại thì hung họa, hoặc xu thế kỳ nghãi, mưu tính không đứng đắn. Nếu có tuế vận không trái nghịch, ức giả phù chân, dù cho xuất thân thấp bé, cũng có thể quật khởi thanh danh gia đình, chỗ này nhất định là thỏa đáng vậy. Chỗ này chính là tượng Nguyên trọc lưu thanh, nên nghiên cứu tỉ mỉ.

343 - Quý Tị - Ất Mão - Kỷ Hợi - Quý Dậu

Giáp Dần/ Quý Sửu/ Nhâm Tý/ Tân Hợi/ Canh Tuất/ Kỷ Dậu

Xuân thổ hư thoát, thế Sát năm quyền, Tài gặp vượng, mừng Tị Hợi gặp xung phá Ấn, thành cách Tòng Sát. Nhưng mà Mão Dậu xung Sát, Tị Dậu bán hội kim cục, không luận là chân tòng vậy. Cho nên xuất thân hàn vi. Hay là ở giữa có Hợi thủy, gọi là nguyên trọc lưu thanh, do đó có thể quật khởi thanh danh gia tộc, sớm vào nhập học. Vận Nhâm Tý, đăng liên khoa giáp, bước vào Hoàng đường, giữ chức Quan sát (Tuần phủ). Vận Tân Hợi, kim hư thủy thực, tương sinh không nghịch, quan trường bằng phẳng. Vận Canh Tuất, thổ kim cùng vượng, thủy mộc cùng thụ thương, e rằng không tránh được phong ba vậy.

344 - Đinh Sửu - Nhâm Dần - Bính Thân - Nhâm Thìn

Tân Sửu/ Canh Tý/ Kỷ Hợi/ Mậu Tuất/ Đinh Dậu/ Bính Thân

Bính hỏa sinh đầu mùa xuân, hỏa hư mộc nộn (non yếu), mộc nộn gặp kim, kẻ gần tương xung, gốc rễ bị nhổ tận cùng, Thân kim lại gặp thổ sinh, thế Sát càng vượng, thành cách Tòng Sát, dụng Tài là tuyệt diệu. Chi năm Sửu thổ, sinh kim hồi hỏa, cho nên xuất thân nhà quan, sớm đăng khoa giáp. Vận đến tây bắc kim thủy, làm quan tuần phủ, tuy gặp thổ vận, nhưng vẫn được kim để hóa, cho nên không có hung hiểm vậy.

345 - Ất Mão - Kỷ Mão - Mậu Thìn - Quý Hợi

Mậu Dần/ Đinh Sửu/ Bính Tý/ Ất Hợi/ Giáp Tuất/ Quý Dậu

Mậu thổ sinh vào giữa mùa xuân, mộc năm quyền, nhật chủ tọa Thìn, Thìn chứa thủy dưỡng mộc, tứ trụ không có kim. Lại được giờ Hợi thủy, thủy vượng sinh mộc, lại không có hỏa để sinh hóa, dụng cách Tòng Quan. Không luận thân suy vậy. Tuy không xuất thân khoa giáp, vận đến Bính Tý, Ất Hợi, liên đăng bảng quan, vị trí đến tướng soái. Đến vận Quý Dậu, mất chức vong mạng.

346 - Đinh Mão - Bính Dần - Tân Hợi - Canh Dần

Ất Sửu/ Giáp Tý/ Quý Hợi/ Nhâm Tuất/ Tân Dậu/ Canh Thân

Tân kim sinh vào đầu mùa xuân, thiên can Bính Đinh Canh Tân âm dương tương khắc, mà kim tuyệt hỏa sinh, địa chi Dần mộc năm lệnh, ngày giờ Dần Hợi hóa mộc, dụng cách Tòng Sát. Vận đến thủy địa, sinh mộc trợ hỏa, hoàn toàn không có hung hiểm, đăng liên Giáp bảng, từ quan huyện đến quan quận, sinh ba đứa con, đều thành tú.

347 - Quý Hợi - Ất Mão - Kỷ Mùi - Đinh Mão

Giáp Dần/ Quý Sửu/ Nhâm Tý/ Tân Hợi/ Canh Tuất/ Kỷ Dậu

Kỷ thổ sinh vào giữa mùa xuân, xuân mộc năm lệnh lại hợp mộc cục, can giờ Đinh hỏa bị can năm Quý thủy khắc khử, Mùi thổ lại hợp mộc cục, không thể không Tòng Sát vậy. Xuất thân khoa giáp, làm quan tuần phủ.

Chương 15. Giả Hóa

Người Giả hóa cũng có nhiều quý,

Cô nhi dị tính cũng như nhau.

Nguyên chú: Nhật chủ cô nhược mà gặp hợp chân thần, không thể không hóa, nhưng ám phù nhật chủ, hợp thần lại hư nhược, cùng vận không có lấy Long, thì không phải chân hóa. Về phần tuế vận phù khởi hợp thần, chế phục kỵ thần, tuy là Giả hóa, cũng có thể lấy phú quý, tuy là cô nhi dị tính, cũng có thể nổi tiếng, nhưng người đa số gặp tri trệ khó khăn, làm việc không tiến, cốt nhục không được như ý.

Nhâm thị viết: Cục Giả hóa, tượng không giống nhau, có chân hợp thần mà nhật chủ cô nhược, sinh ra hóa thần có dư mà nhật chủ mang căn mầm; có hợp thần không chân mà nhật chủ là gốc, có hóa thần không đủ mà nhật chủ vô khí, có đã hợp hóa thần mà nhật chủ được Kiếp Ấn sinh phù, có đã hợp hóa mà nhân thần đến làm tổn thương hóa khí, cho nên Giả hóa so với Chân hóa là càng khó, cần phải nghiên cứu kỹ càng, để nắm được Giả hóa.

Như Giáp hợp Kỷ, sinh ở tháng Sửu Tuất, hợp thần tuy là chân, mà nhật chủ cô nhược không có trợ giúp, không thể không hóa, nhưng mùa Thu Đông khí thấp mà hàn, lại có khí kim ám tiết, tuế vận tất cần gặp hỏa, khử khí hàn thấp, thì trung khí ấm áp vậy. Sinh vào tháng Thìn Mùi, hóa thần tuy có thừa, mà Thìn chính là dư khí của mộc, Mùi là thân thông căn khô, mộc không hẳn là vô căn, nhưng khí Xuân Hạ khí ích mà ấm áp, lại có thủy mộc tàng căn, tuế vận nhất định cần đất thổ kim, khử đi mầm gốc mộc, thì không có phân tranh vậy. Như Ất hợp Canh, nhật chủ là mộc, sinh vào mùa Hạ, hợp thần tuy không chân, mà nhật chủ tiết khí vô căn, thổ táo lại không thể sinh kim, tuế vận nhất định cần thổ, thì có thể tiết hỏa dưỡng kim vậy. Sinh vào mùa Đông, kim gặp tiết khí mà không đủ, mộc không nạp thủy mà vô khí, mặc dù có thổ mà đóng băng, vẫn không thể sinh kim ngăn thủy, tuế vận nhất định thổ cần mang theo hỏa, thì giải khí hàn mà khí trung hòa, kim được sinh mà không hàn lạnh vậy.

Như Đinh hợp Nhâm, nhật chủ là Đinh, sinh vào mùa Xuân, Nhâm thủy vô căn, tất theo Đinh mà hợp, không biết mộc vượng tự có thể sinh hỏa, thì Đinh hỏa lại không theo Nhâm hóa mộc, hoặc có Tỉ Kiếp trợ giúp, tuế vận nhất định cần gặp thủy, thì hỏa bị chế mà mộc được thành vậy. Như Bính hợp Tân, nhật chủ là hỏa, sinh vào mùa đông, kim thủy trùng điệp, đã hợp mà hóa, sợ trong trụ có thổ, ám đến tổn hại hóa thần của ta, thấp thổ tuy không thể ngăn thủy, mà cuối cùng thủy vẫn đục không trong, tuế vận nhất định phải cần gặp kim thổ, thì khí lưu hành mà sinh thủy, hóa thần tự chân vậy. Phối hợp như vậy, lấy Giả thành Chân, cũng có danh lợi song toàn, rạng rỡ tổ tông vậy.

Tóm lại, cách tượng không chân, khó tránh lúc nhỏ cô khổ, dễ bị lam lũ, bằng không thì cũng là người kiêu ngạo không cương quyết. Nếu tuế vận không ức Giả phù Chân, cả đời một việc cũng không tiến, danh lợi không thành vậy.

348 - Kỷ Mão - Giáp Tuất - Giáp Tý - Kỷ Tị

Quý Dậu/ Nhâm Thân/ Tân Mùi/ Canh Ngọ/ Kỷ Tị/ Mậu Thìn

Thiên can 2 Giáp gặp 2 Kỷ, từng đôi tương hợp, địa chi Mão Tuất hợp, tuy không thể hóa hỏa sinh thổ, nhưng không có tranh đồ, tuy là giả hóa, nhưng có tình không tranh đồ. Mùi vận phá Tý thủy, đăng Hương bảng; vận Canh Ngọ Kỷ Tị, sinh trợ hỏa thần, làm quan cầm đường.

349 - Giáp Tý - Bính Tý - Giáp Thân - Kỷ Tị

Đinh Sửu/ Mậu Dần/ Kỷ Mão/ Canh Thìn/ Tân Tị/ Nhâm Ngọ

Giáp mộc sinh vào giữa mùa đông, Ấn thụ nắm quyền, vốn là Sát Ấn tương sinh, đáng tiếc là nhật chủ tọa dưới Thân kim lâm tuyết địa, cực hư nhược không được thủy sinh, thấy Kỷ thổ mà tham hợp, hợp thần tuy chân mà thất lệnh, cần phải nhờ vào Bính hỏa sinh, giải khí hàn lạnh. Ngại là thủy vượng nắm lệnh, thì hỏa cũng hư thoát, không thể sinh phù, hóa thần giả mà không thanh, là người có nhân phẩm không chân chính, đến vận Canh Thìn năm Giáp Ngọ, khắc mộc sanh thổ, đăng Hương bảng mà không làm quan.

350 - Giáp Dần - Đinh Sửu - Giáp Tuất - Kỷ Tị

Mậu Dần/ Kỷ Mão/ Canh Thìn/ Tân Tị/ Nhâm Ngọ/ Quý Mùi

Giáp mộc sinh tháng Sửu, Kỷ thổ thông căn lâm vượng, chi năm lộc vượng, thấy Đinh hỏa mà có tình tương sinh, không có ý tranh đồ, tuy là giả hóa, có tình động mà không nghịch. Đến vận Canh Thìn, liền đăng khoa Giáp; vận Tân Tị Nhâm Ngọ, nam phương hỏa địa, sinh trợ hỏa thần, làm quan hoàng triều.

351 - Giáp Dần - Tân Mùi - Quý Hợi - Mậu Ngọ

Nhâm Thân/ Quý Dậu/ Giáp Tuất/ Ất Hợi/ Bính Tý/ Đinh Sửu

Quý thủy sinh vào mùa cuối hạ, mộc hỏa cũng vượng, can tháng Tân kim vô khí, không có sinh thủy, nhật chủ tuy vượng địa, nhưng vẫn bị mang hai hỏa thổ, can giờ Mậu thổ, hợp thần chân mà còn vượng, nhật chủ không thể hợp theo vậy. Đầu vận Nhâm Thân Quý Dậu, kim thủy đều vượng, cô khổ quá mức; đến vận Giáp Tuất, chi hội hỏa cục, xuất ngoại gặp được cơ hội lớn; vận Ất Hợi thủy gặp mộc tiết, chi được hội cục, thành danh bất ngờ, tài bạch giàu có sung túc; vừa giao Bính Tý, hỏa không thông căn, bị liên lụy mà mất chức, đến năm Nhâm Tý hết lộc.

352 - Giáp Thìn - Đinh Mão - Nhâm Thìn - Tân Hợi

Mậu Thìn/ Kỷ Tị/ Canh Ngọ/ Tân Mùi/ Nhâm Thân/ Quý Dậu

Nhâm thủy sinh vào giữa mùa xuân, tuy giờ gặp lộc Ấn, mà hóa thần nắm lệnh, lại can năm có nguyên thần thấu lộ, can giờ Tân kim vô căn lâm tuyết, Đinh hỏa hợp thần, đủ để khắc Nhâm thủy. Tân kim không thể sinh thủy, thì Hợi thủy không phải lộc vượng của Nhâm, chính là đất trường sinh của Giáp, nhật can không thể không tòng mà hóa vậy. Vận đến nam phương hỏa địa, được nhập trường ăn lộc, chiến thắng làm quan; đến vận Nhâm Thân Quý Dậu, kim thủy phá cục, chẳng những không còn làm quan, mà còn bị hình thương hao tán.

Chương 16. Thuận Cục

Vừa ra khỏi cửa chỉ thấy Nhi,
Nhi ta thành khí thành cửa ngõ:
Tòng Nhi bất kể thân cường nhược,
Chỉ cần Nhi ta lại được Nhi.

Nguyên chú: Chỗ này cùng thành tượng, tòng tượng, không giống Thương quan, chỉ lấy Ta sinh là Nhi. Như mộc gặp Hỏa, thành khí tượng, như ngày Mậu Kỷ gặp Thân Dậu Tuất thành khí Tây phương, hoặc đủ Tị Dậu Sửu hội kim cục, bất luận nhật chủ cường nhược, mà còn xem kim có thể sinh khí thủy, chuyển thành ý sinh dục. Chỗ này là lưu thông, tất nhiên phú quý..

Nhâm thị viết: Thuận, là ta sinh vậy. Chỉ thấy Nhi, là nhiều Thực Thương vậy; thành cửa ngõ, là nguyệt kiến gặp Thực Thương vậy, tháng là môn hộ, không thể thiếu Thực Thương ở đề cương vậy; bất luận thân cường hay thân nhược, tứ trụ tuy có Tị Kiếp vẫn loại đi để sinh trợ Thực Thương vậy; Nhi ta lại được Nhi, trong cục không thể thiếu có Tài, ý lấy thanh sinh dục vậy. Như bản thân bình thường, không làm không có ý chí, được con cháu hưng thịnh, chấn hưng danh tiếng gia đình, lại cần phải vận hành Tài địa, mà lại sinh cháu, có thể hưởng vinh con cháu vậy. Cho nên gọi là Thuận cục.

Tòng Nhi và Tòng Tài Quan là khác nhau vậy. Nhưng Thực Thương sinh tài, chuyển thành sinh dục, tứ khí lưu hành, danh lợi đều toại nguyện. Cho nên lấy Thực Thương là con, Tài là cháu, cháu không thể khắc ông bà, thì có thể an hưởng vinh hoa. Như thấy Quan tinh, nói cháu lại sinh Nhi, thì ông cụ tổ lại bị thụ thương, cho nên thấy Quan Sát tất là thôi hại vậy. Như thấy Ân thụ, là cha của ta, cha có thể sinh ta, ta tự có, sao có thể cho con? Con tất gặp tai ương, ý là không có sinh dưỡng. Tai họa lập tức đến, là lấy Tòng Nhi cách tới kỵ Ân vận, kế đến là Quan vận. Quan có thể tiết khí Tài, lại có thể khắc nhật chủ, còn Thực Thương lại cùng Quan tinh là bất hòa, ý là mất sinh dục, khởi họa tranh chiến, không hại người thì cũng tán tài vậy.

353 - Đinh Mão - Nhâm Dần - Quý Mão - Bính Thìn

Tân Sửu/ Canh Tý/ Kỷ Hợi/ Mậu Tuất/ Đinh Dậu/ Bính Thân

Quý thủy sinh vào đầu xuân, chi đủ Dần Mão Thìn phương đông nhất khí, cách thành thủy mộc Tòng Nhi, lấy can giờ Bính hỏa làm dụng, chỗ gọi là Nhi lại sinh Nhi. Ngai ở can tháng Nhâm thủy là bệnh, hi Đinh hỏa hợp Nhâm hóa mộc, lại sinh Bính hỏa, chuyển thành ý sinh dục, cho nên sớm đăng khoa Giáp, thân đến Hàn Uyển, làm quan tướng soái. Thân vận, mộc hỏa tuyệt địa, hết lộc.

354 - Đinh Tị - Quý Mão - Quý Mão - Bính Thìn

Nhâm Dần/ Tân Sửu/ Canh Tý/ Kỷ Hợi/ Mậu Tuất/ Đinh Dậu

Quý thủy sinh vào giữa mùa xuân, mộc vượng thừa quyền, tứ trụ không có kim, cũng là thủy mộc Tòng Nhi cách. Dần vận, chi hội đông phương, năm Giáp Tuất nhập học, năm Bính Tý đăng Hương bảng, không bằng tạo ở trên, can tháng Quý thủy tranh

Tài, không có chế hợp cho đẹp vậy. Mừng Tài tinh có thể, đường quan chắc chắn là hanh thông.

355 - Kỷ Mùi - Đinh Sửu - Bính Tuất - Mậu Tuất

Bính Tý/ Ất Hợi/ Giáp Tuất/ Quý Dậu/ Nhâm Thân/ Tân Mùi

Bính hỏa sinh vào cuối mùa đông, toàn cục là thổ, thành cách hỏa thổ, là Tòng Nhi cách. Tân Tài tàng trong Sửu là dụng, gọi là “Nhất cá huyền cơ ám lý tồn” vậy. Chỗ sợ là Đinh hỏa cái đầu, thông căn Mùi Tuất, kỵ thần nghiêm trọng, không thể hiển đạt. May là trung vận Quý Dậu, Nhâm Thân, hỉ dụng cùng đến, đường quan thuận lợi.

356 - Kỷ Mùi - Tân Mùi - Bính Tuất - Mậu Tuất

Canh Ngọ/ Kỷ Tị/ Mậu Thìn/ Đinh Mão/ Bính Dần

Bính hỏa sinh vào cuối mùa hạ, toàn cục đầy thổ, là Tòng Nhi cách, can tháng Tân kim độc phát, gọi là Tòng Nhi lại thấy Nhi vậy. Xem đại tượng thì thắng hơn tạo trước, công danh phú quý lại không bằng phẳng là sao vậy? Tạo trước tuy kim không hiện, mà Sửu xúc tàng tam đông thấp thổ, có thể làm mờ hỏa dưỡng kim, tạo này Tân kim hiển lộ, mà mùa hạ kim nóng chảy, căn khí không kiên cố, Mùi Tuất Đinh hỏa nắm quyền, chỗ gọi là “Hung vật thâm tàng” vậy. Cộng thêm vận đến Đông Nam đất mộc hỏa, tuy được Hương bảng, cuối cùng chỉ là một thầy giáo.

357 - Giáp Ngọ - Đinh Sửu - Giáp Ngọ - Bính Dần

Mậu Dần/ Kỷ Mão/ Canh Thìn/ Tân Tị/ Nhâm Ngọ/ Quý Mùi

Giáp mộc sinh vào cuối mùa đông, hỏa hư mà may mắn thông căn có lửa, cách thủ Tòng Nhi. Mộc tuy tiền khí, lại phùng Lộc Tị trợ thân, là chỗ nói Tòng Nhi bất luận thân cường nhược, cho nên không luận thân nhược vậy. Tạo trước quá ở khô táo. Tạo này thì thấp thổ gặp táo, là địa nhuận thiên hòa, sinh dưỡng không nghịch. Liên đăng khoa Giáp, làm quan Thị Lang.

358 - Tân Sửu - Tân Sửu - Mậu Thân - Nhâm Tý

Canh Tý/ Kỷ Hợi/ Mậu Tuất/ Đinh Dậu/ Bính Thân/ Ất Mùi

Mậu thổ sinh vào cuối mùa đông, Tân kim cùng thấu thông căn tọa dưới Thân kim Nhâm thủy, vượng mà phùng sinh, cũng biết là thuần túy, sớm nhập học, đến Hợi vận, loại tụ phương bắc, được trúng Thi Hương. Giao vận Mậu Tuất, thông căn táo thổ, khử mát Nhâm thủy, đến năm Bính Dần, xung khử Thân kim căn gốc Nhâm thủy, thể dụng đều thụ thương, hết lộc.

359 - Canh Tý - Canh Thìn - Mậu Thân - Tân Dậu

Tân Tị/ Nhâm Ngọ/ Quý Mùi/ Giáp Thân/ Ất Dậu/ Bính Tuất

Tạo này Mậu thổ sinh cuối mùa xuân, trong cục trùng điệp Canh Tân, cách thủ Tòng Nhi, hỉ chi hội Tài cục, sinh dưỡng có tình, cùng tạo trước là gần như nhau, tạo này trung niên vận thổ kim, sinh trợ Tài tinh, cho nên liên đăng khoa Giáp, làm quan Huyện lệnh. Tạo trước không có lộc không làm quan, thực tế là do vận trình nghịch phản vậy.

360 - Nhâm Dần - Tân Hợi - Tân Hợi - Nhâm Thìn

Nhâm Tý/ Quý Sửu/ Giáp Dần/ Ất Mão/ Bính Thìn/ Đinh Tị

Tân kim sinh vào đầu mùa đông, Nhâm thủy nắm quyền, Tài phùng sinh vượng, chứa hai khí kim thủy, cách thủ Tòng Nhi vậy. Đi học luôn thành công, đến vận Giáp Dần, đăng khoa Giáp bính. Vận Ất Mão, từ quan Thị Lang tiến đến Hoàng triều. Vừa giao vận Bính Thìn, Quan Ấn cùng đến, lại gặp năm Mậu Tuất xung động Ấn thụ, phá kỳ Thương quan, hết lộc.

361 - Nhâm Tý - Tân Hợi - Tân Mão - Tân Mão

Nhâm Tý/ Quý Sửu/ Giáp Dần/ Ất Mão/ Bính Thìn/ Đinh Tị

Tân kim sinh vào đầu mùa đông, thế thủy nắm quyền, dù thiên can thấu 3 Tân kim, mà địa chi lâm tuyệt, cách thủ Tòng Nhi, đi học xem qua là nhớ, tuổi trẻ nhập học, Giáp Dần làm quan Tri huyện. Vận Ất Mão, đường quan thuận lợi. Vận Bính Thìn bị liên lụy mắc tội, đến năm Tuất thổ vượng khắc thủy mà qua đời.

Phạm Tòng Nhi cách, hành vận không nghịch, gặp Tài không thể không có phú quý vậy; mà tú khí lưu hành, người tất thông minh xuất chúng, học vấn tinh thông.

Chương 17. Phản Cục

Quân dựa Thần sinh lý rất tinh,

Lộ thiên cơ Nhi có cứu Mẫu,

Mẫu từ diệt Tử vì cửa khác,

Nam khỏe vì sao lại sợ thê.

Nguyên chú: Mộc là Quân, thổ là Thần vậy. Thủy phiếm mộc phù, thổ ngăn thủy thì sinh mộc, mộc vượng hỏa sí, kim phạt mộc thì sinh hỏa, hỏa vượng thổ tiêu, thủy khắc hỏa thì sinh thổ; thổ trọng kim mai, mộc khắc thổ thì sinh kim, kim vượng thì thủy trọc, hỏa khắc kim thì sinh thủy, đều là Quân dựa vào Thần sinh vậy, lý này là rất huyền diệu.

Nhâm thị viết : Quân dựa vào Thần sinh, ý nói Ấn thụ quá vượng vậy. Chỗ này nhắm nhật chủ mà luận, như nhật chủ thuộc mộc là Quân, thổ trong cục là Thần, tứ trụ gặp nhiều Nhâm Quý Hợi Tý, thế thủy tràn lan, khí mộc lại hư, chẳng những không thể sinh mộc, ức chế mà mộc cũng không thể nạp được thủy, mộc tất trôi nổi vậy; tất cần dụng thổ ngăn thủy, thì nhờ căn ở trong mộc, thủy mới có thể sinh mộc mà cũng nhận được thủy vậy. Phá Ấn mà tự Tài, là ý phạm thượng, cho nên gọi là Phản cục vậy. Tuy nhắm vào nhật chủ mà luận, tứ trụ cũng luận giống như thế. Như thủy là Quan tinh, mộc là Ấn thụ, thế thủy quá vượng, cũng làm cho mộc trôi nổi, mộc cần thấy thổ mà có thể nhận thủy, để thành diệu dụng phản sinh. Cho nên lý này rất thâm thúy vậy. Hỏa thổ kim thủy, đều luận giống như vậy.

362 - Nhâm Thìn - Nhâm Tý - Giáp Dần - Mậu Thìn

Quý Sửu/ Giáp Dần/ Ất Mão/ Bính Thìn/ Đinh Tị/ Mậu Ngọ

Giáp mộc sinh vào giữa mùa đông, tuy nhật chủ tọa lộc, không đến nỗi phù phiếm, còn thể thủy thái vượng; Thìn thổ tuy có thể tích thủy, hỉ Mậu thổ thấu lộ, Thìn là mộc dư khí. Đủ để ngăn thủy gửi căn, gọi là Quân dựa vào Thần sinh vậy. Cho nên sớm đăng khoa Giáp, danh cao Hàn uyển; càng đẹp là vận một mạch nam phương hỏa thổ, lộc vị là không thể giới hạn vậy.

363 - Nhâm Tuất - Nhâm Tý - Giáp Tý - Mậu Thìn

Quý Sửu/ Giáp Dần/ Ất Mão/ Bính Thìn/ Đinh Tị/ Mậu Ngọ

Giáp mộc sinh vào giữa mùa đông, tạo trước tọa Dần mà thực, tạo này thì tọa Tý mà hư, cho nên chi năm mang hỏa Tuất thổ, so với Thìn thổ lực lượng quá lớn vậy. Bởi do căn Mậu thổ kiên cố, đủ để bổ hư cho nhật chủ, hành vận cũng vậy, công danh cũng vậy, làm quan đến chức Thượng Thư.

364 - Kỷ Tị - Mậu Thìn - Tân Dậu - Kỷ Hợi

Đinh Mão/ Bính Dần /Ất Sửu/ Giáp Tý/ Quý Hợi/ Nhâm Tuất

Tạo Trần Đề đốc, Tân sinh tháng Thìn, thổ tuy trùng điệp, xuân thổ cuối cùng thuộc khí loại bỏ mà buông; mộc có dư khí, trong Hợi có Giáp mộc phùng sinh, Thìn Dậu gián tiếp tương sinh, lại trợ căn nguyên cho mộc, xung xa Tị hỏa, khiến cho không sinh thổ Mậu Kỷ, cũng là Quân dựa vào Thần sinh vậy. Thi Hương không thành, là do nguyên thần mộc không thấu vậy, nhưng hỉ sinh hóa không nghịch, vận đến đông bắc đất thủy mộc, cho nên là vũ chức siêu quần.

365 - Mậu Ngọ - Đinh Tị - Kỷ Mão - Canh Ngọ

Mậu Ngọ/ Kỷ Mùi/ Canh Thân/ Tân Dậu/ Nhâm Tuất/ Quý Hợi

Kỷ thổ sinh vào đầu mùa hạ, trong cục Ấn tinh nắm lệnh, hỏa vượng thổ tiêu, lại có thể đốt mộc, đến năm Canh Tý kỳ thi mùa xuân chiến thắng, thủy mang kim đủ để chế hỏa mãnh liệt, nhuận táo thổ vậy. Kỳ không thể hiển đạt, đường quan lận đận, là do trong cục không có thủy vậy.

Nguyên chú: Mộc là Mẩu, Hỏa là Tử. Mộc bị kim tổn thương, hỏa khắc kim thì sinh mộc; hỏa gặp thủy khắc, thổ khắc thủy thì sinh hỏa; thổ gặp mộc tổn thương, kim khắc mộc thì sinh thổ; kim phùng hỏa luyện, thủy khắc viêm thì sinh kim; thủy do thổ tắc, mộc khắc thổ thì sinh thủy, đều là ý Nhi có thể sinh Mẩu. Ý này có thể đoạt thiên cơ.

Nhâm thị viết: Ý là Nhi có thể sinh Mẩu, cần phân ra mùa mà luận vậy. Như thổ sinh mùa đông, hàn mà còn tàn lụi, gặp kim thủy tất đóng băng, không chỉ kim có thể khắc mộc, mà thủy cũng có thể khắc mộc vậy; tất cần hỏa để khắc kim, giải thủy đóng băng, mộc được dương hỏa mà phát sinh vậy. Hỏa gặp thủy khắc, sinh ở đầu mùa xuân cuối mùa đông, thì mộc nộn hỏa hư, không những hỏa kỵ thủy, mà mộc cũng kỵ thủy, tất cần thổ đến ngăn thủy, bồi mộc sinh sôi, thì hỏa được sinh, mà mộc cũng vinh vậy. Thổ gặp mộc tổn thương, sinh ở cuối đông đầu xuân, mộc kiên thổ hư, dầu có hỏa, cũng không thể sinh thập thổ, tất cần phải dụng kim phạt mộc, thì hỏa có lửa mà thổ được sinh vậy. Kim gặp hỏa luyện, sinh ở cuối xuân đầu hạ, mộc vượng hỏa thịnh, tất cần thủy đến khắc

hỏa, lại có thể thấp mộc nhuận thổ, mà kim được sinh vậy. Thủy do thổ hàn, sinh ở mùa thu đông, kim đa thủy nhược, thổ nhập phương Khôn, mà có thể tắc thủy, tất cần mộc để khai thông thổ, thì thế thủy thông đạt mà không có trở ngại vậy. Thành tình Mậu Tử dựa vào nhau. Nếu mộc sinh ở mùa hạ thu, hỏa ở mùa thu đông, kim sinh mùa đông xuân, thủy sinh mùa xuân hạ, chính là vị trí hưu tù, bản thân không có dư khí, làm sao có thể dụng thần sinh ta chứ, chẳng lẽ lấy thần chế khắc ta ư? Tuy nhìn nhật chủ mà luận, thần trong tứ trụ, đều luận giống như vậy.

366 - Giáp Thân - Bính Dần - Giáp Thân - Canh Ngọ

Đinh Mão/ Mậu Thìn/ Kỷ Tị/ Canh Ngọ/ Tân Mùi/ Nhâm Thân

Đầu xuân mộc nộn, 2 Thân xung Dần lộc, giờ lại thấu ra Canh kim, là mộc nộn kim kiên, hoàn toàn dựa vào Bính hỏa phùng sinh lâm vượng; càng đẹp là ngũ hành không có thủy. Gọi là Nhi có cứu Mậu, khiến cho Canh Thân kim, không tổn thương Giáp mộc. Đến Tị vận, lộc địa của Bính hỏa, trúng Hương bảng, vận Canh Ngọ phát giáp, vận Tân Mùi làm quan huyện. Nói chung là sợ Canh kim cái đầu, không thể thăng thiên, vận Nhâm Thân không những làm quan lận đận, lại còn sợ hết lộc.

367 - Giáp Thân - Bính Tý - Ất Dậu - Bính Tuất

Đinh Sửu/ Mậu Dần/ Kỷ Mão/ Canh Thìn/ Tân Tị/ Nhâm Ngọ

Ất mộc sinh ở giữa mùa đông, tuy gặp vị trí tương, cuối cùng mùa đông điều tàn không tươi tốt, chỉ lại là loại tây phương, Tài Sát tung hoành, hỉ có Bính hỏa cùng thấu, thì kim không hàn lạnh, thủy không đóng băng, là hàn mộc hướng dương, Nhi có thể cứu Mậu. Là người tính tình khảng khái. Tuy ở kinh doanh, quy mô tầm thường, lập nghiệp hơn thập vạn. Bất lợi ở thi Hương, là do Tuất thổ sinh Sát phá Ấn vậy.

368 - Bính Thìn - Ất Mùi - Nhâm Thìn - Giáp Thìn

Bính Thân/ Đinh Dậu/ Mậu Tuất/ Kỷ Hợi/ Canh Tý/ Tân Sửu / Nhâm Dần/ Quý Mão.

Nhâm thủy sinh ở cuối mùa hạ, đất hưu tù, hỉ gặp 3 chi Thìn, thân thông căn khó, Thìn thổ có thể tích thủy dưỡng mộc, Giáp Ất cùng thấu, thông căn chế thổ, là Nhi có thể sinh Mậu. Ngại là Bính hỏa tiết mộc sinh thổ, công danh bất quá chỉ là một học trò; may là ở trung vận đến già vận đến đông bắc đất thủy mộc, quyền nạm mà làm quan, địa vị làm quan Bộ chính, giàu có hơn trăm vạn.

369 - Quý Mão - Ất Mão - Kỷ Mão - Tân Mùi

Giáp Dần/ Quý Sửu/ Nhâm Tý/ Tân Hợi/ Canh Tuất/ Kỷ Dậu

Kỷ thổ sinh ở giữa mùa Xuân, tứ Sát năm lệnh, nhật nguyên cực hư thoát vậy, vẫn hỉ có thấp thổ có thể sinh mộc, không lo mộc thịnh, dường như nhất định Mậu thổ không thể chống nổi vậy. Càng hay là có Mùi thổ, thông căn có dư, đủ để dụng Tân kim chế Sát, mà Nhi có thể sinh Mậu. Đến năm Quý Dậu, Tân kim đắc lộc, trúng Hương bảng, Canh Tuất làm quan huyện lệnh. Chỗ ngại là can năm Quý thủy, sinh mộc tiết kim, làm quan không vinh hiển, tài sản như vôi. Là giới thanh quan, nhân phẩm rất đoan chính.

Nguyên chú: Mộc là Mão, hỏa là Tử vậy, thái vượng gọi là Tử mẫu, trái lại khiến cho hỏa sí mà thiêu diệt, thì gọi là Diệt tử. Hỏa thổ kim thủy cũng như vậy.

Nhâm thị viết: Lý lẽ Mão tử diệt Tử, ý cùng Quân dựa vào Thần sinh là tương tự vậy, cứu giúp, đều là Ân vượng, của khác, là Quân dựa Thần sinh, trong cục Ân thụ tuy vượng, trong trụ Tài tinh có khí, có thể dụng Tài phá Ân vậy. Mão tử diệt Tử, dầu có Tài tinh mà vô khí, không thể lấy Tài tinh phá Ân vậy. Chỉ được tính thuận mẫu, trợ giúp cho Tử vậy. Tuế vận vẫn hành đất Tỉ Kiếp, để Mão tử mà Tử an; một khi thấy loại Tài tinh Thực Thương, nghịch tính mẫu, ý là không có sinh dục, tai họa tất khó tránh vậy.

370 - Quý Mão - Giáp Dần - Đinh Mão - Giáp Thìn

Quý Sửu/ Nhâm Tý/ Tân Hợi/ Canh Tuất/ Kỷ Dậu/ Mậu Thân/ Đinh Mùi/ Bính Ngọ.

Tạo này tục gọi là Sát Ân tương sinh, là thân cường Sát thiên, kim thủy vận danh lợi song thu, không biết khí Quý thủy, quy về hết chỗ Giáp mộc, địa chi đủ Dần, Mão, Thìn, là mộc đa hỏa tức, đầu vận Quý Sửu Nhâm Tý, sinh mộc khắc hỏa, hình thương phá hao; Tân Hợi, Canh Tuất, Kỷ Dậu, Mậu Thân, thổ sinh kim vượng, xúc nộ vượng thần Mão mộc, hoạn nạn khác thường, nói đất sinh tôn, là lấy ở trước 60 tuổi, một việc cũng không thành. Vận Đinh Mùi trợ khởi nhật nguyên, thuận tính mẫu, được gặp nhiều sự giúp đỡ, cưới thiếp sinh liền hai con. Cùng Bính Ngọ 20 năm, phát tài đếm bạc vạn, thọ đến ngoài 90 tuổi.

371 - Mậu Tuất - Bính Thìn - Tân Sửu - Mậu Tuất

Đinh Tị/ Mậu Ngọ/ Kỷ Mùi/ Canh Thân/ Tân Dậu/ Nhâm Tuất

Tân kim sinh cuối xuân, tứ trụ đều là thổ, Bính hỏa Quan tinh, tiết hết nguyên thần, là thổ trọng vùi kim, là Mão đa diệt Tử. Đầu vận hỏa thổ, hình tang phá bại, rửa sạch chỗ này không còn. Vừa giao vận Canh Thân, trợ khởi nhật nguyên, thuận tính mẫu, được nhiều sự giúp đỡ; cùng Tân Dậu, cùng bảo thần Sửu, quyền nập làm quan; vận Nhâm Tuất, thổ lại đắc địa, bị liên lụy mắc tội mất chức.

372 - Bính Tuất - Mậu Tuất - Tân Sửu - Mậu Tuất

Kỷ Hợi/ Canh Tý/ Tân Sửu/ Nhâm Dần/ Quý Mão/ Giáp Thìn

Chỗ này cùng với tạo trước chỉ có đôi một chữ Tuất, do đầu vận Kỷ Hợi, Canh Tý, Tân Sửu là kim thủy, Sửu thổ dưỡng kim, xuất thân phú quý, Tân vận giàu thêm; vừa giao Nhâm vận, thủy mộc cùng đến, phạm tính mẫu, so với lấy thổ trọng phùng thì mộc tất tốt, mạnh là làm quan, phạm sự thì mất chức.

373 - Nhâm Tý - Nhâm Dần - Giáp Tý - Nhâm Thân

Quý Mão/ Giáp Thìn/ Ất Tị/ Bính Ngọ/ Đinh Mùi/ Mậu Thân

Tạo này tục luận mộc sinh đầu xuân, giờ Sát độc thanh. Hứa là danh cao lộc trọng, không biết đầu xuân mộc nộn, khí lại ngưng hàn, không thể nạp thủy; chỉ giờ Thân kim, là sinh địa Nhâm thủy, lại có Tý Thân cùng thủy, là Mão đa diệt Tử vậy. Tiếc là vận không có mộc trợ, gặp hỏa vận cùng thủy chiến, e rằng danh lợi không thành vậy. Hành đầu Quý Mão Giáp Thìn, đông phương mộc địa, thuận Mão trợ Tử. Trên có che chở rất

tốt; vừa giao Ất Tị, vận chuyển nam phương, cha mẹ cùng mất. Tài tán người tan; Bính vận thủy hỏa giao chiến, gia nghiệp phá hết mà chết.

Nguyên chú: Mộc là phu, Thổ là thê vậy. Mộc tuy kiện vượng, thổ có thể sinh kim mà khắc mộc. Gọi là Phu kiện phạ Thê (chồng khỏe mà sợ vợ). Hỏa thổ kim thủy hòa thuận, có thủy gặp liệt hỏa mà sinh thổ, hỏa gặp hàn kim mà sinh thủy. Thủy sinh kim, là nhuận tảo địa; hỏa sinh mộc, là giải băng hàn. Hỏa thiêu mộc mà thủy khô, thổ thấm thủy mà mộc khô đều là phản cục, học được huyền diệu cần phải suy xét cho kĩ.

Nhâm thị viết: Mộc là chồng, thổ là vợ vậy. Mộc vượng thổ nhiều, không có kim không sợ, một khi thấy chữ Canh Thân Tân Dậu, kim khắc mộc, gọi là chồng khỏe mà sợ vợ vậy. Tuế vận gặp kim, cũng luận như vậy. Như nhật nguyên Giáp Dần Ất Mão, gọi là chồng khỏe, tứ trụ nhiều thổ, trong cục lại có kim, hoặc là ngày Giáp tháng Dần, ngày Ất tháng Mão, năm giờ có nhiều thổ, can thâu Canh Tân kim. Chỗ gọi là chồng khỏe mà sợ vợ, như mộc vô khí mà thổ trọng, tức là không thấy kim. Chồng suy vợ vượng, cũng là sợ vợ, ngũ hành đều luận giống vậy. Có thủy sinh thổ, chế hỏa mãnh liệt; hỏa sinh thủy, địch kim hàn; thủy sinh kim, nhuận tảo thổ; hỏa sinh mộc, giải thủy đóng băng. Hỏa vượng gặp tảo thổ mà thủy khô, là hỏa có thể khắc thủy vậy; thổ tảo gặp kim trọng mà thủy ngấm, là thổ có thể khắc mộc vậy; kim trọng thấy thủy phiếm mà mộc héo khô, là kim có thể khắc mộc vậy; thủy cuồng được mộc thịnh mà hỏa tắt, thủy có thể khắc thổ vậy; mộc nhiều gặp hỏa mãnh liệt mà thổ khét, mộc có thể khắc kim vậy. Chỗ này đều là thâm cơ ngũ hành đảo nghịch, cho nên gọi là phản cục, học giả nên suy xét cho kĩ lý lẽ huyền diệu. Mệnh học hết sức áo diệu, đều lộ ra hết ở đây vậy.

374 - Kỷ Hợi - Mậu Thìn - Giáp Dần - Tân Mùi

Đinh Mão/ Bính Dần/ Ất Sửu/ Giáp Tý/ Quý Hợi/ Nhâm Tuất

Nhật nguyên Giáp Dần, sinh ở cuối xuân. Tứ trụ thổ nhiều, giờ thâu Tân kim, thổ sinh kim, kim khắc mộc gọi là Phu kiện phạ thê. Đầu vận mộc hỏa, khử thổ kim, sớm nhập học, liền đăng khoa Giáp; Giáp Tý Quý Hợi, Ấn vượng phùng sinh, nhật nguyên đủ để đảm nhận Tài Quan, nhảy cao làm quan.

375 - Kỷ Tị - Mậu Thìn - Giáp Tý - Tân Mùi

Đinh Mão/ Bính Dần/ Ất Sửu/ Giáp Tý/ Quý Hợi/ Nhâm Tuất

Giáp mộc sinh ở cuối xuân, mộc còn dư khí, tọa dưới Ấn thụ, là tượng trung hòa; Tài tinh trùng điệp nắm lệnh, giờ thâu Quan tinh, thổ vượng sinh kim, là Phu kiện phạ Thê. Đầu vận mộc hỏa, khử đi thổ kim, sớm nhập học, liền đăng khoa Giáp. Làm quan không thể hiển vinh, chỉ vì thổ là bệnh vậy. Tạo trước có Hợi, lại tọa - Lộc, chỉ lại khỏe hơn tạo này, tạo này thì Tý Mùi tương xuyên phá Ấn, tạo trước thì có Dần chế thổ hộ Ấn vậy.

376 - Ất Hợi - Tân Tị - Đinh Tị - Canh Tuất

Canh Thìn/ Ất Mão/ Mậu Dần/ Đinh Sửu/ Bính Tý/ Ất Hợi

Tạo của Đới thượng thư. Nhật nguyên Đinh Tị, sinh ở đầu mùa hạ, hai trụ tháng giờ thâu ra Canh Tân, địa chi lại phùng sinh trợ, Tị Hợi phùng xung, khử hỏa tồn kim, là phu kiện phạm thể. Hi kỳ vận đến đất đông phương mộc, trợ Ấn phù thân, là trạng nguyên thiên hạ, quan trường không có phong ba; vừa giao Tý vận, 2 Tị dễ bị chế, hết lộc.

377 - Quý Hợi - Giáp Tý - Mậu Tuất - Quý Sửu

Quý Hợi/ Nhâm Tuất/ Tân Dậu/ Canh Thân/ Kỷ Mùi/ Mậu Ngọ

Nhật nguyên Mậu Tuất, sinh ở năm Hợi tháng Tý, tháng thâu Giáp mộc phùng sinh, thủy sinh mộc, mộc khắc thổ, là phu kiện phạm thể, tối hi tọa dưới Tuất là táo thổ, trong âm tàng Đinh hỏa Ấn thụ, Tài tuy vượng, không thể phá Ấn, chỗ gọi là "Huyền cơ ám lý tồn" vậy. Sợ là chi loại bắc phương, thể Tài thái vượng, vật cực tất phản, tuy vị trí bá chủ một phương, nhưng làm quan không lớn.

378 - Quý Hợi - Quý Hợi - Mậu Ngọ - Giáp Dần

Nhâm Tuất/ Tân Dậu/ Canh Thân/ Kỷ Mùi/Mậu Ngọ/ Đinh Tị

Tạo của Thương Đề độc. Nhật nguyên Mậu Ngọ, sinh ở năm Hợi tháng Hợi, gặp giờ Giáp Dần Sát vượng, Tài Sát tung hoành, Tài tinh đủ để phá Ấn, dẫn đến thi Hương khó thành. May mà Dần cùng Ngọ Ấn, là khắc xứ phùng sinh, lấy Sát hóa Ấn, cho nên là vũ chức siêu quần.

Nhâm thị viết: Tôi xem mệnh Phu kiện phạm thể, rõ ràng rất nhiều quý hiển, lý ít nghiên cứu, trọng ở một chữ "Kiện" kỳ diệu vậy. Nếu như nhật chủ không kiện, gọi là Tài đa thân nhược, cuối cùng là thân khốn khổ vậy. Phu kiện phạm thể, sợ mà không sợ, khởi tùy theo lý đúng vậy. Vận gặp sinh vượng đất phù thân, tự nhiên trở nên nổi bật. Nếu Phu không kiện mà sợ vợ, vợ tất buông thả mà vượt qua đạo lý. Nam muốn dục mà mất tính cương, nữ ham vui mà quên tính thuận, làm sao có thể phú quý chứ?

Chương 18. Chiến Cục

Thiên chiến còn có thể, Địa chiến gấp như hỏa.

Nguyên chú: Can đầu gặp Canh Giáp Ất Tân gọi là Thiên chiến, mà được địa chi thuận là không có hại; địa chi Dần Thân Mão Dậu, gọi là Địa chiến, thì thiên can không thể làm lực. Xu thế nhanh hung, là bởi vì thiên chủ động, địa chủ tĩnh vậy. Tất cả đều thấy gọi là Thiên Địa giao chiến, tất gặp hung là không nghi ngờ, gặp tuế vận hội hợp, là thắng hay bại, cũng có thể tồn mà cũng có thể phát. Có 1 xung 2 xung, chỉ được 1 hợp thần có lực, hoặc không có khó thần quý thần, để thu khí động, tức là tranh khí, cũng có tốt đẹp. Về phần Hi thần phục tàng tử tuyệt, lại cần xung động dẫn dụng khí sinh phát.

Nhâm thị viết : Thiên can khí chuyên, mà được địa chi an tĩnh, dễ dàng chế hóa, cho nên "Thiên chiến vẫn còn được" vậy. Địa chi khí tạp, thiên can dù là thuận tĩnh, vẫn khó mà chế hóa, cho nên "Địa chiến gấp như hỏa" vậy. Mà thiên can nên động không nên tĩnh, động thì hữu dụng, còn tĩnh thì càng chuyên; địa chi nên tĩnh mà không nên động, tĩnh thì hữu dụng, động thì căn bị nhổ. Cần phải hợp thần có lực, hội thần thành cục, tức là khí động, hoặc nhận khó thần thì động thần, tĩnh thần yên ổn, gọi là trong động trợ tĩnh,

là lấy hung hóa cát. Như các loại Giáp Dần, Canh Thân, Ất Mão, Tân Dậu, Bính Dần, Nhâm Thân, Đinh Mão, Quý Dậu.

Thiên địa giao chiến, tuy có hợp thần hội thần, cũng không ngừng động khí, xu thế nhanh hung. Như nói 2 không xung 1, chỗ này là nói sai vậy. Như 2 Dần 1 Thân, xung khử 1 Dần, tổn mất 1 Dần vậy; như 2 Thân gặp 1 Dần, cho dù không xung, kim nhiều mộc ít, cũng có thể khắc hết vậy. Cho nên thiên can luận là khắc, địa chi nói xung, xung tức là khắc vậy, lý rất rõ ràng, sao lại nghi ngờ chứ? Về phần dụng thần phục tàng hoặc là dụng thần bị hợp, trong nguyên cục không có thần dẫn dụng, trái lại cần xung mà động, mới có thể phát dụng. Cho nên hợp cũng có nên và không nên, xung cũng có cần và không cần, cần nghiên cứu kỹ càng.

379 - Quý Dậu - Ất Mão - Đinh Mùi - Tân Hợi

Giáp Dần/ Quý Sửu/ Nhâm Tý/ Tân Hợi/ Canh Tuất/ Kỷ Dậu

Tạo của Lý Đô Tư. Đinh hỏa sinh vào giữa xuân, chi toàn mộc cục, Quý tọa chi Dậu, tựa như Tài sinh nhược Sát, Sát Ấn tương sinh, chẳng biết là Mão Dậu xung nhau, phá mất Ấn cục; thiên can Ất Tân giao chiến, lại tổn hại nguyên thần Ấn, thì Tài Sát tung hoành. Đến vận Tân năm Nhâm Tý, lại gặp Tài Sát, gặp hình phạm pháp.

380 - Quý Dậu - Tân Dậu - Ất Mão - Kỷ Mão

Canh Thân/ Kỷ Mùi/ Mậu Ngọ/ Đinh Tị/ Bính Thìn/ Ất Mão

Thiên can Ất Tân Kỷ Quý, địa chi 2 Mão 2 Dậu, kim bén mộc tàn, thiên địa giao chiến. Kim nắm lệnh, lại có Kỷ thổ sinh, mộc hưu tù, Quý thủy không thể sinh phù. Trung vận nam phương, hỏa vận chế Sát, đường xuất thân đặc biệt, thăng tri huyện. Đến vận Thìn sinh kim trợ Sát, liền vương quốc pháp.

381 - Nhâm Thân - Nhâm Dần - Nhâm Ngọ - Giáp Thìn

Quý Mão/ Giáp Thìn/ Ất Tị/ Bính Ngọ/ Đinh Mùi/ Mậu Thân

Nhâm thủy sinh vào tháng Dần, hai trụ năm tháng thấu ra 2 Tị kiên, tọa Thân phùng sinh, thế thủy thông gốc. Mà đầu xuân mộc nộn (non yếu), gặp xung tựa như không đẹp, mừng tọa dưới Ngọ hỏa, có thể giải cứu khí hàn, mộc được phát sinh, kim cũng có chế. Càng đẹp can giờ có Giáp mộc, phát lộ nguyên thần, thiên can Nhâm thủy, cũng có chỗ quy về. Vận hành mộc địa, có tình sinh hóa, không có họa tranh chiến vậy. Là lấy chiến thắng làm quan, ra chủ trì một khu nổi tiếng, đến Thân vận, hai Thân xung một Dần mộc, hết lộc.

382 - Nhâm Thân - Nhâm Dần - Nhâm Thân - Tân Sửu

Quý Mão/ Giáp Thìn/ Ất Tị/ Bính Ngọ/ Đinh Mùi/ Mậu Thân

Thiên can 3 Nhâm, địa chi 2 Thân, đầu xuân mộc nộn, không chịu nổi 2 Thân kẹp xung, ngũ hành không có hỏa, thiếu tình chế hóa, sợ Sửu thấp thổ sinh kim, tượng gọi là khí trợ thần khô. Đầu vận Quý Mão, Giáp Thìn, không đủ trợ mộc, có thừa sự che chở. Vận Ất Tị cùng thấy hình xung, hình tang phá bại. Vận Bính Ngọ, bày Tị tranh Tài, thiên can không có mộc hóa, nhà phá mạng vong.

383 - Ất Hợi - Tân Tị - Mậu Thân - Giáp Dần

Canh Thìn/ Kỷ Mão/ Mậu Dần/ Đinh Sửu/ Bính Tý/ Ất Hợi

Thiên can Ất Tân Giáp Mậu, địa chi Dần Thân Tị Hợi, thiên địa giao chiến, tựa như không đẹp. Nhưng hi thiên can Ất Tân khứ Quan tinh hỗn Sát, địa chi Dần Thân, chế Sát tung hoành. Tị Hợi gặp xung, phá Ấn vốn là không hi, hi là sinh sau Lập Hạ 10 ngày, Mậu thổ nắm lệnh, thì Hợi thủy bị chế mà Tị hỏa không tổn thương. Vận trình trung niên, mộc hỏa trợ Ấn phù thân, liên đăng khoa Giáp, làm quan thủ Quận; đến Tý vận, trợ khởi Hợi thủy, sinh Sát phá Ấn, hết lộc.

384 - Ất Hợi - Tân Tị - Giáp Tý - Canh Ngọ

Canh Thìn/ Kỷ Mão/ Mậu Dần/ Đinh Sửu/ Bính Tý/ Ất Hợi

Thiên can Giáp Ất Canh Tân, địa chi Tị Hợi Tý Ngọ, là thiên địa giao chiến, trong cục hỏa vượng thủy suy, Ấn thụ không hẳn là không thích Quan Sát sinh. Chẳng biết Canh Tân ở trên Tị Ngọ, cùng Hợi Tý không có quan hệ thân thiết, chính là gọi Khắc Tiết giao gia. Kiêm vận đồ không gặp thủy địa, hình hao khác thường, khắc ba vợ bốn con. Đến vận Đinh Sửu, hợp khứ Tý thủy, hồi hỏa sinh kim, một chuyện không thành mà chết.

Chương 19. Hợp Cục

Hợp có nên và không nên, không nên hợp nhiều.

Nguyên chú: Hi thần có thể có hợp mà trợ giúp, như lấy Canh là hi thần, được Ất hợp mà trợ kim; hung thần có thể có hợp mà khứ đi, như lấy Giáp là hung thần, được Kỷ tới hợp đi; động cục có thể có hợp mà tĩnh, như Giáp sinh ở Hợi, được Dần mà thành việc, là êm đềm vậy. Như hợp trợ khởi hung thần, như Kỷ là hung thần, thì Giáp hợp trợ giúp thổ; hợp trói buộc hi thần, như Ất là hi thần, thì Canh hợp trói buộc; hợp che đậy động cục, Sửu là hi thần, thì Tý Ngọ là hợp bế, tránh sinh hỏa là hợp, không hi Giáp mộc, thì Dần Hợi hợp là trợ giúp mộc, đều là không nên vậy. Nói chung, hợp nhiều thì không lưu thông, không phấn phát, tuy có tú khí, cũng không được vậy.

Nhâm thị viết: Hợp vốn là chuyện đẹp, nhưng thích hợp mà hợp thì đẹp nhất, nếu kỵ hợp mà hợp, so với xung thì càng hung, là sao vậy? Xung được hợp mà tĩnh thì dễ dàng, hợp được xung mà biểu hiện rõ thì khó khăn, giấy thông hành hi thần có thể có hợp mà trợ giúp là đẹp, như Canh là hi thần, là được Ất hợp đi vậy. Nhân thần hung thần có thể có hợp mà hóa hi vậy, như Quý thủy là hung thần Mậu là đầu thần, Mậu Quý hợp mà hóa hỏa thành hi thần; Nhân thần Kỵ thần có thể hợp mà hóa hi, như Nhâm là thần, Đinh là Kỵ thần, Đinh Nhâm hợp mà hóa mộc thành hi thần vậy.

Như Tý Ngọ phùng xung, hi thần ở Ngọ được Sửu hợp; Dần Thân phùng xung, hi thần ở Dần, được Hợi hợp, đều là thích hợp. Như kỵ thần được hợp mà trợ giúp, lấy Kỷ là kỵ thần, Giáp hợp, thì là hợp trợ cho kỵ; lấy Ất là hi thần, Tân là nhân thần, Bính Tân hợp hóa là không thành kỵ thần vậy. Có Nhân thần Kỵ thần hợp hóa Hung thần, lấy Nhâm thủy là đầu thần, Đinh là kỵ thần, Đinh Nhâm hợp hóa mộc là thành hung thần vậy. Như Mão Dậu phùng xung, hi thần ở Mão là hợp phong thần, hóa kim thì khắc hỏa, đều là

không nên vậy. Nói chung, kỵ thần hợp hóa mà chưa có khử, hỷ thần đến mà hợp hóa. Nếu kỵ thần hợp mà không khử, không đủ là hỷ; hỷ thần không đến bách hợp, là không đủ đẹp, trái lại ham mê trói buộc mà vô dụng vậy. Có đến hay không, tức là hóa và không hóa vậy, nên xem xét kỹ.

385 - Tân Hợi - Canh Dần - Bính Tý - Ất Mùi

Kỷ Sửu/ Mậu Tý/ Đinh Hợi/ Bính Tuất/ Ất Dậu/ Giáp Thân

Tạo của Chu Trung đường, nhật nguyên Bính Tý, sinh vào đầu xuân, hỏa hù mộc nộn, dụng thần ở mộc, kỵ thần ở kim, hỷ nhất Hợi thủy nhờ kim lưu thông, hợp Dần sinh mộc là không nghi ngờ. Chi giờ Mùi thổ, lại được Ất mộc chế đắp căn, khử trợ lưu thanh, trung hòa thuần túy. Là người khoan hậu, hoà nhã, cả đời làm quan yên ổn.

386 - Mậu Tý - Canh Thân - Nhâm Dần - Tân Sửu

Tân Dậu/ Nhâm Tuất/ Quý Hợi/ Giáp Tý/ Ất Sửu/ Bính Dần

Nhật nguyên Nhâm Dần, sinh vào đầu thu, mùa thu thủy thông nguyên, trùng điệp Ấn thụ, Mậu Sửu thổ, có thể sinh kim, không thể chế thủy, khởi cần thiết lập, chỉ là không thuận tính, lấy Dần mộc làm dụng. Đến Quý vận, tiết kim sinh mộc, nhập học; Hợi vận chi thuộc phương bắc, nói Sửu thổ ẩm ướt là bệnh, lại sinh hợp khơi thông mộc, liền đăng khoa giáp, danh cao hàn uyển. Chi ngại là, Dần Thân xung nhau, tứ khí bị tổn thương, rớt Tri huyện. Giáp Tý vận, thủy mộc ngang nhau, một đường nhân ái yên bình. Ất vận, Ất công hợp Canh trợ Hỏa, bãi chức về nhà; Sửu vận sinh kim, hết lộc.

387 - Đinh Hợi - Nhâm Dần - Bính Ngọ - Đinh Dậu

Tân Sửu/ Canh Tý/ Kỷ Hợi/ Mậu Tuất/ Đinh Dậu/ Bính Thân

Nhật nguyên Bính Ngọ, sinh vào tháng Dần, thiên can vừa đủ có hai Đinh. Nhâm thủy thông căn chi Hợi, Sát Ấn tương sanh. Chỗ ngại là Nhâm Dần chi Hợi, chính xác dạng Ấn tương sinh, chỗ ngại là Đinh Nhâm cùng Dần Hợi hợp, dẫn đến Kiếp Nhận tung hoành, bày Kiếp tranh Tài. Đầu vận phương bắc kim thủy, sản nghiệp hưng thịnh; Mậu Tuất vận lại hội hỏa cục, khắc hại kim tận cùng, gia phá mạng vong.

388 - Kỷ Hợi - Giáp Tuất - Mậu Dần - Bính Thìn

Quý Dậu/ Nhâm Thân/ Tân Mùi/ Canh Ngọ/ Kỷ Tị/ Mậu Thìn

Tạo của Tạ Thị lang, sinh vào cuối thu, thổ nắm lệnh, động thường không vượng, nhưng Giáp mộc tiến khí, chi được trường sinh lộc vượng, chi Thìn là dư khí của mộc, tiết hỏa dưỡng mộc, không có kim để chế, thế Sát vượng vậy. Hỷ Giáp hợp Kỷ là thích hợp, thì nhật chủ không bị khắc; càng đẹp ở trung vận thổ kim, chế hỏa phù hợp, danh cao được lộc.

389 - Kỷ Mùi - Giáp Tuất - Mậu Dần - Bính Thìn

Quý Dậu/ Nhâm Thân/ Tân Mùi/ Canh Ngọ/ Kỷ Tị/ Mậu Thìn

Tạo này cùng với tạo trước chỉ hoán đổi một chữ Hợi, thì thổ không có thủy nhuận, không thể dưỡng mộc, Giáp hợp Kỷ là không nên, Sát không có khí thế, Kiếp mặc sức

tung hoành vậy. Vận Nhâm Thân sinh hóa, tuy được nhập học mà không thi đậu; trung vận lại gặp thổ kim, hình thê khắc tử, gia nghiệp tiêu dần; đến Tị vận mà chết. Cách chỉ được một chút lót ở bên trong vậy.

390 - Đinh Hợi - Nhâm Dần - Giáp Tuất - Nhâm Dần

Tân Sửu/ Canh Tý/ Kỷ Hợi/ Mậu Tuất/ Đinh Dậu/ Bính Thân

Giáp mộc sinh ở tháng Dần giờ Dần, mộc nộn khí hư, lấy Bính hỏa giải băng dịch hàn làm dụng, lấy Nhâm thủy khắc Bính là kỵ, hi nhất là Đinh hợp Nhâm hóa mộc, lại sinh Bính hỏa. Năm Quý Dậu vốn là không cát, hi kỳ đại vận ở Kỷ, có thể khắc Quý thủy, tin chiến thắng làm quan. Tiếc là vận Mậu năm Mão không cát, không thể trọng dụng.

391 - Đinh Hợi - Nhâm Dần - Giáp Tuất - Giáp Tý

Tân Sửu/ Canh Tý/ Kỷ Hợi/ Mậu Tuất/ Đinh Dậu/ Bính Thân

Giáp sinh tháng Dần, đắc thời nắm lệnh, như dụng Đinh hỏa, Nhâm thủy hợp khứ, như dụng Mậu thổ, Dần Hợi sinh hợp khắc Tuất, cả đời thành bại không đều, hình hao đa đoan. Vẫn hi trung vận, ầm no mà thôi. Cho nên cần hợp, danh lợi như áo giáp; không cần hợp thì hình thương phá bại.

Chương 20 : Quân Tượng

Quân không thể kháng. Quý ở tôn trên ích dưới.

Nguyên chú: Nhật chủ là Quân, thần phòng ngự là Th ần. Như nhật chủ Giáp Ất, đầy cục đều là mộc, bên trong có 1,2 khí thổ, là Quân thịnh Thần suy, xu thế phải nhiều mới lấy trợ thần, hỏa sinh, thổ đầy, kim bảo vệ, để ở dưới bảo toàn mà ở trên yên ổn.

Nhâm thị viết: Quân không thể làm, lý là không có phạm thượng vậy. Tôn trên là tiết ở trên, là không khắc chế vậy, ở trên tiết thì ở dưới nhận khí mà ích lợi.

Như lấy ngày Giáp Ất nhật chủ là Quân, bên trong cục toàn là mộc, chỉ có một hai khí thổ, là Quân cực thịnh mà Thần cực suy vậy, vậy chỉ có phải thuận theo tính Quân, lấy hành hỏa, hành hỏa thì mộc bị tiết, thổ được sinh phù, gọi là *Tôn trên để Ích dưới*, thì ở trên vua không làm, mà ở dưới được an ổn. Nếu lấy vận kim, là đối kháng với vua vậy; mà mộc thịnh thì có thể làm cho kim khuyết, vua vẫn không thể kháng lại, trái lại là gây phản nộ, mà Thần càng tiết khí, chẳng những vô ích, mà còn có hại, sao có thể ở trên yên mà ở dưới đầy đủ chứ?

392 - Giáp Tuất - Bính Dần - Giáp Tuất - Ất Hợi

Đinh Mão/ Mậu Thìn/ Kỷ Tị/ Canh Ngọ/ Tân Mùi/ Nhâm Thân

Giáp sinh tháng Dần, lại được Hợi sinh, Tị Kiếp trợ, hai chi năm và ngày Tuất thổ hư nhược, gọi là Quân thịnh Thần suy, hi nhất là can tháng thấu ra Bính hỏa, thuận theo thế mộc, Tuất được tình cùng sinh, thì ở trên yên mà ở dưới bảo toàn. Vận Kỷ Tị, hỏa thổ cùng vượng, liền đăng khoa Giáp. Canh Ngọ Tân Mùi, hỏa đắc địa, kim vô căn, lại có hai hỏa hội khắc, Canh Tân không thể đối kháng vua, Ngọ Mùi đủ để Ích cho thần, làm đến quan Bố Chính. Vận Nhâm Thân xung khắc Bính Dần, là nghịch tính vua, hết lộc.

393 - Giáp Tý - Giáp Tuất - Giáp Dần - Ất Hợi

Ất Hợi/ Bính Tý/ Đinh Sửu/ Mậu Dần/ Kỷ Mão/ Canh Thìn

Nhật nguyên Giáp Dần, sinh ở cuối mùa thu, thổ vượng nắm quyền, không thể so với mùa xuân thổ hư, cho nên một Tuất ở chỗ này, đủ để chống hai Tuất của đối phương. Sinh giờ Hợi, lại thiên can đều là mộc, là Quân thịnh Thần suy, cho nên, trong cục hỏa không có lấy được, bày Tỉ tranh Tài, không thể Ích Thần, thì ở trên yên mà ở dưới không bảo toàn vậy. Vận đầu phương bắc chủ thủy vượng, trợ thế cho Quân, hình tang hao phá, tổ nghiệp không tốt. Vận Đinh Sửu, hỏa thổ cùng đến, gia nghiệp hơi thành tựu. Vận Mậu Dần Kỷ Mão, thổ vô căn, mộc lâm vượng, hủy bỏ ba lần, khởi lên đảo nghịch khác thường, hình thê khắc tử, đến vận Mão vong mạng.

Chương 21. Thần Tượng

Thần không thể quá, Quý ở Tồn dưới mà Ích trên.

Nguyên chú: *Nhật chủ là Thần, Quan tinh là Quân. Như nhật chủ Giáp Ất, toàn cục đều là mộc, bên trong có 1,2 kim khí, là Thần thịnh Quân suy, xu thế phải nhiều mới lấy trợ kim. Dụng hỏa mang thổ, để tiết mộc khí; dụng thổ mang hỏa, để sinh kim thần, để mà Quân yên mà Thần bảo toàn. Nếu mộc hỏa lại thịnh, không thể tránh được thì Thần nên giữ gìn Quân, khí không thiếu dùng, một đường hành đất hỏa, mới có thể phát phúc.*

Nhâm thị viết: Thần không thể vượt quá, phải lấy đức hóa vậy, sau là Thần thuận mà Quân an. Như nhật nguyên Giáp Ất, toàn cục là mộc, trong cục chỉ có 1,2 kim, Thần thịnh mà Quân cực suy vậy. Nếu kim vận chế Thần, gọi là thế suy mà ra oai, tất có ý kháng trên, tất thổ cần mang vận hỏa; mộc gặp hỏa mà tương sinh, tâm Thần thuận theo vậy. Kim gặp thổ mà được Ích, tâm của Quân yên ổn vậy. Nếu mộc vượng, mà không thấy hỏa thổ, nhất lộ hành vận thủy mộc, cũng có thể an Quân. Nếu không mộc cùng vượng, không thấy hỏa thổ, Thần nên bảo vệ Quân vậy, một đường hành vận thổ mộc, cũng có thể làm Quân yên. Nếu mộc hỏa cùng vượng, thì nân thuận theo tâm của Thần. Một đường hành hỏa, chỗ gọi là Thần thịnh mà tính thuận. Quân suy mà nhân từ, cũng là trên an ổn mà dưới bảo toàn. Nếu đơn thuận dụng thổ kim để kích động, ý là ở trên không yên mà dưới cũng không bảo toàn vậy.

394 - Mậu Dần - Giáp Dần - Giáp Dần - Canh Ngọ

Ất Mão/ Bính Thìn/ Đinh Tị/ Mậu Ngọ/ Kỷ Mùi/ Canh Thân

Nhật nguyên Giáp Dần, năm tháng đều là Dần, toàn cục là mộc, can giờ Canh kim vô căn, là Thần thịnh mà Quân cực suy vậy. Hi giờ Ngọ lưu thông tính mộc, thì Mậu thổ nhược mà có căn, tâm Thần thuận theo vậy. Lại gặp vận Bính Thìn, Đinh Tị, Mậu Ngọ, Kỷ Mùi hỏa mang thổ, sinh hóa không nghịch, Thần thuận Quân yên. Sớm đăng khoa giáp, làm quan Thị Lang. Vận Canh Thân, không thể hòa với Thần, hết lộc.

395 - Quý Mão - Ất Mão - Giáp Dần - Tân Mùi

Giáp Dần/ Quý Sửu/ Nhâm Tý/ Tân Hợi/ Canh Tuất/ Kỷ Dậu

Nhật nguyên Giáp Dần, năm tháng đều là Mão, lại thâu Ất Quý, Mùi thuộc nam phương tảo thổ, là căn khó mộc, thổ không sinh kim, cho nên Quân Tân kim, không có năng lực vậy. Nên Thần phải giữ gìn Quân, lấy Quý thủy làm dụng, vận gặp Giáp Dần, Quý Sửu, sản nghiệp đầy đủ. Nhâm Tý, Tân Hợi, danh lợi đầy đủ. Vừa giao vận Canh Tuất, thổ kim cùng vượng, không thể dung thần, phạm việc mất chức, phá hao khắc con mà chết.

396 - Mậu Ngọ - Mậu Ngọ - Mậu Ngọ - Giáp Dần

Kỷ Mùi/ Canh Thân/ Tân Dậu/ Nhâm Tuất/ Quý Hợi/ Giáp Tý

Trụ này gặp 3 Mậu Ngọ, giờ Sát tuy tọa lộc, trong cục không có thủy, hỏa thổ quá khô tảo, là Thần thịnh Quân suy, mà Dần Ngọ cùng hội, mộc tông thế hỏa, chuyển sinh nhật chủ, ơn Quân tuy trọng, mà ý hướng nhật chủ, lại không lấy đến Giáp mộc, cho nên vận đến tây phương kim địa, công danh hiển hách, rất nặng tình riêng, không nhớ đến ơn Quân vậy. Vận gặp thủy vượng, lại không giữ gìn Quân, mắc tội mà mất chức.

397 - Giáp Dần - Bính Tý - Kỷ Dậu - Kỷ Tị

Đinh Sửu/ Mậu Dần/ Kỷ Mão/ Canh Thìn/ Tân Tị/ Nhâm Ngọ

Nhật nguyên Kỷ Dậu, sinh vào giữa mùa đông, Giáp Dần Quan tinh tọa lộc, Tý thủy Tài tinh nắm lệnh, là Tài vượng sinh Quan, giờ gặp Ấn thụ, trụ này gọi là Quân Thần đều thịnh. Càng đẹp là can tháng thâu một Bính hỏa, là Hàn thổ hướng dương, chuyển sinh nhật chủ, ơn Quân trọng vậy. Sớm đăng khoa Giáp, danh cao Hàn Uyển. Là do tọa dưới Dậu kim, được chi giờ Tị cũng, hỏa sinh, kim bảo vệ, thủy dưỡng, mà lực lượng nhật chủ, đủ để khắc Tài, là do cùng là Quan trọng Tài, mà quên ơn vua vậy.

Chương 22. Mẫu Tượng

Biết Mẫu từ là đạo cứu tế,

Mới có mừng ngọn Dưa vô tận.

Nguyên chú: Nhật chủ là Mẫu, chỗ ngày sinh ra là T ử. Như nhật chủ Giáp Ất, toàn cục đều là mộc, ở trong có 1,2 hỏa khí, là Mẫu vượng Tử cô, xu thế phải nhiều mới lấy sinh con cháu, mới trở thành ngọn Dưa kéo dài, rồi sau đó lưu truyền đi ở nghìn đời.

Nhâm thị viết : *Mẫu nhiều Tử cô*, không những Tử phục theo thế Mẫu, mà tình Mẫu cũng dựa vào Tử, cho nên Mẫu Tử hai người, đều không nên tổn ức. Đành phải trợ giúp thế cho Tử, thì Mẫu từ mà Tử ích hưng vượng vậy. Như nhật chủ Giáp Ất mộc là Mẫu, bên trong chỉ có một hai khí hỏa, còn lại đều là mộc, Mẫu nhiều là bệnh. Một là, không thể thấy thủy, thấy thủy thì Tử ắt bị tổn thương; Hai là, không thể thấy kim, thấy kim thì ắt phải động đến tính Mẫu. Mẫu Tử bất hòa, thế của Tử càng cô, duy chỉ có hành vận mang hỏa thổ, thì tính Mẫu trở nên hiền từ, tất hướng về Tử. Tử mới có thể thuận theo ý của Mẫu mà sinh cháu, ghép thành ngọn dưa kéo dài, mừng phát huy ở dưới nghìn đời, nếu hành vận thổ mang thủy, thì tình cảm Mẫu có thay đổi, trái lại mà không tha thứ cho Tử vậy.

398 - Mậu Ngọ - Giáp Dần - Ất Mão - Kỷ Mão

Ất Mão/ Bính Thìn/ Đinh Tị/ Mậu Ngọ/ Kỷ Mùi/ Canh Thân

Nhật nguyên Ất Mão, sinh vào tháng Dần giờ Mão, toàn cục đều là mộc, chỉ có chi năm Ngọ hỏa, là Mão vượng Tử cô. Hi kỳ hội Tử, Dần Ngọ bán hội hỏa cục, tính Mão từ mà hướng về Tử, Tử cũng thuận theo ý Mão, mà sinh cháu là Mậu thổ. Lại hi trong vận hỏa thổ, cho nên thiếu niên sớm đăng bảng Hồ, thân nhập Phụng trì, làm quan Thị Lang. Giao vận Canh Thân, chạm đến tính Mão, hết lộc.

399 - Quý Mão - Bính Thìn - Giáp Dần - Ất Hợi

Ất Mão/ Giáp Dần/ Quý Sửu/ Nhâm Tý/ Tân Hợi/ Canh Tuất

Nhật nguyên Giáp Dần, sinh vào cuối mùa xuân, chi toàn phương đông, một điểm Bính hỏa hư nhược, là Mão nhiều Tử cô. Thìn là thấp thổ, hội hỏa dưỡng mộc, kiêm thấu can Quý thủy, gặp giờ Hợi vượng, Mão không có tâm từ ái cứu giúp, lại có ý tiêu diệt. Vận đầu Ất Mão Giáp Dần, trên có tình sinh phù ái Tử, tự nhiên vui vẻ. Giao vận Quý Sửu thổ mang thủy, tâm Mão tất thay đổi, Tử không thể an ổn, phá bại dị thường. Đến vận Nhâm Tý, khắc tuyệt Tử, tan nhà nát cửa, tự vẫn mà chết.

Chương 23. Tử Tượng

Con biết hiếu mới dưỡng người thân,

Mới hòa hợp xuôi thành đại thuận.

Nguyên chú: Nhật chủ là Tử, sinh ra ngày là Mão. Như Giáp Ất toàn cục đều là mộc, bên trong có 1,2 khí thủy, nhiều là Mão suy. Xu thế phải nhiều mới để an Mão. Dụng kim để sinh thủy, dụng thổ để sinh kim, thì thành tình Mão Tử, là đại thuận vậy, giả sử không có kim, thì thân thủy phải dựa vào mộc, mà hành đất mộc hỏa kim thịnh cũng được.

Nhâm thị viết: Tử đa Mão suy, Mão dựa vào Tử, tâm cần phải yên lòng Mão, cũng không thể nghịch tính của Tử. Như ngày Giáp Ất là chủ, toàn cục đều là mộc, ở trong có 1,2 khí thủy, gọi là *Tử nhiều Mão cô*, tình của Mão dựa vào ở Tử, nhất định tâm phải an Mão. Một là, không thể thấy thổ, thấy thổ thì Tử lưu luyến phụ nữ mà quên chiếu cô đến Mão, thì Mão bất an vậy. Hai là, không thể thấy kim, thấy kim thì Mão cương mà không dung thứ cho Tử, Tử tất phản nghịch vậy. Duy chỉ có hành vận kim mang thủy, khiến cho kim không khắc mộc mà sinh thủy, thì tình Mão tất dựa vào Tử, tình của Tử cũng thuận theo Mão vậy, để thành đại thuận. Nếu hành vận kim mang thổ, tính Mão nhất định hung hãn, Mão Tử đều không thể an, việc đời ai cũng như vậy cả, bốn chương này tuy lấy mộc luận, hỏa thổ kim thủy cũng đều suy ra như vậy.

400 - Quý Hợi - Ất Mão - Giáp Dần - Ất Hợi

Giáp Dần/ Quý Sửu/ Nhâm Tý/ Tân Hợi/ Canh Tuất/ Kỷ Dậu

Nhật nguyên Giáp Dần, sinh vào giữa mùa xuân, Mão Hợi Dần Hợi cùng hợp, toàn cục đều là mộc, thì can năm Quý thủy không có thế, là Tử vượng Mão cô, tính dựa vào ở mộc, tính mộc cũng dựa vào ở thủy. Vận đầu Giáp Dần Quý Sửu, nhận được bề trên che chở, sớm nhập học. Vận Nhâm Tý được bảng Hương, vận Tân Hợi kim thủy tương sinh,

từ huyện lệnh mà thăng cấp tỉnh. Đến vận Canh Tuất, thổ kim cùng vượng, là Mẫu Tử bất an, do mắc tội mất chức mà chết.

401 - Ất Hợi - Kỷ Mão - Giáp Dần - Giáp Tý

Mậu Dần/ Đinh Sửu/ Bính Tý/ Ất Hợi/ Giáp Tuất/ Quý Dậu

Nhật nguyên Giáp Dần, sinh vào giữa xuân, toàn cục là mộc, Hợi cùng Mão, chỉ giờ Tý thủy cực suy, tình càng dựa vào ở mộc. Nhật chủ lưu luyến tư tình Kỷ thổ, mà không nhớ đến Mão. Vận Đinh Sửu, hỏa thổ cùng đến, lại không dung tha Mão. Ngạn ngữ có câu “Phụ nữ không hiền thì gia đình bất hòa”, hình thương hao phá. Vận Bính Tý, hỏa không thông căn, bình an không hung. Vận Giáp Tuất lại gặp thổ vượng, phá hao dị thường. Vận Ất Hợi, Quý Dậu sinh hóa không nghịch, liên tiếp cưới vợ sinh con, chấn hưng gia đình. Vận Nhâm Thân, cảnh về già càng tốt, là do kim thủy tương sinh vậy.

Chương 24. Tính Tình

Ngũ khí không hung,

Tính tình trung hòa;

Trọc loạn thiên khô,

Tính tình lại nghịch.

Nguyên chú: Ngũ khí ở trên trời, chính là Nguyên Hanh L ợi Trinh; trao ở người, là tính Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, đau buồn, căm giận, khiêm tốn, tình ý thành thực thị phi, 5 chỗ này không ác , thì tồn tại mà thành tính , phát mà thành tình , ai cũng trung hòa , chỗ này lại thành trái tính trái nết.

Nhâm thị viết: Ngũ khí, là khí Tiên thiên “Lạc Thư” vậy. Dương ở *Tứ chính*, âm cư *Tứ ngung*, thổ vừa cư ở Cấn Khôn, chỗ này ứng với định vị Hậu thiên. Phương Đông thuộc mộc, ở mùa vào mùa Xuân, ở người là Nhân; Nam phương thuộc hỏa, ở mùa là vào mùa Hạ, ở người là Lễ; Phương Tây thuộc kim, ở mùa là vào mùa Thu, ở người là Nghĩa; Phương Bắc thuộc thủy, ở mùa là vào mùa Đông, ở người là Trí.

Khôn Cấn là chủ, Khôn ở Tây Nam, lấy hỏa sinh thổ, lấy thổ dưỡng kim vậy; Cấn cư Đông Bắc, vạn vật đều là ở thổ, Đông qua Xuân đến, không có thổ không thể ngăn thủy, không có thổ không thể trồng cây; tính giống như Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, không có Tín thì không thể thành. Cho nên Thánh nhân dịch Cấn ở Đông Bắc, tức là ý chỉ Tín đã thành. Trao ở con người, ngũ hành cần phải không ác, trung hòa thuần túy, thì có tính trắc ẩn, khiêm tốn, thành thật; nếu thiên khô hỗn trọc, thái quá hay bất cập, thì có tính thị phi, trái nghịch, kiêu ngạo vậy.

402 - Kỷ Sửu - Bính Dần - Giáp Tý - Mậu Thìn

Ất Sửu/ Giáp Tý/ Quý Hợi/ Nhâm Tuất/ Tân Dậu/ Canh Thân

Nhật nguyên Giáp Tý, sinh vào đầu xuân, mộc nắm lệnh mà không thái quá, hỏa cư vị trí tương không gắt, thổ tuy nhiều mà không khô, thủy tuy thiếu mà không cạn, kim vốn không có mà âm thầm tích trữ, thì không bị hỏa khắc, mà được thổ sinh, không có

bệnh tranh chiến, có tương sinh là đẹp. Là người không tùy tiện, hành động không kiêu căng xiêm nịnh hà khắc, có phong cách trong sạch, cung kính nhân hậu.

403 - Kỷ Dậu - Đinh Mão - Kỷ Mão - Ất Sửu

Bính Dần/ Ất Sửu/ Giáp Tý/ Quý Hợi/ Nhâm Tuất/ Tân Dậu

Nhật nguyên Kỷ Mão, sinh vào giữa xuân, thổ hư ít tín, mộc đa kim khuyết, âm hỏa không thể sinh thấp thổ, Tín Nghĩa đều hư. Mà bát tự thuần âm, một mực nịnh hót, tâm tồn tại việc hại người ích ta, ý manh nha cười trên nỗi đau người khác.

404 – Bính Tuất - Ất Mùi - Bính Tý - Giáp Ngọ

Bính Thân/ Đinh Dậu/ Mậu Tuất/ Kỷ Hợi/ Canh Tý/ Tân Sửu

Bính sinh cuối mùa hạ, là hỏa viêm thổ táo, thiên can Giáp Ất, khô mộc trợ hỏa thêm gay gắt, lại sợ Tý thủy xung kích mạnh, tượng thiên khô hỗn loạn. Tính tình quái đản, xử thế nhiều kiêu ngạo, lại thêm tranh giành nóng nảy như gió lửa, tính thuận theo ngàn vàng không tiếc, tính nghịch một hạt cải cũng phải chia, bởi vậy gia nghiệp phá bại không còn tồn tại.

Hỏa liệt mà tính táo, gặp kim thủy là kích động.

Nguyên chú: Hỏa mãnh liệt mà có thể thu ận tính, tất phải rõ thuận, duy chỉ có kim thủy kích động, táo tranh chấp không thể chống lại vậy.

Nhâm thị viết: Hỏa táo mà liệt, biểu thị tính Viêm thượng, chỉ có thể dụng thấp thổ để nhuận, thì biết Lễ mà thành đức nhân từ; nếu gặp kim thủy kích động, thì tính hỏa càng mạnh mẽ mà không biết giữ Lễ, tất sinh tai họa vậy. Thấp thổ, là Sửu Thìn vậy, biểu thị làm mờ ánh sáng, hạn chế sự mãnh liệt, thì sáng vậy.

405 - Bính Tuất - Giáp Ngọ - Bính Ngọ - Kỷ Sửu

Ất Mùi/ Bính Thân/ Đinh Dậu/ Mậu Tuất/ Ất Hợi/ Canh Tý

Nhật nguyên Bính Ngọ, sinh ở tháng Ngọ, năm tháng lại gặp Giáp Bính, là rất mãnh liệt vậy. Hỉ nhất giờ Sửu, can chi đều là thấp thổ, có thể khống chế Bính hỏa mãnh liệt, có thể làm mờ ánh sáng của Ngọ hỏa, là tính thuận, là đẹp tình, không xâm phạm dưới vậy. Là người có uy mà không mạnh mẽ, nghiêm mà không ác, danh lợi song toàn.

406 - Tân Tị - Giáp Ngọ - Bính Tý - Giáp Ngọ

Quý Tị/ Nhâm Thìn/ Tân Mão/ Canh Dần/ Kỷ Sửu/ Mậu Tý

Bính hỏa sinh ở tháng Ngọ giờ Ngọ, mộc tông thể hỏa rất mãnh liệt vậy, không có thổ để thuận tính, kim vô căn, thủy không gốc, kích tính mãnh liệt, cho nên lúc nhỏ mất cha mẹ, dựa vào chỗ ở anh chị. Khỏe mạnh dũng cảm không yên phận, năm 16, 17 tuổi, vóc dáng khỏe mạnh to lớn, sức khỏe hơn người, thích luyện võ thuật, giao du kẻ vô lại vui cùng bè đảng ở địa phương, phóng đảng không đổ kỵ, anh chị không thể ngăn cấm, sau vì đánh nhau với cộc, mà bị cộc cắn.

Thủy bồn mà tính nhu, nhận thần hỏa thổ.

Nguyên chú: Thủy thịnh mà bốn, tính rất cương rất gáp, chỉ có kim để đi, mộc để tiết, thì nhu hòa vậy.

Nhâm thị viết: Tính thủy vốn nhu, thể xung chạy, nhất là cương gáp, nếu gặp hỏa xung, thổ kích, nghịch tính mà càng cương vậy. Bốn, là thể cực vượng vậy, dụng kim để thuận thể, dụng mộc để khơi thông ứ tắc, chỗ gọi là Tòng theo thể vượng, tiếp nạp cường thần, tính lại nhu hòa. Đức ở trong cương, ý là dễ tiến khó thoái, tuy là trí xảo đa năng, mà không mất tình nhân nghĩa vậy.

407 - Quý Hợi - Giáp Tý - Nhâm Thân - Canh Tý

Quý Hợi/ Nhâm Tuất/ Tân Dậu/ Canh Thân/ Kỷ Mùi/ Mậu Ngọ

Nhật nguyên Nhâm Thân, sinh ở tháng Tý, năm giờ là Hợi Tý, can thâu Quý Canh, xu thể xung vượng, không thể cản trở vậy. Can tháng Giáp mộc héo khô, lại bị kim đôn, không thể nạp thủy, trái lại dụng Canh kim thuận theo khí thể. Là người cương nhu thành công, gồm đủ nhân đức, một lòng ăn học, không cầu danh dự. Vận đầu Quý Hợi, tòng theo vượng thần, cơm no áo ấm. Vận Nhâm Tuất thủy không thông căn, Tuất thổ kích động, hình tang phá hao. Vận Tân Dậu, Canh Thân, vào trường bổ túc, lại sinh bốn con, gia nghiệp ngày càng tăng. Giao vận Kỷ Mùi, kích thể xung vượng, liên tiếp khắc ba con, phá hao dị thường, đến vận Mậu qua đời.

408 - Nhâm Dần - Nhâm Tý - Nhâm Thìn - Nhâm Dần

Quý Sửu/ Giáp Dần/ Ất Mão/ Bính Thìn/ Đinh Tị/ Mậu Ngọ

Thiên can 4 Nhâm, sinh vào tháng tý, xu thể xung vượng. Hi nhất giờ Dần, khơi thông chỗ Thìn thổ ứ tắc, nạp vượng thần Nhâm thủy, cho nên không kiêu không ngạo, trời phú thông minh hơn người, đọc sách xem qua một lần là nhớ. Vận Giáp Dần nhập học, Ất Mão đăng khoa, làm sao nói số không thể thành tựu chỗ học? Đến vận Bính Thìn, xung kích vượng thủy, bày Kiếp tranh Tài, hết lộc.

409 - Quý Mùi - Quý Hợi - Nhâm Tý - Mậu Thân

Nhâm Tuất/ Tân Dậu/ Canh Thân/ Ất Mùi/ Mậu Ngọ/ Đinh Tị

Nhật nguyên Nhâm Tý, sinh vào tháng Hợi giờ Thân, năm tháng thâu 2 Quý thủy, chỉ có thể thuận theo khí thể, không thể chảy nghịch. Ngại là hai chữ Mùi Mậu, kích động tính thủy, là đối địch giới không phải đảo nghịch, gây nên chuyện không hợp, không có kiên nhẫn. Vận đầu Nhâm Tuất, chi gặp thổ vượng, cha mẹ đều mất. Vận Tân Dậu Canh Thân, tiết thổ sinh thủy, tuy đường đi không chính đáng vô lại, may mắn tránh khỏi hung tai. Giao vận Kỷ Mùi, trợ thổ kích thủy, một nhà năm mạng, bị thiêu chết cháy.

Mộc chạy phương Nam mà sợ hãi yếu đuối.

Nguyên chú: Tính Mộc thấy hỏa là hiền lành, chạy phương Nam thì tính nhân ái mà hành lễ, tính sợ hãi yếu đuối. Được trong đó, mà cảm thông khiêm tốn, vẫn là nhân nhượng, là rắc rối vậy.

Nhâm thị viết: Mộc chạy phương Nam, tiết khí thái quá, trong trụ có kim, tất được thủy để thông, thì hỏa không mãnh liệt; như không có kim, cần phải lấy Thìn thổ thu hỏa

khí, được ở trong đó vậy, là người cung kính mà có lễ, hòa thuận mà trung tiết. Nếu như không có thủy để cứu thổ, lấy thổ làm mờ hỏa, phát tiết thái quá, thì thông minh tự phụ, lại thay đổi bất thường, mà thành lòng dạ đàn bà vậy.

410 - Canh Thìn - Nhâm Ngọ - Giáp Ngọ - Bính Dần

Quý Mùi/ Giáp Thân/ Ất Dậu/ Bính Tuất/ Đinh Hợi/ Mậu Tý

Nhật nguyên Giáp Ngọ, sinh vào tháng Ngọ, là mộc chạy phương năm, tuy giờ gặp lộc vượng, Bính hỏa phùng sinh, Dần Ngọ cùng hỏa. Hi nhất là can tháng thấu ra Nhâm Thủy để cứu hỏa, nhưng mà Canh kim sinh Nhâm thủy, không thể khắc Bính là dụng, Canh kim không có Thìn thổ, cũng không thể sinh thủy. Trụ này chỗ đẹp là Thìn thổ, hồi hỏa, dưỡng mộc, chứa thủy, sinh kim, khiến cho hỏa không mãnh liệt, mộc không khô, kim không chảy, thủy không cạn, hoàn toàn nhờ vào một chữ Thìn, tượng được trung hòa. Thân vận Nhâm thủy phùng sinh, dụng Ất Dậu kim vượng sinh thủy, bổ túc nhập học mà trúng thi Hương. Vận Bính Tuất hỏa thổ cùng vượng, tang chế chồng chất. Vận Đinh Hợi Nhâm thủy đắc địa, làm quan tỉnh Phúc Kiến, đức giáo song hành, thay đổi dân hóa. Gọi là Cương Nhu tương tế, kiêm cả nhân đức vậy.

411 - Bính Tuất - Giáp Ngọ - Giáp Thân - Bính Dần

Ất Mùi/ Bính Thân/ Đinh Dậu/ Mậu Tuất/ Kỷ Hợi/ Canh Tý

Nhật nguyên Giáp Thân, sinh vào tháng Ngọ, thấu 2 Bính hỏa, chi hội hỏa cục, mộc chạy nam phương, táo thổ không thể hồi hỏa sinh kim, không có thủy thì Thân kim khắc hết, rất yếu mềm vậy. Bởi vì tư thông thân thiết, chẳng biết đạo lý, việc làm hồ nghi, thiếu quyết đoán, gây ra tâm tính đa nghi, tham lợi nhỏ, bỏ đại nghĩa, một chuyện không thành.

Kim thấy thủy để lưu thông.

Nguyên chú: Tính kim, rất chính trực, có tính quyết đoán, thấy thủy là tính Nghĩa mà thành được Trí, Trí thì nguyên thần không trì trệ, cho nên lưu thông. Gặp chính khí, là không cầu thả lười thôi, có biến hóa; gặp thiên khí, tất phẩm lưu.

Nhâm thị viết: Kim, vốn là cương kiện chính trực, có thể đảm đương đại sự, có thể quyết định mưu lớn, gặp thủy thì lưu thông chỉ có phía trước, có thể dụng trí vậy. Gặp chính khí, là kim vượng gặp thủy vậy, bên trong chính trực bên ngoài chu đáo, tài năng trí tuệ quyền biến, xử thế không làm tổn thương tính liêm khiết nhân ái, hình thái tự nhiên bình thường; thiên khí, là kim suy thủy vượng, việc làm hoang đường, ăn ở hai lòng, ý là có cạy thế ép buộc người ngoài.

412 - Giáp Thân - Quý Dậu - Canh Tý - Ất Dậu

Giáp Tuất/ Ất Hợi/ Bính Tý/ Đinh Sửu/ Mậu Dần/ Kỷ Mão

Canh sinh tháng Dậu, thêm năm giờ là Thân Dậu, mùa thu kim bén nhọn, hi tọa dưới Tý thủy, thấu lộ nguyên thần Quý thủy, tính kim lưu thông, tiết kỳ tinh hoa. Làm người đảm đương đại sự mà bất trí việc làm có phương pháp, chỗ phức tạp mà chủ trương không hoang phí, mà khẳng khái thi hành tốt, tự kiềm chế làm lợi cho người vậy.

413 - Nhâm Thân - Nhâm Tý - Canh Thìn - Bính Tý

Quý Sửu/ Giáp Dần/ Ất Mão/ Bính Thìn/ Đinh Tị/ Mậu Ngọ

Canh sinh giữa mùa đông, thiên can thấu 2 Nhâm thủy, chi hội thủy cục, là kim suy thủy vượng, vốn là thuộc tượng thiên lệch, càng lo giờ thấu Bính hỏa hỗn cục. Kim chủ Nghĩa mà ngay thẳng, thủy chủ Trí mà chu toàn, kim nhiều thủy ít, tài trí chu toàn mà hành động ngay thẳng, thủy phiếm kim suy, phương chính khí hết, tâm trí đủ thịnh. Trung niên gặp vận hỏa thổ, xung kích tính Nhâm thủy, hình thương hao phá, tài tán người ly biệt, nửa đời gian trá, dụ dỗ lừa tiền hại người, vẫn cứ trôi theo dòng nước. Phàm người nghèo hiểu rõ phú quý, số đã định trước, quân tử vui vẻ vẫn là quân tử, tiểu nhân phí công vẫn là tiểu nhân.

Khó nhất là Tây thủy trở về Nam.

Nguyên chú: Thủy ở Tây phương, phát nguyên rất dài, xu thế là tới vượng, không có thổ để chế, mộc để nạp, giống như thế cuộn cuộn mênh mông. Không thuận hành, lại hành Nam phương, thì tính nghịch, không sông sẽ khó mà chế chứ?

Nhâm thị viết: Thủy ở Tây phương, bắt nguồn từ núi Côn Lôn, thế chảy cuộn cuộn mạnh mẽ, là không thể cản trở vậy. Cũng có thể thuận tính, dụng mộc nạp thủy, thì tính trí tuệ được ở lòng nhân ái. Như dụng thổ chế, nếu không được tình, lại có họa xung bồn, tính vẫn nghịch mà cường bạo.

414 - Quý Hợi - Canh Thân - Nhâm Thân - Giáp Thìn

Kỷ Mùi/ Mậu Ngọ/ Đinh Tị/ Bính Thìn/ Ất Mão/ Giáp Dần

Nhật nguyên Nhâm Thân, sinh vào năm Hợi tháng Thân, Hợi là Thiên Môn, Thân là Thiên quan, tức là cửa Thiên Hà, thủy ở chính tây, khởi nguồn rất dài. Chỗ hỉ là can giờ Giáp mộc được Thìn thổ, thông căn dưỡng mộc, đủ để nạp thủy, thì tính trí mà được thành nhân ái, lễ cũng đầy đủ vậy. Là người có phẩm chất tự hội kỳ lạ, không có xảo trá làm lợi mà tài hoa. Trung niên nam phương hỏa vận, được giáp mộc sinh hóa, danh lợi song toàn.

415 - Quý Hợi - Canh Thân - Nhâm Tý - Bính Ngọ

Kỷ Mùi/ Mậu Ngọ/ Đinh Tị/ Bính Thìn/ Ất Mão/ Giáp Dần

Nhật nguyên Nhâm thủy, sinh vào tháng Thân năm Hợi, thủy ở phương tây, thế chảy cuộn cuộn mãnh liệt, không có chỗ quy nạp, giờ phùng Bính Ngọ, xung kích mà nghịch tính. Là người hung bạo vô lễ, kiêu vận đến nam phương hỏa thổ, gia nghiệp phá bại không còn. Đến vận Ngọ, cưỡng bức vợ người, bị người đánh chết. Tục lấy Bính hỏa làm dụng, gặp vận hỏa thổ là tốt, không biết là kim thủy đồng tâm, chỉ có thể thuận mà không thể nghịch. Cần gặp vận mộc, có tình sinh hóa, có thể tránh được hung tai, mà là người cũng biết lẽ vậy.

Chỉ cương là đông hỏa chuyển bắc.

Nguyên chú: Hỏa ở phương đông, lửa khí muốn viê m thượng, trong cục không có thổ để thu, thủy để chế, xu thế sao yên mà có thể đốt cháy mạnh mẽ? Nếu không thuận hành mà lại hành phương bắc, thì tính nghịch vậy, không thể cường bạo chăng?

Nhâm thị viết: Hỏa phương Đông, hỏa đồng lửa với thể mộc, thành thể Viêm thượng, không thể chống lại vậy, chỉ có thể thuận theo tính mãnh liệt, dụng thấp thổ để thu, thì tính mãnh liệt hoá thành đức nhân từ vậy. Một khi chuyển phương Bắc, thì chế thể đốt mãnh liệt? Tất là hung bạo vô lễ. Nếu không có thổ để thu, vẫn hành vận mộc hỏa, thuận theo khí thể, khiến cho lòng trắc ẩn mà không mất tính nhân từ.

416 - Bính Dần - Giáp Ngọ - Bính Ngọ - Kỷ Sửu

Ất Mùi/ Bính Thân/ Đinh Dậu/ Mậu Tuất/ Kỷ Hợi/ Canh Tý

Nhật nguyên Bính Ngọ, sinh vào tháng Ngọ năm Dần, năm tháng lại thâu Giáp Bính, hỏa mãnh liệt thành thể viêm thượng, không thể cản trở. Hay nhất là ở giờ Sửu, là thấp thổ thu hỏa mãnh liệt, là người có dung có dưỡng, không kiêu ngạo nịnh bợ. Vận gặp thổ kim, vẫn được Sửu thổ hóa, liền đăng khoa Giáp, cai quản một quận.

417 - Đinh Mão - Bính Ngọ - Bính Ngọ - Canh Dần

Ất Tị/ Giáp Thìn/ Quý Mão/ Nhâm Dần/ Tân Sửu/ Canh Tý

Nhật nguyên Bính Ngọ, sinh vào tháng Ngọ, năm giờ Dần Mão, Canh kim vô căn, bỏ qua không cần, cách thành Viêm thượng. Trong cục không có thổ để thổ tú, thì hương bất lợi, xuất thân binh nghiệp. Đến vận Mão làm quan, vận Nhâm mất chức; vận Dần được quân công, bỗng nhiên thăng chức quản lý một Đô (cơ quan hành chính giữa xã và huyện ở một số vùng trước đây). Vận Tân Sửu cơ sinh hóa vô khí, giao vận Canh Tý, xung kích Ngọ Dương Nhận, lại gặp năm Giáp Tý, lưỡng xung Dương Nhận, chết ở trong quân đội.

Cơ thuận sinh, gặp kích thần mà kháng.

Nguyên chú: *Như mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, một đường thu ận theo thứ tự tính tình, hiển nhiên hòa bình : Giữa gặp kích th ần, mà không được to ại nguyện tính thu ận sinh, mà dừng mãnh kháng lại.*

Nhâm thị viết: Thuận thì nên thuận, nghịch thì nên nghịch, thì hòa bình mà tính thuận vậy. Như mộc vượng được hỏa để thông, là thuận vậy; thổ để đi, là sinh vậy, không nên gặp kim thủy kích động vậy. Mộc suy, được thủy để sinh, lại thuận vậy; lấy kim trợ thủy, sinh ở trong nghịch vậy, không nên gặp hỏa thổ kích động vậy. Ta sinh là thuận, sinh ta là nghịch. Vượng thì nên thuận, suy thì nên nghịch, thì tính chính mà tình hòa vậy. Như gặp kích thần, vượng thì hùng dũng nóng tính, suy thì nhu nhược hèn nhát. Như cách cục được thuận nghịch theo thứ tự, tính tình vốn hòa bình, gặp tuế vận kích thần, cũng có thể biến thành mạnh mẽ. Nên nghiên cứu kỹ càng.

418 - Kỷ Hợi - Bính Dần - Giáp Dần - Nhâm Thân

Ất Sửu/ Giáp Tý/ Quý Hợi/ Nhâm Tuất/ Tân Dậu/ Canh Thân

Nhật nguyên Giáp Dần, sinh vào tháng Dần, mộc vượng được Bính hỏa thâu ra, là cơ thuận sinh, tượng thông minh sáng suốt, đọc sách xem qua là thuộc. Chỉ sợ giờ gặp kim thủy kích động, can năm Kỷ thổ hư thoát, không chế thủy được. Thêm vận đầu

phương bắc thủy địa, chẳng những công danh khó thành, lại còn hình thương hao phá. Giao vận Tân Dậu, trợ thủy kích hỏa, hợp mất Bính hỏa mà mất mạng.

419 - Canh Dần - Mậu Dần - Giáp Ngọ - Nhâm Thân

Kỷ Mão/ Canh Thìn/ Tân Tị/ Nhâm Ngọ/ Quý Mùi/ Giáp Thân

Nhật nguyên Giáp Ngọ, sinh vào tháng Dần, thấu ra Mậu thổ, Dần Ngọ cùng hỏa, là cơ thuận sinh, đức tính khẳng khái, tính tình lổ lác. Cũng ngại gặp giờ kim thủy kích động, đọc sách không được, phá hao đủ điều; thêm trung vận không trợ giúp, có chí mà không thành. Mừng xuân kim không vượng, hỏa thổ thông căn, thể dụng không tổn thương, về sau con cháu tiếp tục phát.

Thứ tự Nghịch sinh, thấy Nhân thần mà cuồng.

Nguyên chú: Như mộc sinh ở Hợi, thấy Tuất Dậu Thân thì khí nghịch, không phải là chỗ tính ổn định, một khi gặp Nhân thần ần như Tị Dậu Sửu là nghịch, thì tất phát mà thành điên cuồng.

Nhâm thị viết: Nghịch thì nên nghịch, thuận thì nên thuận, thì tính chính mà thì nh hòa, như mộc cực vượng lại được thủy để sinh, là nghịch vậy; kim dễ thành, trợ sinh nghịch vậy, không nên gặp nhân thần Tị Sửu vậy. Như mộc cực suy, được hỏa để đi, là phản nghịch vậy; thổ dễ hóa, là thuận ở trong nghịch vậy, không nên thấy nhân thần Thìn Mùi vậy. Chỗ này là cực vượng cực suy, lý chính là tòng vượng tòng nhược, ý là không phải nói vượng suy trước đó. Như cực vượng mà thấy nhân thần, tất là điên cuồng; cực suy mà thấy nhân thần, tất là thể cô nhu nhược. Gặp tuế vận cũng giống vậy, hỏa thổ kim thủy cũng như thế.

420 - Nhâm Tý - Tân Hợi - Giáp Dần - Giáp Tý

Nhâm Tý/ Quý Sửu/ Giáp Dần/ Ất Mão/ Bính Thìn/ Đinh Tị

Nhật nguyên Giáp Dần, sinh vào tháng Hợi, thủy vượng một cực, là cực vượng vậy. Một chút Tân kim, tòng theo thể thủy, tính không nghịch, chẳng những an ổn mà còn hài hòa, thứ tự nghịch sinh, càng đẹp là không có thổ, không nghịch tính thủy. Vận đầu phương bắc, nhập học đẳng khoa. Vận Giáp Dần, Ất Mão, tòng theo vượng thần, làm quan quản một khu. Vận Bính Thìn, trên có tình ứng hợp, tuy mất chức mà tránh được hung họa. Vận Đinh Tị gặp nhân thần xung kích, nghịch tính mà mất.

421 - Nhâm Dần - Tân Hợi - Giáp Dần - Kỷ Tị

Nhâm Tý/ Quý Sửu/ Giáp Dần/ Ất Mão/ Bính Thìn/ Đinh Tị

Nhật nguyên Giáp Dần, sinh năm Dần tháng Hợi, Tân kim thuận theo thể thủy, không nghịch mộc, thứ tự nghịch sinh. Chỗ ngại là giờ Tị nhân thần, hỏa thổ nghịch tính xung khắc, lại không thể chế thủy. Vận đầu Nhâm Tý, sản nghiệp hưng thịnh; vận Quý Sửu địa chi nhân thần kết đảng, hình hao đủ điều. Vận Giáp Dần, Ất Mão, người của cùng gia tăng. Giao vận Bính Thìn, trợ khởi hỏa thổ, thể tử đều tổn thương, lại gặp hồi lộc, bản thân mắc chứng điên cuồng, nhảy sông tự tử.

422 - Mậu Tuất - Đinh Tị - Giáp Dần - Kỷ Tị

Mậu Ngọ/ Kỷ Mùi/ Canh Thân/ Tân Dậu/ Nhâm Tuất/ Quý Hợi

Nhật nguyên Giáp Dần , sinh vào tháng Tị , Bính hỏa năm lệnh , tuy tọa lộc , mà tinh hoa bị tiết quá mức , hỏa vượng mộc phẫn, hỉ có thổ để đi, lý này là cực suy tòng nhược . Vận đầu Mậu Ngọ, Kỷ Mùi, thuận tính hỏa thổ, tổ nghiệp hưng thịnh, lại được vật áo học trò; vận Canh Thân nghịch tính hỏa, tiết khí thổ; đến năm Quý Hợi xung kích hỏa thể mà mất mạng.

Dương minh gặp kim, uất ức mà nhiều phiền phức

Nguyên chú: Dần Ngọ Tuất là Dương Minh , có khí kim phục ở bên trong, thì thành uất ức mà gặp nhiều phiền muộn.

Nhâm thị viết: Khí Dương minh , vốn là nhiều thông suốt như ý , nếu như gặp thấp thổ tàng kim , tắt hỏa không thể khắc kim , kim lại không thể sinh thủy , mà thành uất ức. Cả đời ít được đắc ý , mà gặp nhiều thất ý , thì tâm uất ức mà chỉ thành tro bụi, mà nhiều phiền muộn vậy. Tất cần hành thu ần vận âm trọc , dẫn thông kim thủy , mới toại nguyện vậy.

423 - Ất Sửu - Bính Tuất - Bính Ngọ - Canh Dần

Ất Dậu/ Giáp Thân/ Quý Mùi/ Nhâm Ngọ/ Tân Tị/ Canh Thìn

Nhật chủ Bính hỏa , chi đủ Dần Ngọ Tuất, Thực thần sinh vượng , là Chân Thần đắc dụng, cách cục tốt nhất. Vận đầu Ất Dậu, Giáp Thân, dẫn thông Sửu trong có tàng kim , gia nghiệp khá phong phú , lại được một vật áo học trò. Chỉ ngại là chi hội hỏa cục , can giờ Canh kim lâm tuyệt , lại có Tị kiên tranh đoạt , không có tác dụng . Sửu có Tân kim phục bên trong uất ức, lại thì Hương không đạt ; mà thiếu niên vận đến phương nam, gặp ba lần hồi lộc, hại 4 vợ, khắc 5 con, đến già một thân cô độc nghèo túng.

424 - Nhâm Tuất - Bính Ngọ - Bính Dần - Kỷ Sửu

Đinh Mùi/ Mậu Thân/ Kỷ Dậu/ Canh Tuất/ Tân Hợi/ Nhâm Tý

Nhật nguyên Bính Dần , sinh tháng Ngọ, chi toàn hỏa cục , khí dương minh, chỗ này là do Kiếp Nhận nắm quyền, Nhâm thủy vô căn , không thể dùng , không bằng tạo trước nhiều vậy. Sửu có Tân kim phục ần ức, chỗ hỉ là, vận đến tây bắc đất âm trọc. Xuất thân quan lại, phát tài hơn mười vạn , bất ngờ làm quan , thăng chức một Châu, danh lợi lưỡng toàn, mà nhiều thông suốt vậy.

Dương trọc tàng hỏa, bao mà không thông.

Nguyên chú: Dậu, Sửu, Hợi là âm trọc, có hỏa khí tàng ở bên trong, thì không phát sáng mà không thông vậy.

Nhâm thị viết: Khí âm hời, vốn khó phần phát , như gặp thấp mộc tàng hỏa , âm khí quá thịnh, hãm mà không thể sinh hỏa , mà thành hỏa ứ đọng ầm ứ. Do tâm dục tốc mà không đuổi chí, lâm việc mà không quyết đoán , cho nên tâm tính đa nghi . Tất cần phải thuận hành vận dương minh, dẫn thông khí mộc hỏa, thì mở rộng mà thông đạt vậy.

425 - Quý Hợi - Tân Dậu - Quý Sửu - Nhâm Tuất

Canh Thân/ Kỷ Mùi/ Mậu Ngọ/ Đinh Tị/ Bính Thìn/ Ất Mão

Tạo của Trần Bảng nhãn, Quý thủy sinh ở giữa mùa thu, chi đủ Dậu, Hợi, Sửu là âm trọc, thiên can có 3 thủy 1 Tân, gặp giờ Tuất, là âm trọc tàng hỏa, trong Hợi tàng thấp mộc, không thể sinh hỏa không có ánh sáng. Hi vận đến đông nam là đất Dương minh, dẫn thông khí bao tàng, thân cư đỉnh Giáp, phát huy chí nguyện vậy.

426 - Đinh Sửu - Tân Hợi - Quý Hợi - Quý Hợi

Canh Tuất/ Kỷ Dậu/ Mậu Thân/ Đinh Mùi/ Bính Ngọ/ Ất Tị

Địa chi 3 Hợi 1 Sửu, thiên can 2 Quý 1 Đinh, rất âm trọc, can năm Đinh hỏa, không thể bao tàng (chứa đựng), hư mà không sáng, Hợi tàng Giáp mộc, không thể dẫn trợ, hi vận đến nam phương đất Dương minh, lại gặp năm Bính Ngọ, Đinh Mùi, liền đăng khoa Giáp, làm quan đến chức Quan Sát.

427 - Tân Sửu - Kỷ Hợi - Tân Dậu - Quý Tị

Mậu Tuất/ Đinh Dậu/ Bính Thân/ Ất Mùi/ Giáp Ngọ/ Quý Tị

Chi toàn Sửu, Hợi, Dậu, can tháng thấp thổ gặp can Tân Quý khí âm trọc, chi giờ Tị hỏa, vốn có thể sưởi ấm cục, đại tượng so ra đẹp hơn tạo trước, chẳng biết Tị Dậu Sửu đủ kim cục, thì Giáp mộc ở trong Hợi bị thương khắc; Tị hỏa Sửu thổ là Tài Quan, lại hóa Kiêu mà sinh Kiếp vậy. Dù cho vận hỏa thổ, không thể dẫn ra, xuất gia thành tăng.

Cục Dương Nhận, chiến thì ra oai, nhược thì gây sự; Thương quan cách, thanh thì khiêm hòa, trọc thì cương mãnh. Dụng thần nhiều, tình tính bất thường; chi giờ là Chá, là đầu voi đuôi chuột.

Nguyên chú: Cục Dương Nhận, phạm lục dương, như là Ngọ hỏa, can đầu thâu Bính, chi lại hội Tuất hội Dần, hoặc là được Mão để sinh, đều là vượng. Thấu Đinh là lộ Nhận, Tý xung là chiến, Mùi hợp là tàng, lại gặp Hợi thủy khắc, Nhâm Quý thủy chế, Sửu Thìn thổ tiết, là nhược vậy. Thương quan cách, như chi hội Thương cục, can hóa sao Thương, không xuất hiện trùng lặp, không có Thực hỏa, thân vượng có Tài, thân nhược có Ấn, gọi là Thanh, trái lại là Trọc, mùa hạ mộc thấy thủy, mùa đông kim gặp hỏa, thanh mà còn tú, là hết sức phú quý.

Nhâm thị viết: Cục Dương Nhận, vượng thì tâm cao chí ngạo; chiến thì dựa thế ra oai; nhược thì đa nghi nhút nhát; hợp thì già mồm lập dị. Như nhật chủ Bính hỏa, lấy Ngọ là Dương Nhận, can thâu Đinh hỏa là lộ Nhận. Chi hội Dần Tuất, hoặc gặp Mão sinh, can thâu Giáp Ất, hoặc gặp Bính trợ giúp, đều gọi là vượng. Chi gặp Tý là xung, gặp Thân Hợi là chế, được Sửu Thìn là tiết, can thâu Nhâm Quý là khắc, gặp Kỷ thổ là tiết, đều gọi là nhược. Chi được Mùi là hợp, gặp Tị là giúp, thì là trung hòa vậy. Thương quan cần phải phân ra **Chân, Giả. Chân**, thân nhược có Ấn, không thấy Tài là thanh; **Giả**, thân vượng có tài, không thấy Ấn là quý. **Chân**, nguyệt lệnh là Thương quan, hoặc chi hội Thương cục, lại thấu ra ở thiên can; **Giả**, là toàn cục Tị Kiếp, không có Quan tinh để chế, tuy có Quan tinh, khí lực không thể đối địch. Trong trụ bất luận Thực Thương, đều có tác dụng, dầu không có cũng tốt đẹp, chỉ không nên thấy Ấn, thấy Ấn phá Thương là hung. Phạm Thương quan cách, thanh mà đặc dụng, là người cung kính mà có lễ, hòa nhã trung

tiết, nhân tài trác việt, học vấn uyên thâm, trái lại chỗ này thì là người kiêu ngạo, cương mà vô lễ, lấy mạnh hiếp yếu, nịnh bợ xu lợi. Dụng thần nhiều, là thiếu ý chí, tâm dễ thay đổi; chi giờ là Chá, hồ nghi mà không quyết đoán, lúc đầu siêng năng cuối cùng lại biếng nhác; mùa Hạ mộc kiến thủy, trước tiên cần phải có kim, thì thủy có ngu ồn; mùa Đông, kim gặp hỏa, cần thân vượng có mộc, thì hỏa có thể cháy, phú quý không nghi ngờ. Nếu mùa Hạ thủy không có kim, mùa Đông hỏa không có mộc, danh lợi đều hư vậy.

428 - Bính Dần - Giáp Ngọ - Bính Thân - Nhâm Thìn

Ất Mùi/ Bính Thân/ Đinh Dậu/ Mậu Tuất/ Kỷ Hợi/ Canh Tý

Bính hỏa sinh tháng Ngọ, cục Dương Nhận gặp Dần Thân, sinh cũng lại gặp Tỉ trợ giúp, có thể biết là vượng vậy. Hi nhất giờ Thìn, Nhâm thủy thấu lộ càng đẹp, Thân Thìn tiết hỏa sinh kim mà cũng ứng thủy, đúng là Kỳ tế, cho nên sớm đăng Khoa giáp, liên tục thăng quan, chấp chương binh hình, nắm đại quyền sinh sát.

429 - Bính Thân - Giáp Ngọ - Bính Dần - Nhâm Thìn

Ất Mùi/ Bính Thân/ Đinh Dậu/ Mậu Tuất/ Kỷ Hợi/ Canh Tý

Tạo này cùng trạo trước giống nhau, tạo trước Bính tọa Thân kim, có tình sinh cùng Nhâm thủy, tạo này Thân kim cách xa t ở trụ năm, lại bị Tỉ Kiếp đoạt, đến Thân vận si nh Sát, lại gặp năm Giáp Tý, hội thành Sát cục, xung khử Dương Nhận, được Hương bảng, về sau vận trình trở ngại, cùng tạo trước cách xa một trời một vực, là do Thân kim không tiếp nhận khí Nhâm thủy vậy.

430 - Mậu Tý - Mậu Ngọ - Bính Thìn - Mậu Tuất

Kỷ Mùi/ Canh Thân/ Tân Dậu/ Nhâm Tuất/ Quý Hợi/ Giáp Tý

Ngày Bính sinh tháng Ngọ, cường Nhận năm lệnh, Tý xung Ngọ, Thìn tiết Ngọ, cũng biết là nhược vậy. Thiên can thấu 3 Mậu, cướp mất tinh hoa nhật chủ; thêm vận đến tây bắc đất kim thủy, thì Dương Nhận càng bị đối địch, công danh lận đận không thuận lợi, mà còn thiếu thôn tài sản. Đến năm Giáp Dần, hội hỏa cục, khơi thông thổ, ân khoa phát bảng.

431 - Canh Ngọ - Ất Dậu - Canh Ngọ - Nhâm Ngọ

Bính Tuất/ Đinh Hợi/ Mậu Tý/ Kỷ Sửu/ Canh Dần/ Tân Mão

Mệnh của Hòa Trung Đường, Canh sinh vào giữa mùa thu, chi thấy 3 Ngọ Quan tinh, thì Dậu kim là Dương Nhận bị chế, ngũ hành không có thổ, cũng biết là nhược vậy. Hi có can giờ Nhâm thủy trợ giúp, nảy ra tú khí, cho nên thông minh, là đứng đầu quyền thế. Nhưng can tháng thấu ra Ất mộc, luyện Tài mà tranh hợp, cả đời tham tài của không biết dừng. Nhưng Tài lâm đất Nhận, nhật chủ tọa Quan, Quan có thể chế Nhận, thì Tài sinh Quan, Quan là quân tượng, cho nên đến vận Canh Dần, kim phùng tuyệt địa, Quan được sinh cùng, Tài vẫn thuộc về Quan vậy. Bởi vậy xem, Tài là vật hại người, chỗ nói không muốn, giống như con thiêu thân bay vào đèn, tự đốt thân, giống như con Tinh Tinh rơi ****, rơi máu mới ngưng, hối không kịp vậy.

432 - Kỷ Sửu - Bính Tý - Nhâm Thìn - Mậu Thân

Ất Hợi/ Giáp Tuất/ Quý Dậu/ Nhâm Thân/ Tân Mùi/ Canh Ngọ

Mệnh của Ân Đề Đài, Nhâm không sinh ở tháng Tý, Quan Sát cùng thâu thông căn, chi toàn hội thủy cục, trợ khởi Dương Nhận, gọi là Sát Nhận lưu ở vượng. Tiếc là trụ không có mộc, không phát tú khí, xuất thân hàn vi. Hi có Bính hỏa địch hàn giãi băng, làm người khoan hậu hòa nhã, xuất thân binh nghiệp. Vận Quý Dậu trợ Nhận sinh thân, ra làm quan; vận Nhâm Thân, đúng gọi là Nhất Tuế cứu thiên, làm quan đến hàng cực phẩm. Giao vận Mùi chế Nhận, đến năm Đinh Sửu hỏa thổ cùng vượng, lại khắc hợp Tý thủy, hết lộc.

433 - Tân Mão - Ất Mùi - Giáp Tý - Canh Ngọ

Giáp Ngọ/ Quý Tị/ Nhâm Thìn/ Tân Mão/ Canh Dần/ Kỷ Sửu

Mệnh của Kê Trung đường, nhật nguyên Giáp Tý, sinh vào tháng Mùi giờ Ngọ, gọi là Hạ Mộc phùng thủy, là Thương quan bội Ân. Hi Mão mộc khắc Mùi thổ, thì Tý thủy không bị thương, đủ sức xung Ngọ, là có bệnh có dư ợc, khử trợ lưu thanh. Thiên can Giáp Ất Canh Tân, đều lập môn hộ, tất nhiên không luận hỗn tạp, chính là hi thần sinh Ân. Càng đẹp vận đến đông bắc đất thủy mộc, cả đời làm quan an bình thuận lợi.

434 - Canh Ngọ - Nhâm Ngọ - Giáp Tuất - Canh Ngọ

Quý Mùi/ Giáp Thân/ Ất Dậu/ Bính Tuất/ Đinh Hợi/ Mậu Tý

Giáp mộc sinh tháng ngo, chi tàng 3 Ngọ 1 Tuất, hỏa viêm thổ tảo, Thương quan tung hoành, can tháng Nhâm thủy vô căn, hoàn toàn dựa vào Canh kim sinh thủy, cho nên tụ hội khoa Giáp. Làm quan gian khó, chỉ vì địa chi toàn hỏa, không có liên quan kim thủy, mộc không có đất sinh rễ, là do thần có dư mà đủ vậy.

435 - Giáp Tý - Bính Tý - Canh Thìn - Canh Thìn

Đinh Sửu/ Mậu Dần/ Kỷ Mão/ Canh Thìn/ Tân Tị/ Nhâm Ngọ

Mệnh của Chu Thị lang, Canh kim sinh vào giữa mùa đông, là kim hàn thủy lạnh rất rét, can tháng Bính hỏa, được can năm Giáp mộc sinh phù, giải trừ hàn khí, gọi là Đông kim đắc hỏa. Nhưng Tý Thìn song cung, nhật nguyên tất là hư, dụng thần không ở Bính hỏa mà ở Thìn thổ, Tị kiên phó tá, cho nên đến vận Canh Thìn, Tân Tị, liên tục thăng quan.

436 - Đinh Tị - Nhâm Tý - Tân Tị - Đinh Dậu

Tân Hợi/ Canh Tuất/ Kỷ Dậu/ Mậu Thân/ Đinh Mùi/ Bính Ngọ

Mệnh học sĩ Hùng Trung thừa, Tân kim sinh vào giữa mùa đông, kim hàn nhưng không lạnh, gặp ở tiết hết, hoàn toàn dựa vào giờ Dậu phù thân, Tị Dậu cung mà phó tá. Thiên can Đinh hỏa, chẳng qua thủ để địch hàn giải rét, không dụng Đinh hỏa vậy. Dụng thần tất ở Dậu kim, cho nên đến đất vận thổ kim, thân lộ hiển hách, giao vận Đinh Mùi bại sự vậy. Phạm đông kim hi hỏa ý là sưởi ấm cục, mà không làm dụng thần vậy.

Chương 25. Bệnh Tật

Ngũ hành hòa thuận, cả đời không họa.

Nguyên chú: Ngũ hành hòa thuận , không chỉ đầy đủ mà không khuyết ết, sinh mà không khắc. Nhưng mà đủ thì nên đủ, khuyết thì nên khuyết, sinh mà nên sinh , khắc mà nên khắc, thì thuận hòa vậy. Chủ cả đời không có họa.

Nhâm thị viết: Ngũ hành trên trời là ngũ khí gồm khí xanh, đỏ, vàng, trắng, đen. Ở dưới đất ngũ hành là mộc, hỏa, thổ, kim, thủy. Ở con người là ngũ tạng tim, bụng, tỳ, phổi, thận. Con người là linh hồn của vạn vật, có đầy đủ ngũ hành, biểu thị ở đầu mặt, tượng thiên là ngũ cảm, bao lấy ở tạng phủ, tượng địa là ngũ hành, cho nên là một tiểu thiên địa vậy. Chỗ này là lấy thuộc từng tạng phủ mà phục dương ở ngũ địa, phạm một tạng phối với một phủ, phủ đều thuộc dương, cho nên là Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm. Tạng đều thuộc âm, cho nên là Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý. Hoặc là bất hòa, hoặc thái quá hay bất cập, thì có bệnh phong, nhiệt, thấp, táo, hàn vậy. Ngũ vị cần phải điều hòa, cũng có thể giải được. Ngũ vị gồm chua, đắng, ngọt, cay, mặn vậy. Chua thuộc mộc, ăn nhiều là hại gân; Đắng thuộc hỏa, ăn nhiều thì hại xương; Ngọt thuộc thổ, ăn nhiều hại thịt; Cay thuộc kim, ăn nhiều hại khí; Mặn thuộc thủy, ăn nhiều hại máu, tương khắc là so với ngũ vị vậy.

Cho nên viết “*Ngũ hành thuận hòa, một đời không họa*”. Không chỉ ngũ hành bát tự cần phải hòa, mà tạng phủ ngũ hành cũng nên hòa vậy. Bát tự ngũ hành hòa, để hòa với tuế vận; tạng phủ ngũ hành hòa, để ngũ vị hòa. Hòa, ý là giải trừ. Nếu ngũ địa hòa, ngũ vị điều, thì không có bệnh tật vậy. Cho nên ngũ hành hòa, là không sinh không khắc, đầy đủ mà không khuyết gọi là hòa vậy. Cần quý ở tiết vượng thần, có dư nguồn chảy, vượng thần chảy có dư, nhược thần không đủ mà nhận ích vậy, chỗ này gọi là hài hòa. Nếu cưỡng ép vượng thần, yếu không địch lại mạnh, thì làm tức giận, vượng thần không thể tồn, lại làm tổn thương nhược thần vậy. Là lấy vượng thần thái quá mà tiết, không thái quá thì nên khắc; nhược thần có căn thì nên phù trợ, vô căn thì nên tồn đi. Phạm bát tự chỉ cần một thần có lực, chế hóa phù hợp, thì một đời không tai họa. Không phải đầy đủ mà không khuyết là tốt, sinh mà không khắc là hòa vậy.

437 - Quý Mùi - Giáp Dần - Mậu Tuất - Canh Thân

Quý Sửu/ Nhâm Tý/ Tân Hợi/ Canh Tuất/ Kỷ Dậu/ Mậu Thân/ Đinh Mùi/ Bính Ngọ.

Mậu sinh tháng Dần, mộc vượng thổ hư, hỉ Mậu tọa Tuất thổ thông căn, đủ sức dụng kim chế Sát. So với Canh kim tọa lộc, có đủ lực khắc mộc, chỗ gọi là không thái quá thì nên khắc vậy. Tuy can năm Quý thủy sinh Sát, được Mùi thổ chế, khiến cho không thể sinh mộc, hỉ mà có phù, ghét mà có khử, thì ngũ hành hòa vậy. Mà một đường vận trình cùng thể dụng không nghịch, thọ đến 90, thông minh hiểu biết, đi đứng tự nhiên. Con thịnh cháu nhiều, danh lợi phúc thọ đều đủ, một đời không tai họa không bệnh tật.

438 - Giáp Dần - Canh Ngọ - Mậu Dần - Giáp Dần

Tân Mùi/ Nhâm Thân/ Quý Dậu/ Giáp Tuất/ Ất Hợi/ Bính Tý

Trong cục Thất Sát có 5, 1 Canh kim tọa Ngọ vô căn, gọi là nhược thần vô căn, nên khứ đi, vượng thần thái quá, nên tiết khí vượng thần vậy. Mà Ngọ hỏa là hòa vậy. Hi Ngọ hỏa nắm lệnh, không có thủy, tuy vận gặp kim thủy, không thể phá cục là không cần thiết. Vận đến mộc hỏa, danh lợi đều có. Người này thần dồi dào, tinh khí tự sinh, mà phú quý phúc thọ đầy đủ, một đời không có họa, con cháu đông đúc, con cháu đều phát triển.

439 - Giáp Tý - Bính Tý - Quý Hợi - Ất Mão

Đinh Sửu/ Mậu Dần/ Kỷ Mão/ Canh Thìn/ Tân Tị/ Nhâm Ngọ

Nhật nguyên Quý Hợi, năm tháng tọa Tý, có thể biết vượng vậy. Hi nhất giờ Mão tiết kỳ tinh anh, mộc khí có thừa, hỏa hư đặc dụng, gọi là tinh đủ thần vượng. Hi không có thổ kim hỗn tạp, có thổ thì hỏa tiết, không thể ngăn thủy, lại cùng mộc bất hòa, có kim thì mộc bị tổn thương, càng giúp nhau chảy cuộn cuộn mệnh mông. Cả đời không tai họa, nguyên do là không có thổ kim hỗn tạp. Tuổi già đến tám mươi, mà ăn uống càng khỏe, thông minh hiểu biết, đi đứng vững vàng, người gặp nghi ngờ chỉ là 50 tuổi, danh lợi song toàn, con cháu đông đúc.

Huyết khí loạn, cả đời nhiều bệnh tật.

Nguyên chú: Khí huyết loạn, không chỉ có hỏa thắng thủy, thủy khắc hỏa; ngũ khí phản nghịch, trên dưới không thông, qua lại không thuận, gọi là Loạn, chủ người nhiều bệnh tật.

Nhâm thị viết: Khí huyết loạn, là nói ngũ hành bội nghịch mà không thuận vậy. Luận về ngũ hành, thủy là máu huyết, luận về thân thể mạch tức là máu huyết vậy. Màng tim chủ về máu huyết, cho nên thông tay chân kinh quyết âm, Tim thuộc Đinh hỏa, màng tim chủ máu huyết, bàng quang thuộc Nhâm thủy. Đinh Nhâm tương hợp, cho nên tim có thể xuống dưới giao tiếp qua lại với thận, Đinh Nhâm thì hóa mộc, mà thần khí tự đủ, tương sinh thích hợp Ký tế, máu chạy lưu thông mà không có bệnh tật vậy. Cho nên bát tự quý ở *Xứ khắc phù sinh*, trong nghịch được thuận mà thành đẹp vậy. Nếu hai bên tương chiến, trên dưới tương khắc, hi nghịch gặp thuận, thì hỏa vượng thủy khô, hỏa có thể đốt mộc; thủy vượng thổ rửa sạch, thủy có thể làm chìm kim; thổ vượng mộc gãy, thổ có thể làm mờ hỏa; kim vượng hỏa hư, kim có thể phá thổ; mộc vượng kim khuyết, mộc có thể ngấm thủy. Lý này là ngũ hành đảo điên tương khắc, phạm chỗ này, tất nhiều tai họa bệnh tật.

440 - Bính Thân - Ất Mùi - Đinh Mùi - Canh Tuất

Bính Thân/ Đinh Dậu/ Mậu Tuất/ Kỷ Hợi/ Canh Tý/ Tân Sửu

Đinh sinh cuối hạ, Mùi Tuất tảo thổ, không thể hồi hỏa sinh kim, Bính hỏa đủ để đốt mộc khắc kim, thì thổ càng tảo khô mà không tiết. Trong Thân có Nhâm thủy khô cạn mà tinh nhất định khô, cho nên ban đầu mắc bệnh đàm hỏa. Hợi vận, thủy không địch lại hỏa, lại có thể sinh mộc trợ hỏa, đúng như đem muối bỏ biển, thế hỏa càng mãnh liệt, thổ huyết mà chết.

441 - Nhâm Dần - Đinh Mùi - Bính Thân - Giáp Ngọ

Mậu Thân/ Kỷ Dậu/ Canh Tuất/ Tân Hợi/ Nhâm Tý/ Quý Sửu

Bính hỏa sinh tháng Mùi giờ Ngọ, can năm Nhâm thủy vô căn, cách xa Thân kim, vốn không thể sinh thủy, lại bị Dần xung, thì khí phổi càng kém. Thêm Đinh Nhâm tương hợp hóa mộc, tòng hỏa thì tim hỏa càng vượng, thận thủy tất khô cạn, cho nên mắc bệnh về bài tiết, lại có đàm ở miệng. Đến vận Tuất đủ hội hỏa cục, phổi càng tuyệt, thận thủy quá khô, thổ huyết mà chết.

442 - Giáp Thìn - Bính Dần - Bính Dần - Nhâm Thìn

Đinh Mão/ Mậu Thìn/ Kỷ Tị/ Canh Ngọ/ Tân Mùi/ Nhâm Thân

Mộc năm lệnh, hỏa phùng sinh, Thìn vốn là thấp thổ, có thể chứa thủy, bị chỗ Bính Dần khắc, tỳ vị bị thương, phổi kim bị tuyệt, mộc nhiều ngấm thủy, mà thận thủy cũng khô. Đến vận Canh, mộc vượng kim khuyết, kim thủy cùng thấy, mộc hỏa kim tung hoành vậy, thổ huyết mà chết. Tạo này mộc hỏa đồng tâm, chỉ có thể thuận mà không thể nghịch, trái lại lấy Nhâm thủy là kỵ, cho nên vận đầu gặp Đinh Mão, Mậu Thìn, Kỷ Tị, trái lại không có ngại.

Kỵ thần nhập ngũ tạng mà bệnh hung.

Nguyên chú: Trong trụ chỗ kỵ thần, không chế không hóa, không xung không tán, ẩn phục thâm sâu, tương khắc ngũ tạng, thì là bệnh hung. Kỵ mộc mà nhập thổ thì tỳ bệnh, kỵ hỏa mà nhập kim thì phế bệnh, kỵ thổ mà nhập thủy thì thận bệnh, kỵ kim mà nhập mộc thì gan bệnh, kỵ thủy mà nhập hỏa thì tim bệnh. Lại xem hư thực, như mộc nhập thổ, thổ vượng, thì bệnh tỳ tự có dư, phát ở tháng tỵ quý; thổ suy, thì bệnh tỳ có không đủ, lấy ở tháng đông xuân. Còn lại cứ loại suy.

Nhâm thị viết: Kỵ thần nhập ngũ tạng, là khí âm trọc, mai tàng ở địa chi vậy. Âm trọc phục sâu, khó chế khó hóa, là bệnh rất hung. Như là hỷ, một đời không họa; như là kỵ, cả đời nhiều bệnh. Thổ là tỳ vị, tỳ thích chậm, vị thì thích hòa, kỵ mộc mà nhập thổ, thì không hòa hoãn mà bệnh vậy. Kim là phổi và đại tràng, phổi cần thu, đại tràng cần thông, kỵ hỏa mà nhập kim, thì khí phổi nghịch lên trên, đại tràng không thông mà bệnh vậy. Thủy là bàng quang và thận, bàng quang cần nhuận, thận cần chắc, kỵ thổ mà nhập thủy thì quá khô, bàng quang táo mà bệnh vậy. Mộc là gan mật, gan cần thông mật cần ổn định, kỵ kim mà nhập mộc, thì gan nóng mà sinh hỏa, mật hàn mà bệnh vậy. Hỏa là khoang tim ruột, tim cần mở rộng, tiểu tràng cần thu vào, kỵ thủy mà nhập hỏa, thì tim không mở rộng, tiểu tràng kéo dài mà bệnh vậy. Lại cần xem có dư hay không đủ, như thổ thái vượng, mộc không thể nhập thổ, là bệnh tỳ vị tự có dư. Tỳ vốn kỵ thấp, Vị vốn kỵ hàn, nếu thổ thấp mà có dư, bệnh phát ở mùa đông xuân, lại kỵ hỏa để táo; thổ táo mà có dư, bệnh phát ở mùa hạ thu, lại kỵ thủy để nhuận. Như thổ hư, nếu mộc đủ để khai thông thổ, nếu thổ thấp mà không đủ, bệnh phát ở mùa hạ thu; thổ táo mà không đủ, bệnh phát ở mùa đông xuân. Bởi vì thổ hư thấp, gặp mùa hạ thu táo, thổ hư thấp, gặp mùa đông xuân ẩm thấp, làm cho mộc bèn căn mà càng xanh tốt, thổ bị khắc mà càng hư. Nếu thổ hư thấp, lại gặp mùa hư thấp, thổ hư táo, lại gặp mùa hư táo, mộc tất hư phù, không thể bèn căn, thổ lại không sợ khắc vậy. Còn lại loại suy.

443 - Canh Dần - Kỷ Sửu - Bính Tý - Ất Mùi

Canh Dần/ Tân Mão/ Nhâm Thìn/ Quý Tị/ Giáp Ngọ/ Ất Mùi

Bính hỏa sinh ở cuối đông, tọa dưới Tý thủy, là hỏa hư không cháy, dụng thần ở mộc. Mộc vốn héo vàng, tuy chỗ hai dương, manh nha chưa động, Canh thấu lâm tuyết, là bệnh rất kém, chỗ lo là chi tháng Sửu thổ, khiến cho Canh kim thông căn, trong Sửu tàng Tân, đúng kỵ thần thâm nhập ngũ tạng, Kỵ thổ lại là mẹ của Canh kim, hồi hỏa sinh kim, đủ để phá Dần. Tý thủy là thận, Sửu hợp không thể sinh mộc, hỏa thổ lại có thể trợ kim, Sửu thổ là bệnh, không chỉ sinh kim, ức mà còn di dời chồng lên thủy, là lấy bệnh dạ dày cùng thận đều suy. Đến vận Mão, có thể phá Sửu thổ, danh liệt tường cung; vận Ất hợp Canh, Tị Sửu cùng kim, chứng hư tổn, không giữ mà chết.

444 - Đinh Hợi - Tân Hợi - Tân Mùi – Mậu Thìn

Canh Tuất/ Kỷ Dậu/ Mậu Thân/ Đinh Mùi/ Bính Ngọ/ Ất Tị

Tân kim sinh ở đầu mùa đông, Đinh hỏa khắc khử Tị kiên, nhật chủ cô lập không có trợ giúp, Thương quan thấu mà nắm lệnh, thiết khử nguyên thần mệnh chủ, dụng thần ở thổ không ở hỏa vậy. Mùi là căn khó của mộc, Thìn là dư khí của mộc, đều tàng kỵ Ất mộc; năm tháng có 2 Hợi, là đất mộc sinh, Hợi Mùi cùng mộc, kỵ thần này nhập ngũ tạng quy về lục phủ. Như vậy luận, nói tỳ hư thận tiết, bệnh hoạn đầu hoa di tiết, lại thêm nặng ở dạ dày cổ tay đau nhức, không có ngày nào yên. Đến vận Kỷ Dậu, nhật chủ phùng lộc, vào tràng nhập học có con, vận Mậu khắc khử Nhâm thủy được ăn lương thực; vận Thân Nhâm không phùng sinh, thể bệnh càng nặng, vận Đinh nhật chủ thụ thương mà chết.

Xem hai tạo ở trên, chứng bệnh và trong ngũ hành bát tự, hiển nhiên ứng nghiệm, kết quả có thể nghiên cứu tỉ mỉ, thọ yếu cùng thông, sao không thể tham dự chứ?

Khách thần du lục kinh mà họa ít

***Nguyên chú:** Khách thần so với kỵ thần nhẹ hơn, lý không thể không có, du hành lục đạo, thì tất có họa. Như mộc du hành ở đất thổ mà dạ dày không may. Hỏa du hành ở đất kim mà đại tràng không may, thổ du hành đất thủy mà bàng quang có họa, kim du hành đất mộc mà mật không may. Thủy du hành đất hỏa mà đường ruột gặp họa.*

Nhâm thị viết: Khách thần du hành lục kinh, là chỗ dương hư, là di động ở thiên can vậy. Dương mà hư lộ, dễ chế dễ hóa, là họa tất nhỏ, do bệnh ở bên ngoài, bên ngoài dễ phát tán, không đến nỗi là đại họa, cho nên là nhỏ vậy. Nghiên cứu gốc bệnh, vẫn từ âm dương ngũ hành, lấy phân ra tạng phủ, mà phép luận ngũ tạng, chớ cũng lấy thiên can làm khách thần luận hư, địa chi là kỵ thần luận thực. Nhất định phải nghiên cứu có liên quan đến hư trung, lý là xứ Thực lại Hư, họa hay cát rõ ràng có ứng nghiệm vậy.

445 - Nhâm Thìn - Giáp Thìn - Canh Ngọ - Bính Tuất

Ất Tị/ Bính Ngọ/ Đinh Mùi/ Mậu Thân/ Kỷ Dậu/ Canh Tuất/ Tân Hợi

Nhật nguyên Canh Ngọ, sinh ở tháng Thìn giờ Tuất, xuân kim Sát vượng, dụng thần ở thổ. Can tháng Giáp mộc, vốn là Khách thần, được 2 thổ, cho nên tỳ vị không có bệnh, vận thủy khô luyện kim, mà bệnh chứng nhược. Đến vận Mậu Thân, thổ kim cùng vượng,

cục lấy mộc là bệnh, mộc chủ phong, kim có thể khắc mộc; liên tiếp cùng 30 năm vận Kỷ Dậu Canh, phát tài hơn 10 vạn, vận Tân Hợi kim không thông căn, mộc được trường sinh, chột mắc bệnh phong mà chết.

446 - Quý Sửu - Mậu Ngọ - Nhâm Dần - Canh Tuất

Đinh Tị/ Bính Thìn/ Ất Mão/ Giáp Dần/ Quý Sửu/ Nhâm Tý

Nhật nguyên Nhâm Dần, sinh ở tháng 5 giờ Tuất, Sát vượng lại gặp Tài cục, Sát càng tung hoành, cho nên Khách thần không ở Ngọ hỏa, lại ở Dần mộc, trợ cho thế hỏa; Khách thần lại hóa kỵ thần, Mậu Quý hóa hỏa, thì kim thủy đều tổn thương. Đến vận Ất Mão, kim thủy lâm tuyệt, mắc chứng phế thận đều suy, mà ho mất tiếng, ở tháng giêng năm Giáp Tuất mộc hỏa cùng vượng mà chết.

447 - Ất Hợi - Canh Thìn - Bính Tý - Canh Dần

Kỷ Mão/ Mậu Dần/ Đinh Sửu/ Bính Tý/ Ất Hợi/ Giáp Tuất

Nhật nguyên Bính Tý, sinh ở cuối mùa xuân, thấp thổ nắm lệnh, tích thủy dưỡng mộc, dụng thần ở mộc, được Hợi sinh, Thìn là dư khí, Dần trợ giúp. Ất mộc tuy cùng Canh kim hợp mà không hóa, Canh kim di động thiên can là Khách thần, không thể thâm nhập tạng phủ, mà du hành lục kinh vậy. Thủy là tinh, thấy 2 Hợi Tý, Thìn lại củng mà tích trữ, mộc là dư khí, xuân lệnh có dư, Dần Hợi sinh hợp hỏa là vượng thần, mùa ở ngũ dương tiến khí, thông căn năm tháng, khí nổi giờ sinh, tinh khí thần cả ba đều đầy đủ, thì tà khí không theo mà vào. Hành vận lại không nghịch, cả đời không tật bệnh, danh lợi đầy đủ. Duy chỉ có thổ hư thấp, kim lại lấy tiết, cho nên tỳ vị hư hàn, khó mà miễn bệnh tiêu chảy mà thôi.

Chương 26. Xuất Thân

Lông lộng khoa thi từng bước tiến,

Một chút huyền cơ ám lý tồn.

Nguyên chú: Phàm xem mệnh xem xuất thân con người là rất khó , như xuất thân Trạng nguyên, cách cục thanh là khác hẳn, lúc ẩn lúc lộ, khó mà quyết, tất có nguyên cơ, phải sưu tầm.

Nhâm thị viết: Chúng ta luận mệnh xuất thân là rất khó. Cho nên có huyền cơ tồn tại ở chỗ này.

Huyền cơ, chẳng những cách cục thanh là khác hẳn, phân biệt dụng thần chân giả, trong đó phải nghiên cứu thần tàng năm mệnh, gồm dụng thần hi thần, khiến cho nhân thần kỵ thần không thể tranh chiến, lại có tình sinh củng. Lại có cách cục vốn không có chỗ xuất sắc, mà thanh danh vang dội, tất trước tiên cần nghiên cứu thế hệ đức hạnh tốt hay xấu, kể đến luận phong thủy thanh tú. Đến từ thế hệ phúc đức, mà không luận mệnh vậy. Cho nên tâm đức là số một, phong thủy là số hai, mệnh cách là thứ ba.

Nhưng xem mệnh quan trọng ở chỗ nhất định Sát Ấn Tài Quan, Quan Ấn song thanh thì đẹp vậy. Nếu như Sát Ấn Tài Quan rõ ràng, cảm động lòng người, tất là mệnh tốt. Nếu

dụng thần quá nhược, hỉ thần ám phục, tú cũng thâm tàng, mới nhìn cũng không có chỗ tốt, càng xem càng có sức sống, trong đó tất có huyền cơ, nên suy tầm cẩn thận.

448 - Nhâm Thìn - Nhâm Dần - Kỷ Mùi - Mậu Thìn

Quý Mão/ Giáp Thìn/ Ất Tị/ Bính Ngọ/ Đinh Mùi/ Mậu Thân

Kỷ thổ sinh vào đầu xuân, Quan tinh nắm lệnh, thiên can bao phủ lấy Tài tinh, có tinh sinh Quan. Nhưng đầu xuân Kỷ thổ ẩm thấp mà còn hàn lạnh, năm tháng Nhâm thủy, thông căn thủy khó, hỉ có Bính hỏa tàng trong Dần nắm lệnh làm dụng thần, phục mà phùng sinh, gọi là “Huyền cơ ám lý tồn” vậy. Đến Bính vận, nguyên thần phát lộ, năm Mậu Thìn trợ giúp can giờ, khắc khử Nhâm thủy, thì Bính hỏa không bị khắc, làm Trạng nguyên thiên hạ. Nếu theo tục luận, Quan tinh không hiện, Tài khinh Kiếp sinh, nói là mệnh bình thường vậy.

449 - Nhâm Tuất - Giáp Thìn - Giáp Tuất - Bính Dần

Ất Tị/ Bính Ngọ/ Đinh Mùi/ Mậu Thân/ Kỷ Dậu/ Canh Tuất

Giáp mộc sinh vào cuối xuân, khí mộc có thừa, lại được Tỉ Kiếp lộc trợ giúp, can giờ Bính hỏa độc thấu, thông sáng thuần túy. Can năm Nhâm thủy, tọa tảo thổ chế thủy, lại phùng Tỉ Kiếp Giáp mộc hóa tiết, gián tiếp tương sinh, thì Bính hỏa càng đắc thế. Đến Mậu vận, nguyên thần Mậu thổ ra chế Nhâm thủy, anh hùng hội ngộ, đỗ đạt tam nguyên. Là do đường nhân quan không hiển đạt, đến vận phương tây kim địa, tiết thổ sinh thủy vậy.

450 - Giáp Dần - Đinh Sửu - Đinh Mão - Canh Tuất

Mậu Dần/ Kỷ Mão/ Canh Thìn/ Tân Tị/ Nhâm Ngọ/ Quý Mùi

Đinh hỏa sinh vào cuối đông, trong cục trùng điệp mộc hỏa, nhược biến thành vượng, đủ để dụng Tài. Canh kim thấu lộ hư nhược, vốn không xuất sắc, hỉ có Sửu tàng Tân kim làm dụng, cũng là huyền cơ ám lý tồn vậy. Sửu chính là tú khí của nhật nguyên, có thể dẫn Tỉ kiên đến sinh, lại gặp Mão Tuất hợp, mà Sửu thổ không tổn thương, cho nên thân ở vương vị, đỗ đạt Thám hoa.

451 - Đinh Hợi - Nhâm Tý - Canh Tý - Tân Tị

Tân Hợi/ Canh Tuất/ Kỷ Dậu/ Mậu Thân/ Đinh Mùi/ Bính Ngọ

Canh kim sinh vào giữa đông, Thương quan thái vượng, tiết khí quá mức, dụng thần ở thổ, không ở hỏa vậy. Hỏa ở trong trụ, bắt quá thủ làm ám cục vậy. Tứ trụ không có thổ, lấy Mậu thổ tàng ở trong Tị, không vượng khắc hỏa, hỏa có thể sinh thổ, cũng là huyền cơ ám lý tồn. Đến Mậu vận, năm Bính Thìn, hỏa thổ tương sinh, nguyên thần trong Tị cùng phát, cũng cư vương vị.

Lúc được Thanh làm khách bằng vàng,

Cho dù tồn trợ khí cũng đỗ.

Nguyên chú: Mệnh thiên hạ, không có không thanh mà phát khoa Giáp, được dùng thanh, tất từng cái đều thành tượng, dù ra hết ngũ hành, mà có chỗ sắp đặt, sinh hóa hữu

tình, thân thần không hỗn kỵ và khách, quyết phát khoa Giáp. Tức là có 1,2 trọc khí, mà thanh khí có thể thành một đoàn thể, cũng có thể phát đạt.

Nhâm thìn viết: Chỉ được thanh, không thành một nhóm, lưỡng khí như nhau. Dù cho ngũ hành thấu xuất hoàn toàn, mà khí thanh độc phùng sinh vượng, hoặc là chân thần đặc dụng, nhất định đề tên bảng vàng. Nếu thanh khí nắm quyền, nhân thần kỵ thần khách thần không nắm lệnh, không thâm tàng, cùng tuế vận chế hóa, cũng phát khoa Giáp vậy. Thanh khí nắm quyền, tuy có trọc khí, mà được xếp theo thứ tự, tuy không thể phát Giáp, cũng phát khoa vậy. Thanh tiến tuy không lo, thân gặp thần kỵ khách không kết bè đảng khí trọc, phụ tá thanh khí, hoặc tuế vận yên ổn, cũng có thể thi đậu vậy.

452 - Mậu Thìn - Ất Mão - Kỷ Mão - Bính Thìn

Bính Thìn/ Đinh Tị/ Mậu Ngọ/ Kỷ Mùi/ Canh Thân/ Tân Dậu

Tạo Bình Truyền Lư. Kỷ thổ sinh tháng Mão, đề cương Sát vượng, nguyên Ất mộc thấu lộ, chi thuộc phương đông, trong can giờ hỏa sinh vượng, trong cục không tạp kim thủy, được dùng thanh vậy. Nếu một khi thấy kim, chẳng những không thể khắc mộc, mà kim tự bị thương, là động đến vượng thần, cùng đường bất hòa, là không đầy đủ vậy.

453 - Quý Mùi - Kỷ Mùi - Canh Tý - Giáp Thân

Mậu Ngọ/ Đinh Tị/ Bính Thìn/ Ất Mão/ Giáp Dần/ Quý Sửu

Canh kim sinh vào tháng Mùi, tảo thổ vốn khó sinh kim, hỉ tọa dưới Tý thủy, năm thấu nguyên thần, gọi là Tam phục sinh hàn, nhuận thổ dưỡng kim. Mặc dù thổ vượng thủy suy, may có giờ Thân cùng Tý, tiết thổ sinh thủy trợ thân là đẹp, càng đẹp hỏa không thấu lộ, được dùng thanh vậy. Đầu vận Mậu Ngọ, Đinh Tị, Bính, sinh thổ bức thủy, công danh lận đận, gia nghiệp hao phá. Thìn vận đủ thành thủy cục, đậu thi Hương. Giao vận Ất Mão, chế khử Kỷ Mùi thổ, đăng bảng vàng, nhập cung vua, lại nắm giữ văn tự, đường quan hiển hách.

454 - Quý Mùi - Quý Hợi - Giáp Ngọ - Đinh Mão

Nhâm Tuất/ Tân Dậu/ Canh Thân/ Kỷ Mùi/ Mậu Ngọ/ Đinh Tị

Giáp mộc sinh vào tháng Hợi, cùng thấu 2 Quý thủy, khí thể tràn lan. Đông mộc hỉ gặp hỏa, hỉ nhất là giờ Mão, không những Đinh hỏa thông căn, mà nhật chủ cũng lâm vượng, lại hội mộc cục, tiết mộc sinh hỏa phù thân. Hay là không có kim, được dùng thanh vậy. Đến vận Kỷ Mùi, chế Quý thủy, năm Bính Thìn, vào cung vua, giữ quan vị trọng yếu.

455 - Nhâm Thìn - Kỷ Dậu - Quý Mão - Kỷ Mão

Canh Tuất/ Tân Hợi/ Nhâm Tý/ Quý Sửu/ Giáp Dần/ Ất Mão

Nhật nguyên Quý Mão, Thực thần quá trọng, chẳng những tiết khí nhật nguyên, mà còn chế sát quá mức. Hỉ thu thủy thông nguyên, độc Ấn đặc dụng, càng đẹp có Thìn Hợp mà hóa kim, khí kim càng vững chắc, trong cục hoàn toàn không có hỏa, là được dùng thanh vậy. Cho nên bước lên quan vị, danh cao hàn uyển. Tiếc là trung vận phùng mộc, e rằng đường quan khó mà hiển đạt.

456 - Kỷ Hợi - Giáp Tuất - Canh Tý - Bính Tý

Quý Dậu/ Nhâm Thân/ Tân Mùi/ Canh Ngọ/ Kỷ Tị/ Mậu Thìn

Canh kim sinh vào tháng Tuất, địa chi có 2 Tý 1 Hợi, can thâu Bính hỏa, là khắc tiết giao gia. Hỉ có đề cương Ân vương, tuy sợ Giáp mộc sinh hỏa khắc thổ, gặp Giáp Kỷ hợp mà hóa, là được dùng thanh vậy. Đến vận Kỷ Tị, Ân tinh được trợ, xung khứ Hợi thủy, Giáp mộc trường sinh, ghi tên bằng vàng vậy.

457 - Kỷ Hợi - Bính Tý - Canh Tý - Tân Tị

Ất Hợi/ Giáp Tuất/ Quý Dậu/ Nhâm Thân/ Tân Mùi/ Canh Ngọ

Canh kim sinh vào giữa mùa đông, địa chi có 2 Tý 1 Hợi, can thâu Bính hỏa, cũng là khắc tiết giao gia. Hỉ có Kỷ thổ thâu lộ, tiết hỏa sinh kim, ngũ hành không có mộc, là được thanh khí vậy. Đến năm Kỷ Tị, Ân tinh được trợ, danh cao hàn uyển, chỗ không đủ, là Ân tinh không nắm lệnh, kỷ thổ lại xa đàn mà hư nhược, cho nên giáng xuống làm Tri huyện.

458 - Bính Thân - Nhâm Thìn - Bính Tý - Nhâm Thìn

Quý Tị/ Giáp Ngọ/ Ất Mùi/ Bính Thân/ Đinh Dậu/ Mậu Tuất

Bính hỏa sinh vào cuối xuân, hai Sát cùng thâu, chi hội Sát cục, hỉ Thìn thổ nắm lệnh chế Sát, có dư khí mộc ở trong Thìn mà sinh nhật chủ, bệnh ở Thân kim, chỗ này không hết đẹp. Cho nên tư chất hơn người. Năm Đinh Mão hợp Sát, mà Ân tinh đắc địa, được đăng Hương bảng. Năm Tân Mùi khứ Tý thủy, mộc hỏa đều được dư khí, mùa xuân thi đậu. Kết quả là ngai Thân kim, không được điều động trọng dụng. Càng kỵ vận đến phương tây, lấy rượu bầu bạn vậy.

459 - Mậu Ngọ - Nhâm Tuất - Nhâm Tý - Ất Tị

Quý Hợi/ Giáp Tý/ Ất Sửu/ Bính Dần/ Đinh Mão/ Mậu Thìn

Nhâm thủy sinh vào tháng Tuất, thủy tiến khí, mà được tọa dưới Dương Nhận trợ thân, can năm là Sát, Tị Kiếp ngăn cản, gọi là Thân Sát lưỡng đình, bệnh ở Ngọ, Tý Ngọ xung nhau, lại sợ Tị hỏa, Tý thủy ngăn cách, khiến cho không thể sinh Sát, mà Tân kim ám tàng ở trong Tuất làm dụng, anh em sinh đôi, đều được Tiến sĩ.

460 - Canh Tuất - Tân Tị - Ất Mão - Mậu Dần

Nhâm Ngọ/ Quý Mùi/ Giáp Thân/ Ất Dậu/ Bính Tuất/ Đinh Hợi

Ất mộc sinh vào tháng Tị, Thương quan nắm lệnh, đủ để chế Quan phục Sát, tọa dưới chi lộc phù thân, giờ Dần lại là Đẳng la hệ Giáp, đến năm Canh Thìn, chi thuộc phương đông, trúng Hương bảng, không phát Giáp, chỉ vì tứ trụ không có Ân, là do Tuất thổ tiết hỏa sinh kim vậy. Anh em sinh đôi, em sinh vào giờ Mão, tuy cũng đắc lộc, không bằng Dần tàng Giáp mộc có lực, mà tàng là tốt, cho nên chậm ở năm Kỷ Hợi, Ân tinh sinh phù, mới được bằng tên vậy.

461 - Quý Hợi - Ất Mão - Mậu Ngọ - Giáp Dần

Giáp Dần/ Quý Sửu/ Nhâm Tý/ Tân Hợi/ Canh Tuất/ Kỷ Dậu

Mậu thổ sinh vào giữa xuân, Quan Sát cùng vượng lâm lộc, lại được Hợi thủy sinh phù, tuy tọa dưới Ngọ hỏa Ấn thụ, hư thổ không thể nạp hỏa, trở thành Tòng Sát, luận thủy làm hỗn, Tý vận xung khử Ngọ hỏa, năm Canh Tý kim sinh thủy, xung khắc tuyệt hỏa khí, trúng Hương bảng.

462 - Mậu Tý - Nhâm Tuất - Canh Dần - Quý Mùi

Quý Hợi/ Giáp Tý/ Ất Sửu/ Bính Dần/ Đinh Mão/ Mậu Thìn

Canh kim sinh vào tháng Tuất, Ấn tinh năm lệnh, kim cũng hữu khí, dụng thần ở thủy, không ở hỏa vậy. Đến năm Canh Thân, Nhâm thủy phùng sinh, lại tiết khí thổ, thi đỗ. Chỗ phát, là nguyên thần Mậu thổ thấu lộ, mùa xuân không lợi thi cử, thêm trong vận mộc hỏa, tất hao phá nhiều.

463 - Mậu Tý - Kỷ Mùi - Tân Hợi - Mậu Tý

Canh Thân/ Tân Dậu/ Nhâm Tuất/ Quý Hợi/ Giáp Tý/ Ất Sửu

Tân kim sinh vào cuối hạ, trong cục tuy nhiều táo thổ, hay là ở địa chi có Hợi Tý hội thủy cục, năm giờ phùng Tý dưỡng kim, có thể mời Kỷ Mùi cùng mộc làm dụng. Đến năm Đinh mão, hội đủ mộc cục, có bệnh được được, thắng lợi trường thi.

Chương 27 - Địa Vị

Công lao Đài các truyền trăm đời,

Thiên nhiên thanh khí phát cơ quyền.

Nguyên chú: Như người có xuất thân, về phần địa vị có ít, cũng không dễ suy đoán. Nếu nói chỉ có làm khanh, trong thanh lại có một loại quyền thế xuất nhập vậy, không nên cố chấp một mối mà luận.

Nhâm thị viết: Đảm nhận chủ trì đài các cùng chức vị tể tướng, thanh khí phát ra tự nhiên, Tú khí tiết ra thuần thanh, bên trong tứ trụ, lại cùng hỉ thần có tình, trong cách cục cũng không có vật gây trở ngại. Chỗ dụng là chân thần, chỗ hỉ là chân khí, chỗ này đều gọi là “Thanh khí phát cơ quyền” vậy. Độ lượng khoan dung, có chứa vật, hành động thuần chính không tham lam, có đức nhuận trạch bao sinh, dù tài nặng mà đạt đến nhiệm vụ vậy.

464 - Canh Thân - Canh Thìn - Mậu Thìn - Mậu Ngọ

Tạo này của Đông Trung đường, thanh khí tự nhiên ở Canh kim.

465 - Giáp Tý - Bính Dần - Kỷ Sửu - Giáp Tý

Tạo này của Lưu Trung đường, thanh khí tự nhiên ở Bính hỏa.

466 - Nhâm Thân - Nhâm Dần - Bính Tý - Ất Mùi

Tạo này của Tiền Thượng thư, thanh khí tự nhiên ở Ất mộc.

467 - Kỷ Hợi - Đinh Mão - Canh Thân - Canh Thìn

Tạo này của Tần Thị lang, thanh khí tự nhiên ở Đinh hỏa.

Bình quyền phải trái biện quan khách,

Nhận Sát thần thanh khí thể đặc.

Nguyên chú: Năm quyền sinh sát, ngoài tác phong khí thể, tất nhiên rất đặc biệt, thanh được tinh thần từ chỗ đặc biệt hoặc là cả hai Nhận Sát đều hiển lộ ra vậy.

Nhâm thị viết: Năm quyền sinh sát, đảm nhận binh hình, tinh thần thanh khí, tự nhiên siêu việt, tất lấy Nhận vượng địch sát, khí thể xuất nhân vậy. Trong cục Sát vượng không có tài, Ấn thụ dụng Nhận, hoặc không có Ấn mà có Dương Nhận, chỗ này gọi là Sát Nhận thần thanh vậy. Đặc biệt khí thể, là Nhận vượng nắm quyền vậy, tất là quan văn mà đảm nhận quyền nắm sinh sát. Nhận vượng, là như Giáp ở mùa xuân dụng Mão Nhận, Ất dụng Dần Nhận; mùa hạ Bính dụng Ngọ Nhận Đinh dụng Tị Nhận, mùa thu Canh dụng Dậu Nhận, Tân dụng Thân Nhận, mùa đông Nhâm dụng Tý Nhận, Quý dụng Hợi Nhận vậy. Nếu Nhận vượng địch Sát, trong cục không có Thực thần Ấn thụ, mà có Tài Quan, khí thể tuy mạnh, mà thần khí không thanh, chính mà mệnh võ tướng vậy. Như Nhận không nắm quyền, tuy có thể địch Sát, không những không thể nắm binh quyền, cũng không thể quý hiển vậy. Người ác tật quá nghiêm, giống như Nhận vượng Sát nhược cũng vậy, tất kiêu ngạo mà kiêu căng vậy.

468 - Nhâm Dần - Kỷ Dậu - Canh Ngọ - Bính Tuất

Canh Tuất/ Tân Hợi/ Nhâm Tý/ Quý Sửu/ Giáp Dần/ Ất Mão

Ngày Canh giờ Bính, chi phùng sinh vượng, Dần nạp Nhâm thủy, không thể chế Sát, hoàn toàn dựa vào Dậu kim Dương Nhận nắm quyền làm dụng, Dần mộc ngăn cách, khiến cho không thể hội cục, chỗ này đúng là " Đặc biệt khí thể là Nhận Sát thần thanh" vậy. Sớm đăng khoa giáp, thuộc loại đảm nhận nắm binh hình sinh sát, làm quan đến chức Thượng thư Bộ Hình .

469 - Canh Tuất - Nhâm Ngọ - Bính Tý - Nhâm Thìn

Quý Mùi / Giáp Thân/ Ất Dậu/ Bính Tuất/ Đinh Hợi/ Mậu Tý

Nhật nguyên Bính Tý, tháng giờ cùng thâu Nhâm thủy, nhật chủ thụ địch ba mặt, trong trụ không có mộc tiết thủy sinh hỏa, lại có Canh kim sinh thủy tiết thổ, kim dựa vào Ngọ hỏa vượng Nhận nắm quyền là dụng, lại hi Tuất là tảo thổ, chế thủy hội hỏa. Xuất thân Hương bảng, vận Bính Tuất Đinh Hợi làm quan đến chức Ấn sát.

470 - Ất Mão - Mậu Tý - Nhâm Thìn - Mậu Thân

Đinh Hợi/ Bính Tuất/ Ất Dậu/ Giáp Thân/ Quý Mùi/ Nhâm Ngọ

Nhật nguyên Nhâm Thìn, thiên can có 2 Sát, thông căn chi Thìn, can năm Ất mộc héo khô, có thể tiết thủy mà không thể chế thổ, đúng là Khắc Tiết giao gia, hi nhất có Tý thủy nắm quyền hội cục, là Sát Nhận thần tình. Đến vận Dậu sinh thủy khắc mộc, lại vừa có thể hóa Sát, liền đăng khoa Giáp; Giáp Thân đăng vận, làm quan hanh thông, đến chức Ấn sát; vận Dương Nhận thụ chế, hết lộc.

471 - Bính Thìn - Tân Mão - Giáp Thân - Canh Ngọ

Nhâm Thìn/ Quý Tị/ Giáp Ngọ/ Ất Mùi / Bính Thân/ Đinh Dậu

Nhật nguyên Giáp Thân, sinh ở giữa xuân, Quan Sát cùng thấu thông căn, lâm ở ngày giờ đất tử tuyệt, tất dụng Mão Dương Nhận. Hỉ có Bính hỏa hợp Tân, không chỉ không sợ hấn Sát, mà Mão mộc không bị chế, là Nhận Sát thần thanh, còn vận đến Nam phương hỏa địa. Xuất thân khoa Giáp, làm quan lập hiến.

Quan Ti Mục năm Tài và Quan,

Cách cục thanh thuần nhiều thần khí.

Nguyên chú: Phương diện làm quan, Tài Quan là trọng, tất thanh mà còn thuần túy, cách chính cục toàn, tinh thần lại có một đoạn.

Nhâm thị viết: Phương diện đảm nhận cùng quan Châu Huyện, tuy lấy Tài Quan làm trọng, tất phải cần cách cục thanh thuần, lại phải cần nhật nguyên sinh vượng, thần quán khí túc, sau đó Tài Quan hợp tinh, thì tinh khí thần cả ba đều đủ vậy. Lại thêm Quan vượng có Ấn, Quan suy có Tài, Ấn vượng có Tài, hai bên tương thông, trên dưới không nghịch, căn thông năm tháng, khí quán ngày giờ, Thân Sát lưỡng đình, Sát trọng phùng Ấn, Sát khinh gặp Tài, đều là đúng vậy, tất có tâm làm lợi dân cứu vật; trái lại chỗ này đều là không thích hợp vậy.

472 - Đinh Sửu - Ất Tị - Quý Dậu - Nhâm Tý

Giáp Thìn/ Quý Mão/ Nhâm Dần/ Tân Sửu/ Canh Tý/ Kỷ Hợi

Quý thủy sinh ở tháng Tị, hỏa thổ tuy vượng, hay là ở chi hội kim cục, Tài Quan Ấn cả ba đều được sinh trợ; càng hay là có giờ Tý Tị Kiếp bang thân, tinh thần đủ vượng; càng hỉ vận trung niên đến bắc phương. Xuất thân dị lộ, làm quan thủ Quận, danh lợi lưỡng toàn, sinh ra 7 con đều làm quan.

473 - Bính Dần - Mậu Tuất - Đinh Dậu - Ất Tị

Kỷ Hợi/ Canh Tý/ Tân Sửu/ Nhâm Dần/ Quý Mão/ Giáp Thìn

Đinh hỏa sinh ở tháng Tuất, trong cục trùng điệp mộc hỏa, Thương quan dụng Tài, cách cục vốn tốt, xuất thân bộ thư, làm quan Huyện lệnh. Tiếc là trong trụ không có thủy, Tuất là tảo thổ, không thể sinh kim hồi hỏa, mộc sinh hỏa vượng, Tị Dậu không có tinh củng hợp, cho nên thế thiếp sinh 10 con đều khác.

474 - Bính Tý - Canh Dần - Tân Tị - Mậu Tý

Tân Mão/ Nhâm Thìn/ Quý Tị/ Giáp Ngọ/ Ất Mùi/ Bính Thân

Tân kim sinh ở tháng Dần, Tài vượng phùng Thực, Quan thấu gặp Tài, lại gặp Kiếp Ấn tương phù, trung hòa thuần túy, tinh thần đều đủ. Ban đầu tựa như xem nhược, nghiên cứu tỉ mỉ, là mộc nộn hỏa hư, Ấn thấu thông căn, nhật nguyên đủ để dụng Quan. Trung niên nam phương hỏa vận, xuất thân dị lộ, làm quan Hoàng triều.

475 - Đinh Hợi - Bính Ngọ - Mậu Dần - Giáp Dần

Ất Tị/ Giáp Thìn/ Quý Mão/ Nhâm Dần/ Tân Sửu/ Canh Tý

Mậu thổ sinh ở tháng Ngọ, trong cục Thiên Quan tuy vượng, Ấn tinh thái trọng, mộc tông theo thể hỏa, hỏa tất đốt mộc, một điểm Hợi thủy, không thể sinh mộc khắc hỏa. Giao Quý vận, khắc Đinh sinh Giáp, bắc cực liên đăng khoa Giáp, ra trấn giữ một khu; Tân vận hợp Bính, làm quan thuận toại; giao Sửu vận, khắc thủy cáo bệnh, về hưu.

476 - Kỷ Tị - Mậu Thìn - Giáp Tý - Tân Mùi

Đinh Mão/ Bính Dần/ Ất Sửu/ Giáp Tý/ Quý Hợi/ Nhâm Tuất

Nhật nguyên Giáp Tý, sinh ở cuối xuân, mộc có dư khí. Tọa dưới Ấn thụ, Quan tinh thanh thấu, mà Tý Thìn có tinh cùng Ấn; càng đẹp là vận đến đông bắc đất thủy mộc, danh đăng Giáp bảng. Chỉ sợ Tý Mùi phá Ấn, đường quan khó miễn có cản trở, về già làm thầy giáo.

Chính là cùng năm nhiều thủ lĩnh,

Cũng từ thanh trọc phân chia hình.

Nguyên chú: Đến quý chi bằng trời vậy, được một mà lấy thanh, mà vị trí ở trên, cho nên được một mệnh vinh, không có gì bằng thanh khí. Cho nên quan chức tạp hoặc là phò tá hai thủ lĩnh, sao không có một đoạn thanh khí? Mà cùng trọc khí là có phân biệt. Nhưng mà hình ảnh thanh trọc là khó giải thích, không chỉ là ở trong Tài Quan Ấn thụ có thanh trọc; phàm cách cục, khí tượng, dụng thần, hợp thần, nhật chủ hóa khí, tông khí, thần khí, tinh khí, đều từ thu tàng mà phát sinh ý hướng, tiết độ tính tình, lý thể nguyên lưu, giữa chính và phụ đều có. Đối với hình ảnh sống ở bề ngoài, được hình mà toại ý có thể tìm ra tinh tú, là luận trên dưới cao thấp.

Nhâm thị viết: Mệnh, chỗ cuối cùng là ở bên ngoài trời đất vậy. Thanh là quý, trọc là tiện vậy. Cho nên chức quan tạp là hai loại phò tá, cũng được một mệnh vinh, tuy không phải cách chính cục thanh, chân thần đắc dụng, mà bên trong khí tượng cách cục, bên trong lý khí xung hợp, tất có một điểm thanh khí, tuy hình ảnh khí thanh trọc khó giải thích, nói chung không ngoài chỗ lý thiên thanh địa trọc. Thiên can tượng là trời, địa chi tượng là đất. Địa chi thăng lên ở thiên can, là khí nhẹ mà thanh vậy; thiên can giáng xuống ở địa chi, khí nặng trọc vậy. Khí thiên can vốn thanh, không kỵ trọc vậy; khí địa chi vốn trọc, tất phải thanh vậy, chỗ này mệnh lý quý ở biến thông vậy. Thiên can trọc, địa chi thanh là quý; địa chi trọc, thiên can thanh là tiện vậy. Khí địa chi thăng lên là ảnh, khí thiên can giáng xuống là hình vậy, ở hình ảnh thăng giáng, trong xung hợp chế hóa, phân ra thanh trọc, nghiên cứu khinh trọng, nhưng cũng luận trên dưới vậy.

477 - Nhâm Thìn - Nhâm Dần - Mậu Tuất - Bính Thìn

Quý Mão/ Giáp Thìn/ Ất Tị/ Bính Ngọ/ Đinh Mùi/ Mậu Thân

Mậu thổ sinh ở tháng Dần, mộc vượng thổ hư, thiên can 2 Nhâm khắc Bính sinh Dần, khí thiên can ở đây là trọc, Tài tinh phá Ấn, cho nên thi hương không thành. Hi Dần có thể nạp thủy sinh hỏa, nhật chủ tọa Tuất là tảo thổ, khiến cho Nhâm thủy không dẫn đến xung chạy, xứ thanh ở Dần vậy. Xuất thân dị lộ, vận Bính thăng Huyện lệnh.

478 - Nhâm Ngọ - Quý Sửu - Giáp Dần - Đinh Mão

Giáp Dần/ Ất Mão/Bính Thìn/ Đinh Tị/ Mậu Ngọ/ Kỷ Mùi.

Giáp mộc sinh ở tháng Sửu, thủy sinh băng hàn, vốn hi hỏa để địch hàn, càng hay là ngày giờ có khí Dần Mão vượng, Đinh hỏa vượng tú, thanh là ở hỏa vậy. Chỗ ngại là thâu can Nhâm, Đinh hỏa phát ra nước, thì Hương khó thành. Nhưng địa chi không có thủy, can tuy trợ, chi tòng Ngọ hỏa mà lưu thanh. Xuất thân khác thường, đến vận Mậu Ngọ, hợp Quý chế Nhâm, thăng tri huyện.

479 - Nhâm Thìn - Ất Tị - Bính Tý - Kỷ Sửu

Bính Ngọ/ Đinh Mùi/ Mậu Thân/ Kỷ Dậu/ Canh Tuất/ Tân Hợi

Bính hỏa sinh ở tháng Tị, thiên địa Sát Ấn lưu thanh, chỗ ngại là giờ Sửu hợp khứ Tý thủy, thì Nhâm thủy thất thế, hóa trợ Thương quan thì tiết khí nhật nguyên, một điểm Ất mộc, không thể khai thông thổ. Xuất thân dị lộ, tuy là có công, mà không hợp ý trên, nên không thể thăng quan.

480 - Ất Dậu - Bính Tuất - Quý Dậu - Đinh Tị

Ất Dậu/ Giáp Thân/ Quý Mùi/ Nhâm Ngọ/ Tân Tị/ Canh Thìn

Nhật nguyên Quý Dậu, sinh ở tháng Tuất, địa chi Quan Ấn tương sinh, có thể giống nhau. Chỗ ngại là, bên trong có Tài Quan đắc địa, kiêm Ất mộc trợ hỏa khắc kim, cho nên thì hương khó thành. Hi thu kim có khí, xuất thân dị lộ, đến Tị vận phùng Tài phá Ấn, có tang chế mà về nhà.

481 - Giáp Thân - Mậu Thìn - Mậu Tý - Mậu Ngọ

Kỷ Tị/ Canh Ngọ/ Tân Mùi/ Nhâm Thân/ Quý Dậu/ Giáp Tuất

Nhật nguyên Mậu Tý, sinh ở tháng Thìn giờ Ngọ, thiên can có 3 Mậu, có thể biết là vượng vậy. Giáp mộc thoát khí lâm tuyết, không những vô dụng, trái lại thành hỗn loạn, tinh khí ở địa vận Thân, tiết kỳ tinh anh, tiếc là xuân kim không vượng, may mắn Tý thủy xung Ngọ, nhuận thổ dưỡng kim, tuy quyền nập làm phò tá, đường quan thuận toại.

482 - Quý Tị - Giáp Tý - Nhâm Tý - Canh Tuất

Quý Hợi/ Nhâm Tuất/ Tân Dậu/ Canh Thân/ Kỷ Mùi/ Mậu Ngọ

Nhật nguyên Nhâm Tý, sinh ở giữa đông, thiên can lại thâu Canh Quý, khí thể phiếm lạm. Giáp mộc vô căn, không thể nạp thủy; Tị hỏa bị chỗ bầy thủy khắc, cũng khó tác dụng, cho nên nhiều lần quyền góp, hao tài mà không được làm quan. Tuy là giờ Tuất, định ngăn nước chảy mệnh mông, lại bị Canh kim tiết, kiêm trung vận là Tân Dậu Canh Thân, tiết thổ sinh thủy, Kiếp Nhận tung hoành, dẫn đến có chí khó thành.

Chương 28 - Tuế Vận

Hưu tù trôi ở vận, nhất là trôi ở tuế, xung chiến là ai hàng, hòa thuận là ai hợp.

Nguyên chú: Nhật chủ ví như thân ta, thần ở trong cục, ví như con người dẫn theo thuyền ngựa, đại vận ví như chỗ đất đến, cho nên coi trọng địa chi, chưa chắc là không có

thiên can. Thái tuế ví như chỗ người gặp, cho nên coi trọng thiên can, chưa chắc không có địa chi. Tất trước tiên phải rõ một nhật chủ, phối hợp với 7 chữ, quyền lực khinh hay trọng, xem hành hỉ là hành vận nào, hành kỵ là hành vận nào. Như ngày Giáp lấy khí thể xem ở mùa xuân, lấy tâm người xem người, lấy vật lý xem mộc, đại để mà xem khí thể còn lại ở trong đó. Gặp mặt chữ Canh Tân Thân Dậu, như xuân mà hành ở mùa thu, thì mới chặt đi cái sinh cơ này, lại xem hỉ và không hỉ, mà đất hành vận sinh Giáp phạt Giáp, đoạn nào là tốt xấu vậy. Một khi đến Thái tuế, tốt xấu liền hiện ra, vì vậy tường luận xu thế xung chiến và hòa thuận, mà được cơ thích ứng thắng bại, thì tốt xấu rõ ràng ở ngay trước mắt.

Nhâm thị viết: Phú quý tuy định ở cách cục, cũng phải gắn liền với vận đồ thuận lợi nữa, chỗ gọi là Mệnh tốt không bằng vận tốt vậy. Nhật chủ là bản thân của ta, trong cục có hỉ dụng thần là chỗ người sử dụng, vận đồ chính là chỗ đất ta đến. Cho nên lấy địa chi làm trọng. Yêu cầu thiên can không nghịch, tương sinh tương phù là tốt, cho nên xem một vận gồm 10 năm không được ngăn ra trên dưới, không thể khiến cho cái đầu tiết cước. Bất luận cái đầu tiết cước, thì cát hung không nghiệm vậy.

Như hỉ hành mộc vận, tất cần Giáp Dần Ất Mão, kể đến là Giáp Thìn Ất Hợi, Nhâm Dần Quý Mão; Hỉ hành hỏa vận tất cần Bính Ngọ Đinh Mùi, kể đến là Bính Dần Đinh Mão, Bính Tuất Đinh Tị; Hỉ hành thổ vận, tất cần Mậu Ngọ Kỷ Mùi, Mậu Tuất Kỷ Tị, kể đến là Mậu Thìn Kỷ Sửu; Hỉ hành kim vận, tất cần Canh Thân Tân Dậu, kể đến là Mậu Thân Kỷ Dậu, Canh Thìn Tân Tị; Hỉ hành thủy vận, tất cần Nhâm Tý Quý Hợi, kể đến là Nhâm Thân Quý Dậu, Tân Hợi Canh Tý.

Thà rằng khiến cho thiên can sinh địa chi, không nên địa chi sinh thiên can; thiên can sinh địa chi mà phúc dày, địa chi sinh thiên can mà khí tiết.

Sao gọi là Cái Đầu ? Như hỉ mộc vận mà gặp Canh Dần Tân Mão; hỉ hỏa vận mà gặp Nhâm Ngọ Quý Tị; hỉ thổ vận mà gặp Giáp Tuất Giáp Thìn, Ất Sửu Ất Mùi; hỉ kim vận mà gặp Bính Thân Đinh Dậu; hỉ thủy vận mà gặp Mậu Tý Kỷ Hợi.

Sao gọi là Tiết Cước ? Như hỉ mộc vận mà gặp Giáp Thân Ất Dậu, Ất Sửu Ất Tị; hỉ hỏa vận mà gặp Bính Tý Đinh Sửu, Bính Thân Đinh Dậu, Đinh Hợi; hỉ thổ vận mà gặp Mậu Dần Kỷ Mão, Mậu Tý Kỷ Dậu, Mậu Thân; hỉ kim vận mà gặp Canh Ngọ Tân Hợi, Canh Dần, Tân Mão Canh Tý; hỉ thủy vận mà gặp Nhâm Dần Quý Mão, Nhâm Ngọ Quý Mùi, Nhâm Thìn Quý Tị vậy.

Bởi do can đầu hỉ chi, mà vận quan trọng ở Chi, tiền tài cát hung giảm nửa; Tiết cước thì hỉ Can, chi không tải can, tất 10 năm đều xấu. Nếu như hỉ hành mộc vận, mà gặp Canh Dần Tân Mão, Canh Tân vận là hung vận, mà kim tuyệt ở Dần Mão, gọi là kim vô căn, tuy có hung hiểm mười phần, thì cũng giảm còn một nửa. Như nguyên cục thiên can có Bính Đinh thấu lộ, ngược lại vừa có thể chế kim, vừa có thể giảm được một nửa, hoặc lại gặp Thái Tuế phùng Bính Đinh, chế khắc Canh Tân, tất không có hung vậy. Dần Mão vốn là cát vận, bởi vì cái đầu có Canh Tân khắc địa chi, tuy cát lợi có 10 phần, cũng giảm còn một nửa. Như nguyên cục địa chi có một chút Dậu kim xung, chẳng những không cát lợi, mà lại hung họa vậy.

Lại như hỉ mộc vận, gặp Giáp Thân Ất Dậu, mộc tuyệt ở Thân Dậu, gọi là chi không tài can, cho nên vận Giáp Ất không cát lợi. Như nguyên cục thiên can lại thấu Canh Tân, hoặc thiên can Thái Tuế gặp Canh Tân, nhất định là hung hiểm cho nên gặp 10 năm xấu. Như nguyên cục thiên can thấu Nhâm Quý, hoặc thiên can Thái Tuế phùng Nhâm Quý, có thể tiết kim sinh mộc, tắt an hòa không xấu vậy. Cho nên vận phùng cát không thấy cát, vận phùng hung không thấy hung, nguyên có đều do Cái Đầu, Tiết Cước vậy.

Thái tuế quản tốt xấu trong một năm, như chỗ con người gặp gỡ, cho nên lấy thiên can làm trọng, tuy nhiên cũng không thể không xét địa chi, tuy có sinh khắc, không thể xung phá cùng nhật chủ vận đồ. Xấu nhất là thiên khắc địa xung, thái tuế xung khắc, nhật chủ vượng tướng tuy hung nhưng không đáng ngại, nhật chủ suy nhược tất gặp phải đại hung. Ngày phạm Tuế quân, nhật chủ vượng tướng không hung, nhật chủ hưu tù tất hung; Tuế quân phạm ngày, cũng giống như vậy. Cho nên lúc giao nhau nên hài hòa, không thể luận một mặt cùng đại vận vậy. Như vận phùng mộc là cát, ngược lại phùng mộc gặp hung nguyên do đều là xung phá bất hòa vậy. Theo lý này mà suy ra, tất cát hung không thể không nghiệm vậy.

483 - Canh Thìn - Đinh Hợi - Canh Thìn - Đinh Sửu

Mậu Tý/ Kỷ Sửu/ Canh Dần/ Tân Mão/ Nhâm Thìn/ Quý Tị

Nhật chủ Canh Thìn, sinh vào tháng Hợi, thiên can Đinh hỏa cùng thấu lộ, Thìn Hợi tàng Giáp Ất, đủ để dụng hỏa. Vận đầu Mậu Tý, Kỷ Sửu, hồi hỏa sinh kim, không được toại nguyện như ý. Canh vận, năm Bính Ngọ, Canh tọa Dần tiết cước, thiên can 2 Đinh hỏa, đủ để đối địch 1 Canh, lại gặp năm Bính Ngọ, chiến thắng. Đánh hạ Tri huyện, Dần vận bạc tiền tương đối; Tân Mão tiết cước, trong cục Đinh hỏa hồi khắc Tân kim, làm quan cấp Quận; vận Nhâm Thìn, thủy sinh căn khó, năm Nhâm Thân gặp nguy, 2 Đinh đều bị thương khắc, hết lộc.

484 - Ất Mùi - Mậu Tý - Canh Thìn - Đinh Sửu

Đinh Hợi/ Bính Tuất/ Ất Dậu/ Giáp Thân/ Quý Mùi/ Nhâm Ngọ

Nhật nguyên Canh Thìn, sinh vào tháng Tý, Mùi thổ phá Tý thủy, thiên can mộc hỏa, đều được Thìn Mùi dư khí, đủ để dụng mộc sinh hỏa. Bính vận nhập học. Vận Ất Dậu, năm Quý Dậu, Quý hợp Mậu hóa hỏa, theo thuyết xưa Dậu là nơi Đinh hỏa trường sinh, không biết rằng Ất Dậu mộc bị tiết cước, không còn là mộc, mà thực ra là kim vậy. Năm Quý Dậu, thủy phùng kim sinh, lại sinh mùa đông, làm sao mà có thể hợp Mậu hóa hỏa? Tất là khắc Đinh hỏa không còn nghi ngờ Dậu là thuần kim, chính là nơi tử địa của hỏa, nói đến thuyết âm hỏa trường sinh ở Dậu, thật là sai lầm vậy; kim tháng 8 lại gặp Tân Dậu, mộc hỏa trong cục đều bị thương, đề phòng sinh họa bất trắc. Cuối cùng chết ở trung nguyên.

485 - Mậu Tý - Ất Mão - Bính Dần - Đinh Dậu

Bính Thìn/ Đinh Tị/ Mậu Ngọ/ Kỷ Mùi/ Canh Thân/ Tân Dậu

Nhật nguyên Bính Dần, sinh vào tháng Mão, mộc hỏa đều vượng, thổ kim đều tổn thương, thủy cũng hưu tù. Vận Bính Thìn, Đinh Tị, sản nghiệp tiêu tan không còn; vận

Mậu Ngọ, Kỷ Mùi, không thể sinh kim tiết hỏa, kinh doanh mắc nợ vạn kim, xuất ngoại chạy trốn; giao vận Canh Thân, Tân Dậu 20 năm, lại đầu cơ tích trữ được lợi, phát tài hơn 10 vạn.

486 - Bính Thân - Quý Tị - Bính Ngọ - Giáp Ngọ

Giáp Ngọ/ Ất Mùi/ Bính Thân/ Đinh Dậu/ Mậu Tuất/ Kỷ Hợi

Nhật nguyên Bính Ngọ, sinh vào tháng Tị giờ Ngọ, bầy Kiếp tranh Tài, uy hiếp can Quý thủy. Vận đầu Giáp Ngọ, Nhận Kiếp điên cuồng hung tàn, cha mẹ chết sớm; Ất Mùi trợ Kiếp, gia nghiệp thất bại hoang tàn; giao Bính Thân, Đinh Dậu, nghèo khổ không chịu nổi; giao vận Mậu Tuất, hơi có chỗ đứng chút ít.

Sao gọi là chiến?

Nguyên chú: Như vận Bính năm Canh, gọi là vận phạt tuế. Nếu nhật chủ hỉ Canh, cần Bính hàng, được Mậu được Bính là cát; nhật chủ hỉ Bính, thì tuế không hàng vận, được Mậu Kỷ để hòa là tốt. Như Canh tọa Dần Ngọ, lực lượng Bính lớn, thì tuế cũng không thể không hàng, hàng cũng bảo vệ mà không có họa. Vận Canh năm Bính, gọi là tuế phạt vận, nhật chủ hỉ Canh, được Mậu Kỷ lấy Bính hòa là cát; nhật chủ hỉ Bính, thì vận không hàng tuế, lại không thể sử dụng Mậu Kỷ tiết Bính trợ Canh. Nếu Canh tọa Dần Ngọ, lực lượng Bính lớn, thì vận tự hàng tuế, cũng bảo vệ không có họa.

Nhâm thị viết: Chiến là khắc vậy. Như vận Bính năm Canh, là vận khắc Tuế, nhật chủ hỉ Canh, đòi hỏi Bính tọa Tý thủy, Canh tọa Thân kim, trong cục lại được Mậu Kỷ tiết Bính, được Nhâm Quý khắc Bính thì cát; nếu như Bính Ngọ, Bính Dần, trong cục lại không có thủy chế hỏa, tất hung; như vận Canh năm Bính, là Tuế khắc Vận, nhật chủ hỉ Canh tất hung; hỉ Bính tất cát; hỉ Canh đòi hỏi Canh tọa Thân kim, Bính tọa Tý Thìn, trong cục lại gặp thủy thổ chế hóa là cát, ngược lại tất hung; nhật chủ hỉ Bính cũng theo chỗ này mà suy.

487 - Tân Mão - Giáp Ngọ - Bính Thìn - Canh Dần

Quý Tị/ Nhâm Thìn/ Tân Mão/ Canh Dần/ Kỷ Sửu/ Mậu Tý

Bính hỏa sinh tháng Ngọ, Dương Nhận nắm quyền, chỉ đủ Dần Mão Thìn, thổ tòng theo thể mộc; Canh Tân lưỡng kim không thông căn. Vận đầu Quý Tị, Nhâm Thìn, kim phùng sinh trợ, gia nghiệp giàu có, vui vẻ thoải mái. Vận Tân Mão kim tiết cước, hình tang phá hao, gia nghiệp mười bại hết chín. Vận Canh năm Bính Dần khắc vợ, Canh tọa Dần tiết cước; năm Bính Dần là tuế khắc vận, Canh lại tuyệt mà Bính sinh, trong cục không có thần chế hóa, ở tháng Giáp Ngọ mộc tòng theo thể hỏa, hung họa liên miên, mắc bệnh mà chết.

488 - Tân Mão - Giáp Ngọ - Ất Mão - Ất Dậu

Quý Tị/ Nhâm Thìn/ Tân Mão/ Canh Dần/ Kỷ Sửu/ Mậu Tý

Ất mộc sinh tháng Ngọ, Mão Dậu kề cận xung, can tháng Giáp mộc lâm tuyệt, ngũ hành không có thủy, mùa hạ hỏa nắm quyền tiết khí mộc, Thương quan dụng Kiếp, kỵ kim vậy. Vận đầu Nhâm Thìn, Quý Tị, Ấn thâu sinh phù, đắc thời thuận lợi. Vận Tân

Mão, duy chỉ có năm Tân Dậu, xung phá Mão mộc, hình tang khắc phá. Đến vận Canh Dần, năm Bính Dần, kỵ kim mà Bính hỏa khắc khử kim, trong cục không có thủy tiết chế Bính hỏa, hỏa lại phùng sinh, kim tọa tuyệt địa, nhập học, thông thả thoải mái vậy.

Sao gọi là Xung?

Nguyên chú: *Như vận Tý năm Ngọ, chỗ này gọi là vận xung tuế, nhật chủ hỉ Tý, thì phải trợ giúp Tý, lại được can năm, gặp thân chế Ngọ, hoặc Ngọ nhiều phe đảng, can đầu gặp chữ Mậu Giáp tất hung. Như vận Ngọ năm Tý, chỗ này gọi là tuế xung vận, nhật chủ hỉ Ngọ, mà đảng Tý nhiều, can đầu trợ Tý tất hung; nhật chủ hỉ Tý, mà đảng Ngọ ít, can đầu trợ Tý tất cát, nếu Ngọ trọng Tý khinh, thì không hàng, cũng không có xấu.*

Nhâm thị viết: Xung là phá vậy. Như vận Tý năm Ngọ, gọi là vận xung tuế. Nhật chủ hỉ Tý cần can đầu gặp Canh Nhâm, can đầu Ngọ gặp Giáp Bính, cũng không có xấu; như can đầu Tý gặp Bính Mậu, can đầu Ngọ gặp Canh Nhâm, cũng có xấu. Nhật chủ hỉ Ngọ, can đầu Tý gặp Giáp Mậu, can đầu Ngọ gặp Giáp Bính, thì cát; như can đầu Tý gặp Canh Nhâm, can đầu Ngọ gặp Bính Mậu, can đầu Tý gặp Giáp Bính, thì cát; như can đầu Ngọ gặp Bính Mậu, can đầu Tý gặp Canh Nhâm, tất hung. Còn lại dựa theo chỗ này mà suy.

Sao gọi là Hòa?

Nguyên chú: *Như vận Ất năm Canh, vận Canh năm Ất là hòa, nhật chủ hỉ kim thì cát, nhật chủ hỉ mộc thì không cát, vận Tý năm Sửu, vận Sửu năm Tý, nhật chủ hỉ thổ thì cát, hỉ thủy thì không cát.*

Nhâm thị viết: Hòa là Hợp vậy. Như vận Ất năm Canh, vận Canh năm Ất, hợp mà có thể hóa, hỉ kim thì cát, hợp mà không hội, lại là hợp trói, không thích quan tâm đến nhật chủ của ta, thì không cát vậy. Hỉ Canh cũng vậy, cho nên hỉ Canh tất cần mộc kim đắc địa, Ất mộc vô căn, thì hợp hóa là tốt vậy, nếu Tý hợp Sửu, không hóa cũng là khắc thủy, hỉ thủy thì không cát vậy.

Sao gọi là Tốt?

Nguyên chú: *Như vận Canh năm Tân, vận Tân năm Canh, vận Thân năm Dậu, vận Dậu năm Thân, thì tốt. Nhật chủ hỉ dương, thì Canh và Thân là tốt, hỉ âm, thì Tân và Dậu là tốt, phạm chỗ này đều nên suy ra.*

Nhâm thị viết: Tốt, là loại tương đồng vậy. Như vận Canh năm Thân, vận Tân năm Dậu, nói là thật tốt, là chi lộc vượng, tự quay trở về bản khí của ta, như người thân ở trong một nhà, như vận Canh năm Tân, vận Tân năm Canh, là trợ giúp thiên can, như bằng hữu giúp nhau, cuối cùng không thân thiện lắm, tất trước tiên cần phải thông căn vận vượng, dựa vào tự nhiên là tốt. Như vận không có căn khí, thấy thế suy mà không có tình dựa vào, thì không phải tốt vậy.

Chương 29 - Trình Nguyên

Tạo hóa khởi ở Nguyên, cũng dừng ở Trình. Lại sẽ khởi ở Trình Nguyên, là mẫu chốt hình thành thế hệ con cháu.

Nguyên chú: Tam nguyên đều có Trinh Nguyên. Như lấy Bát tự mà xem, lấy năm là Nguyên, tháng là Hanh, ngày là Lợi, giờ là Trinh. Năm tháng tốt, ½ cuộc đời ở trước là tốt, còn ngày giờ tốt thì ½ cuộc đời còn lại là tốt. Lấy đại vận xem, lấy 15 năm đầu là Nguyên, 15 năm tiếp theo là Hanh, 15 năm giữa là Lợi, 15 năm sau là Trinh. Vận Nguyên Hanh là cát thì ½ đời người phía trước là tốt; vận Lợi Trinh tốt thì ½ đời người còn lại là tốt, đều là đạo Trinh Nguyên. Nhưng mà hay là có Trinh Nguyên tồn tại ở chỗ này, không chỉ là Tuyệt xứ phùng sinh, ý là hết Bắc đến Đông vậy.

Về phần sống thọ con người, mà sau khi đã hết, chỗ hành vận, kết quả chỗ hi là sao? Thì gia đình tất hưng thịnh; còn kết quả chỗ kị thì sao? thì gia đình tất suy tàn. Bởi vì lấy cha là Trinh lấy con là Nguyên vậy. Hay là chỗ Trinh hạ khởi Nguyên, là then chốt sinh sôi không ngừng. Còn luận theo chỗ này, không muốn người biết xem năm, mà thiên hạ muôn đời, cho nên thực tế là dấu hiệu thời đại nghiệm Dịch, mà biết số không thể nào trốn được vậy. Học giả hãy cố gắng!

Nhâm Thị viết: Lý lẽ Trinh Nguyên, ý chỉ Hà Đồ Lạc Thư vậy. Ý nghĩa của Hà Đồ Lạc Thư là ghi vị trí quẻ dịch của Tiên Hậu Thiên vậy. Quẻ Tiên Thiên, thì Càn Nam Khôn Bắc, cho nên Tây Bắc nhiều núi, nên Côn Lôn là núi; Đông Nam nhiều nước, biển cả là chỗ nước quay về. Là lấy nước từ núi ra, nước gặp núi là dừng vậy. Nói đến chín sông mà chảy cuộn cuộn, xu thế đỉnh điểm của đại dương mệnh mông, là ngọn nguồn, đều là tinh tú vậy; Nói đến Ngũ Nhạc chọc trời, hình dáng cao ngút hùng vĩ, nơi tận cùng chính là núi Côn Lôn vậy.

Riêng con người có tổ phụ là hiển nhiên, mặc dù là gánh chịu một phần phát huy, ai cũng xuất phát từ một chỗ mà ra cả. Cho nên ban đầu nhất âm sinh tại quẻ Khôn, nhất dương sinh tại quẻ Càn là thủy, cho nên quẻ Ly là tượng trưng mặt trời, quẻ Khảm là mặt trăng vậy. Mà theo lý Trinh Nguyên, Nguyên là ở nạp Giáp, tượng nạp Giáp, xuất phát từ Bát Quái. Cho nên Càn là cha, Khôn là mẹ, Chấn là trưởng nam, kế tiếp thần mau đen mà thành tượng Khôn. Khôn, ý giống như là Trinh vậy. Mùng ba ánh sáng có ba phần, nhất dương mới sinh, là tượng Chấn vậy. Chấn, là dấu hiệu của Nguyên vậy. Mùng 8 là trắng lưỡi liềm, là 6 phần ánh sáng, tượng là Đoài vậy. Đoài, lý giống như Hanh vậy. Ngày 18, trắng đủ mà giảm bớt ba phần, tượng là Tốn vậy, nghĩa giống như Lợi vậy. Là lấy đạo của Trinh Nguyên, lý là không tuân theo, cực thịnh đến suy, phủ cực đến Thái, cũng là ý này vậy. Xem ý nghĩa của chương này, không chỉ con người sinh ra trên đời, vận tốt thì thịnh, vận hung thì bại. Còn như sống thọ về sau, mà dựa vào hành vận, xem vận đến cát hung, mà cũng biết con cháu thịnh suy. Cho nên con người sau khi về cuối đời, mà gia nghiệp hưng thịnh, hậu vận tất nhiên là cát vậy; còn gia nghiệp suy bại, thì hậu vận tất nhiên là xấu vậy. Nói đến đây mặc dù có định đoạt của tạo hóa, kể ra là không thể trốn thoát được, làm người tất phải cần biết suy xét năm, mà dễ dàng kế thừa. Nếu xem có hậu vận tốt, là thân ta nhờ có tiền nhân để phúc lại; nếu thấy hậu vận không tốt thì cũng bằng lòng an phận, xoay chuyển tạo hóa. Nếu tổ tông phú quý, đương nhiên thì cử thuận lợi, con cháu hưởng phú quý, tức là bỏ quên thi thư vậy; nếu tổ tông gia nghiệp, tự thân cần kiệm được, con cháu hưởng gia nghiệp, tức là bỏ quên cần kiệm vậy, là liên quan đến chia cắt đất Phù Tang mà nhận chữ khắc trên gỗ, chưa có bản thảo, quyết là thủy ở Sông Vị, mà vào tại

vùng thấp Tứ Xuyên, đầu tiên không hề bị đục. Tại sao vậy? Vốn là không dựa vào tự nhiên, học giả cần suy nghĩ sâu xa vậy.

(Hết)